BIBLIOTECA NAZ.
XXIV*
C
14
NAPOLI

J. 14.

# CATHECHISMVS

Pro ijs, qui volunt ſuſcipere

# BAPTISMVM

In Octo dies diuiſus.

Phép giảng tám ngày cho kẻ muấn chịu phép rửa tọi, ma ꞗĕào đạo thánh đức Chúa blời

*Ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus*

Ab Alexandro de Rhodes è Societate IESV, eiuſdemque Sacræ Congregationis Miſsionario Apoſtolico.




ROMÆ, Typis Sacræ Congregationis de Propaganda Fide.

*Superiorum permiſſu.*

Goſſwinus Nickel Societatis IESV
Vicarius Generalis

*CVm Cathechiſmum Latinum, & Tunchinenſem à P. Alexandro de Rhodes noſtræ Societatis Sacerdote conſcriptum, aliquot noſtri Theologi recognouerint, & in lucem edi poſſe probauerint, facultatem facimus vt typis mandetur ſi ita videbitur ijs, ad quos ſpectat; cuius rei gratia has litteras manu noſtra ſubſcriptas, ſigilloq; noſtro munitas, damus Romæ 8. Iulij 1651.*

Goſſwinus Nickel.

*Imprimatur.*

F. Vincentius Cepolla Mag. & Socius R. P. Magiſtri Sacri Palatij Apoſtolici.

## CATHECHISMVS in octo dies diuiſus.

## Phép giảng tám ngày

### Dies Primus.

*SVppliciter petamus ab* a
*optimo Cœli Domino vt*
*adiuuet nos, ad hoc vt in-*
*telligamus probè legem Do-*
*mini* [b] *intelligendum au-* b
*tem ad hoc eſt neminem eſſe*
*in hoc ſęculo qui diù viuat,*
[c] *vix enim pertingitur ad* c
*ſeptuageſimum aut octo-*
*geſimum ætatis annum* [d] d
*quęrendus eſt igitur à no-*
*bis modus vt poſſimus diù*
*viuere,* [e] *hoc eſt, vitam* e
*ſempiternam adipiſci* [f] f
*hoc enim verè prudentis*
*eſt* [g] *cæteræ omnes huius* g
*mundi artes quamuis diui-*
*tijs acquirendis ſint aptæ,*
[h] *minimè tamen eripere* h
*nos poterunt ab ignobilitate & miſeria; quin tãdem in eam*
*inci.*

### Ngày thứ nhít.

a Ta cầu cữ đức Chúa
blời giúpſức cho
ta biét tỏ tuẳng đạo
Chúa là nhuẳng naò
b [b] vì ꞗậy ta phải hay ở
thế nẩy chẳng có ai ſóú
c lâu; [c] vì chưng kẻ
đến bảy tám mươi tuổi
d chẳng cò nhều. [d] vì
ꞗậy ta nên tìm đàng
nào cho ta đươc ſóú lâu,
e [e] là kièm bàng ſóú ꞗậy:
f [f] thật là việ người cuến
g tử. [g] khác phép thế
gian nẩy, dù mà làm
cho người được phú
h quí: [h] ſaú le chẳng làm.
được cho ta ngày ſau

*incidamus [i] quare minimè* i
*debemus legẽ Dei addiſcere*
*vt in hoc ſęculo ditemur:* [k] k
*prouectus enim Diuinæ legis*
*proprie pertinet ad futu-*
*rum ſæculum.* [l] *homines* l
*huius ſæculi benè norunt*
*quæ ſpectant ad pręſentem*
*vitam bona & mala :* [m] m
*rationem autẽ tranſeundi*
*feliciter per mortem ad*
*futurum ſæculum minimè*
*norunt.* [n] *Ad hoc autem* n
*intelligendum ſcire debe-*
*mus hominum genus com-*
*poni è duobus,* [o] *corpore* o
*ſcilicet atque anima.* [p] p
*corpus à Patre & Matre*
*habet, conſtans ex oſſibus,*
*ſanguine, & carne, quæ*
*ſunt corruptibilia.* [q] *ani-* q
*ma tamen eſt ſpiritualis,*
*incorruptibilis, & immor-*
*talis* [r] *a patre & matre* r
*originem minimè trahens,*
*ſed à ſuperiori principio.*
[ſ] *Anima eſt vt domina,* ſ
[t] *corpus verò tanquã ſer-* t
*uus aut famulus,* [u] *qui ani-* u
*ma inſeruire debet tanquã*
*Domino;* [x] *turpe namq; eſt* x
*famulã dominari,* [y] *& do-* y
*minam ancillari,* [z] *neque* z



khỏi lam tiểu nhin, khôn
i nạn. [i] Vì (bậy ta chẳng
phải haọc đạo cho ta
đươc phú quí ở thế
k nầy. [k] vì chưng ích
đạo thánh đức Chúa
l blời về đời ſau. [l] người
thế ſự đời nầy lành dữ
m thì hay : [m] mlẽ qua
đời nầy cho khi chết
đươc (bui (bể đời ſau
n thì chẳng hay. [n] cho
đươc biét đàng ấy,
tlước thi phải hay lŏài
o người ta có hai ſự: [o]
một là xác, hai là linh
p hồn: [p] xác bởi cha mẹ
mà ra, có xương, có
mấu, có thịt hay nát
q hay mòn. [q] ſaũ le linh
hồn là tính thieng chẳng
hay mòn chẳng hay nát,
r chẳng hay chết; [r] chẳng
phải bởi cha mẹ mà ra,
thật bởi bề tlên mà có.
ſ [ſ] linh hồn như chúa
t nhà, [t] xác như tôi tá,
u hay là đầi tớ, [u] vó thi
phải phục linh hồn như
x chúa, [x] vì chưng đầi tớ
cữ tói tá làm chúa nhà,
y [y] hay là chúa nhà làm
z tôi ta, thì lộn lạo [z] cữ

*eſt*

*eſt conforme rationi.* [a] *Itaque perpẽdamus cogitandumne prius pro famulo an pro Domino?* [b] *procul dubio negotiandum prius pro Domino,* [c] *poſtea cogitandum de famuli rebus, vt rationi congruus ordo ſit.* [d] *arare terram, mercaturam exercere & ſimilia ſunt negotia quæ perinent ad corpus.* [e] *ſunt arantes terram qui multam granorum copiam in horrea congregant,* [f] *& cùm ab hoc ſæculo migrant nihil ſecum deferre poſſunt è congregatis granis* [g] *ſunt qui frequentantes aulam regis magiſtratus gradum acceperunt,* [h] *at cum anima egredietur à corpore, omnia illis relinquenda ſunt, nihil omninò ſecum deferre poterunt.* [i] *eſt proloquium quando nati ſumus, ne terentium quidem in hunc mundum intulimus,* [k] *cùm moriemur ne obolum quidem deferre poterimus.* [l] *Cùmq; hoc nullus mortalium vitare poſſit,* [m] *ſacrã legem addiſcere debemus pro futuro ſæculo,* [n] *ad hoc vt in illo poſſi-*



chẳng phải mlẽ. [a] Saõ ta xét ta lo tlứơc cho đẫy tớ, hay là cho chúa nhà? [b] thật là ta làm tlứơc cho chúa nhà, [c] ſau lo cho đẫy tớ, thì mới phải. [d] cày ruộng, buôn bán, những việc thể ẽy là việc về xác. [e] có kẻ đi cày đi cấy, mà được lúa nhều tlaõ kho, [f] đen khi qua đời nẫy một nhám lúa đam đi cữ chẳng được. [g] cò kẻ đi hầu hạ chầu chức ꝺua Chúa, mà được làm quan; [h] đến khi linh hồn ra khỏi xác, những ſự ẽy thì phải bỏ, đam về chẳng được đi gì ſòt. [i] có mlời ràng; khi ſinh ra chẳng có đam một đoữ mà lại: [k] khi chết cữ chẳng có cầm một đoữ mà đi. [l] vì chưng người ta ở thế nây chẳng ai khói ſự ẽy, [m] thì phải hăọc đạo thánh về đời ſau, [n] cho ngày

*poſſimus in æternum viue-*
*re.* [o] *Ad hoc autem in-* o
*telligendum eſt prouerbium*
*apud vos commune cùm*
*dicitis,* [p] *hanc præſentem* p
*vitam eſſe tanquam ho-*
*ſpitium peregrinantium,*
*mortem verò eſſe reditum*
*ad patriam ſeu habitatio-*
*nem propriam.* [q] *Scien-* q
*dum tamen eſt in futuro*
*ſæculo duplicem eſſe habi-*
*tationem,* [r] *vnam opti-* r
*mam, alteram peſſimam,*
[ſ] *ſuperiorem ſcilicet & in-* ſ
*feriorem,* [t] *Paradiſum &* t
*infernum.* [u] *nam ſuper* u
*cælos eſt paradiſi domus,*
[x] *ad quam qui peruenit,* x
[y] *perfectam ſine fine bea-* y
*titudinem adipiſcitur,* [z] z
*hanc qui deſiderat priùs*
*inquirere debet, quiſnam*
[a] *ſit cæli, quod nos coope-* a
*rit, ſupremus conditor;* [b] b
*quis terræ, quæ nos ſuſti-*
*net, auctor;* [c] *quis rerum* c
*omnium, quibus ſuſtenta-*
*mus, creator.* [d] *interroga* d
*vt ſcias & colas, hæc eſt*
*via meriti.* [e] *Quiſquis in* e
*hoc regno vult magiſtratum adipiſci* [f] *frequentare debet* | f
*aulam Regis,* [g] *vel ſaltem debet ſoluta tributa* | g
*pœna*



ſau chúng tôi được ſoũ
o lâu vo cữ [o] cho biét ſự
ẽy tở tưẩnh, thì phải
dớ mlời đất An nam
p nẫy nới lien [p] ſoũ thì
gưởi, chết thì về: (nói
chữ ſinh là kí dã, tữ
q là qui dả) [q] ſaõ le thì
phải hay đời ſau có hai
r quê: [r] một là quê lành,
ſ hai là quê dữ, [ſ] quê
t tlên quê dưới, [t] thien
u đàng, địa ngŏục. [u] vì
chưng tlên blời thì có
x thien đàng: [x] ai đến
y được tlên ẽy, [y] thì
chịu hàng hàng ꞗui ꞗé
z ꞗậy [z] mà ai muốn ſự
ẽy tlước hết thì phải
a tìm, ai [a] ſinh ra blời
b che ta: [b] ai ſinh ra đất
c chở ta: [c] ai ſinh ra
muôn vật mà nuôi ta:
d [d] hỏi cho biét mà thờ
đẩy, ẽy là đang phúc.
e [e] ai nẩy ở nước An
nam nẩy, mà muốn cho
f được làm quan, [f] thì
phải đi háu hạ chầu
g chức ꞗua Chúa, [g] hay

*perſoluere, ne mulctetur pœna.*[h] *quicunque famulatur rebelli,*[i] *vel latrocinijs intentus ſeipſum tanquam magiſtratum conſtituit,*[k] *incidet in pœnam à Rege expoſcendam.*

[l] *Quicunque eſt intra regnum debet inquirere quiſnam ſit Rex, vt illum veneretur.*[m] *Quantò magis qui ſunt in hoc mundo tenentur inquirere,*[n] *quiſnam ſit verus cæli & terræ rerumque omnium creator & Dominus, vt illum colant.*

[o] *Rerum enim omnium Conditorem neceſſario debemus inquirere vt illum colamus,*[p] *ſic enim poterimus ad beatitudinem cæleſtem peruenire*[q] *quod ſi quis inquirere negligat, vt colat verum Dominum,*[r] *atque interim colat & veneretur diabolum,*[ſ] *perinde ſe habet atque ſi quis in hoc regno rebellis alicuius ſigna ſequatur.*[t] *Qui cœli Dominũ reueretur vt decet,*[u] *perueniet ad cœli regiam cum Domino cœli;*[x] *at qui*



là chịu việc tiền năm quí thuế, thì mới khói vạ.[h] ai làm tôi ngụy giặc;[i] hay là tlộm cướp, xưng mềnh là quan,[k] thì có vạ cữ ꞗua Chúa.

[l] Những kẻ ở tlaõ nước, thì phải hói cho biét, ai làm ꞗua Chúa, mà kính đấy.[m] huống lọ người ở thế nầy thì phải tìm cho biét được,[n] ai làm Chúa thật, đã ſinh nên blời, đất, muòn vật, mà thờ đấy.

[o] Vì chưng ta phải hói cho biét, ai ſinh ra mọi ſự, mà thờ đấy, cho nên[p] ꞗây thì ta mới được lên tlên thien đàng, ꞗui ꞗé vô cữ.

[q] Ví báng chẳng hỏi cho biét thật Chúa là ai mà thờ đấy,[r] lại đi thờ ma khẩn quỉ,[ſ] thì cữ như người ở tlaõ nước nầy, mà đi làm tôi ngụy.

[t] ai thờ đức Chúa blời cho nên,[u] thi được lên tlên thien đàng cữ đức Chúa blời:[x] ai thờ

*dæmonē colit cum dæmone*
*erit; & vbi eſt dæmon?* [y] y
*proculdubio in inferno eſt*
*dæmon tanquam in propria*
*domo;*[z] *& infernus vbi eſt?* z
*in centro terræ ſcilicet in*
*carcere quem condidit* [a] *cæ-* a
*li Dominus ad puniendum*
*reos.* [b] *vulgùs vocat*, am b
phu, *ſatis aptè, quia te-*
*nebrarum locus eſt,* [c] *ne* c
*exiſtimet quiſpiam in in-*
*ferno nundinas eſſe* [d] *aut* d
*cãpos ad ſeminandũ, vt in*
*hoc ſæculo.* [e] *In carceri-* e
*bus huius mundi, in quibus*
*à Regibus plectuntur rei,*
[f] *quid inuenies niſi cate-* f
*nas, compedes, virgas, &*
*his ſimilia;* [g] *qui ibi de-* g
*tinentur, nunquid poſſunt*
*facere quod libuerit?* [h] h
*Quantò minus qui ſunt in*
*carcere inferni detēti,* [i] *ſul-* i
*phureum enim ibi patiun-*
*tur ignem in æternum,* [k] k
*miſerijs ſempiternis addi-*
*cti, abſque vlla euadendi*
*ſpe.* [l] *Ergo debemus appli-* l
*care animũ ad legē,*[m] *quia* m
*lex eſt via ad veram pa-*
*triã ducens:*[n] *via deſcendē-* n
*di facilis eſt,* [o] *ede bibe* o



ma quỉ, thì đến ở cữ
ma quỉ: ſaő le ma quỉ
y ở đau? [y] thật là mà quỉ
ở tlaő địa ngŏục là nhà
z nó. [z] địa ngŏục ở đau?
thật ở tlaő đất nẩy, là
a tù rạc [a] đức Chúa blời
hŏá ra mà phạt kẻ dữ.
b [b] thế gian gọi là âm phủ
thì phải, vì chưng là nơi
c tối tam mù mịt. [c] chớ
ngờ dưới âm phủ có
d buân bán, [d] có ruộng
nương cày cấy, như
e thế gian nẩy đâu. [e] tlaő
tù rạc nước nẩy ꞗua
f Chúa bắt kẻ có tội, [f] tlaő
ẻy có thấy những đòi
tói, cồm, tlang, roi đánh,
g [g] nao có ai ꞗảo cấm
tlaő ẻy muốn làm ſao
thì được làm ꞗậy ru?
h [h] huống lọ là kẻ ở tlaő
i địa ngŏục, [i] ꞗậy thì
chịu những lửa ſinh lửa
diem, đời đời kiếp kiếp,
k [k] mà khốn nạn vô cữ,
khói chẳng được nửa.
l [l] vì ꞗậy thì ta phải hăọc
m đạo, [m] vì đạo là đàng
n về quê thật. [n] đàng
o xuống thì dễ, [o] ăn, uống,
chơi boi, làm những
*lude,*

lude, totum corpori te impende. [p] via aſcendendi difficilis, [q] oportet enim bonitatem & veritatem amplecti, [r] animaque præcipuam curam impendere; [ſ] Quare lex vera neceſſariò rationi debet eſſe conformis: [t] ſi rationem ducem in noſtris operibus ſequuti fuerimus meritum conſequemur: [u] ſi verò à ratione deflexerimus in peccatum incidimus. [x] ſcriptum eſt apud Annamitas prouerbium: [y] firmis funibus ligantur bubalorum cornua, [z] at firmis rationibus hominum corda trahuntur. [a] quod ſi apud Annamitas datur lex rationi congrua, [b] non eſt opus vt illam alibi è terris ſcilicet remotiſſimis maximo labore quærant: [c] duæ autem cōmuniter apud Annamitas cultus ſeu legis partes reperiuntur, [d] prima eſt quæ cœlum vt rerum principiū colit: [e] ſecunda idolo primas confert, [f] agamus nunc de cœlo, poſtea ſuo loco de idolo agemus.



viec xác; [p] đàng lên thì khó, [q] phải ó hiền lành ngay thật [r] lo viec linh hồn tlước hết [ſ] vì bây đạo thật là đạo lí, là đạo phải mlẽ. [t] phải mlẽ ta làm thì có phúc, [u] chẳng phải mlẽ ta làm thì có phạm tội. [x] có chữ tlaõ ſách An nam ràng (kien thàng khả kễ ngơu giác lí ngư nang phúc nhin tâm) [y] dêy bền khá buọc được ſừng tlâu, [z] mlẽ thật khá phục được lòõ người ta. [a] bì bàng nước An nam có đạo nào phải mlẽ, [b] đi tìm về bới nước khác xa làm chi mà khó lòõ. [c] tlaõ nước An nam thường lê thì có hai phàn đạo: [d] một là lêy blời làm côi rễ mọi ſự mà thờ đấy: [e] hai là lêy bụt làm tlước. [f] bay giờ ta xét ſự blời, khi khác thì ta sẽ xét sự bụt.

[g] Tlaõ đại minh có mlời rang (thien phú địa tái)

[g] Eſt cōmune apud Sinenſes proloquiū: [g]



[h] cœlum

[h] *cælũ operit, terra ſuſtinet: [i] ergo cælum eſt domus, terra verò ipſius domus pauimentum: [k] omnis autem domus neceſſariò debet habere factorem, aut dominum [l] ergo & cæli neceſſariò datur Dominus & conditor. [m] eſt etiam aliud Sinenſium dictum: [n] olim factum eſt cælum & creata eſt terra. [o] & ſunt qui adorant cælum, vouent cælo, [p] iudiciumq; cælo tribuunt, vitam quoq; & mortem eſſe in poteſtate cæli? [q] cur igitur in libris Confuſij, ſupremi Sinenſium doctoris habetur [r] mulierem, quam Ŏa dicunt, lapidem capiti ſuo impoſuiſſe ac cælum reſarciſſe: [s] ergo multò magis neceſſe eſt vt detur cæli conditor. [t] certè palatium quodlibet aut domus debet habere architectum qui illam perficiat. [u] quilibet homo, qui naſcitur de nouo patrem & matrẽ neceſſariò habet, [x] quantò magis cælum & terra primum debent habere conditorem & dominum. [y] Quod*



[h] blời chê đất chở: [i] ꞗậy thì blời là nhà, đất là nền: [k] hễ là nhà nào thì có kẻ làm nên mà mới nên, cũ có chúa nhà mà chớ; [l] vì ꞗậy thì có blới, cũ cò thật Chúa blời, làm nên blời mà chớ. [m] lại có đại minh ràng (từ tạo thien lợp địa) [n] xưa dựng blời dựng đất. [o] mà ſao có kẻ thờ blời, khấn blời; [p] nói blời phán xét, mà ràng, ſoũ chết ở blời. [q] vì ſao tlaõ ſãch oũ khoũ, nước ngô gọi là thánh, ràng (nữ ŏa phụ thạch bổ thien) [r] đấn bà gọi là ŏa đội đá ꞗá blời. [s] huống lọ thì thật có ai ſinh nên blời. [t] đền đài cửa nhà ắt có thợ kheó làm cho nên. [u] người naò mới đẻ ra, thì thật cò cha mẹ ſinh đẻ mà chớ. [x] huống lọ blời đất thì thật có chúa thước làm cho nên ſau thì mới nên, mới có. [y] ꞗí bàng

ſi

*ſi non datur ſupremus*
*mundi huius creator ,* [z] z
*quis tandem cœlum &*
*terram totamque hanc*
*mundi viſibilis machinam*
*regit ac gubernat ,* [a] *vt* a
*poſſimus in illa manere &*
*viuere ?* [b] *procul dubio da-* b
*tur cœli & terræ omnium-*
*que rerum creator & Do-*
*minus .*
[c] *Sunt qui dicunt , niſi* c
*cælum venerati fuerimus ,*
[d] *cœlum verò nos fulmi-* d
*ne ſuo tetigerit , quomodo*
*euademus ?* [e] *At falluntur* e
*cælum enim neminem ful-*
*mine percutere poteſt ,* [f] *ſed* f
*ſolus Cœli Dominus ,* [g] *dici* g
*etiam ſolet , tormentum*
*bellicum demolitur arcem:*
[h] *verè tamen tormentum* h
*bellicum ex ſe nihil omni-*
*nò demoliri poteſt ,* [i] *etiãſi* i
*quis cubet ad bellici tor-*
*menti os per totam vitam ,*
*nihil omninò patietur ,* [k] k
*niſi fuerit , qui puluerem*
*tormentarium cum globo*
*ferreo in tormentum bel-*
*licum immittat ,* [l] *ignemque adhibeat .* [m] *Origo cur* l m
*homines cœlo reuerentiam atque adorationem adhi-*
*buerint hinc videtur cœpiſſe ,* [n] *quod in litera Si-* n
*nenſi*



chẳng có ai đấu hết mà
z hŏá ra blờ̆i đất nấy , [z]
thì ai giữ gìn blờ̆i đất
a cữ thể giái nẫy [a] chó ta
b ở được mà ſóũ ? [b] vì
ꞗậy thật thì có Chúa
làm ra blờ̆i đất muấn
vật mà chớ .
c [c] Có kẻ thì nói ràng, ꞗí
bàng ta chẳng thờ blờ̆i,
d [d] mà blờ̆i lẩy sấm sét
đánh ta hàu làm ſao cho
e khỏ̆i ? [e] ẩy là lo quéi ,
nào blờ̆i có đành được
f ai đâu ? [f] có một đức
Chúa blờ̆i đánh được
g mà chớ . [g] cữ có kẻ nói
ràng sũ bán phá thành,
h [h] ſaõ le sũ từ nhien
chẳng có phá được đi
i gì : [i] dẫu mà ai nằm ở
khẩu sũ thì một đờ̆i,
cữ chẳng có phải nao :
k [k] có người tla đạn, tla
l thuóc ꞗào, [l] mà lẩy lửa
bẫn thì mới chết mà
m chớ . [m] người ta lạy
blờ̆i, kính blờ̆i bởi đay
n mà ra quéi quá ꞗậi. [n] vì

*nenſi decepti fuerint, character enim qui cœlum ſignificat, [o] reſoluitur in duas literas, [p] primum ſcilicet, & magnum. [q] at quidnam tandem eſt iſtud primum magnum [r] niſi ſupremus cœli rerumq; omnium Creator & Dominus [ſ] & primus & magnus: [t] quem colere ac venerari debemus omnes, [u] ſicut recta ratio dictat, [x] non autem cœlum quod eſt inſenſata domus.*

*[y] Non deſunt alij qui obijciant; [z] cœlum inquiunt, cooperit nos, terra verò ſuſtentat, cur non igitur adoremus? [a] Quaſi verò ſi quis domum alicuius ingrediatur in qua omnia ad edendum parata reperit, [b] poſtquam ederit & biberit, ac requieuerit, [c] nunquid domui gratias agit, vel potius Domino domus, [d] quamuis eum non videat, qui hæc omnia illi parauit? [e] certè ſi quis domui ipſi gratias agat non domus Domino procul dubio inſipiens eſt. [f] ſic igitur de cælo & terra dicendum eſt, [g] ſi quis enim adorat*



chưng tlaõ chữ ngô có chữ thien là blời, [o] giải thì có hai chữ, [p] một là chữ nhít, hai là chữ đại nghĩa là một cả. [q] ſaõ le ai là một cả, [r] ắt là đức Chúa blời ſinh ra blời đất muân vật, [ſ] thật là một cả: [t] cả và loài người ta thì phải thờ kính đấy, [u] ấy là phải mlẽ. [x] blời là nhà chẳng biết đi gì, thờ thì chẳng phải mlẽ đâu.

[y] Cũ có ké nói ràng (thien phú địa tái) [z] blời che ta, đết chở ta: mà ſao ta chẳng lay. [a] vì bàng có ꞗào nhà ai, mà coi tháy đã dọn mọi ſự ăn tlaõ éy, [b] an ũấng nghỉ ngơi đoạn: [c] có giã nhà, hay là giã chúa nhà? [d] dù mà chẳng tháy chúa nhà dọn mọi vật éi cho, [e] ví bàng có ai giã nhà, má chẳng giã Chúa nhà, thật là dại mà chớ. [f] ſự blời đết thì cũ ꞗệy, [g] nếu có ai lạy

cælum

*cœlum , rationis non videtur capax , [h] neque nouit rationem cœlorum.[i] ſed mitiùs interpretandus videtur hic loquendi modus; [k] cùm enim aliqui dicunt: adoramus cœlum , [l] compendioſè loqui videntur : ſicuti cum quis dicit domus magna præcipit hoc vel illud : [n] magna illa domus nihil aliud ſignificat , niſi præpotentem Dominum illius magnæ domus , [o] nempe Regem aut Principem , qui hoc aut illud præcipit . [p] Quod ſi quis audiens nomen magnæ domus , inuocet ipſammet domum ſpreto eius Domino atque dicat . [q] Ego reuerentiam exhibeo quatuor partibus huius domus , vt magiſtratus gradum adipiſcar , [r] poterit ne illum ſic adipiſci ? [ſ] Aliud eſt domus , aliud verò illius Dominus . [t] Sic aliud eſt cœlum , aliud verò cœli Dominus : [u] ſicuti enim domus eſt quid inanime ſine intellectu , [x] ſic & cœlum eſt quid materiale & merè corporeum ratione atque intelligentia carens. [y] Ergo nullo modo*



blời thì chẳng biét mlẽ, [h] cữ chẳng thoű thien van: [i] laő le thì phải giảng cách mlời nói nẩy cho phải mlẽ: [k] khi có kẻ nói ràng, lạy blời, [l] thì nói tắt ꞗêy: [m] như thể khi nói ràng, nhà cả khiến ſự nọ ſự kia: [n] nhà cả là chúa nhà cả éy, có phép khiến mà chớ: [o] như thể ꞗua Chúa, quan cuyèn, khiến ſự nọ ſự kia: [p] nếu có ai nghe tháy tên nhà cả kêu nhà ểy, mà chẳng dìn chúa nhà, nói ràng: [q] tôi lạy bốn phương nhà nẩy, cho tôi được làm quan. [r] được làm ꞗẹy chức éy rử? [ſ] Nhà thì khác, chúa nhà thì khác: [t] blời thì khác, Chúa blời thì khác. [u] như thể nhà là vật chẳng biét đều gì, [x] blời cữ ꞗệy những xác khoű, chẳng biét đi gì, chẳng thoű mlẽ gì sốt. [y] Vì ꞗệy chẳng nên thờ blời, chẳng khá lạy blời,

*conuenit cœlo reuerentiam aut adorationem exhibere, ſed Domino cœli. [z] Quare in communi loquendi modo cum vulgus dicit: Adoro cœlum: deeſt illi loquendi modo vna litera quæ Dominum ſignificat, addenda igitur eſt, [a] & deinceps dicendum: Adoro ſupremum cœli Dominum.*

*[b] Quod ſi cœlum adorare non conuenit quantò minus licebit adorare terram, [c] quam pedibus calcamus, omnia immunda in illius faciem conijcimus, [d] imò & illam aratro proſcindimus, puteoſque & foueas in illa ad libitum aperimus, abſque eo quod vnquam illa conqueratur, [e] quia ſcilicet eſt inſenſibile quid, & inanimatum. [f] Ergo terram minimè adorare debemus, [g] ſed ſolum verum cœli & terræ conditorem & Dominum. [h] Supereſſet dicendum an idola cultum & adorationem mereantur nec ne? [i] at cum idola ſint cœlo longe poſteriora, [k] nempe Thicca idololorum*



lạy đức Chúa blời, thờ đức Chúa blời thì mới phải. [z] nhin vì ſự ếy khi thế gian nói ràng, lạy blời, thì thiếu một chữ Chúa, vì ꞗậy thì phải thêm đơm chữ ếy: [a] mà từ này về ſau nói làm ꞗậy. tôi lạy đức Chúa blời, là Chúa cả tlên hết mọi ſự.

[b] Người ta chẳng nên lạy blời, huống lọ là lạy đất thì chẳng khá: [c] vì chưng đất ở dưới chân ta, mọi ſự dơ dáy ta bó tlên mặt đất: [d] lại ta lấy cày sát mở đất mạc ta, lấy mai đào đất làm giếng làm lỗ mạc ta, mà đất chẳng có kêu làm ſao: [e] vì chưng đất chẳng ſoũ chẳng biết điều gì. [f] Vì ꞗậy ta chẳng nên lạy đất. [g] ta nên lấy một Chúa blời đất là Chúa thật hoá ra blời đất mà chớ. [h] hãy còn mlời nói, ta nên lạy bụt chăng? [i] ſaõ le blời thì tlước, bụt thì ſau, [k] vì chưng

*lorum Sinenſium caput , [l] poſt tria circiter annorum* l
*millia ab orbe condito : [m]* m
*priùs agendum de rerum omnium primo conditore ac fonte Deo : [n] tum de ipſa* n
*totius mundi creatione , [o]* o
*ac temporum ſucceſſu ad tempora vſque Thicca : [p]* p
*poſtea videndum an illum debeamus colere necne [q] ſi* q
*enim fuerit rationi conſonum faciendum erit , ſin minus , minimè . [r] hic ſo-* r
*lum notandum tres gradus ſuperiorum ſeu Patrum venerationem à nobis & reuerentiam exigere iuxtà ſuum gradum : [ſ] infimum* ſ
*gradum obtinent Pater & Mater carnis noſtræ : [t] me-* t
*dium vero Rex guberna-cula regni temens : [u] ſupre-* u
*mum denique Dominus cæli & terræ vt rerum omniũ ſupremus ac verus Dominus . [x] ab his tribus gra-* x
*dibus ſuo modo vita noſtra dependet . [y] à patre nam-* y
*que & matre caro noſtra originem trabit per generationem, à qua ſolum corpus noſtrum habet eſſe , [z] non* z



Thíc ca làm cội rễ bụt
l Ngô, [l] mà ſinh ra đã có blời tlước ba nghìn
m nam do . [m] vì ꞗệy ta giảng tlước ſự đức Chúa blời, là cội rễ đầu
n mọi ſự: [n] ſau thì ta giảng ſự blời đết muân vật
o bởi đâu mà có , [o] cũ ſự người ta ở thế này cho
p đến Thíc ca ſinh ra ; [p] đoạn thì phải xét, nên
q thờ Thíc ca chang? [q] có phải mlẽ thì phải làm,
r chẳng phải thì chớ. [r] bay giờ ta phải hay có ba đứng bề tlên, gọi là ba cha , ta phải thờ , ở đứng nào , cho nên
ſ đứng ấy. [ſ] đứng dưới là cha mẹ ſinh thân xác
t cho ta : [t] đứng giữa là
u ꞗua Chúa trị nước: [u] đứng tlên là đức Chúa blời đết, làm Chúa thật
x tlên hết mọi ſự : [x] có ba đứng nẩy ta mới được
y ſóũ, được ở. [y] vì chưng ta có cha mẹ thì mới được rhân xàc thịt nẩy
z ſinh ra mà chớ : [z] ſaŏ le linh hồn ta chẳng phải bởi cha mẹ mà ra đâu.

 *autem*

*autem anima noſtra.* [a] *matri debemus quod per nouem aut decem menſes nos in vtero geſtauerit,* [b] *& ſummo labore pepererit, tribus verò annis lacte nutriuerit, aliaque edulia in os infuderit,* [c] *interdum etiam è proprio ore cibum abſtraxerit mater vt filio daret,* [d] *amarum quandoque ſumens edulium, vt ſuaue relinqueret filio,* [e] *fortè etiam aliquando in loco cubans humido vt ſiccum relinquat infanti:* [f] *Pater verò poſtquam genuit filium, cogitat qua ratione illum educet,* [g] *atque ideò interdum diù noctuque vigilat,* [h] *hoc aut illud officium exercet, hùc illùcque diſcurrit,* [i] *ſcilicet vt neceſſaria filijs alimenta conquirat.* [k] *certe venerationem parentibus debent filij vt rationi valde conſonam* [l] *Quod ſi quis reuerentiam parentibus vel obedientiã denegauerit* [m] *procul dubio magni criminis reus erit.* [n] *Rex etiam totius regni, ſubditorũque vocatur Pater,* [o] *ſine quo regnum pacificè*



[a] ta chịu ơn mẹ vì có chịu thai, mà ta ở tlaổ laổ mẹ chín thàng mười ngày, [b] chịu khốn khó mà đẻ ta, đoạn ba nam bú mờm: [c] có khi thì mẹ cất của miệng mình mà cho con ăn: [d] cũ có khi mẹ ăn miếng đắng, mà miếng ngon để dành cho con ăn: [e] lại có khi mẹ nằm chốn ướt, mà chốn ráo để cho con nằm. [f] Cha đẻ con đoạn thì lo việc nuoi nếng, [g] vì ꞗệy có khi thì cha thức ſớm chẳng ngũ, [h] mà làm nghề nọ nghề kia, chạy xuôi chạy ngược, [i] kiếm của mà nuoi con. [k] thật con thảo kính cha mẹ thì thậm phải, [l] ví bằng có ai chẳng thảo kính, chẳng khứng ꞗưng phép cha mẹ, [m] thật thí có tội trạo.

[n] Bua Chúa cũ gọi là cha cả và nước, cú cấc dến: [o] chẳng có ꞗua Chúa, thì nước ở an lành

*cificè permanere non poteſt; [p] ideò enim Rex re-* p
*gnum obtinet, vt ſubditos*
*faciat tranquilla pace frui,*
*[q] quod facit, tum cuſtodiē-* q
*do regnum, [r] ne inimici ab* r
*extra irrumpentes pacem*
*perturbent vaſtando re-*
*gnum: [ſ] tum etiam curan-* ſ
*do intra regnum [t] vt ſub-* t
*diti præcipui pacem inter*
*ſe cuſtodiant, [u] inferiores* u
*verò amicitiam inuicem*
*& communicationem ſe-*
*ctentur. [x] Si non eſſet qui* x
*regnum moderaretur vel*
*vno die, [y] multa procul* y
*dubio orirentur incommo-*
*da, quæ ſtatim ſubditorum*
*pacem perturbarent: [z] ma-* z
*iores in regno Regem iu-*
*uant in adminiſtratione*
*regni: [a] inferiores ſubdi-* a
*diti tributa ſoluunt ad*
*eumdem finem. [b] Quare* b
*omnes in regno Regem ve-*
*nerari tenentur: [c] quod ſi* c
*quis intra regnum rebelli*
*alicui adhæreret procul du-*
*bio magna pœna dignus*
*eſſet. [d] Supereſt ſupremus* d
*rerum omnium Pater ac*
*Dominus, [e] cœli videlicet ac terræ, totiuſque vni-* e



p chẳng được: [p] vì chưng
ꞗua Chúa trị nước cho
dên ở được an lành.
q [q] vì ꞗệy ꞗua Chúa thì
r giữ nước, [r] và cho kẻo
giạc bề ngoài phá nước
ſ làm khốn dên [ſ] ſau thì
t ſửa tlaõ nước, [t] làm
cho đại thần hòa thoận
u cữ nhau [u] và tiểu dên
yeu đang thoú việc cữ
x nhau nữa. [x] Ví bàng
chẳng có ꞗua Chúa ſửa
y nước một ngày, [y] thạt
là có ra những ſự laó
daó, hỗn hào tlaõ dên
z mà chớ. [z] đại thần tlaõ
nước côên tử thì giúp
ꞗua Chúa trị nhạm ſửa
a nước. [a] tiểu nhin thì ra
tiền năm tiền qúi giúp
b việc ꞗua Chúa nữa. [b]
Vì ꞗệy hễ là kẻ ở tlaõ
nước thì phải kính dái
c ꞗua Chúa. [c] ví bàng có
ai tlaõ nước mà theo
ngụy thì chịu phạt đã
d đáng. [d] hãy còn cha cả
là Chúa cả tlên hết mọi
e ſự: [e] đã hóá nên và giữ
gìn blời đết muân vật

 *uerſi*

*uerſi creator: [f] quis vn- f*
*quam rationis compos du-*
*bitauerit ſupremum illi à*
*nobis deberi cultum?[g] Cùm g*
*enim ab initio nondum*
*eſſet cælum & terra aut*
*quidquam aliud creatum,*
*[h] ipſeque ſibi ſolus ſufficeret h*
*[i] celum tamen & terram ex i*
*nihilo creauerit,[k] & vni- k*
*uerſa quæ cœli ambitu con-*
*tinentur, produxerit; [l] in l*
*cælo ſolem, lunam, & ſtel-*
*las fecit vt lumen videre*
*poſſimus, [m] nam ſine luce m*
*qua ratione viuere potera-*
*mus? [n] In inferioribus ve- n*
*rò produxit animantia,*
*flores fructus arbores atque*
*herbas ad paſcendum nos:*
*[o] produxit etiam ligna, o*
*aquam ignem, aërem, vni-*
*uerſaque elementa in vſum*
*ſcilicet noſtrum: [p] quod ſi p*
*verbi cauſa deeſſet nobis*
*pluuia vel ſol qua ratione*
*viuere poſſemus? [q] Cœlum q*
*igitur & terra atque om-*
*nia quæ ſunt in mundo, ab*
*vno Deo Optimo Maximo*
*habent originem. [r] pro om- r*
*nibus igitur ſupremo Patri*
*ac bonorum omnium largi-*



f cữ hết mọi ſự. [f] naò cồ
ai hồ nghi mà chẳng chịu
thờ phượng đấy tlên
hết mọi ſự, mà chẳng
g dại ru? [g] khŏở xưa khi
chưa có blời, chưa có
h đết, chưa có đi gì. [h] mà
đã có một đúc Chúa
blời thinh nhàn ꞗụi ꞗẻ
ꞗệy chẳng có thiéu gì
i ſột.[i] mới ſinh ra blời ſinh
k ra đết, [k] lại hŏá ra mọi
l ſự ở tlaŏ blời nầy nữa. [l]
tlên blời thì hŏá ra mặt
blời mặt blang, cữ ngoi
m ſao cho ta được ſáng.[m] ví
bàng chẳng có ſáng, ta
n ở làm ſao được? [n] duới
hạ giái nầy thì ſinh ra
muâng chim cầm thú, hŏa
quả, cây côi, rau cỏ cho
o ta được ăn. [o] cữ có làm
nên gỗ, nước, lửả gió
cữ các kì ſự cho ta dữ
p [p] ví bàng thien hạ chẳng
có mưa chẳng có náng ta
q ſoũ làm chi được?[q] thạt
blời đết cữ mọi ſự ở tlaŏ
thé giái nầy bởi một đức
Chua blời roũ rãi vô cữ
r mà có. [r] vì ꞗệy ta cám
ơn đức Chúa blời là
cha cả chúng tôi, và thờ

*tori*

*tori Deo gratias agere ac ſupremū debemus exhibere cultum.* [f] *quamuis aliqui literarum ac librorum non ita periti dicant,* [t] *nihil in libris ſinenſium inueniri niſi cultum cæli, omninò falluntur:* [u] *nam expr ſſè in multis locis tum confusÿ usm aliorum præcipitur cultu Regis ſuperni,* [x] *qui procul dubio poteſt intelligi rerum omnium ſopremus Rex ac Dominus ſupremus ues Reges ac Dominos.* [y] *& quamuis in Sinenſium libris nihil de ſupremo cæli conditore haberetur, nihil intereſſet:* [z] *ſignatum enim eſt in cordibus noſtris lumen hoc, vt intelligere debeamus* [a] *dari verè hunc ſupremum Patrem rerum omnium conditorem, vt illæ poſſint eſſe.* [b] *Atque ideò in principio anni Tunchinēſis Rex egreditur maxima pompa,* [c] *comitantibus totius regni proceribus, & multa militum frequentia, vt Regi ſuperno litet in campo vaſtiſſimo* [d] *poſtquam verò Rex Tunchi-*



phượng đếy tlên hết, mọi ſự thì thậm phải. [f] Dù mà có kẻ chẳng hay chữ đại minh mấy, mà nóy ràng, [t] tlaố sắch đại minh hay một khien thờ blời, thì chẳng thoú kinh sắch [u] vì chưng tlaố kinh ſách oú khóú, và tlaố ſách khác khien thờ thượng đế, [x] ắt thạt thượng đê là một đức Chúa blời, làm ꞗua Chúa cả tlên hết mọi, ſự, cũ tlên hết mọi ꞗua Chúa. [y] lại ví bàng tlaố sắch ngo chẳng có nói đên ſự đúc Chúa blời là cha cả ſinh ra mọi ſự, cũ chẳng có phải nao. [z] vì chưng đã có mlẽ ſáng tlaố lào chúng tôi thì phải ſuy mlẽ này, [a] thạt có cha cả là Chúa cả hóá ra mọi ſự, thì mới nên mọi ſự. [b] Nhin vì ſự éy thì đầu nam ꞗua Chúa An nam làm phép cả, [c] có đại thần cả và nước và cōên cōấc đêù cũ thien hạ đi cứ, ra giao ma tế thượng đê [d] đên khi ꞗua Chúa đã

*nenſis*

*nenſis ſupremum cæli Dominum ſeu Regem ſupernum adorauit, [e] tum primores & optimates regni, [f] totuſque populus ipſi Regi publicè reuerentiam exhibent; [g] tum poſtea vnuſquiſque domum reuerſus Patrem & Matrem maioreſque veneratur; [h] in quo apparet qua ratione natura ſcilicet ipſa duce tres diuerſorum Patrum gradus Tunchinenſes venerentur quamuis non ita clarè norint, [i] ſupremum ſcilicet Patrem verè ſupernum Regem [k] cui Rex ipſe in preſentia totius populi ac procerum Sacrificium offert, [l] loco ſcilicet omnium ſubditorum, qui comitantes Regem ſuum in illo Sacrificio, [m] ſimul etiã cum illo ſupremum Regem rerum omnium & conditorem, quem ignorant, taciti venerãtur, qui eſt ſupremus omnium pater, [n] quo peracto Sacrificio duces omnes & optimates cum vniuerſo populo ſuum regẽ venerãtur per ſolitã totius corporis proſtrationem, [o] illum procul dubio*



té thương đế đoạn, [e] thì đại thần cũ ké cả tlaõ nước, [f] cũ cả và thien hạ thì mới lạy ꞗua Chúa tlước mạt dền. [g] thoi đoạn ai nẻi thì về nhà mà lạy cha mẹ cũ kẻ bề tlên mình oũ bà oũ vải. [h] tlaõ việc nẫy ta xét được người An nam lẽy mlẽ mình mà thờ ba đứng cha, dù mà chưa biét tỏ tưàng. [i] thứ nhít là thương phụ, thạt là thương đế. [k] mà ꞗua Chúa An nam tế thương đế tlước mạt thien hạ cũ đại thần. [l] thay vì các dên ở chẫu ꞗua Chúa khi làm việc [m] mà các dên ở đẽy, dù mà chẳng biét, mà đứng lạng, cũ thờ thương đế, là cha cả tlên hết mọi ſự, heo ꞗua Chúa ꞗệy. [n] làm việc té thương đế đoạn thì kẻ cả tlaõ nước đài thần cũ các dên thì kính ꞗua Chúa mà lạy xuẫng như thói An nam. [o] ẽy là thạt

*vt*

*vt ſecundum totius regni patrem colunt.* p *Denique cum vnuſquiſque domum reuerſus Patrem & Matrem maioreſque veneratur,* q *tertium gradum atque infimum paternitatis natura ipſa rationequę duce profitetur.*

r *Iuxtà tres hos Patrum natura duce cognitorũ gradus ſunt etiam tria præmiorum ac ſupliciorum genera:* ſ *ſi enim quis genuerit probum præceptiſque Patris obedientem filium: præmio illum Pater afficit, bona ſua illi largiendo:* u *ſi verò filium genuerit duræ ceruicis patriſque dictis minimè obſequentem,* x *illum punit & flagellat,* y *tandemque incorrigibilem domo pellit, boniſque paternis priuat;* z *ſed ſicuti non poteſt obſequenti filio dignitates publicas magiſtratumue conferre pater aut mater:* a *ſic neque inobedientem poteſt plectere capite,* b *quod ſi faceret criminis eſſet reus.* c *At verò Rex ſubditos ſuos obſequentes non ſolùm præmijs*



kính lạy trũ phụ cả và
p nước, là ꞗua Chúa p ſau
hết khi ai nếy về nhà mà
lạy cha mẹ oũ bà oũ vải;
q q bởi vì có mlẽ ở tlaõ lòõ
mình đềại kính phụ thứ
ba, là chức dưới ꞗệy.
r r Như có ba đứng cha, tự
nhien hay biét cữ có ba
ſ đứng thưởng phạt, ſ vì
chưng cha nào ſinh đẻ
con lành có ꞗưng mlời
t cha, t thì cha thưởng cho
u của cải mình: u ví bàng
cha ſinh đẻ con kứng cổ
x chảng nghe mlời cha, x thì
cha phạt, lẽy roi mà đánh
y y ví bàng con chảng chừa
lâu thì cha cữ xua đi, má
z chảng cho của mềnh. z
ſaõ le dù mà cha mẹ nào
có con hièn lành ꞗưng
phép, cho con mình làm
quan thì chảng được.
a a mà cha mẹ nào có con
dú mà chảng nghe mlời
thì cữ đánh chết chảng
b được: b có đanh chết
c thì có vạ. c ſaõ le ꞗua
Chúa có dên ꞗưng phép
chảng nhửng là thưởng

*præmijs poteſt afficere pecunias illis largiendo, atq; alia bona, quæ poſſunt conferre parentes,* [d] *vt domos aut agros, & multo plura:* [e] *ſed etiam poteſt conferre dignitates & magiſtratus iuxta cuiuſque meritum:* [f] *ſic etiam rebelles legibuſque regni aduerſos* [g] *punire poteſt* [h] *non ſolum priuatione bonorum ſed etiam pœna capitis.*

[i] *ſupremus verò Pater, ac rerum omnium factor & Dominus eſt ſupremus iudex,* [k] *nam legi Dei obſequentes non ſolum poteſt temporalibus præmijs præſentis vitæ afficere,* [l] *ſed etiam æternis in futuro ſęculo:* [m] *ſic è contra qui cultum Deo debitum negant,* [n] *illum diabolo exhibentes aut alijs creaturis,* [o] *poteſt Deus plectere in hac vita, tum bonorum amiſſione temporalium,* [p] *aut etiam iactura ſanitatis, & ipſa etiam corporali vita priuare;* [q] *ſed præterea ſupplicijs æternis in infernum detrudere puniendos.*

mà cho tiền bạc của cải như cha mẹ, [d] và kửa nhà ruộng nương hơn cha mẹ nữa. [e] mà lại cho làm quan cuyền bàng coú dên thì cứ đươc. [f] ví bàng ai làm nguỵ chẳng ꞗưng lẻ lốẹt tlaố nước [g] ꞗua Chúa thì phạt đươc [h] chẳng lọ là cất của, mà lại chém giết.

[i] ắt thật thượng phụ là cha cả, chúa cả tlên hết mọi ſự, có thưởng có phạt trạố: [k] vì chưng ai giữ đạo Chúa cả, thì Chúa thưởng đươc no mọi ſự đời nầy, [l] mà lại đời ſau thưởng hằng ꞗui ꞗể ꞗệy. [m] vì bằng có ai chẳng khứng thờ Chúa Cha, [n] mà lại thờ ma quỉ cử các vật: [o] đức Chúa blời thì phạt đươc và cất hết của thế nầy, [p] cử làm đau náng cho đến chết thì cử đươc: [q] mà lại phạt đươc vò cử bó xuẩng tlaố địa ngục chịu khốn nạn đời đời.

r *Quod*

*[r] Quod ſi prius ignoraſtis verũ cœli & terræ factorẽ & Dominum, nec illum hactenus vt decet coluiſtis, [ſ] ecce iam vobis noua lux exoritur, cùm lex Domini publicatur: [t] qui vobis illam annuntiant ſunt veluti præcones à Deo ipſo miſſi [u] vt pœnas æternas euadatis, [x] præmiaque ſempiterna conſequamini. [y] Neque verò dicatis hanc eſſe Luſitanorum legem; [z] lex enim Sancta Dei eſt lux, ipſo ſole maior & antiquior: [a] ſicuti verò ſol regnum aliquod illuminans facit in illo regno diem, [b] quamuis alia regna quibus nondum ſol ortus eſt adhuc noctis caligine premantur, [c] tamen ſol non propterea dicitur eſſe illius regni cui prius ortus eſt, [d] quia ſol eſt vniuerſalis totius mundi [e] & regno etiam quem illuminat longè anterior: [f] ſic etiam ſancta lex Dei, [g] quamuis aliquibus regnis*



[r] Ai nẽy xưa nay mà chưa biét thạt Chúa blời đẽt, cũ chưa có thờ cho nên; [ſ] nay có mới ſáng ra, khi có rao lệnh đức Chúa blời: [t] ai giảng đạo cho thì như ſai vien rao lẹnh đức Chúa blời ſai cho, [u] mà làm cho được khỏi phạt khốn nạn vô cữ, [x] lại cho được chịu thưởng ꞗui ꞗẻ vô cữ ꞗệy. [y] chớ có nói, đạo nấy là đạo pha lang: [z] vì chưng đạo thành đức Chúa blời là ſáng, và tlước, vá mlớn hơn mặt blời: [a] nói thí dụ, mạt blời ſoi đến nước nào, thì làm ngày ſáng nước éy; [b] dù mà nước khác chưa thấy mặt blời mạọc lên, hãy cón chịu tối đêm, [c] ſaõ le chẳng có ai gọi mặt blời là mặt blời nước éy, dù mà đã chịu ſáng mặt blời ſoi nó tlước. [d] Vì chưng mặt blời là chung cả và thế giái, [e] mà đã có tlước hơn nước éy ſoi cho: [f] đạo thánh đức Chúa blới thì cũ ꞗệy: [g] dù mà có nước naò đã chịu

*priùs innotuerit,* [h] *non tamen debet dici lex illorum regnorum,* [i] *ſed lex ſancta Dei ſupremi Domini rerum omnium,* [k] *quæ longè nobilior & prior eſt omnibus mundi regnis.* [l] *Cùm autem iam huic regno Tunchinenſi hæc Diuina lux exorta ſit,* [m] *ne claudatis animarum veſtrarum & cordium ſpirituales oculos,* [n] *ſed rationi conſonam legem toto corde amplectimini,* [o] *& ſuperioris vitæ cæcitatem deteſtantes & errorum tenebras quibus immerſi hactenus fuiſtis.* [p] *à ſupremo rerũ Conditore ac Domino, lucem hanc vobis nouam, quamuis in ſe antiquiſſimam, cum gratiarum actione recipite,* [q] *& vt Dominus Deus vos vlterius illuminet, illum ſupplices veneremini, & rogate.*



đạo tlước, [h] cử chẳng nên gọi là đạo nước nọ nước kia [i] thật tên là đạo thánh đức Chúa blời, là chúa tlên hết mọi ſự, [k] thật là đạo thánh, và tlước, và trọ̃ hơn nọ mọi nước thiên hạ. [l] ễy là đạo thánh đức Chúa blời đã ſang ſoi đễn nước An nam nẫy, [m] chớ có ai đáõ con mật thiêng liêng ở tlaõ linh hồn, và tlaõ làõ ta: [n] mà lại chịu lễy đạo chính phải mlẽ, hết làõ hết ſức: [o] lại ghét mà bỏ đi những tối tăm mù mịt tội lỗi đã phạm xưa nay, [p] mà cám ơn đức Chúa cả cho ꞗễy giờ đạo ſáng, dù mà đã có tlước khi chưa có blời, và chịu lễy hết làõ [q] mà lại cho được ſáng làõ nữa, thì phải lại đức Chúa blời, mà cầu đễy cho nên.

[a] DEo laus, heri iam explicuimus non eſſe adorandum cælum, quia cælum eſt domus inſenſibilis, [b] non eſſe adorandam terram quia eſt ſcabellum inanimatum: [c] rationi verò conſonum eſſe, vt adoremus cæli & terræ Creatorem & Dominum,[d] venerari etiam debemus patrem & matrem à quibus ſcilicet geniti ſumus; [e] Regi etiam ac magiſtratibus regnum gubernantibus honorem & reuerentiā procul dubio debent ſubditi: [f] at Patrem & matrem, atque etiam Regem quia corporeis oculis cernimus, benè nouimus.

[g] At verum cæli & terræ cōditorem quamuis corporeis oculis cernere non poſſumus, [h] noſſe tamen debemus, vt illi debitum exhibeamus cultum:[i] explicandum itaque nunc eſt quiſnam ſit verus hic cæli & terræ Dominus,[k] in quo etiam loco maneat, [l] atque vnde habeat originem: [m] incipiendo igitur ab hoc vltimo,

[a] LẠy ơn đức Chúa blời, hom qua đã giảng, chẳng nên lạy blời, vì blời là nhà khoñ chẳng biét đi gì. [b] chẳng khả lạy đết, vì đết là nền, chẳng có hồn n.o. [c] ſaõ le thờ phượng đức Chúa blời đét là Chúa cả ſinh ra blời đết, thì tham phải. [d] thảo kính cha mẹ thì cữ phải, vì đã ſinh đẽ ta. [e] kính ꞗua Chúa quan cuyèn trị nước thì phải: [f] mà cha mẹ cữ ꞗua Chúa con mắt xem thấy thì đã biét [g] Saõ thạt Chúa làm nên blời đết, dù con mắt thit xem chẳng đượ c, [h] ſaõ le cữ phải biét, mà thờ cho nên. [i] bây giờ phải giảng thạt đức Chúa blời là ai, [k] đức Chúa blời ở đâu, [l] bởi đâu mà có đức Chúa blời. [m] ſự ſau nẫy cho ta giảng thước, ta



dici-

*dicimus* [n] *verum cæli Do-* n
*minum à nullo alio factũ*
*eſſe,* [o] *quia ipſe eſt rerum* o
*omnium creatarum prima*
*cauſa efficiens:* [p] *quod ſi* p
*aliam cauſam efficientem*
*haberet, iam non eſſet pri-*
*ma radix omnium rerum:* [q] q
*exemplum ſit eximia quæ-*
*dam arbor & procera* [r] *ra-* r
*mos, expanſos ac virides*
*habens fructibus ſuauibus*
*onuſtos,* [ſ] *ſi enim quæra-* ſ
*mus vnde illi rami viri-*
*dantes ortum habeant? reſ-*
*pondebimus à radice proce-*
*dere* [t] *ſic etiam dicemus* t
*de fructibus & folijs vi-*
*rentibus.* [u] *quod ſi quis* u
*quærat an radix aliam*
*etiam radicem habeat vn-*
*de oriatur?* [x] *reſpondebimus* x
*radicem eſſe à qua omnia*
*in arbore ortum habeant* [y] y
*radicem verò non habere*
*aliam radicem à qua oria-*
*tur ipſa radix,* [z] *alioquin* z
*verè non eſſet prima illius*
*pulchræ arboris radix.* [a] *ſic* a
*etiam cùm verus cæli Do-*
*minus ſit prima creatarum*
*rerum omnium radix &*
*cauſa* [b] *à qua ſcilicet cælum & terra, & res omnes* b
*creatæ*

Ngày thứ hai

n nói ràng: [n] thật Chúa
blời đết chẳng phải bởi
o ai làm mà có, [o] vì chưng
đức Chúa blời là cội rễ
p đầu, làm mọi ſự. [p] ví
bàng có ai làm đức Chúa
blời thật đức Chúa blời
Chẳng phải cội rễ đầu
q làm mọi ſự. [q] nói thí dụ,
r có cây naò tốt mlơn, [r]
mà có nghành rộu xanh,
blái ngon ngót đã đầy.
ſ [ſ] ví bàng ta hỏi ngành
xanh nẫy bởi đâu? ta
thưa ràng bởi cội rễ mà
t có, [t] ſự blái cứ lá lại thưa
u như bệy. [u] vì bàng lại
hỏi có cội rễ khác mà ra
x chang? [x] ta thưa ràng,
các kị ſự ở nơi cây, thì
y bởi cội rễ mà ra: [y] ſaố
le cội rễ chẳng có cội
z rễ khác mà ra, [z] ví bàng
cội rễ nẫy có cội rễ khác
thì cộy rễ nẫy chẳng phải
cội rễ đầu cây tốt éy
a đầu. [a] ſự đức Chúa
blời cữ bệy, thật dức
Chúa blời là cội rễ đầu
b làm hết mọi ſự, [b] vì
chưng blời đết, cữ mọi

*creatæ tanquam à prima radice & cauſa ortum habent,* [c] *non poſſumus quærere aliam cauſam aut radicem, à qua verus cæli Dominus ortum habuerit* [d] *nam alioquin ipſe non eſſet prima cauſa.* [e] *Quod ſi aliam cauſam priorem quaras,* [f] *rurſum de illa priore cauſa quærendum erit, an etiam vlteriorem cauſam habeat,* [g] *& ſic in infinitum, quod omninò rationi repugnat:* [h] *debemus igitur ſiſtere in prima illa rerum omnium creatarum radice & cauſa,* [i] *quæ eſt verus cæli & terræ Creator & Dominus.*

[k] *Sunt qui quærant vtrũ cæli Dominus de quo agimus ſit homo quidam quẽ,* Muc moi, *vocant,* [l] *at dùm verus cæli terræque opifex ac Dominus ex ſe non ſit homo,* [m] *&* muc moi *ille, vt conſtat etiam ex libris ſalſæ ſectę, ſit ex hominum genere* [n] *non poteſt vllo modo eſſe cæli conditor & Dominus,* [o] *Atque idem dicendum de quodam alio, quem* nguc hoang *vocant,* [p] *qui ex ipſis*



ſư bơi đúc Chúa blời, làm cội rễ đầu mà ra. [c] chẳng có tìm được cội rễ khác làm ra đức Chúa blời đâu. [d] nếu có thì đức Chúa blời chẳng phải cội rễ đầu mọi ſự. [e] ví bằng tìm cội rễ khác thước, [f] lại hỏi, cội rễ khác tlước ẽy có cội rễ khác tlước nữa chăng? [g] làm đệy thì hỏi chẳng cữ, mà chẳng phải mlẽ đâu, [h] vì đệy ta phải kiếm mà giữ một cội rễ đầu làm nên mọi ſự, [i] thật là thien địa vạn hỡu chi chên Chúa, mà làm nên blời dết mọi ſự.

[k] Có kẻ thì hỏi ràng, đức Chúa blời phải mục mũy chăng? [l] ſaố le đức Chúa blời chẳng phải lŏài người ta, [m] thật mục mũi tlaố săch đạo vạy, là lŏài người ta [n] mục mũi ẽy chẳng nên chức đức Chúa blời đâu. [o] ſự ngục hŏàng nọ, cữ nói như đệy, [p] vì chưng

*ipſis falſæ ſectæ libris Lau-*
*tij cuiuſdam nepos fuit,* [q] q
*eiuſque patris matriſque*
*in illis ſit mentio,* [r] *qua-* r
*re non poteſt eſſe verus cæli*
*terræque Dominus;* [ſ] *ſi* ſ
*enim totam hominum ſpe-*
*ciem iungas cum Regibus*
*ac principibus vniuerſis,* [t] t
*ne vnam quidem firma-*
*menti ſtellam digito attin-*
*gere poſſunt, quantò minus*
*producere,* [u] *quid dico ſtel-* u
*lam nouam facere in cælo?* [x] x
*ne vnam quidē formicam*
*viuam de nouo producere,*
[y] *ergo homo ex ſe non po-* y
*teſt eſſe verus cæli Domi-*
*nus & Creator omnium.* [z] z
*præterquamquod tota ho-*
*minum ſpecies non minus*
*indiget Creatore quàm ip-*
*ſum cælum:* [a] *ergo homo* a
*non poteſt eſſe prima cauſa*
*rerum,* [b] *ſed neceſſariò,* b
*vt ſit, debet ſupponere*
*prius primam cauſā à qua*
*ſuum eſſe habeat,* [c] *vt* c
*poſtea ab illa eſſe recipiat.*
[d] *Præterea ſi homines illi* d
*quos fingunt, cælum & ter-*



tlaố ſắch đạo vạy nói
ràng, ngục hŏàng là con
q cháu Laõ tử, [q] lại tlaố
ſắc ấy kể cha mẹ ngục
r hŏàng: [r] vì ꞗêy ngục
hŏàng chẳng phải thật
ſ chúa blời đất. [ſ] vì chưng
dầu mà hộp lại cả và lŏài
người ta, cũ ꞗua Chúa
t quan cuyền làm một, [t]
lấy ngón tay đá đến một
cái ſao tlên blời chẳng
được, hŏáng lọ là hŏá
u ra làm ſao cho được: [u]
nói đến ſự hŏá ra ngôi
x ſao làm chi? [x] một cái
kiến cho ſoũ làm cũ
y chẳng nên: [y] vì ꞗệy lŏài
người ta chẳng nên mà
làm thật Chúa blời đất,
z đã làm nên mọi ſự. [z] lại cả
và lŏài người ta cũ phải
chịu ơn ai làm nên cho,
a cũ như blời ꞗệy: [a] vì
ꞗệy lŏài người ta chẳng
phải cội rễ đầu làm mọi
b ſự, [b] vì chưng tlước
c có cội rễ làm nên lŏài
người ta, [c] ſau thì lŏài
người ta bởi ấy chịu
d mình có ꞗệy, [d] lại ví
ꞗàng những người giả

ấy có làm nên blời, đất, thì nên lạy, nên thờ,

*ram*

*ram creaſſent, eſſent adorandi & colendi,* [c] *at nuſquam in libris Sinarum reperies præcipi vt iſti colantur,* [f] *neque vſquam hactenus in toto hoc regno ipſis erecta ſunt tēpla* [g] *ſed ſolùm idolis Thicca & ſimilibus,* [h] *quos tamen ortum habuiſſe longè poſt ipſum cælum & terram, conſtat ex ipſorum libris.* [i] *An verò idolis cultus ſit adhibendus poſtea agendū, cùm de creatione cæli & terræ priùs egerimus,* [k] *ſi enim fuerit rationi conſonum agendum erit, ſin minus, minimè.* [l] *Atque idem dicendum de quodam alio homine quem* ,ban co, *vocant ab eo enim fingunt cælu & terrā habuiſſe originem,* [m] *ſed eodem modo confutantur atque* Muc Mụi, *&* ngục hoang, *de quibus paulò ante actu eſt.* [n] *Alij benè intelligentes cælum & terram ab vniuerſa hominum ſpecie originem minime traxiſſe,* [o] *ſed fingunt quandā ſubſtantiā corporalē minimè intelligentē, & vita carentē quam,* thai cuc, *vocāt,* [p] *à qua duas alias ſubſtantias proceſſiſſe dicunt quas,* am,



[c] ſaō lc tlaō sắc đại minh chẳng có khién thờ gióũ ẽy; [f] cũ cả và nước An nam xưa nay chưa thấy chuà miễu naò thờ nó, [g] có nhữ̃ng chùa thờ Thích ca cứ bụt khác: [h] dù mà tlaō kinh bụt ſuy ſự blời đễt thì nên tlước, mà bụt thì vềſau. [i] có nên thờ bụt hay là chang, ta nói ſự tạo thien lọp địa đã, mới nói ſự bụt [k] ví bằng phải mlẽ thì thờ, chẳng phải mlẽ thì chớ. [l] ſự bàn cổ mà khién ſinh ra blời đễt thì dối ḍệy, [m] cũ bắt như ſự mục mũi, cũ ngục hŏàng đã bắt khi nãi.

[n] Có ké đã biét tỏ tùâng, blời đễt chẳng phải bởi lŏài người ta mà ra, [o] lại bay đạt tính nào có những xác khoũ, chẳng ſoũ, chẳng thieng, gọi là thái kực: [p] mà lại khíen có hai tính khác gọi là âm, dương, bởi tính tlước

*am, dưam, vocant, [q] intelligentes ſub his nominibus cælum & terram. [r] Quomodo autem rationi conſonum eſt, vt quod vita & intelligentia caret, [ſ] adeò perfectu opus, quale eſt cælum cum omnibus ſuis motibus ordinatiſſimis perficere poſſit? [t] ac ſi quis diceret eximium aliquod palatium omnibus ſuis partibus conſtans, [u] cum ſuis aulis atque habitationibus, [x] ac penè innumeris, picturis perfectiſſimis variegatum [y] ab aliquo vento caſu excitato [z] fuiſſe conditum, ſuiſq; numeris omninò completum; [a] nunquid non haberetur pro mendacio? [b] cùm nimirum tale palatium [c] requirat architectum aliquem eximium, qui prius tale palatium in mente concipiat [d] ideamque illius apud ſe prius formet, [e] ac poſtea opus aggrediatur, ſummoq; ſtudio perficiat. [f] Quantò igitur magis cælum & terra opificem requirit intelligentia infinita prædictum [g] qui rerum omnium quæ in cælo*



ĕy mà ra: [q] mà lĕy âm dưâng là blời đĕt ꞗĕy. [r] làm ſao cho phải mlẽ, mà lĕy xác khoũ chẳng ſoũ, chẳng biét đí gì. [ſ] lại ſinh ra đươc việc nhịt, là blời cử các kì ſự vân đi vân lại ở nơi blời làm ſao? [t] cử bàng ai bày đặt, có lâu đai nào khéu, [u] mà có phàõ, có no mọi nơi ở phải lám, [x] cũ có những ảnh vẽ tốt lành ké chẳng xiét: [y] mà lại khién có gió nào tình cờ thời ra, [z] làm đươc cho nên những cuả nhít ĕy cho blọn hĕt; [a] mà chẳng lĕy là dói blả ru? [b] vì chưng các lẫu khéu làm ꞗĕy [c] bởi có thợ nào khéu tlaõ có bày mọi việc ĕy [d] mà làm hình tượng khéu tlước tlaõ mình, [e] ſau mới làm việc ĕy bề ngŏài hĕt ſức thì mới nên. [f] huống lọ là blời đĕt thì phải chịu phép thờ nào hay biét vô cú, [g] mà tlước tlaõ làõ có

*cælo & terra ſunt prius apud ſe ideam habeat perfectiſſimam,* [h] *& potentiam quoque infinitam ad opus tantum perficiendum* [i] *Ergo* thai cúc, *illud inanime* [k] *atque intellectu carens,* [l] *non poteſt vllo modo eſſe cæli & terræ conditor.* [m] *Rectè quidem in hoc ſenſerũt Sinæ, quod minimè colendum putauerunt inanime illud, atque intellectu carens* thai cuc, [n] *at prorſus irrationabiliter huiuſmodi inanime, cæli & terræ Cõditorem conſtituerunt.*

[o] *Quis igitur erit ſupremus ille cæli & terra, ac rerum omnium ſupremus conditor atque opifex?* [p] *cùm olim hoc à quodam philoſopho quæſiſſet Rex,* [q] *philoſophum ferunt petijſſe vnum diem, vt prius cogitaret quid reſpondendum,* [r] *quo die elapſo, duos alios dies ad melius cogitandum petijt,* [ſ] *& bis etiam præteritis iterum accerſitus, rurſum quatuor dierum ſpatium expoſcebat:* [t] *cui*





hình tượng khéu ra mọi ſự ở tlaõ blời đết: [h] mà lại có phép vô cữ thì mới được làm việc mlớn làm ꞗệy cho nên. [i] Vì ꞗệy thái kục nó là tính khí chẳng ſóũ, [k] chẳng biét đều gì ſốt, [l] làm nên blời đết thì chẳng được đâu. [m] dù mà đại minh, khi chẳng có lếy thái cục làm nên thờ, thì lếy mlẽ phải, vì thái cức là khí chẳng ſóũ chẳng biét đí gì: [n] ſaõ le có lếy thái cức ếy chẳng ſóũ, chẳng biét đí gì, mà nói làm ra blời đết thì chẳng phải mlẽ đẫu.

[o] Mà bây giờ cội rễ đẫu, và thợ khéo làm nên blời đết cữ muân ſự lá ai? [p] truyền đời xưa ràng, có ꞗua Chúa nước khác hỏi cŏên tử nao ſự ếy: [q] cuên tử thì xin một ngày, lo đã mà thưa: [r] khỏi một ngày, cŏên tử ếy, lại xin hai ngày nữa mà lo cho nên: [ſ] qua hai ngày ếy, ꞗua Chúa lại đòi, cŏên tử thì lại xin bốn ngày: [t] ất ꞗua

*Rex tu verò illudis nobis, inquit, ac tergiuerſaris, terminum ea ratione iterum atque iterum prorogando; nec ad interrogata reſpondendo?* [u] *at philoſophus: abſit, inquit, vt ego Regi audeam illudere,* [x] *ſed potius quia reſpondere ad hoc ita arduum mihi videtur,* [y] *vt quantò magis cogito, tantò amplius mihi cogitandum ſupereſſe intelligam* [z] *atque ideò prolixiorem etiam terminum exigo;* [a] *ac ſi mare immenſum intuens, quò longius quis à litore diſcedit, tantò magis immenſitatem maris intuetur,* [b] *hæc philoſophus ille* [c] *nondum Chriſtianus at nos Dei auxilio freti, aliquid de ipſo dicemus, qui eſt verus cæli & terræ, atque rerum creatarum opifex, ac ſupremus Dominus.* [d] *Primò dari Deum ſupponimus tanquam lumine ipſo naturæ certum* [e] *nam ſine ipſo creatore ac Domino, qui ſit omnium prima cauſa & fontalis origo,* [f] *nihil omninò eſſe poſſet in rerum natura.* [g] *ſupponimus ſecundò*

*eſſe*



Chúa ràng, mầy giểu ta, mà chẳng khứng thủa ru, ſao xin đi xin lại làm ꞗệy, chẳng thưa đều ta hỏi? [u] khi ếy cŏên tử ràng, nào tôi dĕám giểu ꞗua Chúa đâu. [x] ſaŏ le vì tôi lếy làm khó thưa đếy làm ꞗếy, [y] mà càng lo ſự ếy, thì càng thấy hay còn mả lo hơn nữa: [z] vì ꞗệy tôy càng xin dệu ngày mà lo hơn nữa: [a] như thể khi thấy biển cả, càng khơi bải thì càng thấy biển rạŏ rải nữa. [b] cŏên tử ổy chưa có đạo, mà thưa ꞗệy: [c] ſaŏ le chúng tôi cậy đức Chúa blời giúp ſức cho, mà mới dĕam nói ſự Chúa cả là đức thợ cả làm nên blời đết, cữ mọi ſự ꞗệy.

[d] đẫu hết thì phải hay, tlaŏ lăŏ người ta có mlẽ ràng, thật có Chúa blời: [e] ví bàng chẳng có ai lám cân nguền mọi ſự, [f] thì cả và thế giải nầy cữ chẳng có gì lốt. [g] ſau

*eſſe tria rerum omnium creatarum genera, [h] nam quædam ſunt merè materialia & corporalia quæ nihil ſpirituale admixtum habent, [i] & hæc ſunt corruptibilia quę ſicuti habent principium, ſic & habitura ſunt finem, [k] & hæc ſunt cælum, terra ac elementa omnia, & mixta ex illis, [l] vt arbores, plantæ, animalia omnia, ſiue in terra ſiue in aëre ſiue in aqua, [m] cum omnibus alijs rebus inſenſibilibus & inanimatis, [n] & hoc eſt rerum creatarum genus infimum, quod ſicut habuit principium, ſic & habiturum eſt finem: [o] alterum genus eſt naturæ cuiuſdam ſpritualis creatæ, quæ ſicuti nihil de materia, vel corpore habet admixtum, [p] ſic eſt ex natura ſua ſublime atque intelligens, & minimè corruptioni obnoxium; [q] ſed quamuis habuerit principium in ſuo eſſe, nunquam tamen habiturum eſt finẽ, ſed in æuum ſine fine durationem habebit, [r] tales ſunt nouem cæleſtium ſpi-*



nữa thì pháy hay, tlaổ ſự đức Chúa blời ſinh ra thì có ba đứng: [h] vì chưng có đứng đưới những xác, có ꞗóc, mà chẳng có linh thieng gì tlaổ mình ꞗói, [i] mà nhưng ſự ấy, và có ngày đầu, và có ngày hết, [k] như blời cữ đết, nước, gió, lửa, và mọi vật, bởi bốn ſự ấy mà ra, [l] như thể cây cối, muông chim cữ chúng ſinh, hay là ở tlên đết, hay là tlên gió rốũ, hay là tlaổ nước, [m] cữ các kì ſự chẳng hay cặóc biết, cữ chẳng ſốũ, [n] ấy là thể giái là lŏài dưới, có ngày ſinh, cữ có ngày hết, [o] lại có lŏài tlên, là tính thiêng liêng, chẳng có ꞗóc, chẳng có xác, [p] là tính cao ſáng, chẳng có phải hư mòn khi nào; [q] dù mà có khi ſinh, ſaổ le chẳng có khi naò hết: mà hằng có ꞗệy vô cữ. [r] lŏài ấy là chín đứng thien thằng, có nhều



*rituum*

*rituum chori, qui ſunt penè innumerabiles [s] ciuitatis cæleſtis ciues, quos creaturis corporalibus præfecit Deus, [t] vt præſto ſint volũtati Dei in omnibus exequendæ, [u] intellectu enim præſtantiſſimo ſunt præditi, & voluntate libera, [x] vt Deo Domino perfectè ſubijcientes ſe, beatitudinẽ æternã adipiſci poſſent [y] ſed de puris his ſpiritibus abſque vlla corporis contagione perfectis [z] iterum erit agendum. [a] Tertium denique rerum genus eſt, ex corpore & ſpiritu compoſitum, [b] ideſt homo, qui quoad corpus eſt corruptibilis & mortalis, [c] quoad ſpiritum verò, qui eſt anima rationalis, eſt incorruptibilis & immortalis, [d] habens quidem principium, ſed non habens finem. [e] hæc ſunt tria rerum à Deo creatarum genera, è quibus tanquam gradibus [f] ad ipſarum Creatorem, ac ſupremum Dominum debemus aſcendere, [g] illiuſque attributa infinitæ prorſus perfectionis in creaturis tanquam in ſpeculo perſcrutari.*

chẳng hay bể xiết, [s] những cŏên ở tlên thien đàng, đức Chúa blời phú cho, mà trị mọi lŏài có xác [t] ꞗệy thì theo í đức Chúa blời mà chớ, [u] có trí hay biết ſáng láng, cũ có chúa í, [x] mà bưng phép đức Chúa blời, cho được ꞗui bé vô cữ. [y] ſaõ le ſự thien thần ẽy chẳng có hình tượng nào, mà traọ làm ꞗệy, [z] đen ſau thì lại phải giản. [a] Lŏài thứ ba là đứng và có xác, và có linh thiêng làm một, [b] ẽy là người ta có xác, thì hay nát hay chết: [c] có linh thiêng là linh hồn, chẳng hay nát, chẳng hay chết [d] thật có đầu ſinh, mà chẳng có chết. [e] ẽy là bà lŏài, đức Chúa blời làm ra, cho ta dữ như bức thang, [f] mà lên cho đến đức Chúa blời ſinh ra mọi lŏài ẽy, [g] lại ſuy mlẽ tlaõ lŏài ẽy, như tlaõ gương, cho đến biết ſự đức Chúa blời những ſự vô cũ bệy.

*[h] Quam-*

*[h] Quamuis enim ſupremus ille cæli Dominus [i] in his tribus gradibus minimè includatur, [k] ſed ſit omnibus illis infinitè perfectior: [l] ex primo tamen illo, ſeu infimo gradu in quo res meræ corporeæ omnes includũtur [m] vt cælum, terra, ac cætera omnia corruptibilia, [n] optimè colligimus dari illarum Creatorem omnipotentem [o] qui per potentiam quam habet infinitam, [p] ex nihilo adeò præclaram mundi machinam perfecerit ipſe ſolus, abſque vllius adiutorio. [q] huius potentiæ infinitæ ſi Regum omnium huius mũdi [r] tam præteritorum, quàm præſentium, ac futurorum potentia comparetur, impotentia potius dicenda eſt. [ſ] Quis enim vnquam Rex huius mundi quamuis potentiſſimus [t] potuit vel domunculam ex nihilo fabricare? [u] quin potius ad quodlibet quamuis exiguum ædificium incipiẽdum, priùs debet parare illa, quæ ſunt neceſſaria*



[h] Vì chưng dẫu mà đức Chúa blời cao trọ̃ [i] chẳng phải về ba lŏài ễy, [k] mà khỏi moi ſự ba lŏài ễy vô cữ: [l] ſaõ le bói lŏài thứ nhít là lŏài những xác, [m] như thể blời đết, cũ các kì ſự hay nát, [n] ta ſuy mlẽ được, làm bễy. thạt có ai làm nên mọi ſự ễy, [o] mà có phép tác vô cữ, thì mới lễy được khoũ, [p] mà hóá ra thế giái nẫy mlớn thể ễy một mềnh, chẳng có dữ ai giúg cho. [q] ví bàng ta lễy một phép nẫy vô cữ, mà ta ví cũ phép các ꞗua Chúa thế gian nẫy: [r] dù mà lễy hết ꞗua Chúa, từ xưa cho đến hết thế, mọi phép ễy, ví cũ phép đức Chúa blời, thạt là ra khoũ, chẳng phải phép đâu. [ſ] vì chứng nào có ꞗua Chúa nào, dù mà cả nlớn, [t] mà lễy khoũ làm được nhà gì, dù mà nhỏ chít ru? [u] mà lại cho được làm nên nhà gì, đầu hết thì phải ſám ſửa mọi vật, mà làm nhà

*ad*

*ad tale ædificium,* [x] *quæ niſi præſupponantur, nihil vnquam facere poterit.* [y] *At verò ſupremus cæli terræque Dominus* [z] *ex nulla omninò præexiſtente materia, omnia hæc viſibilia condidit, quia nihil omninò eſſe potuit, quin ab illo tanquam à prima Cauſa totum ſuum eſſe habuerit.* [a] *oportet ergo vt prima hæc cauſa infinitam in ſe perfectionem habeat, atque infinitam eſſentiam,* [b] *cui ſcilicet conueniat potentia infinita* [c] *vtpote quæ ex nihilo omnia condidit* [d] *Atque hæc potentia infinita ex eo etiam patet, quod in creatione totius mundi nullius adiutorio eguerit:* [e] *At alij potentiſſimi quilibet, vt aliquod magnum palatium aggrediantur,* [f] *non ſolum egent praexiſtente materia* [g] *ſed etiam multorum operariorum adiutorio* [h] *ſine quibus opus ſuum minimè poſſunt in lucem edere:* [i] *vt peritiſſimus quiuis architectus, qui eximium ali-*



ẩy, [x] nếu chẳng có ſắm ſửa, thì chẳng có làm được đi gì đầu. [y] ſaố le đức Chúa blời đết là phép nhít, mà chẳng có dữ đí gì cho được làm nên mọi ſự ta xem, [z] vì chưng tlaố mọi lŏài chẳng có đí gì, mà chẳng bởi đức Chúa blời, là côi rễ đau, ſự nào làm ra thì mới có. [a] ꞗệy thì cội rễ đầu mọi ſự, thạt là tính thiêng liêng vọci, [b] thì mới có phép tác vô cữ, bàng tính minh ꞗệy, [c] mà có phép lẩy khoú làm ra mọi ſự. [d] lại ſuy phép đức Chúa blới là phép vô cữ, vì chưng chẳng có dữ ai mà lắm ra mọi ſự: [e] ſaố le ai nẩy, dù mà có phép cả ở thể này, có dĕon làm các lâu gì mlớn [f] chẳng những là ſắm ſửa vật mà làm, [g] lại có kẻ giúp viẹc, thì mới làm được, [h] ví bàng chẳng có ai giúp cho, làm ra viẹc ẩy mlớn chẳng được: [i] như thể thợ nào khéo lo tŏan làm

*quod*

*quod palatium cogitat extruere, [k] quamuis præclaram illius ideam apud ſe ſolus formet, [l] nunquam tamen illud extruere, aut ædificare poterit, niſi adiuuetur à multis operarijs, qui conceptum opus promoueant ad extra. [m] At ſolus Deus, ſicuti opus ſuum perfectiſſimè apud ſe concepit; [n] ſic ſolus ipſe, abſq; alterius conſortio, totum opus ſuum, totamque mundi machinam condidit, abſque vllo cuiuſcunque adiutorio, [o] quod infinitam prorſus potentiam arguit. [p] Præterea quilibet quantumuis expeditus architectus, [q] ſi præclarum aliquod opus meditatur, [r] illud ad perfectionem non niſi longo temporis ſpatio poteſt perducere. [ſ] At cæli Dominus, ſupremus huius viſibilis mundi machinæ Architectus, vnico efficaciſſimæ voluntatis ſuæ actu, per ſolum imperium omnia ad perfectionem perduxit, [t] dixit enim & facta ſunt omnia, ipſe mandauit & creata ſunt, [u] quod procul dubio infinitam arguit in ipſo potentiam*



ra lâu đài mlớn, [k] dù mà đã có hình tượng khéo lâu đài ẩy tlaổ lào một mình [l] ſaố le nếu chẳng có ai giúp việc ẩy, mà làm rà bề ngoài, thì làm chẳng được lâu đài ẩy đâu. [m] Saố le một đức Chúa blời có tóan làm việc gì, và có ảnh tượng rứt khéo tlaố lào mính, [n] lại có phép một mình ra mọi ſự, mà chẳng có dữ ai giúp cho, khi hóá ra cả và thế giái nẩy. [o] thật là bởi đức chúa blời có phép vo cữ mà chớ. [p] mà lại có thợ naó khéo, nhít mạc lào, [q] ví bàng có tóan làm việc gì mlớn [r] thì chẳng lâu ngày, làm chẳng được cho đoạn hết. [ſ] ſaố le đức Chúa blời la đức thợ cả, làm nên thế giái nây ta xem, những có í khién một lần mà hóá nện mọi ſự. [t] vì chưng Chúa blời có nói, mà đã nên, có khíen, mà đã có hết, [u] thật vì

*te ntiam & efficacitatem.*
[x] *Denique quilibet archi-*
*tectus poſtquam opus ſuum*
*ad perfectionem perduxit,*
[y] *nihil amplius in illud in-*
*fluit,* [z] *ſed opus illius per-*
*manet, quamuis ipſe ar-*
*chitectus poſt abſolutum*
*opus deficiat, & moriatur.*
[a] *At ſupremus rerum om-*
*nium Conditor Deus,* [b] *ita*
*res creat, vt non minùs*
*ab ipſo pendeant in conſer-*
*uari, quandiu durant in*
*ſuo eſſe,* [c] *quàm penderent*
*in prima ſui creatione;* [d]
*Itaque ſicuti niſi ad pri-*
*mam illam creationem*
*concurreret Deus nunquam*
*haberent eſſe,* [e] *ſic niſi con-*
*tinuò influeret ad conſer-*
*uationem ſtatim ad ſuum*
*nihilum reuerterentur;* [f]
*non minus, imò maltò ma-*
*gis quam pendeat lumen*
*à ſole, non ſolum in prima*
*luminis productione,* [g] *ſed*
*etiam in perpetua conſer-*
*uatione & influxu.* [h] *Neq;*
*ſolùm ad conſeruationem*
*omnium rerum perpetuò*
*influit Deus,* [i] *ſed etiam*



đức Chúa blời có phép
tàc vô cữ, mà hŏá nên
đượ c làm bệy một chọ-
uc mà chớ. [x] ſau thì có
thợ nao đã làm việc
mình đŏạn [y] chảnh còn
có giữ việc êy đâu, [z]
mà dẫu thợ làm việc
đŏạn có chết chảng còn,
việc thì còn bệy. [a] ſaố
le đức Chúa blời, là đức
thợ cả, làm nên mọi ſự.
[b] hŏá ra làm bếy, có làm
nên đí gì đŏạn, hãy cồn
bao lâu, đức Chúa blời
thì còn giữ bấy lâu, [c] cữ
bàng khi đức Chúa blời
làm ra ſự êy đẫu hết [d] ví
bệy khi đẫu hết, ví bàng
đức Chúa blời chảnh
có hŏá cho, thì nên đí gì
chảng đượ c: [e] cữ khi
đću gì hãy còn có, mà
đức Chúa blời chảng
giữ cho, thì ſứ êy lại về
khoú bếy, mà chảng còn
có gì ſốt: [f] như thể có
ſáng bởi mạt blời mà ra,
thạt là mạt blời có làm
ſáng, và đẫu hết khi ra
ſáng êy, [g] và lại giữ lien
khi hãy còn có ſang êy.
[h] Mà đức Chúa blời
chảng lọ là giữ lien mọi ſự, khi hãy còn; [i] lại giúp

ad

*ad ſingulas omnium om-*
*ninò rerum actiones, &*
*operationes, ſiue immanen-*
*tes ſiue tranſeuntes, ita*
*neceſſariò concurrit,[k] vt ne* k
*folium quidem ab arbore*
*decidere poſſit ſine diuino*
*concurſu:[l] nam ſicuti po-* l
*tentia Dei infinita omniũ*
*omninò potentiarum crea-*
*tarum eſt cauſa,[m] ita* m
*cum omnibus omninò po-*
*tentijs, cùm ad actum re-*
*ducuntur, ſic concurrit, vt*
*nulla omninò, ne minimum*
*quidem actum exercere*
*poſſit, niſi ſimul concurren-*
*te, & agente ſuprema illa*
*cauſa.[n] Atque ita ſupre-* n
*mus hic Dominus rerum*
*omnium Conditor, & Con-*
*ſeruator Deus,[o] cum ſole* o
*illuminante illuminat;[p]* p
*cum igne calefaciente ca-*
*lefacit,[q] cum aëre refri-* q
*gerante refrigerat;[r] cum* r
*aqua fœcundante terram*
*fœcundat,[ſ] cum terra pro-* ſ
*ducente aliquid ſimul pro-*
*ducit,[t] & ſic cum alijs re-* t
*bus omnibus ita continuò*
*operatur,[u] vt ne manum* u
*quidem, aut pedem, vel ocu-*



ſức mỗi một ſự khi làm
việc gì việc gì, và tlaố
k mình, vả bề ngŏài,[k] mà
đức Chúa blời chẳng
giúp cho, dù mà một lá
cây chẳng có rụng xu-
ẫng được một mình, khi
đức Chúa blời chẳng
làm ꞗối, mà rựng xuẫng.
l [l] vì chưng như phép vô
cữ đức Chúa blời, là cọi
rễ đầu mọi phép, ở tlaố
các kì ſự, đức Chúa blời
m ſinh:[m] cữ khi phép naò
làm đí gì đí gì, ví bàng
chẳng có phép đức Chúa
blời làm ꞗối, thì phép
ấy làm chẳng được đí
n gì ſốt.[n] vì ꞗậy Chúa
cả nẫy có làm nên, vá giữ
o mọi ſự,[o] khi mạt blời
làm ſáng, thì đức Chúa
p blời làm cữ:[p] khi lửả
làm náố, thì cữ làm náố
q ꞗối:[q] khi gió róú làm
r mát, thì làm mát ꞗối:[r]
khi nước làm cho đết
hŏá ra, thì cũ làm hŏá
ſ ra ꞗối:[ſ] khi đết ſinh
nên của gì, thì cữ ſinh
t nên ꞗối:[t] vì có giúp
mọi ſự mà làm mọi việc
u liên ꞗối:[u] ví bàng đức

*lum mouere poſſimus, ſine*
*perpetuò illius primæ Cau-*
*ſæ concurſu;[x] idque tanta* x
*facilitate Deus operatur*
*atque quiete, [y] ac ſi nihil* y
*omninò ageret; [z] idemque* z
*eſſet ſi mille alij milliones*
*mundorum eſſent extra*
*cauſas: [a] tantaque ſapien-* a
*tia & perfectione ſingula*
*operatur, [b] ac ſi vnam* b
*tantùm actionem exerce-*
*ret; [c] cùm propè infinitas* c
*actiones ſingulis penè mo-*
*mentis operetur. [d] Ex quo* d
*etiam elucet infinita eius*
*potentia & ſapientia, [e] quæ* e
*tot, tam varijs & continuis*
*actionibus ad non ſatiga-*
*tur extra nec perturbatur,*
*[f] ſed præſtò eſt omnibus* f
*rebus ſingulis momentis. [g]* g
*Atque ex hac infinita pri-*
*mæ cauſæ potentia ſapien-*
*tiaque infinita, colligiur*
*[h] neceſſariò infinita eius* h
*Diuinitas & eſſentia in-*
*finita [i] quæſit quaſi radix* i
*(noſtro modo intelligendi)*
*attributorum infinitorum*



Chúa blời chẳng có lien
giúp cũ: ta đọũ tay, đọũ
chên, đọũ con mạt chẳng
x được ſốt: [x] mà đức
Chúa blời lấy mọi việc
ấy làm để, mà chẳng
y đọũ gì tlaố mếnh, [y] như
bằng chẳng có làm việc
z gì ſốt: [z] ví bằng có nghìn
ức thế giái khác làm ra,
a thì cũ ꞗệy: [a] mà lại làm
khôn, và blọn mỗi một
b việc ấy, [b] bằng làm một
c việc mà thoi: [c] ſaố le
đức Chúa blời một chọ-
uc thì làm việc nọ, việc
kia, chẳng hay bễ xiết,
d [d] ꞗệy thì ta hay tỏ tư-
ẫng, đức Chúa blời thật
có phép, và hay biết vô
e cữ, [e] vì có làm được
nhều việc lien, mà chẳng
f nhạoc, chẳng lộn, [f] dù
đã ſẵn giúp mọi ſự, mà
làm mọi việc lien, chẳng
g khi nào đừng. [g] Ta lại
ſuy mlẽ làm ꞗệy, đức
Chúa blời có phép vô
cữ, lại có hay biét vô cữ,
h [h] thì hỏi tính đức Chúa
blời thật là tính thiêng
liêng vô cữ mà thớ: [i] vì tính đức Chúa blời là | i
cấn ngồn (ta nói làm ꞗệy) mọi ſự vô cữ, ở

quæ

*quæ ſunt in ipſo.* [k] *quomodo enim eſſentia finita poſſet habere potentiam, & ſapientiam infinitam?*

[l] *Vlterius ex ipſa eſſentia infinita colligitur quoque duratio infinita ſeu æternitas,* [m] *principio ſcilicet atque fine carens:* [n] *infinita enim eſſentia duratione͂ quoque requirit proportionatam hoc eſt omninò infinitam,* [o] *tum ex parte ante, quia principio caret, tum ex parte poſt, quia nunquā habitura eſt finem* [p] *Quare antequam cælum, aut terra eſſent, aut alia quælibet creatura,* [q] *iam ab æterno, hoc eſt infinitis ante ſæculis iam erat Deus, prima illa cauſarū Cauſa,* [r] *nullius extra ſe omninò egens, ſed in ſeipſa beatiſſima, infinitam ſe ſola continens felicitatem omnem,* [ſ] *quam habuit antequam hic mundus eſſet,* [t] *& haberet perfectiſſimam etiāſi nulla creatura futura fuiſſet.* [u] *Attamen quia eius bonitas non minus infinita*



[k] tlaõ đức Chúa blời; vì bằng thính đức Chúa blời là tính có cữ, lại có phép, và hay biet vô cữ làm ſao được?

[l] Mà đức Chúa blời thật có thính vô cữ, ta lại ſuy mlẽ, thật có hằng ꞗệy, [m] mà chẳng có tlước, cữ chẳng có ſau; [n] vì tính vô cữ thật là phải có hằng ſóũ vô cữ, bằng tính vô cữ ꞗệy: [o] vì chưng tính đức Chúa blời, và bề tlước chẳng có cữ; và bề ſau chẳng hết chẳng hay cữ. [p] Vì ꞗệy khi chưa có blời, chưa có đất, chưa có đí gì sốt. [q] tlước vô cữ đời đời hằng có đức Chúa blời, [r] là cội rễ đầu mọi ſự, [r] chẳng dữ đí gì bề ngoài, mà tlaõ mệnh rựt ꞗui ꞗể, vì tlaõ mệnh bui có mọi ſự ꞗui vô cữ, [ſ] khi chưa có thế giái nầy, cữ đã ꞗui ꞗể, [t] mà dẫu chẳng có ai nữa, một đức Chúa blời cữ blọn ꞗui ꞗể, thinh nhàn vô cữ ꞗệy, [u] ſaõ le vì lành đức Chúa blời cữ

*quam eius eſſentia, & ſempiterna Diuinitas.* [x] *bonum autem eſt diffuſiuum ſui:* [y] *ideò Deus non ſolum voluit creare mundum hunc viſibilem & corporalem* [z] *qui per ſuam exiſtentiam finitam & operationes finitas penè innumeras, exiſtentiam infinitam & operationem primæ Cauſæ participaret,* [a] *eſſetque tanquam veſtigium primam Cauſam repræſentans.* [b] *ſed præterea voluit Diuina Bonitas ſe communicare creaturis rationabilibus,* [c] *quæ non ſolùm exiſtentiam haberent, ſed etiam Beatitudinis Diuinæ participes fierent.*

[d] *Quare perfectam Angelicam naturam creauit,* [e] *à corporea mole omninò ſecretam, vtpote omninò ſpiritualem,* [f] *& capacem amicitiæ Dei per gratiam, & viſionis ipſius Dei per gloriam* [g] *vt ſic illam ſuæ beatitudinis participẽ*



là vô cữ, bằng tính ſóũ vô cữ đức Chúa blời ꞗệy [x] ſự lành nào, hay thoũ ſự mẽnh cữ kẻ khác: [y] vì ꞗệy đức Chúa blời cháng nhưng đã tŏan hóá nên thé giái nãy tả xem, có mẽnh ꞗóc, [z] mà có tính mẽnh, có phép làm ſự nọ ſự kia nhẽu kẽ chẳng xiét, thật là bởi tính vô cữ, và phép vô cữ đức Chúa blời ꞗệy; [a] mà mọi ſự ẽy là như dẫu chẽn, làm cho ta ſuy hình đức Chúa blời ꞗệi [b] Mà lại lão lành đức Chúa blời thoũ mẽnh ra lŏài có tính ngŏan biét mlẽ, [c] cho lŏài ẽy chẳng lọ là thật có, mà lại thoũ hằng ꞗui ꞗẽ cữ đức Chúa blời ꞗệy. [d] Vì ꞗệy đức Chúa blời hóa ra lŏài thien thần, gọi là (*Angeli*) [e] chẳng có mẽnh ꞗóc gì, mà nhưng thiêng liêng, [f] lại chịu được nghĩa cữ đức Chúa blời, gọi là (*gratia*) cữ chịu được (*gloria*) là thấy mặt đức Chúa blời; [g] cho được thoũ

*faceret*

*faceret.* [h] *in hac Diuina Bonitas clariùs elucet,* [i] *quam in creatione mundi viſibilis, & creaturarum omnium merè corporaliũ,* [k] *quę non ſunt capaces amicitiæ Dei, neque beatitudinis.* [l] *Quamuis enim Diuina Maieſtas ſibi ipſa ſufficeret,* [m] *nec vllius creaturæ conſortio indigeret ad perfectam ſuam beatitudinem;* [n] *quia tamen bonũ eſt diffuſiuum ſui,* [o] *voluit Deus creaturam merè ſpiritualem & intellectualem creare,* [p] *cum qua amicitiam iniret per gratiam,* [q] *atque illi ſuam etiam beatitudinem communicaret per gloriam.*

[r] *Denique tertium etiam rerum genus addidit, ex corpore ſcilicet & ſpiritu conſtans,* [ſ] *nempe humanum genus, in quo creaturarum omnium quaſi compendium effecit:* [t] *homo enĩ habet eſſe ſeu exiſtentiam cum rebus inanimatis,*



ꞗui ꞗẻ cử đức Chúa blời. [h] bởi lŏài nầy, lào lành đức Chúa blời càng ra tỏ tuầng, [i] hơn khi đức Chúa blời hŏá ra thế giái nầy ta xem, cử muân vật những có mềnh ꞗóc; [k] vì chưng bay nhều ſự ấy chẳng két được nghĩa cử đức Chúa blời, lại chẳng có chịu được ꞗui ꞗẻ cử.

[l] Vì chưng dù mà đức Chúa blới một mềnh đã blọn, [m] mà chẳng dử đí gì bề ngŏài, cho được blọn ꞗui ꞗẻ: [n] ſaŏ lễ ꞗuần ſự lành hay thoŭ cử kẻ khác, [o] đức Chúa blời đã tŏan hŏá ra lŏài thiêng liêng thoŭ minh ſáng láng; [p] mà cho lŏài ấy chịu, *gratia*, là nghĩa cử đức Chúa blời, [q] lại cho lŏài ấy chịu ꞗui ꞗẻ cử, là, *gloria.*

[r] Sau nữa thì đức Chúa blời ſinh ra rót hết lŏài thứ ba, có xác và có linh thiêng, [ſ] là lŏài người ta, thật là tóm lại mọi lŏài. [t] vì chưng lŏài người ta thì có mềnh [t]

[u] *vitam vegetatiuam cum plantis & arboribus, ſenſitiuam cum animalibus,* [x] *& rationalem etiam cum Angelis,* [y] *per quam capax etiam eſt amicitiæ Dei per gratiam,* [z] *& beatitudinis æternæ per gloriam, ſicut ipſi Angeli.* [a] *Hominibus autem dat Diuina Bonitas infinita huius vitæ ſpatium,* [b] *ad promerendam beatitudinem æternam;* [c] *eo ſcilicet pacto, vt ſi Diuinam voluntatem huius vitæ præſentis tempore fuerint executi,* [d] *æternam in futuro acquirant beatitudinem:* [e] *ſi verò rebelles fuerint Dei præceptis & voluntati,* [f] *niſi reſipuerint vitæ præſentis tempore,* [g] *in futuro ſæculo æternis ſint cruciatibus torquendi;* [h] *in quo tum Diuina bonitas, tũ iuſtitia elucet.* [i] *Bonitas quidem & pietas infinita, quod humanum genus ad tantam dignitatem euexerit, vt Diuinæ fieret natu-*



như các vật chẳng ſóũ: [u] lại có ſóũ, như cây cối, cử cỏ hay, như muâng chim cầm thú: [x] mà lại có ſinh ngŏan thiêng liêng, như thiên thàng, [y] cũ chịu được, *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, [z] lại chịu được *gloria*, là ꞗui ꞗẻ vô cũ, như bàng thien thần ꞗệy. [a] Mà đức Chúa blời lão lành vô cũ, thì cho lŏài người ta ſóũ ở thế nẫy, [b] mà kiém coũ cho được chịu ꞗui ꞗẻ vô cũ: [c] mà có giao làm ꞗểy: ví bàng ai, khi côn ſóũ ở thế nẫy, có ꞗưng ý đức Chúa blời, [d] thì đời ſau được ꞗui ꞗẻ vô cũ. [e] ví bàng cãi phép đức Chúa blời, chẳng giữ mlời răn, [f] mà chẳng chừa khi còn ſóũ ở thế nẫy; [g] đời ſau thì phải chịu hình khôn nạn đời đời ꞗệy. [h] mà thế ểy và lão lành, và thưởng phạt đức Chúa blời thì ra tỏ: [i] lão lành vô cũ thì ra tỏ, vì chưng đức Chúa blời cho lŏài người ta lên chịu chức tlão lŏài đức Chúa blời ꞗệy,

ræ

*ra conſors*, [k] *ſi tamen Diuinis voluerit obedire mandatis, vt hoc aſſequatur* [l] *Iuſtitia verò etiam infinita Dei demonſtratur in eo*, [m] *quod obtemperantibus ſibi præmium largiatur æternum*, [n] *beatitudinem ſcilicet æternam in cœlo*, [o] *bonorum omnium ac ipſiuſmet Dei poſſeſſione cumulatam.* [p] *at rebellibus ſupplicia etiam infligat æterna* [q] *Quare non mirandum, quod in hac vita breui amicis ſuis interdum Deus præſentia & peritura bona deneget*, [r] *quæ malis & peruerſis hominibus, atque adeò inimicis ſuis, plena interdũ largitur manu:* [ſ] *quin etiam ſæpe amicos ſuos in hoc ſæculo pœnis, & calamitatibus affligit*, [t] *& contra inimicos ſuos gaudere in hoc ſæculo ſinit*, [u] *vt patet olim in Lazaro Sancto paupere, & diuite quondam Epulone:* [x] *ille namque in hac vita paupertate ac morbis*



[k] mà có ꞗượng phép đức Chúa blời, giữ mlời rǎn, thì được chức ẽy, [l] mà lại thưởng phạt vô cũ đức Chúa blời cũ tỏ ra; [m] vì kẻ ꞗượng phép, đức Chúa blời thì thưởng vô cũ, [n] khi cho phúc ꞗui bẻ đời đời ở tlên blời, [o] lại cho chịu mọi sự lành, cũ thấy mạt đức Chúa blời ꞗệy: [p] mà kẻ làm nguỵ, chẳng ꞗượng phép đức Chúa blời, thì bát tội vô cũ. [q] Vì ꞗệy ta chớ có hãy, khi thấy đức Chúa blời thử làõ kẻ lành, mà có khi chẳng cho của thế gian nẫy hay qua, [r] mà lại có khi thì của thế gian nẫy phát raõ raĩ ra cho kẻ dữ, là nguỵ cũ đức Chúa blời: [ſ] cũ có khi ở thế nây, đức Chúa blời cho kẻ lành chịu đều sự khốn khó, [t] lại có khi thì cho kẻ dữ nhũng sự lành, ở thế gian nẫy ꞗệy. [u] như đời xua làm cũ oũ thánh Lazaro khốn khó, và cũ đứa giầu dữ: [x] vì chưng oũ thánh Lazaro còn ở thế | [x]

*affli-*

*aſſlictus*, [y] *nunc gaudÿs potitur, innumeris iam à mille ſexcentis & amplius annis, & in æternum potiturus eſt in cælo:* [z] *hic verò ad breue huius vitæ præſentis tempus bona temporalia recipiens,* [a] *iam pœnis cruciatur æternis, igneque æterno torquetur in inferno, iam à mille ſexcentis & amplius annis,* [b] *& in æternum torquendus eſt abſq; vlla vnquam euadendi ſpe, nec etiam moriendi.*

[c] *Quamuis etiam interdum Diuina iuſtitia malos in hac vita puniat, vt alÿ reſipiſcant,* [d] *& ne impÿ Dei prouidentiam in rebus humanis negent:* [e] *ſic etiam interdum bonis in hac vita bona temporalia tribuit,* [f] *vt ſpe ſaltem illorum bonorum fragiliores ad ſe trahat,* [g] *& ad ſpiritualia & æterna tandem erigat. Ex his etiam colligitur vita venturi ſæculi:* [i] *cùm enim*



nay chiu khó khán đau đớn [y] bây giờ đã hơn, một nghìn ſáu tlàm nàm chịu ꞗui ꞗẻ, kể chẳng xiết, lại đời đời vô cữ một chịu ꞗui ꞗẻ ꞗệy: [z] mà đứa dữ ẽy, đã chịu ꞗui một gey ở thế gian nẫy, [a] ſaõ le bây giờ chịu nhưng khốn nạn đời đời, cữ chịu lửa địa ngoục, đã hơn một nghìn ſáu tlam nam: [b] lại chịu ꞗệy đời đời, cữ chẳng có tlouũ được đàng naò mà khỏi, lại chẳng chết cho.

[c] Saõ cữ có khi thưẩng phạt đức Chúa blời bát kẻ dữ, còn ở thế gian nẫy, cho kẻ khác chừa; [d] lại cho kẻ dữ chớ ngờ đức Chúa blời chẳng trị ſự người ta: [e] cữ có khi thì đức Chúa blời chia ſự vật thế gian nẫy cho kẻ lành, [f] mà làm ꞗệy cho kẻ yếu đạo đến cữ, vì nó tlouũ cuả thế nẫy, [g] ꞗệy thì ſẻ ſẻ rủ nó yêu của linh hồn hàng có ꞗệy. Cữ lẽy mlẽ nây mà ſuy ſử đời ſau: [i] vì chưng có dều người lành ở thế

plerique

*plerique iuſti in hac vita affligantur paupertate & miſerijs; [k] & è contra impij proſperitatibus & diuitijs in hoc ſæculo potiantur, [l] & ſæpiſſimè ad vltimam vſque ſenectam. [m] hinc neceſſariò ſequitur ſupereſſe futurum ſæculum, [n] in quo ſcilicet ſupremus rerum Dominus, vtpote rectiſſimus & æquiſſimus; [o] bonis præmia pro meritis largiatur æterna; [p] & malis pro demeritis ſupplicia etiam infligat æterna, [q] & hoc eſt quod communiter in ore omnium fertur, è veſtris libris & antiqua traditione depromptum: [r] ſcilicet hanc vitam ſolùm eſſe in tranſitu, per mortem verò reuerſionem fieri ad patriam permanentem. [ſ] bonis enim & fidelibus ſeruis Dei, [t] mors nihil eſt aliud, quàm tranſitus ab hac miſeriarum valle, ad Patriam cæleſtem, [u] in qua æternis cumulentur bonis à ſupremo rerũ Conditore Deo, [x] æternùmque cum illo viuant beatiſſimi. [y] ma-*



nẩy khó khan, khốn nạn, mà chịu ꞗệy; [k] lại có kẻ dữ, ở đời nẩy ꞗui ꞗẻ, giầu có phú qúi, [l] má có nhêu lần cữ đến già cả làm ꞗệy. [m] bởi đấy ta ſuy mlẽ, thạt hay còn có đời ſau, [n] mà đời ếy đức Chúa blời, là Chúa cả mọi ſự, thạt là chí linh chí coũ, [o] mà thưởng kẻ lành, chịu phúc ꞗui ꞗẻ đời đời, bàng coũ mềnh; [p] lại phạt kẻ dữ, chịu bàng tội mềnh, mà khốn nạn đời đời ꞗệy. [q] ếy là đều miệng thien hạ quen nói, bởi ſách An nam, và truyền đời xưa ráng: [r] (ſinh kí dã, tử qui dã) ſoũ là gưởi, chết là về: [ſ] vì chưng kẻ lành, mà thờ phượng đức Chúa blời cho nên: [t] khi ſinh thì, ếy là khỏi nơi thoũ khốn nạn, mà về quê tlên blời, [u] nơi đức Chúa blời, là Chúa rứt cả tlên hết mọi ſự, thứ-ang vô cữ, [x] mà cho hàng ſoũ, cữ ꞗui ꞗẻ thinh nhàn đời đời ꞗệi: [y] nà kẻ dữ, khi chết cữ là qua cho

*lis verò mors eſt etiã tranſitus ad æternos cruciatus, [z] quibus à iuſtiſſimo Iudice Deo per mortem æternam puniantur in Inferno. [a] Nam ſicuti Deus eſt ſummè bonus & pius erga bonos; [b] ſic etiam eſt ſummè iuſtus erga impios. [c] Hæc igitur attributa ſupremi rerum Conditoris ac Domini cæli & terræ, ac rerum omnium, [d] habemus non ſolum per reuelationem, in eius libro ab ipſo factam, [e] ſed etiam per rationem naturalem, cordi noſtro impreſſam & ſignatam ab ipſo Deo. [f] Quod ſcilicet ſit Infinitus in eſſentia, Aeternus in duratione, Immenſus in præſentia, [g] Sapientiſſimus in conſilijs, [h] Omnipotentiſſimus in operatione, [i] Optimus & Liberaliſſimus in ſui communicatione, [k] & Aequiſſimus in iudicijs ineffabilibus & incomprehẽſibilibus. [l] Infinita igitur eius Maieſtati & Eſſentiæ*



mà chịu tọi đời đời: [z] vì chưng đức Chúa blời coũ bàng vô cữ, phán xét bắt tội nó tlaõ địa ngoục, chết vô cữ. [a] Vì chưng đức Chúa blời bàng thưàng kẻ lành, thì rứt nhin, rứt lành, [b] mà phạt kẻ dữ, thì chi linh, chi coũ ꞗệy. [c] ꞗệy ꞗệy mà bấy nhêu ſự nấy ở tlaõ đức Chúa blời, là Chúa cả làm nên blời đết, cữ mọi ſự, [d] thì ta đã hay, vì có mlới tlaõ kinh đức Chúa blời, [e] mà lại có mlẽ thạt tlaõ lòng ta, đức Chúa blời in ꞗẽào cho ta hay bấy nhêu ſự nấy ở tlaõ đức Chúa blời, [f] là tính thiêng liêng vo cữ, mà hàng có ꞗệy, lại mọi nơi mọi có đức Chúa blời, [g] cữ lá rứt khôn biét mọi việc tõan: [h] mà việc làm thì có phép tác vô cữ, [i] nơi thoũ mênh ra, thạt là laõ lành, và tọũ rãi vô cữ, [k] nơi phẫn xét, thì rứt coũ bàng, và ſâu nhiệm, ta ſuy chẳng đến. [l] mà ta phải hay, vì đức Chúa blời là tính thiêng liêng

[m] *ſupre-*

[m] *ſupremam debemus adorationem & cultum, præſertim in anima noſtra ſpirituali, quæ ab ipſa ſola eſſẽtiam participat,* [n] *& in ſpiritu præcipuè vult adorari & coli, cum ſit infinitus ſpiritus,* [o] *tanquam primum principium, & vltimus finis noſter, ac rerũ omnium:* [p] *atque ex hac adoratione & cultu interno,* [q] *debet procedere adoratio externa corporis,* [r] *vt ſit illi ſupremæ Maiſtati grata.*

[ſ] *Infinitæ illius immenſitati & præſentiæ ſuprema debetur reuerentia,* [t] *vt ſcilicet vbique præſentem recordemùr, reuereamur, & timeamus videntem,* [u] *nec in eius venerabilis Maieſtatis præſentia audeamus, quod in præſentia ſupremi cuiuſdam Principis, vel etiã coram vniuerſo mundo non auderemus.*

[x] *ex Aeterna eius vita & duratione infinita, abſque principio & fine,* [y] *colligere*



[m] vô cữ, [m] thì ta phải lạy mà thờ, tlước tlaõ linh hồn ta, là thính thiêng, bởi một đức Chúa blời mà có [n] vì tính thiêng liêng vô cữ, thì khiến lẽy tính thiêng tlước, mà lạy và thờ đẽy, [o] vì là cội rẽ đầu hết mọi ſự lành chúng tôi, và các kì ſự. [p] ꞗệy vì có lạy và thờ tlaõ làõ tlước, [q] ſau thì mới lẽy xác mà lạy bẽ ngoài, [r] thạt làm ꞗệy đức Chúa blời mới yêu.

[ſ] Mà vì đức Chúa blời mọi nơi mọi có, thì ta phải kính ở no mọi nơi; [t] vì ꞗệy ta phải đớ lien, mọi chỗn mọi có đức Chúa blời thẫy ta: [u] mà đều gì tlước mạt ꞗua chúa cả thế nẫy, hay là tlước mạt cả và thien hạ, ta chẳng đẽám làm, thì tlước mạt rứt traõ đức Chúa blời ta chớ dẽám.

[x] Lại vì đức Chúa blời là ſóũ lâu vô cữ, mà chẳng có tlước, cũ chẳng có ſau, thì hàng ſóũ ꞗệy, [y] ta phải ſuy mlẽ làm

*debemus, vt ſicuti hanc vitam ab illo fonte totius vitę haurimus;* [z] *ſic à nullo alio vitæ huius prorogationem ſperemus, quam ab illo qui eſt fons vitæ.* [a] *ſtultitiæ namque eſt non ferendæ, à mortuis parentibus, qui ſibi ipſis vitam prorogare non potuerunt, vitam petere aut ſperare.* [b] *neque ſolum vitam hanc & ſanitatem corporalem à ſupremo vitæ omnis fonte Deo ſperare debemus,* [c] *ſed præcipuè vitam animæ noſtræ, quæ conſiſtit in eiuſdem gratia & amicitia,* [d] *quam ſi vſque ad finem vitæ huius caducæ habuerimus,* [e] *æternæ etiam vitæ & beatitudinis perennis, cum ipſo Deo in gloria paradiſi, participes futuri ſumus.*

[f] *Sapientiam quoque infinitam ſupremi rerum Conditoris venerabimur,* [g] *credentes nihil omninò eſſe poſſe occultum oculis Maieſtatis eius,* [h] *ne cogitationes quidem & affectiones cor-*



ꞗềy, ta ſóũ, thật là ꞗởi đức Chúa blời, là cội rễ đầu mọi ſự ſóũ: [z] vì ꞗệy khi ta muấn cho ſóũ lâu, thì ta cậy một đức Chúa blời mà chớ. [a] ai muấn cho ſóũ lâu, mà cầu cữ cha mẹ, oũ bà oũ vãi đã chết, chữa mình cho ſóũ lâu chẳng được, thì thật là dại chóuc. [b] vì ꞗệy ta phải cậy một đức Chúa blời, là cân ngỗen đầu mọi ſự ſóũ, chẳng những là cho ta ſóũ và khỏẻ xác nầy: [c] mà lại đầu hết ta phải cậy đức Chúa blời cho linh hồn ta ſóũ, là giữ nghĩa cữ đức Chúa blời, gói là (*gratia*) [d] ví bàng ta giữ nghĩa nầy cụ̈ đức Chúa blời, cho đến chết, [e] thì đức Chúa cho ta ſóũ lâu vô cữ, ꞗui ꞗẻ vô cữ tlên blời, củ đức Chúa blời ꞗệy.

[f] Cho ta kính được hay biết vô cữ đức Chúa blời, là cội rễ đầu mọi ſự, [g] thì ta phải tin chẳng có đí gì cốet mạt đức Chúa blời [h] dù lào ta cô lo, có đọũ làm ſao, | [k]

*dis*

*dis noſtri, [i] ſed omnia omninò illi eſſe manifeſta,* i
*[k] præſeutia, præterita & futura,* k
*[l] nihilque prorſus illum latere poſſe,* l
*[m] vnde nec falli poteſt, nec fallere* m
*[n] quia infallibilis veritas eſt.* n

*[o] Illam itaq. ſummã ſapien-ntiã venerabimur.* o
*[p] ſi crediderimus verbis eius,* p
*[q] & intellectum omnem noſtrũ ſubiecerimus infinitæ ipſius ſapientiæ & cognitioni* q
*[r] infinitum etiam Diuinæ Maieſtatis oculum, cui nuda & aperta ſunt omnia, venerabimur,* r
*[ſ] ſi mentis noſtræ oculos ad ipſum venerabundi quam ſæpiſſimè direxerimus,* ſ
*[t] conſiderantes nobis ita inuigilantem,* t
*[u] atque operibus noſtris, tam internis, quam externis ita intentum,* u
*[x] ac ſi nihil aliud in vniuerſo mũdo videndum illi ſupereſſet;* x
*[y] hæc enim ſæpè repetita & fermè continua conſideratio,* y
*[z] magnam in nobis Diuinæ Maieſtatis* z



i [i] thì đức Chúa blời đã
k biét tó tưẫng hết, [k] dẫu mà đí gì đã qua, hay là chưa có, thì cũ đã hay,
l [l] mà chẳng có đí gì giấu đượꞔ đức Chúa blời.
m [m] Vì ꞗêy chẳng có ai nói dối đượꞔ đức Chúa blời, mà lại đức Chúa
n blời chẳng có nói dối đượꞔ ai, vì chưng đức Chúa blời là thật nhít.

o [o] Vì ꞗệy cho ta kính hay biét vô cũ đức Chúa
p blời, [p] thì ta phải tin mọi mlời đức Chúa blời tru-
q yèn cho, [q] mà những trí ta bỏ dưới hay biét vô
r cũ đức Chúa blời. [r] lại cho ta kính dái hay biét vô cũ đức Chúa blời, xem tó tưẫng hét mọi
ſ ſự, [ſ] thì ta phải kính dố lien mạt đức Chúa blời;
t [t] mà ta ngám đức Chúa blời coi thẫi ta lien, [u] và
u mọi việc ta, và tlaố làố, và ꞗề ngŏài tó tưàng.
x [x] cũ bàng có ta, mà chẳng còn có đí gì tlaố thé giái
y nẫy nữa mà xem: [y] vì chưng ta dố làm ꞗệy nhều lẫn, giẫn như thể bàng liên liẽn, [z] thạt là z

rer

*reuerentiam, ſanctumque*
*timorem ingenerabit*, [a] *ne* a
*fortè in aliquo tantæ Ma-*
*ieſtatis oculum offendamus.*
[b] *Infinita etiam ſupremi* b
*rerum Conditoris Omnipo-*
*tentia, in qua ſcilicet, &*
*per quã viuimus, mouemur*
*& ſumus*, [c] *ſi à nobis benè* c
*perſpecta fuerit, ac probè*
*intellexerimus*, [d] *nos ne pe-* d
*dem quidem mouere poſſe,*
*ſine ipſius adiutorio*. [e] *ex* e
*vna parte magnam nobis*
*deſpicientiam noſtri & hu-*
*militatem pariet*, [f] *cum* f
*clarè videamus, nos ex no-*
*bis nihil omninò poſſe*, [g] g
*atque in nihilum redigen-*
*dos, niſi continuus Diuinæ*
*Potentiæ influxus nos con-*
*ſeruaret*, [h] *etiam in eſſe* h
*naturali, quod ab ipſa ſine*
*vllis noſtris meritis habe-*
*mus*. [i] *Hoc multò magis* i
*in eſſe gratiæ & ſuper na-*
*turali verum eſt*, [k] *ad quod* k
*per infinitam eius miſeri-*
*cordiam aſſumimur, vt*
*Diuinæ conſortes Naturæ*
*ſimus per gratiam*; [l] *quia* l
*nec ipſam gratiam ſancti-*
*ficantẽ animas noſtras, ſi-*



làm cho ta kính dái đức
a Chúa blời lám, [a] má giữ
ta, kẻo phạm ſự gì mất
b làõ đức Chúa blời. [b] lại
khi ta ngám phép tác vô
cữ đức Chúa cho ta ſóũ,
c và đọũ, và ở, [c] thạt thì
d nếu hay tỏ tưẫng, [d] đức
Chúa blời chẳng có giúp
ſức, thì bức một chin
e ra cũ chẳng được, [e] một
bên thì ta ra làõ kiem
nhưẫng, mà lấy ta là kẻ
f hèn lám, [f] vì chưng thì
ta biét tỏ tưẫng, bởi một
mềnh ta, làm đi gì đí gì
g chẳng được ſốt, [g] mà
lại ví bàng đức Chúa
blời chẳng phù họ ta
h lien, ta lại về khoũ: [h] dẫu
là bổn tính mình, đức
Chúa blời hư khoũ cho
ta, mà ta chẳng có coũ
gì: đức Chúa blời chẳng
giữ, thì cũ ra khoũ đấy.
i [i] hoẫng chi là tính, *gra-*
*tia*, là lõài trạõ gần đức
k Chúa blời, [k] bới làõ tư
bi đức Chúa blời thư-
ẫng vô cữ, mà đam ta
lên lõài tính đức Chúa
l blời, gọi là, *gratia*. [l] vì
chưng nếu đức Chúa

*ne*

*ne peculiari eius adiutorio habere poſſumus,* [m] *nec in illa perſeuerare, niſi continuis eius gratiæ auxilijs adiuuemur.* [o] *ex alia verò parte ſi Omnipotentiam ſupremi Numinis paratam ad nos iuuandos benè perſpexerimus,* [p] *non ad opera ſolum naturæ, ſed etiã gratiæ,* [q] *magna in nobis orietur confidentia & ſpes,* [r] *quod ſcilicet nihil non poſſimus in eo Omnipotenti Deo, qui nos confortat.*

[ſ] *Sed infinita ſupremi Numinis bonitas* [t] *& Caritas, qua dilexit nos, etiã ante mundi cõſtitutionem,* [u] *& in tempore præſtituto ſe nobis communicauit, creando nos ad imaginem & ſimilitudinem ſuam, quã dedit animabus noſtris:* [x] *parata etiam illam imaginem inſtaurare atque perficere,* [y] *per gratiam & amicitiam ſuam,* [z] *ſi probè illam perpendamus, apta eſt excitare in cordibus*



blời chẳng cho ta ſức rieng, mà ta chịu lểy phép *gratia* ( làm cho linh hồn ta nên thánh) chẳng được. [m] lại giữ *gratia*, lá nghĩa cữ đức Chúa blời, cho đến blọn đời, [n] mà đức Chúa blời chẳng phù họ ta lien, thì chẳng được đâu. [o] lại bên khác, thì ta nhớ đức Chúa blời phép tác vô cữ, mà dọn lien giúp ta, [p] chẳng những là việc mọn vể thể nấy, cữ giúp ta việc trạo, *gratia*, về đời ſau, [q] ta ra lào cao, tlou cậy phép vô cữ đức Chúa blời, [r] mà ta cạy cả ſức vô cữ làm bệy, chẳng có ſự gì ta chẳng được.

[ſ] Sao le ſự đức Chúa blời lão lành vô cữ, [t] ái mộ ta làm ſao, cữ khi chưa có thể giái, [u] mà khi đã tŏan ſinh ra ta, cữ thou cho ta làm ảnh tượng đức Chúa blời ở tlao linh hồn ta: [x] lại dĕon ſửa lại ảnh nẩy, mà làm cho khéo hơn nữa [y] phủ cho, *gratia*, la nghĩa cữ đức Chúa blời, [z] nếu ta ſuy lại cho nên, thạt thì làm cho

*noſtris*

*noſtris ingentem flammam amoris ſui.* [a] *Cur enim ſummoperè non diligamus infinitam Bonitatem,* [b] *quæ nos adeò immeritos, & viles homunciones tanta charitate prior dilexit?* [c] *Et quoniam verus amor non in præclaris verbis, ſed in operibus eximijs poſitus eſt,* [d] *& vt ipſamet ſuperma Bonitas ſuis nobis eloquijs ſignificare dignata eſt,* [e] *in mandatorum ipſius perfecta cuſtodia conſiſtit vera eius dilectio;* [f] *vt tanta Bonitati aliquãtulum grati reſpondeamus,* [g] *curabimus præcepta ipſius integrè cuſtodire,* [h] *cum gratia eiuſdem ſupremi Numinis,* [i] *ſine qua nihil poſſumus.* [k] *Denique rectiſſima ſupremi rerum Cõditoris, & incorrupti Iudicis æquitas,* [l] *qua vnicuique retribuit iuxtà ſuũ meritum, aut demeritum:* [m] *bonis quidem beatitudinem ſempiternam in cælo* [n] *malis verò æternos cru-*



mến lại, mà cám ơn đức Chúa blời lám. [a] Mà ſao ta chẳng ái mộ lại lành vô cữ đức Chúa blời, [b] khi tlước đã yêu ta chẳng có coũ gì, mà là kẻ hèn, và mộ ta tlước lám thế ếy? [c] ſaõ lẻ vì laõ yêu thạt, chẳng phải là khéo mlời nói, thạt là việc traõ mình làm, [d] mà như có mlời đức Chúa blời nhít lành, [e] thạt kính mến đức Chúa blời, là giữ mlời đức Chúa blời răn cho blón; [f] ví ꞗệy cho ta cám ơn laõ lành vô cữ đức Chúa blời, [g] thì ta phải dọuc laõ giữ mlời đức Chúa blời răn cho blọn, [h] mà đức Chúa blời cho ſức ếy thì mới được, [i] chẳng có ſức đức Chúa blời cho, thì ta chẳng được đí gì sốt. [k] Sau nữa khi có đức Chúa blời coũ bàng vô cữ, phán xét chẳng tây ai, [l] mà thưởng phạt ai nếy, bàng có coũ, hay là có tọi: [m] kẻ lành thì thưẩng cho ꞗui ꞗể vô cữ tlên blời, [n] kẻ dữ

*ciatur*

*ciatus in inferno ; [o] hac vrget nos vt, Iudicem ſupremũ, dum exorabilis eſt, deprecemur, [p] ſuperioris vt vitæ innnmera nobis errata condonet, [q] dolentes maximè, quod tantam offenderimus Maieſtatem, eiuſque iram meruerimus; [r] cum propoſito vitam deinceps corrigendi, iuxtà normam Diuinæ Voluntatis, & præceptorum eius: [ſ] in eius ſcilicet infinita Miſericordia confiſi, quod veniam ſupplicibus & pœnitentibus ſit datura.*

*[t] Atque hæc cognitio de Deo, à lumine ipſo naturæ accepta, iam ſufficiat.*



thì phạt, mà bắt chịu hình đời đời tlaố địa ngoục; [o] ſự làm ꞗệy thì ép ta cầu cữ đức Chúa blời, khi chưa có phán xét ta, mà còn cho cầu cữ [p] ta xin tha tội, ta đã phạm ngày tlước, kể chẳng xiết: [q] ta lo buần vì đa lỗi nghĩa cữ đức Chúa blời traố làm ꞗệy: [r] mà ta dĕoục làố, từ nấy về ſau chừa, là theo í đức Chúa blời, và giữ mlời răn. [ſ] mà ta khiem nhưẫng cầu tha, và ăn năn tội, thì cậy đức Chúa blời nhin lành vô cữ, tha tội tha vạ cho chúng tội.

[t] Mà biét bay nhêu ſự đức Chúa blới, bởi làố ta ſuy mlẽ làm ꞗệy, bây giờ thì ꞗừa.

## Dies tertius.

[a] *SVpra breuitèr expli-* a
*catum eſt, quod iam*
*ab æterno, antequã eſſet cę-*
*lum aut terra aut quidquã*
*aliud,* [b] *iam erat ſubſtantia* b
*ſpiritualis eſſentiæ infinitæ,*
*æternæ, immenſæ,* [c] *ſapien-* c
*tiam quoque habens infi-*
*nitam omnipotentiam in-*
*finiam, bonitatem infini-*
*tam;* [d] *æquitatem denique* d
*& iuſtitiã infinitã.* [e] *Atque* e
*hæc ſubſtantia infinita, quæ*
*vocatur Deus, verusq; cæli*
*Dominus* [f] *: quamuis nullo* f
*indigens, ſibique ſola ſuffi-*
*centiſſima eſſet, ad perfectũ*
*ſuam beatitudinẽ, omni ex*
*parte completam;* [g] *pro ſua* g
*libera voluntate ac infinita,*
[h] *voluit creaturas ex nihi-* h
*lo, in quo ab æterno iacue-*
*rant, per ſuam Omnipoten-*
*tiam extrahere,* [i] *illiſque* i
*exiſtentiam in tempore*
*præſtituto tribuere,* [k] *cre-* k
*ando ſcilicet cœlum & ter-*
*ram, omniaque in illis*
*contenta:* [l] *quæ quamuis* l
*potuiſſet vnico momento ſi-*

## Ngày thứ bã.

a [a] NGày tlước đã
giảng, khi chưa
có blời, chưa có đất,
chưa có đí gì sốt tlước
b vô cữ, [b] đã có tính thi-
êng liêng, là tính khí vô
cữ. hàng có vô cữ, phủ mọi
c nơi vô cữ, [c] mà hay biết
mọi ſự vô cữ, phép tác
d vô cữ, làõ lành vô cữ, [d]
lại là coũ bàng vô cữ.
e [e] Mà tính thiêng liêng
vô cữ nãy, gọi là Chúa
*Deus*, thật là đức Chúa
f blời. [f] dầu chảng có dữ
gì bề ngŏài, mà bui có
blọn ꞗui ꞗể một mềnh
g no mọi đàng; [g] ſaõ le vi có
chúa í mềnh, lại có làõ
h lành vô cữ, [h] thì có tŏan
dữ phép mềnh vô cữ,
mà bởi khoũ hŏá ra
mọi ſự có, dẫu xưa đời
i đời một khoũ ꞗệy: [i]
đến ngầy tŏan làm, thì
k cho mọi ſự có, [k] má làm
nên blời đết, cữ mọi ſự
ở tlaõ thế giái nẫy ꞗệy:
l [l] mà dù đức Chúa blời
có muấn hŏá ra một chốc

*mul.*

*mul omnia* [m] *per vnicum ſuæ voluntatis efficaciſſime actum producere,* [n] *& alia innumera etiam perfectiora,* [o] *quæ in nihili tenebris liberè reliquit:* [p] *ea tamen quæ creauit, voluit ſex dierum ſpatio facere;* [q] *tum vt oſtenderet ſe liberè agere quod ageret;* [r] *tum etiam vt rerum, quas ſingulis diebus producebat, inſufficientiam demonſtraret.*

[ſ] *Prima igitur die creauit Deus cælum empireum,* [t] *ſcilicet ad electorum ſuorum beatiſſimam, atque perpetuam habitationem;* [u] *& terram, indigeſtam aquiſque circumquaq; coopertam,* [x] *cumq; omnia tenebris circunfuſa eſſent, ſicuti creauit Deus lucem corporalem, per quam corporalia fierent viſibilia:* [y] *ſic etiam lucem ſpiritualem creauit, ſubſtantiam ſcilicet merè ſpiritualem & intellectualem, quæ non ſolũ creaturas omnes, naturaſq;*



mọi ſự thì cũ đươc, [m] mà khiến một mlời, chẳng những ra đều hết ſự thế giái nầy, [n] mà lại hoá ra đươc muân vàn thế giái khác vô cũ, tốt hơn thế giái nầy, [o] dầu đã tŏan để các thế giái khác khoú ꞗệy: [p] ſaõ le mọi ſự đã tŏan làm ra, mà có; thì tŏan làm ra tlaõ ſáu ngày; [q] và cho ta hay đức Chúa blời có chúa í tứ, mà làm ra bay nhêu ſự nẫy; [r] và lại tỏ ra làm mỗi một ngày ſự nọ ſự kia thì ra thiếu, mà một mềnh chẳng đủ.

[ſ] Vì ꞗệy thì ngẫy thứ nhít đức Chúa blời hoá ra blời tlên, [t] để làm đền ꞗui ꞗé cho các thánh, đã chọn ở đếy đời đời; [u] lại ſinh ra đết còn hổn độn, có nước chung quanh: [x] khi ếy còn tối tam hết, mà đức Chúa blời ſinh ra, và ſáng có xác, cho ta thấy đươc ſự có hình, có xác: [y] lại ſinh ra ſáng thiêng, là tính những thiêng liêng ſáng biét: mà tính thiêng liêng ếy

*& proprietates eorum, clarè ac perfectè perſpiceret:* [z] *ſed etiam fieret capax à Deo per gratiam, ad videndum ipſum Deum,* [a] *(quãuis naturaliter à creatura, etiam qualibet rationali & intellectuali, inuiſibilem)* [b] *ſi tamen perfectè Creatori ſuo ſubiecta, æternam illam beatitudinem mereretur.* [c] *Creauit igitur ſupremus rerum Artifex & Dominus nouem, Angelorum Choros, qui ſinguli ſunt numeroſiſſimi:* [d] *quod vel inde colligi poteſt, quod ex ſolo infimo Angelorum Choro ſupremus rerũ Dominus ſingulis hominibus ſingulos deputauerit Angelos,* [e] *qui per totum vitæ huius curriculũ, ab hora natiuitatis vſq; ad horã mortis, illos cuſtodiant:* [f] *vnde colligitur in illo ſolo infimo Choro tot ſaltem eſſe cunctos Angelos cuſtodes, quot ſunt homines qui ſũt ſuperſtites in toto mundo.* [g] *dicũt autem Sancti aliqui viri,*



cháng nhữ̃ng là biết mọi tính đức Chúa blời ſinh ra, và biét tó mọi phép
[z] bấy nhêu tính ấy: [z] mà lại bởi đức Chúa blời chịu được ſức, là *gratia*, cho thấy mạt đức Chúa
[a] blời: ( [a] dù mà các lòài thiêng liêng, bởi mềnh chẳng có ſức nào, mà thấy được mạt đức
[b] Chúa blời·) [b] ſaố le chịu lụy đức Chúa blời cho blọn thì thín thiêng liêng ấy được coú chịu ꞗui ꞗé làm ꞗệy, đời đời.
[c] [c] Vì ꞗệy đức Chúa b!ời là Thợ cả Chúa cả ſinh ra chín đứng thien thẫng, mà mỗi một đứng có
[d] nhều thien thần lám, [d] ſự ấy thì tó ra, vì chưng dấu mọt đứng thien thần dưới đủ mỗi một người có mỗi một thien thần, đức
[e] Chúa blời [e] cho thien thần ấy giữ gìn ta còn ſóũ ở thế nầy, từ ngày ſinh đẻ cho đến ngấy chết thì
[f] giữ ꞗệy: [f] vì ꞗệy thien thần một đứng dưới, ít là, có bao nhều người
còn ſóũ ở cả vằ thien hạ, thì có bay nhêu đức thành thien thần ấy giữ đấy. [g] lại có người thánh [g]

*eò plures eſſe Angelos in ſuperioribus Choris, quò nobiliores ſunt.* [h] *Vnde fit vt numerus militum ſummi Regis ac Domini* [i] *ſit omninò innumerabilis reſpectu noſtri.* [k] *Sapintia autem illorum eſt tanta,* [l] *vt rerum omnium naturaliũ cognitionem habuerint à primo inſtanti quo creati ſunt,* [m] *quamuis quoad myſteria ſupenaturalia & Diuina* [n] *nouum ſemper lumen à Deo acquirant;* [o] *ita vt tres Chori ſuperiores à ſupremo Rege, cui ſemper aſſiſtunt, lumen illud immendiatè accipiant,* [p] *& hi rurſus tres Choros medios illuminent,* [q] *qui tres Chori medij lumen à ſupremis tribus Choris acceptũ, rurſum communicẽt tribus Choris infimis;* [r] *vt ſcilicet ſic gradus omnes à ſupremo Rege vel immediatè,* [ſ] *vel mediantibus gradibus ſuperioribus illuminati,* [t] *voluntatem ſupremi Domini impigrè exequantur.* [u] *Potentia verò & efficacia in illis tanta eſt,*



ràng, thien thần càng đứng tlên thì càng nhều. [h] vì ꞗệy cŏên đức Chúa blời, là ꞗua Chúa cả tlên hết mọi ꞗua, [i] vô hồi vô số, ta kể chẳng được. [k] mà hay biết thien thần thì đến chừng ẽy, [l] khi đầu hết đức Chúa blời ſinh ra, đã biết mọi tính thể giái nẫy. [m] ſaố le ſự bề tlên khỏi tính thể giái nẫy, [n] đức Chúa blời cho một khi một ſáng nữa; [o] mà ba đứng tlên, ở lien chầu chức đức Chúa blời, thì chịu ſáng bởi một đức Chúa blời, [p] lại ba đứng tlên ẽy thì ſáng ra cho ba đứng giữa, [q] mà lại ba đứng giữa ſáng chịu bởi ba đứng tlên, lại thoú ra cữ ba đứng dưới; [r] ꞗệy thì các đứng chịu ſáng bởi đức Chúa blời, hay là bởi mọt đức Chúa blời cho, [ſ] hay là bới đứng tlên truyền cho, [t] mà ꞗệy biết í đức Chúa cả làm ſao, thì ꞗưng tức thì làm ꞗệy. [u] Mà phép tác thien thần

[x] *vt vel vnus Angelus ſatis ſit ad mouendum vniuerſum cælum, omneſque firmamenti fixas ſtellas,* [y] *quarum ſingulæ vniuerſo terrarum orbe longè maiores ſunt;* [z] *cumque ab initio mundi vſque nunc per tot annorum myriades* [a] *abſq; vlla intermiſſione id muneris exequantur, nunquam tamen defatigantur,* [b] *neque defatigabuntur vſque ab finem mundi.* [c] *Quid referam cætera? vnus Angelus, ex mandato Dei,* [d] *percuſſit vniuerſum Aſſyriorum exercitum;* [e] *ita vt vna nocte interfecerit centum & octoginta quinq; millia hominum,* [f] *facillimè atque abſque vlla defatigatione:*

[g] *Supremus itaque Angelorum, ac rerum omnium Dominus* [h] *nouem Choros, ſeu nouem exercitus militum ſuorum ſic diuiſit;* [i] *vt tres ſupremi Chori ſic aſſiſterent ſupremo Regi in ſua cæleſti Regia,*



thì mlớn chưng nẫy, [x] vì một thien thẫn có ſức bló đọú hết cả và blời, và các ngôi ſao tlén, [y] mà mỗi một ngôi ſao ấy thì mlờn gia giét, hơn cả và hòn đết nữa, [z] mà từ đầu hết thế giái nẫy, chođến bay giờ, mấy nghìn nàm, [a] làm việc ấy lien, chẳng có khi nào đừng, mà chưa có nhaọc sốt, [b] dù mà làm lien, chođến hết thế, cũ chẳng có nhaọc nữa. [c] ſự khác ta ké làm chi? có thien thẫn đức Chúa blời khién, một mềnh [d] đanh phá hết cả và giạc thẵng Aſſirio: [e] mà một đêm thì đánh chết một vàn tám muân nam nghìn cöên giạc ấy, [f] dễ lám, mà chẳng có nhaọc sốt.

[g] Vì bệy đức Chúa blời, là Chúa cả tlên các thien thẫn, cũ tlên hết mọi ſự, [h] thì ſửa việc chín đứng, hay là chín chiéc mlớn cöên mềnh làm bểy: [i] ba đứng ở tlên thien đàng, mà chàu chức đức Chúa blời lien,

*[k] vt communiter non deſcẽderent ad inferiora hæc, niſi rariſſimè, [l] ad ſuprema quædam & grauiſſima tantum negotia exequenda, [m] ſed ſemper in Dei laudibus eſſent intenti.: [n] tres alij Chori medij præeſſent omnium cælorum, [o] ſolis & lunæ ac planetarum, ſtellarumque fixarum motibus & influxui, [p] & elementorum cæterarumq; ſpecierum conſeruationi ad bonum vniuerſi. [q] Denique infimi tres Chori inferiorum etiam bono ſic præeſſent, [r] vt ſupremi quidem ſingula ſibi commiſſa cuſtodirent regna, eorumque bonum curarent. [ſ] medijs ſingulis ſingulorum Regum ac Priucipum ſupremorum commiſſa eſſet cura, [t] vt illos dirigerent ad regna rectè adminiſtranda; [u] poſtremis vero ſingulis ſingulorum hominum demandata eſſe cuſtodia: [x] ita tamen, vt omnes illi nobiliſſimi ſpiritus, [y] ſint etiam adminiſtratorij luminum & inſpirationum*

[k] cũ chẳng có quen xuãng hạ giái nãy, là hŏạ, [l] khi có viẹc gì rứt, vá kức trạõ, thì mới xuãng làm viẹc ẽy mà thôi, [m] cho được ở liên khen ngượi đức Chúa blời: [n] ba đứng giữa thì giữ gìn mọi tãng blời, [o] mạt blời, mạt blang, cũ các ngôi ſao tlên dưới blóđoũ, và giáng xuãng, [p] cũ coi các phần mlớn thế giái nãy, và các lŏài kéo hết, cho thế nãy lành. [q] Sau hết ba đứng dưới thì coi ſóc ha giái nãy cho lành làm bẽy; [r] đứng nhít thì mỗi một thien thần có giữ mỗi một nước, mà coi ſóc cho lành: [ſ] đứng nhị thì mỗi một thien thần giữ gìn mỗi một quan mlớn bua Chúa; [t] mà dĕạy đẽy trị nước cho nên: [u] đứng dưới hết thì mỗi một đức thánh thien thần chịu viẹc giữ gìn mỗi một ngưới: [x] Saõ le các chín đứng kực ſáng kực trạõ đức thánh thien thần ẽy, [y] cũ giữ viẹc

*Diuini Spiritus.* [z] *propter eos qui à Deo hæreditatem capiunt ſalutis æternæ.*

[a] *Dicet aliquis, ſi tot nobiliſſimi ſapientiſſimi ac potentiſſimi Spiritus bono vniuerſi inuigilant:* [b] *cur tot mala, tam culpæ, quàm pœnæ miſeros mortales inuadunt?* [c] *Cur tot bella & lites inſurgunt, ſi tot Angeli pacis, quieti & paci hominum præficiuntur?*

[d] *Ad reſponſionem huius rei ſciendum eſt, omnem creaturam rationalem & intellectualem,* [e] *ſic à ſupremo rerum Conditore Deo fuiſſe conditam,* [f] *vt libertatem ſui arbitrij habeat, ad benè vel malè agẽdum,* [g] *quod etiam puris illis Spiritibus conceſſum eſt,* [h] *vt ſcilicet per libertatem arbitrij ſui & propriæ voluntatis ſupremo Regi, Dominoque ſubijcientes, beatitudinem æternam conſequerentur,* [i] *& ſic in gra-*



giuãng ſáng, và phép đức Chúa blời giúp ſức [z] cho kẻ lên chịu ꞗui ꞗẻ đời đời, bởi mlời đức Chúa blời blối cho.

[a] Có kẻ nói làm ꞗệy, nếu có dều thien thần thiêng kực trạố, và rứt ſáng láng, lại có cả phép làm ꞗệy, mà coi ſóc thế giái nầy cho lành: [b] vì ſao có nhều tọi vạ, phạm lŏài người ta khốn nạn? [c] nếu có nhều thien thần có phép bàng an lành, mà cói ſóc cho lŏài người ta được bàng an lành, vì ſao có nhều giạc đến, nhều ſự láo dáo làm ꞗệy.

[d] Cho ta thưa đều ấy, thì phải hay, hễ là lŏài có chúa í mềnh, và có ſáng biết, [e] thì đức Chúa blời là Chúa cả làm nên mọi lŏài, có hŏá ra lŏài ấy, [f] mà cho có í tứ, mạc lăố chọn làm ſự lành, hay là ſự dữ [g] ſự chọn ấy, đức Chúa blời cữ đã cho các thien thần, [h] mà ꞗệy có chọn ꞗưng phép đức Chúa blời, là ꞗua Chúa cả, mạc í mềnh, thì chịu được phúc ꞗui ꞗẻ đời đời, [i] cứ được

tia &

*tia & amicitia Dei confirmarentur in æternum :* [k] *rebelles contra iuxtà peccatum ſuum, æternis deputarentur ſupplicijs.* [l] *quamuis igitur omnes illi nobiliſſimi Spiritus, in primo ſuæ Creationis inſtanti,* [m] *ſupremi Conditoris ac Domini gratiam ſint conſequuti;* [n] *quia tamen poſtea ſupremus ille Angelus qui lucifer nominabatur, & à ſupremo Rege* [o] *tanquam omnium Angelorum Princeps conſtitutus fuerat;* [p] *eximias ſuas dotes & perfectiones conſiderans,* [q] *ita euanuit in cogitationibus ſuis, vt contra ſuum ſupremum Regem & Conditorē ſuperbiret,* [r] *velletque ſedere, & eſſe ſimilis Altiſſimo;* [ſ] *imò ad hanc ipſam rebellionem cæteros Angelos ſibi quodammodo ſubditos inſtigaret,* [t] *ita potenter, vt tertiam Angelorum partem in eandem à ſupremo Rege defectionem*



*gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, hàng bền vững vô cũ ꞓbệy: [k] mà thien thần nguỵ bàng tội mềnh, thì chịu hình đời đời ꞓbệy. [l] Vì ꞓbệy dù mà các thien thần ſáng trạo ẽy, khi đầu hết đức Chúa blời ſinh ra, [m] thì được *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, là Cha cả, và Chúa cả: [n] ſaõ le vì khi ſau thien thần cả, gọi là Lucifer bởi đức Chúa blời, là ꞓbua Chúa cả, [o] mà đã chịu chức làm cai tlên hết các thien thần, [p] xem mềnh có tài mlớn, có phép trạo, [q] thì ra lào khoũ mà để người; cho đến kieu ngạo cũ đức Chúa blời, là ꞓbua Chúa cả hoá ra nó, [r] mà nó toan ngồi ở tòa bàng đức Chúa blời; [ſ] lại cậy mềnh làm cai, thì giục lào các hết thien thần khác, làm nguỵ cũ đức Chúa blời, mà có dở dành gia giết làm ſao, [t] cho đến, chia các thien thần làm ba phần, một thì cũ để người, mà ra blở

*induxerit.[u] Quamuis aliæ duæ Angelorum partes in ſua fidelitate, atque amicitia erga ſuam ſupremum Regem permanſerint, [x] in Luciferi malã iuductionem nullo modo conſentiẽtes, imò fortiter repugnantes.[y] Quare ſupremus omnium Dominus, cùm videret rebellem Luciferum, [z] cum ſuis ſequacibus ſic ſuperbientem, at bellum in cælo mouentem, [a] ſtatim infernum condidit in centro terræ, [b] ignemque ibi produxit æternum, [c] cui vim dedit comburendi rebelles Spiritus. [d] tunc etiam conſtituit Deus fideliſſimum Michaelem cæleſtis militiæ Principem, [e] illique præcepit vt rebellẽ Luciferum, omneſque eius ſequaces è cælo pelleret, [f] atque ipſum Luciferum impiæ perduellionis caput, [g] cum præcipuis eiuſdem*



lạo nguy cữ đức Chúa blời.[u] ſaő le còn hai phần đức thánh thien thần, chẳng có lào nào, giữ blọn nghĩa cữ đức Chúa blời, là ꞗua Chúa cả; [x] mà hai phần ấy, Lucifer giục lào làm ſao, thì chẳng có nghe ſót, lại che mlời nó ꞗửng ꞗàng. [y] Vì ꞗấy đức Chúa blời, là Chúa cả mọi ſự, thấy thằng nguy Lucifer, [z] cữ các thằng theo nó, ra lào kiêu ngạo làm ꞗệy, mà làm giặc tlên blời, [a] tức thì làm địa ngục tlaő rốn đết, [b] lại hóa ra lửa bền đời đời [c] mà cho lửa ấy có ſức đốt bấy nhêu thien thần ấy, là đứa nghịch cữ đức Chúa blời: [d] cữ khi ấy đức Chúa blời cho đức thánh Michael, khi đã giữ blọn nghĩa cữ, làm cai cả tlên hết cŏên thánh tlên blời, [e] mà đức Chúa blời phán khién đức thánh Michael xua thằng nguy Lucifer, cữ các thằng nghịch theo nó, ra cho khỏi thien đàng, [f] mà và thằng Lucifer làm cai những đứa dữ tợn nghịch ấy, [g] và những đứa nhít theo

*rebellionis*

*rebellionis comitibus,[h] ſtatim in infernũ detruderet,[i] æterniſque cruciatibus manciparet:[k] tunc ſtatim Sanctus Michael, mandatum ſupremi Regis exequens, cum ſuis fideliſſimis comitibus[l] Angelis Sanctis arma in rebelles direxit, verbũ Dei, dicens, Quis vt Deus?[m] Quiſnam eſt Lucifer iſte, qui ſupremo Conditori ac Domino Noſtro æquiparari vult?[n] ſtatimque in diabolum mutatus Lucifer, dictuſque Sathan,[o] tanquam fulgur cum comitibus ſuæ perduellionis è cælo in tartarum ruit;[p] aliqui tamen à ſupremo Iudice Deo permiſſi in aëre hoc permanere, vſque ad finem mundi;[q] & hi ſunt diaboli tentatores, qui homines ad omnem impietatem impellunt;[r] ex his omnes falſæ ſectæ ortum habent, omnia mendacia, periuria,[ſ] inimicitiæ, rixæ, impudicitiæ, homicidia,*



thàng Lucifer, làm ngụy cũ nó,[h] bờ ſa xuấng dưới địa ngục cho cháố,[i] mà bắt ở tlaố lửa chịu hình đời đời.[k] bấy giờ tức thì đức thánh Michael, cũ các đức thánh thien thần, cũ một lòố làm bạn cũ, đưng phép đức Chúa cả,[l] lếy khí giái thiêng, là mlời đức Chúa blời, mà ràng, Ai bàng đức Chúa blời?[m] Naò thàng Lucifer là ai, cho nó dĕám giành ở bàng đức Chúa blời, là Chúa chúng tôi?[n] mà tức thì Lucifer mấc chức thien thần, đổi làm quỉ, gọi là Sathan,[o] lại như sấm ſét ſa xuấng địa ngục, cũ nhệu đứa nghịch làm bạn cũ nó nữa.[p] Saố le cũ có nhều đứa đức Chúa blời, có í ſâu nhiệm, còn để ở nơi gió rốũ nấy, cho đến hết thế,[q] mà những quỉ ếy là kẻ cám dỗ, giục lòố người ta làm mọi ſự lỗy;[r] bởi chúng nó ra mọi đạo vậi, mọi ſự gian, thề dối,[ſ] ŏan gia, ghịch cũ nhau, tà dâm, giết bỏ người ta,

*latrocinia [t] denique omnia peccata certè ipſis impellentibus ab hominibus ſic perpetrantur; [u] permittente ſcilicet ſupremo rerum Conditore, [x] qui pro ſuis ſecretiſſimis, ſed æquiſſimis iudicijs, [y] maluit ex malis bona facere; [z] quam nulla eſſe permittere:*

*[a] Itaque prima die, ſiue in principio temporis creauit Deus cælum & terram, paradiſum & infernum: [b] atque in paradiſo collocauit Sanctos Angelos omnes fideles; [c] illoſque beatitudinis æternæ compotes per gloriam effecit, & claram viſionem faciei ſuæ: [d] rebelles contra æternis cruciatibus addicens, [e] ſempiterna ignominia notauit. [f] ſic ſupremus ille Iudex Deus, [g] homines bonorum Angelorũ imitatores Deoque ſupremo Domino perfectè ſubiectos, præmijs etiã donabit æternis: [h] rebelles cõtra, dæmonumq; ſequaces*

[t] tlộm cướp, [t] cữ mọi tội thạt bởí chúng nó dễờ lảõ người ta phạm làm ꞗệy; [u] vì chưng đức Chúa blời, đã làm nên mọi lõài, [x] thạt có í ſâu nhiệm, mà chỉ linh chỉ coũ, [y] đã chọn để ſự dữ, mà bởi đấy làm ſự lành, [z] lấy làm hơn chẳng để ai làm ſự dữ.

[a] Ấy ꞗệy mà ngày thứ nhít, hay là khi đầu hết, đức Chúa blời hŏá nên blời cữ đất, và thiên đàng cữ địa ngục, [b] mà cho các đức thánh thiên thân có giữ một lão cữ, ở tlên thiên đàng, [c] và chịu, *gloria*, là ꞗui ꞗẻ đời đời, cữ hàng thấy mặt đức Chúa blời tỏ tưẫng: [d] lại các thằng ngụy bắt gia hình khốn nạn đời đời, [e] mà hằng chịu xấu hổ ꞗệy chẳng cữ. [f] Mà lại đức Chúa blời cả phán xét người ta thì cữ như ꞗệy, [g] vì chưng ai bắt chước thiên thần lành, mà blọn ꞗưng phép đức Chúa blời là Chúa cả, thì cho chịu phúc đời đời; [h] mà kẻ nghịch bắt chước

*æternis*

*æternis cùm Sathana dam-*
*nabit ſupplicijs.*
[i] *Secunda die creauit De-* i
*us cælum hoc viſibile, quod*
*dicitur firmamentum,* [k] k
*cùm prima die cælum ſu-*
*perius, ſcilicet Empyrerum*
*creaſſet, quod oculis noſtris*
*eſt inuiſibile,* [l] *vtpote* l
*beatorum Spiritum ſedes,* [m] m
*& ſupremi rerum Condi-*
*toris regia.* [n] *cælum ta-* n
*men hoc viſibile dicitur in*
*ſcriptura ſacra diuidere*
*aquas ab aquis,* [o] *quia* o
*ſcilicet cùm totum hoc ſpa-*
*tium, quod inter terræ glo-*
*bum, & cælum empyreum*
*continetur,* [p] *impleſſet Deus* p
*aquis, quas magnum chaos*
*dicere poſſumus,* [q] *firma-* q
*mentum in medio illarum*
*aquarum ita compoſuit,* [r] r
*vt magna ipſarum aqua-*
*rum pars ſupra firmamen-*
*tum remaneret,* [ſ] *vt ali-* ſ
*qui putant. reliqua verò*
*ſub ipſo firmamento, ita*
*vt vniuerſum adhùc terræ*
*globum cooperiret:* [t] *ex* t
*hac ipſa aqua inferiori, par-*
*tibuſque eius ſubtiliori-*
*bus, poſſumus dicere facta*



theo quỉ, thì đức Chúa
blời phạt nó cữ Sathan,
chịu tội đời đời ꞗệy.
i [i] Ngày thứ hai đức
Chúa blời làm ra blời
nầy ta xem, gọi là, *fir-*
k *mamentum,* [k] khi ngày
thứ nhít đã hóá nên
blời tlên, là thien đàng,
con mắt ta xem chẳng
l đến, [l] thật là nhà các
đức thành thien thần,
m [m] cữ là kinh đô đức
Chúa blời làm nên mọi
n sự. [n] ſaố le tlaố kinh đức
Chúa blời phán ràng;
blời nầy ta xem có chia
o nước ra tlên dưới, [o] vì
chưng từ hòn đết cho
đến blời tlên, cả và nơi
p khoú ếy, [p] đức Chúa
blời đã đầy những nư-
ớc, tà gọi là hỗn độn
q thì cữ nên: [q] blời ta xem
thì làm ra giữa nước ếy,
r [r] mà phần mlớn nước,
ếy, có kẻ ràng, đức Chúa
ſ blời đã để tlên ếy, [ſ] cón
phần nước thừa, đã để
dưới blời nầy, cho đến
t che cả và hòn đết: [t] mà
ta nói làm ꞗệy thì cữ
nên, đức Chúa blời lếy

eſſe

*eſſe à Deo* [u] *aërem atque ignem, duo hæc quæ totam intercapedinem ab aqua (quæ adhuc ſupererat ſuper vniuerſam faciem terræ) vſque ad firmamentum occupant,* [x] *imò aliqui dicunt totum hoc venire nomine cæli:* [y] *vnde etiam in ſcriptura dicuntur volucres cæli, quæ in hoc aëre volitant.* [z] *Notandum autem eſt diem primam, ſecundam, & tertiam:* [a] *tres dies priores antequã ſol formaretur, diſtĩctas fuiſſe* [b] *per lucem, quã prima die fecerat Deus,* [c] *hæc per motũ circularem diuidebat diem & noctem.*

[d] *Tertia itaque die cum aqua totum adhuc terræ globum coöperiret,* [e] *nec ſic eſſet apta habitationi hominum:* [f] *ſupremus rerũ Conditor iuſſit vt aquæ congregarentur,* [g] *& relinquerent partem terræ ſiccã, & habitabilem hominibus,* [h] *atque ita facta ſunt ma-*



nước ếy dưới, và phần naò mắố thì làm ra, [u] và gió róű nây, và lửa, hai vật nẫy đã đẫy blòt nơi khoű, từ nước (cồn khi ếy bao quanh cả và hòn đết) cho tạn blời ta xem; [x] lại có kẻ thì ràng cả và nơi ếy cữ gọi là blời: [y] vì ꞓbệy tlaố kinh đức Chúa blời, cái chim bay tlên gió róű nẫy, cữ gọi là chim blời: [z] lại ta phải hay ſự ngày thứ nhít, thứ hai, thứ ba, [a] là ba ngày tlước, khi chưa có mat blời, thì chia ra, [b] bởi đã cò ſáng, đức Chúa blời hŏá ra ngày thứ nhít, [c] mà ſáng ếy blở chung quanh, thì cho nên chia và đêm, và ngày.

[d] ꞓbệy ngày thứ ba khi nước hãy còn bao cả và hòn đết chung quanh, [e] mà thế ếy đết thì cháng nên cho người ta ở được, [f] đức Chúa blời làm nên mọi ſự, thì khién nước họp lai, [g] mà để phần đết ráo để dành cho người ta được ở, [h] làm ꞓbệy thì đã nên bién, là nước họp lại.

ria congregationes ſcilicet
i aquarum. [i] Tunc iuſſit ſu-
k premus Dominus vt terra[k]
produceret arbores & plan-
tas, cæteraque virgulta &
herbas, in vſum ſcilicet
l hominis; [l] & animalium
poſtea producendorum aliis
m diebus, [m] ſtatimque terra,
iubente Domino, abſque
vllo ſemine, quod in ſe ſu-
n ſcepiſſet,[n] produxit arbo-
res fructibus iam maturis
onuſtas, atque alia vir-
o gulta & olera: [o] eadem-
que die produxit Deus pa-
radiſum voluptatis, tan-
quam hortum ſpecioſiſſi-
p mum, [p] in quo erat per-
petuum ver, abſque vlla
frigoris, aut caloris nimij
q moleſtia, [q] ita tamen vt
quolibet anni tempore ma-
turis fructibus abundarent
arbores.

r [r] Quarta poſtea die ſupre-
mus Conditor ornauit fir-
ſ mamentum,[ſ] formando ſo-
t lem qui ſuo motu [t] diem
conſtitueret, dieique præ-
u eſſet,[u] & lunã quæ præeſſet
x nocti, [x] ſtellas etiam pul-
cherrimas produxit, quæ



i [i] Thoi đoạn đức Chúa
blời, là Chúa cả thì khí-
k en đất [k] mọc ra cây cối,
cũ khác rau cỏ, cho ngư-
l ời ta, [l] và muông chim
cầm thú, dọn ſinh ra
m ngày ſau dữ: [m] mà đức
Chúa blời khién làm
bậy, tức thì đất, dẫu
chẳng có gióũ nào gieo
n tlaõ, [n] thì ſinh rà cây cối,
đã có blái chín đã đầy,
o cũ khác rau cỏ [o] mà cũ
ngày ấy đức Chúa
blời làm ra nơi bui bẻ,
p như vườn tốt lành, [p]
tlaõ ấy mát mẻ lien, như
hàng mùa xuân, chẳng
có rét, cũ chẳng có sốt
quá, mà làm khốn gì ai,
q [q] ſaõ le blót năm tlên
cây có blái chín.

r [r] Sau thì ngày thứ bốn
đức Chúa cả làm nên
mọi ſự, dọn blời cho
ſ tốt, [ſ] mà ſinh ra mặt blời
cho blở đoũ chung qu-
t anh, [t] làm ngày cho ſáng,
như làm cai ban ngày,
u [u] cũ ſinh ra mặt blang,
như làm cai ban đêm:
x [x] lại ſinh ra ngói ſao tốt
lành, chẳng những là

*non ſolum firmamentum ornarent, [y] ſed etiam in hæc inferiora per ſuas qualitates influerent in bonum vniuerſi.*

*[z] Quinta die iuſſit Deus vt ex aquis orirentur, [a] variæ auium ſpecies, quæ ſtatim in aëra volarent, eſſentque vt aëris huius habitatores: [b] tum etiam piſcium varia genera, quæ in aquis viuerent, eſſentque habitatores aquarum: [c] & ſic tam aues quam piſces ſecundum ſpecies ſuas multiplicarentur.*

*[d] Sexta porrò die ex ipſa humo produxit ſupremus rerum Conditor varias quadrupedum, & reptilium ſpecies, [e] quibus etiam indidit vim producendi ſibi ſimile, ſicque ſpecies ſuas conſeruandi, vſque ad finem mundi;*

*[f] Eodem ipſo die ſtatuit Deus facere hominem ad imaginem & ſimilitudinē ſuam, [g] tanquam totius operis ſui compendium, atque vltimum vniuerſi decus, [h] formauitque de terra corpus humanum perfectum triginta circiter*

*ætati*



làm cho blời tốt, [y] mà lại giuẩng ſức mềnh dưới hạ giái nẫy, cho lành cả và thế giái ꞗệy.

[z] đên ngày thứ năm có mlới đức Chúa blời phán khién nước ſinh ra, [a] và các gióu chim cho bay tlên ꞗệy: [b] và những gióu cá, cho ſóu tlaõ nước, mà ở tlaõ nước lien ꞗệy: [c] mà làm ꞗệy và cái chim, và con cá, ſinh nói gióu mềnh ꞗệy:

[d] Mà đến ngày thứ ſáu đức Chúa blời, là đức Thợ cả làm nên mọi lòài, thì l'êy đêt, mà ſinh ra lục ſúc, cữ gióu rắn, [e] lại cho mọi vật 'êy có ſức ſinh nối lòài mềnh, cho đên hêt thế ꞗệy.

[f] Lại cữ một ngày 'êy đức Chúa blời tŏan ſinh ra lòài người, làm hình tượng thiêng đức Chúa blới, [g] như thế gọp lại mọi viec đã làm, thạt nở mắt thế giái; [h] ꞗệy thì l'êy đêt mà làm thân

*ætatis annos, repræſentans,* [i] r
*& inſpirauit in faciem* i
*eius ſpiraculum vitæ*, [k] k
*hoc eſt animam rationalē*
*ex nihilo creans ſimul*, [l] l
*& infundens in illud cor-*
*pus iam perfectum :* [m] *at-* m
*que ita factus eſt homo in*
*animam viuentem*, [n] *at-* n
*que ad imaginem & ſimi-*
*litudinem Dei Conditoris*
*ſui ;* [o] *& tunc non ſolum* o
*dotatus eſt ſcientijs & vir-*
*tutibus naturalibus*, [p] *in* p
*ipſo creationis ſuæ primo*
*inſtanti :* [q] *ſed etiam ad* q
*gratiam & amicitiam*
*Creatoris ſui eleuatus eſt*, [r] r
*doniſque multis superna-*
*turalibus dotatus*, [ſ] *ad fi-* ſ
*nem ſupernaturalem bea-*
*titudinis æternæ, ſimul cū*
*Angelis beatis adipiſcen-*
*dum .* [t] *accepit prætereà* t
*dominium homo ſuper om-*
*nia ſenſitiua*, [u] *tam ter-* u
*reſtia, quam volatilia &*
*aquatilia ;* [x] *ita vt omnia* y
*ex quodam inſtinctu natu-*
*rali ab ipſo Creatore in ti-*



xác người khéo léo hình
i ba mươi tuổi dồ, [i] và
thổi ra khí ſóu đến mặt
k người,[k] là lấy khoú mà
l ſinh linh hồn thieng, [l] và
phú cho ở tlaó xác ấy
m đã làm ra blọn : [m] mà làm
bậy thì rà người có linh
n hồn cho ſóu, [n] và là ảnh
tương thiêng đức Chúa
o blời làm đấy bậy : [o] khi
ấy có chịu ſáng biết và
nhin đức bổn ſức mềnh,
p [p] từ đầu hết khi được
q linh hồn cho ſóu : [q] mà
lại đức Chúa blời đam
người lên cho được
chức *gratia*, là két nghĩa
r cũ đức Chúa cha, [r] cũ
cho phúc đức nhều tlên
ſ ſức mềnh, [ſ] cho được
chịu phúc vô cũ bui bể
đời đời, cũ đức thành
t thien thần. [t] lại đức
Chúa blời cho người
làm Chúa tlên hết mu-
u ấng chim cầm thú, [u] và
có ở dưới đết, và tlên
y gió rồú, và con cá tlaó
nước, [x] cho nên các
vật ấy, bởi phép đức
Chúa blời cho, từ nhien thì phải chịu lụy người,

*to ad nutum eius parerent,*
*[y] ſinguliſque nomen indidit,* y
*ipſorum naturæ proportio-*
*natum: [z] omne enim quod* z
*vocauit Adam ipſum eſt*
*nomen eius [a] Vtque vitã* a
*hanc feliciorem duceret, [b]* b
*introductus eſt à Deo in*
*paradiſum voluptatis; [c]* c
*in quo præter alias arbo-*
*res pomiferas erat arbor*
*Vitæ, [d] cuius fructus tantã* d
*habebat efficaciam, vt eſus*
*ſeneſcentem quemcunque,*
*ad iuuenilem reſtitueret*
*vigorem. [e] Voluit tamen* e
*ſupremus Dominus eius in*
*eo fidelitatem experiri,*
*[f] quod arborem ſcientiæ* f
*boni & mali, in paradiſo*
*voluptatis [g] eius poteſtati* g
*non tradidit, ſed vetuit ne*
*de illius fructu comederet, [h]* h
*quamuis fecerit illi Deus*
*poteſtatem de omnibus alijs*
*fructibus, qui in paradiſo*
*erant, comedendi: [i] imò* i
*minitatus eſt illi mortem*
*in quacunque die comediſ-*



y [y] mà người đạt tên cho
mỗi một vật ẻy phải
z tính nó: [z] vì chưng oủ
Adam có đạt tên cho
các vạt làm ſao, thì phải
a tên nó ꞗệy. [a] Mà cho
oú Adam khi còn ở thế
nẩy được thanh nhàn
b hơn, [b] thì đức Chúa
blời đam ꞗĕaò oú Adam
ở tlaố vườn ꞗui ꞗẻ,
c [c] mà tlaố ẻy, chẳng kể
cây khác có blái, lại có
cây naò gọi là cây ſóú
d lâu, [d] vì chưng ai ăn
blái cây ẻy, dù mà đã
già yếu, thì cho ſức
e bàng tlẻ lại, [e] ſaố le
đức Chúa blời là Chúa
cả khiến thử lào oú A-
dam có ꞗưng phép Chúa
f cả thế nào, [f] mà tlaố
vườn ꞗui ꞗẻ ẻy có một
cây, gọi là cây làm cho
g biết lành biết dữ, [g] mà
cây ẻy chẳng cho oú
Adam, bền cấm blài một
cây ẻy, mà chẳng cho
h oú Adam ăn, [h] dù mà đã
phú cho mọi blái khác

ở tlaố vườn ꞗui ꞗẻ dầu lào ăn: [i] lại đe | i
ràng: có ăn blái ẻy ngày nào thì chết ngày ẻy:

ſit

*ſſet ſequuturam:*[k] *quæ mors præſertim intelligitur de ipſius animæ immortalis morte,* [l] *per amiſſionem ſcilicet gratiæ ac iuſtitiæ Originalis,* [m] *quę amiſſio lapſum ſtatim ſequeretur,* [n] *& poſtea etiam de corporis interitu per ſeperationem ipſius animæ à corpore,* [o] *cum alijs malis innumeris,* [p] *vtramque mortem vel comitantibus,* [q] *vel præcedentibus, vel conſequẽtibus.* [r] *Adam igitur audiens tale præceptũ Domini Creatoris ſui,* [ſ] *minitantis illi mortem tum corporis, tum animæ, cum innumeris alijs malis,* [t] *quæ in totam ipſius poſteritatem transfunderetur, cum amiſſione gratiæ ac Iuſtitiæ Originalis,* [u] *niſi ipſe ſupremo ſuo Domino obediret;* [x] *ſtatim ſubiecit ſe toto affectu Creatori ſuo, dicens,*[y] *ſe paulò ante crea-*



[k] mà ſự chết ẽy thì phải hay, nhít về ſự linh hồn chẳng hay chết, mà phải chết, [l] là mất, *gratia*, mất nghĩa cũ đức Chúa blời, đã cho đầu hết, là ſố thật linh hồn: [m] mà phạm blái ẽy bao giờ, thì mất ſố linh hồn bấy giờ. [n] mà đến ſau xác cũ phải chết, khi linh hồn ra khỏi xác, [o] lại cũ phải đều ſự khốn nạn kể chẳng xiết, [p] hay là ở cũ hai ſự chét ẽy, [q] hay là phải trước, hay đá theo ſau. [r] Vì ꞗệy, khi ou Adam nghe thấy có mlời đức Chúa blời là Chúa cha ſinh ra mệnh có rắn làm ꞗệy; [ſ] mà lại đe chết, và xác và linh hồn, cũ tai vạ khác, vô hồi, vô ſố, [t] cũ phạm hết đời mệnh ſau, phải mất *gratia*, mất nghĩa cũ đức Chúa blời, [u] nếu ou Adam chẳng ꞗưng phép đức Chúa cả, thì phạm mọi ſự khốn nạn ẽy; [x] chóuc ẽy ou Adam chịu phép đức Chúa cha hết lòng, mà ràng, [y] tôi lạy đức Chúa blời, tôi xưa chẳng có, mà đức



*tum*

*ne mea: [l] propter hoc relinquet homo patrem ſuum & matrem ſuam, [m] & adhærebit vxori ſuæ, & erunt duo in carne vna, [n] quod totum ſpiritu prophetico dixit. [o] Notandum autem cum Doctoribus Sacris [p] non ex oſſe capitis Adam factam à Deo fuiſſe mulierem; [q] quia caput mulieris eſt vir, teneturque ipſa viro ſubeſſe. [r] quamuis enim monere poſſit modeſtè virum, ſi errauerit, [ſ] non tamen poteſt excandeſcere in virum, [t] quia eſt ſubdita & non caput viri: [u] attamen neque ex pede mulier formata eſt à Deo; [x] ſed ex coſta, quia vir non debet vxorem habere vt ancillam, [y] ſed amare vt ſociam: [z] prætereà Deus non duas aut tres Adamo vxores dedit, ſed vnam tantum, [a] quia debebant eſſe duo in carne*



là thịt tao: [l] nhin vì ſự ểy người thì để cha mềnh, và mẹ mềnh [m] mà lểy ꞗợ mềnh lẫm một cữ, ꞗệy thì hai người ra cữ một thịt. [n] Oũ Adam có chịu phép nói sấm truyền mà nói bấy nhêu đều: [o] Mà ta phải xét mlới oũ thánh cồền tử naò nhủ ꞗềy; [p] khi đức Chúa blời làm ra đẫn bà, chẳng có lểy xương đầu oũ Adam mà làm, [q] vì chưng đẫn oũ là đầu đẫn bà, mà đẫn bà thì phải chịu lụy chồ̃ [r] vì dẫu mà đẫn bà bảo sẽ sẽ chồ̃; khi chồ̃ lỗi, thì cữ được, [ſ] ſaõ le máng mở chồ̃ thì chẳng được, [t] vì chưng phải chịu lụy, mà chẳng phải đâu chồ̃ đâu. [u] Saõ le đức Chúa blời cữ chẳng có lểy xương chên mà làm đẫn bà ra, [x] bèn lểy xương ſườn cụt mà làm: vì chưng chồ̃ chẳng khá lểy ꞗợ làm như tôi tá, [y] mà nên yêu như bạn ꞗệy. [z] Lại đức Chúa blời chẳng có làm cho oũ Adam hai ba ꞗợ, bèn cho một ꞗợ mẫy, [a] vì chưng hai

*vt prophetauit Adam & non plures :* [b] *& Annamitæ hoc etiam dicunt, virum & vxorem tradere ſibi inuicem oſſa & carnē.* [c] *ſicuti enim vir habet ius in corpus vxoris,* [d] *vt viuente ipſo non poſſit adhærere alteri viro :* [e] *ſic etiā vxor habet ius in corpus viri,* [f] *vt ipſa ſuperſtite non poſſit vir aliam vxorem ducere,* [g] *in hoc enim pares ſunt vir & vxor ex Diuino præcepto.* [h] *quod ſic ab initio mundi fuit in Adamo & Eua executioni mandatum,* [i] *ac poſtea ſeruatum, ſaltem in prima tota mundi ætate vſque ad diluuium, ab ijs qui legem Dei ſeruabant,* [k] *vt poſtea videbimus in Noe,* [l] *& filijs eius, ante & poſt diluuium.*

[m] *Sex itaque diebus ſupremus totius mūdi Artifex totum ſuum perfecit opus,*



người thì nên một thịt, như mlời ſấm truyền oũ Adam nói ra, mà chẳng phải nhều: [b] lại người Annam cũ nói ꞗệy hai ꞗợ chàõ gưới xưảng gưới thịt nhau: [c] vì chưng như chàõ có phép tlên mênh ꞗợ, [d] cho nên khi chàõ còn ſóũ, ꞗợ lẽy chàõ khác chẳng được; [e] ꞗợ thì cũ có phép tlên mẽnh chàõ như ꞗệy, [f] vì chưng khi ꞗợ còn ſóũ chàõ lẽy ꞗợ khác cũ chẳng được: [g] vì có phép đức Chúa blời răn, làm ꞗợ chàõ bằng nhau tlaõ việc ẽy, [h] mà từ đầu hết thế oũ Adam cũ bà Eua có giữ làm ꞗệy: [i] đến ſau hẽ là kẻ có giữ đạo thánh đức Chúa blời, ít là cho đến lụt cả, là đoán tlước thế giái, cũ có theo như ꞗệy, [k] như sẽ giảng ſau, khi nói đến ſự oũ Noe, [l] cũ ſự con cái oũ ẽy, và tlước lụt cả, và ſau.

[m] Bệy thì đức Chúa blời, là đức thợ cả mọi

dici-

*[n] diciturque requieuiſſe die ſeptimo ab vniuerſa opere quod patrarat, [o] quia die ſeptimo nullum opus nouum, aut vllam creaturã nouam condidit, [p] benedixitque diei ſeptimo, & ſanctificauit illum. [q] ſic etiã Adam & eius vxor diem illum ita cultui ſupremi Numinis conſecrarunt, [r] ad gratias ſcilicet pro innumeris beneficijs acceptis agẽdas, [ſ] vt ab ipſo mundi exordio vſque nunc, veri Numinis cultores ſic ad amuſſim obſeruauerint [t] vt ſaltem ſeptimum quemque diem ſacrum reputauerint, [u] cultuique ſupremi rerum Conditoris addixerint, [x] & poſt ſex dies in quibus opera faciunt ſeruilia, ad corpus ſcilicet alendum ac veſtiendum pertinentia, [y] vt ſunt agricultura, mercatura, fabrilium aliorumque eius generis operum, [z] die vno ab huiuſmodi operibus abſtineant,*



ſự, tlaổ ſáu ngày làm ra mọi lŏài, [n] mà nói ràng, ngày thứ bảy mọi việc rồi, thì có nghỉ: [o] vì chưng ngày thứ bảy chẳng có làm việc gì mới, chẳng có hŏá ra vật nào mới, [p] mà nói lành tlên ngày thứ bảy, và làm ngày ấy thánh: [q] mà oũ Adam cũ bạn thì bắt chước như ꞗệy, vì chưng có giữ ngày thứ bảy để thờ phượng đức Chúa cả, [r] cám ơn nhều kể chẳng xiết, mà truyền giữ ꞗệy, [ſ] cho nên từ đầu hết thế đến nay, hễ là kẻ có thờ thạc đức Chúa blời đời nào, liền có giữ làm ꞗệy, chẳng ſai một chút: [t] vì chưng hễ là bảy ngày thì lấy một làm lễ lạy, [u] mà để thờ phượng đức Chúa cả làm nên mọi ſự, [x] mà khi ſáu ngày đã làm việc mọn kiếm ăn kiếm mạc cho xác, [y] như thể việc cạy cấy, buận bán, làm thợ làm thữ, cũ khác việc gióũ ấy, [z] thì một ngày đừng

*vti*

[a] *vt cultui ſupremi Numinis impenſius vacent;* [b] *& gratias agant pro tot beneficijs,* [c] *quæ ſingulis momentis, à ſupremo rerum Conditore accipiunt,* [d] *& quamuis laudes impendant Deo Optimo Maximo & gratias pro viribus agant,* [e] *ſemper ſunt longè impares acceptis beneficijs.*

[f] *Erant igitur in illo delitiarum paradiſo tunc primi parentes noſtri* [g] *in magna quiete ac pace tum animi, tum corporis:* [h] *omniaque animalia, tam terreſtia quam volatilia atque etiam aquatilia,* [i] *ita erant illis ſubdita, vt ad nutum omnia obedirent homini;* [k] *vt ſi Adam è ſyluis aduocaſſet leonem, ſtatim promptus aderat leo,* [l] *dominium eius à ſupremo rerum Domino datum inſtinctu quodam naturali ſentiens:* [m] *ſi è profundo mari quemcunque*



làm mọi viẹc mọn ẽy, [a] đẻ mà thờ phượng đức Chúa blời hết lào, [b] mà làm ꞗẹy thì cám ơn nhều vô hồi vô sồ, [c] chịu liẽn liền bởi đức Chúa cả làm nên mọi ſự; [d] mà dầu khen người đức Chúa blời rứt lành rứt cả, và cám ơn hết ſức đẽy, [e] liẽn thì còn xa lám, mà chẳng bàng ơn chịu mình ꞗẹy.

[f] ẽy ꞗẹy mà tổ tông ta khi ẽy ở tlaổ vườn ꞗui ꞗẻ ẽy [g] bàng an lám và xác, và linh hồn; [h] và các muầng chim cầm thú, hay là tlên đất, hay là tlên gió rốũ, cũ là con cá tlaổ nước, [i] có chịu lụy hết, mà ꞗưng phép người: [k] như thể ví bằng oũ Adam có gọi muầng ſư tử ở tlên rừng, tức thì muầng ſư tử có chạy đến, [l] tự nhiên ꞗưng phép người, bởi đức Chúa blời cho làm chúa nó: [m] lại nếu oũ Adam có gọi con cá nào ở tlaổ biển cả, boũ chóuc thì

*piſcem*

*piſcem accerſiſſet, ſtatim adnatans adueniebat:* [n] [o] *ſi autem quamcumque è ſublimi aëre adeſſe iuſſiſſet,* [o] *ſtatim obſequens aduolabat,* [p] *Neque vllus erat ibi æſtus, aut frigus quod moleſtiam vllam afferret,* [q] *ſed perpetuo vere, aërisque mira*[r] *temperie fruebantur primi parentes.* [r] *Quod autem præcipuum eſt, quia caro ita ſpiritui erat ſubdita, vt nullam eius rebellionem ſpiritus experiretur,* [ſ] *omneſque ſenſus, tàm interni, quàm externi, rationis imperio erant ita ſubditi, vt nullo modo contradicerent ei.* [t] *totumque hoc quod poſſidebant primi Parentes ſimul cum Iuſtitia Originali,* [u] *erant in filios ac nepotes transfuſuri, abſque vllo mortis metu,* [x] *& cùm vellent tempore ſuò, vel ipſi, vel eorum filij, beatitudine cæleſti perfui,* [y] *Deus illos in cælum*



lọi đến, [o] hay là có cái chim nào bay cao tlên gió róú, mà khiến lại, [o] thoắt chóuc thì ꞗưng phép, mà bay lại. [p] ꞗệy tlaố vườn ễy chẳng có ſốt gì, cữ chẳng có rết, mà nên khó làm ſao, [q] bèn tlaố ễy như cố mùa xõ-ên lien, cho tổ tú ta ở mát mẻ, ꞗui an lành lien ꞗệy. [r] Mà lại có ſự traố hơn nữa, vì chưng khi ễy thần xàc thịt thì có chịu lụy linh hồn, mà chẳng có cãi phép ễy, [ſ] và các phép thịt tlaố ngoãi thì ꞗưng phép mlẽ phải, mà chẳng hay cãy sốt. [t] lại mọi ſự tổ tú ta có chịu ở mếnh ꞗói *gratia*, là nghĩa cữ đức Chúa blời, đã chịu khi đầu hết chịu ſóú, [u] thì cữ truyền hết cho con cho chàu, mà chẳng có dái chết, [x] cữ đến khi ở thố nẫy đã no, mà hay là tổ nẽ, hay là con cái, muấn lên thien đàng, chịu ꞗui ꞗẻ đời đời,

[y] thì đức Chúa blời rước lên, và xác và linh



*aſſum-*

*aſſumpſiſſet in corpore ſimul & anima, [z] ſine vllo mortis tributo.*

*[a] Inuidit ſcilicet peruerſus cacodæmon tantæ hominũ felicitati, [b] tumque ex odio quod in ipſum Deum exercere non poterat, [c] in ipſam Dei gratam imaginem iram ſuam conuertit, [d] ac omnem conatum exeruit, vt illam contereret, [e] maximè cùm ſciret ſedes in cælo beatas ab ipſo, ac ſocijs eius amiſſas, [f] Deo diſponente ab hominibus occupandas. [g] Itane verò, aiebat ſuperbus; [h] patiar ego vt homo è puluere ortus ſedem ſupremæ felicitatis, quam ego amiſi, adipiſcatur, [i] ego verò qui purus ſum ſpiritus in inferno extremis afflictus miſerijs ſedeam? [k] faciã certè vt & ipſe quoq; vt per inobedientiam in factorem ſuum, [l] ruat mecum in perpetuum interitum. [m] videbat certè malignus dæmon virum*



hồn, [z] mà khi ấy chẳng có phải chết đâu.

[a] Saố le khi tổ tứ ta ở ꞗui ꞗẻ an lành làm ꞗậy, mà quỷ dữ thì ghen ghét, [b] vì khích nghịc đức Chúa blời, mà làm chi đấy chẳng được, [c] thì tỏan phá ảnh tượng đức Chúa blời yêu, [d] mà dủ hết ſức dữ tợn mềnh làm hại loài người, [e] nhít là vì chưng đã hay tỏa ꞗui ꞗẻ tlên blời, và mềnh, và bạn mềnh đã bỏ mất, [f] đức Chúa blời để dành cho người ta ở. [g] mà quỷ thấy ꞗậy mà kiêu nghạo, thì nói rằng; [h] ſự làm ſao cho tao chịu được, cho có người bởi đất mà ra, lại ngồi ở được tỏa kực trọng, kực ꞗui, tao đã mất đi, [i] mà tao là tính những thiêng liêng, ngồi ở tlaố địa ngục, mà chịu những ſự rứt khốn khó ru? [k] thật tao làm cho nó nghịch cũ Chúa blời đối, [l] mà ꞗậy nó ngã nơi chết đời đời cũ tao. [m] ꞗậy thì mà

cau-

*cautiorem eſſe, [n] nec facilè ſuggeſtiones malignas admiſſurum; [o] maluit ergo debiliorem mulieris ſexum aggredi, [p] vt per mulierem victam, virum etiam ipſum à ſtatu felici in miſeriam deturbaret, [q] captabat igitur cacodæmon anſam opportunam, vt mulierem ſolam reperiret, [r] à viro ſuo ſeiunctam, vt illam faciliùs deciperet: [ſ] Tunc Adam iam declarauerat Euæ Diuinum Præceptum, [t] de non comedendo fructu arboris ſcientiæ boni & mali ſub pæna mortis: [u] poſtea cùm ſola Eua per hortum voluptatis vagaretur, [x] & adueniens curioſius fructum arboris vetiti contemplaretur, [y] laudaretque vt pulchrum viſu, aſpectuque delectabile, [z] attingere tamen minimè auderet, [a] aditum nihilominus ad tentationem diabolo dedit, [b] is igitur qui in ſerpentem ingreſſus,*



quỉ dữ xem thấy chồ khôn ngoan hơn, [n] mà chẳng nghỉ chịu mlời nó cám dỗ, [o] vì ꞗệy nó chọn dỗ đành đàn bà yếu ſức hơn, [p] mà được ꞗở ngã, thì giục ꞗở cho được chồ, bỏ mất ſự ꞗui ꞗẻ, mà ngã tlaố ſự khốn nạn ꞗệy: [q] nhin vì ſự ấy mà quỉ dữ thì dõm khi nào kịp cho gặp đàn bà ở một mềnh, [r] mà khỏi mặt chồ, cho nghỉ dối đàn bà được. [ſ] khi ấy oũ Adam thì đã nói tỏ tường cữ bà Eua những mlời đức Chúa blời răn, [t] chớ có ăn phải blái cây biết lành biết dữ, mà phải chết, [u] đến ſau có ngày bà Eua ở một mềnh, mà đi chơi ở tlaố vườn ꞗui ꞗẻ, [x] đến nơi có cây cấm ấy thì coi lại lắm, [y] mà khen ràng, thấy thì tốt lành, vả ꞗui xem, [z] ſaố le tay đá đến thì chẳng dám; [a] mà ꞗệy thì mở đàng cho mà quỉ cám dỗ được: [b] vì chưng ma



illam

*illaminterrogare cepit; [c] cur de fructu illo pulchro non comederet? [d] cui mulier ineptè reſpondit dicens vetitum ſibi à Deo eſſe, ne fortè, inquit, moriamur, [e] [f] tanquam dubitans, an verè eſſet moritura ſi comederet, [g] quæ dubitatio ianuam tentatori aperuit ad mentiendum, & ſeducendum: [h] ſtatim enim contra Diuinum verbum diabolus affirmauit, nequaquam moriemini, inquit, [i] ſcit enim Deus quod in quocunque die comederitis ex eo, [k] aperientur oculi veſtri & eritis ſicut Dij, ſcientes bonum & malum: [l] impudenter ſcilicet ſupremo Numini notam inuidiæ imponens, [m] ac ſi nollet homines habere ſcientiam boni & mali, [n] atque ideò fructum illius arboris vetuiſſet, [o] ne fierent ſicut Dij, ſcientes bonum & malum [p] Atque ita mulier dæmonis*



quỉ thấy ꞗệy thì nhệp ꞗěaò tlaố con rắn, mà hỏi ràng: [c] blái nầy tốt lành, ſao bà chẳng ăn? [d] mà bà ễy thưa mlời dại ràng: [e] đức Chúa blời có cấm, mà ăn phải dái chết chang, [f] như thể bằng hồ nghi, ăn phải có chết chẳng: [g] mà mlời hồ nghi làm ꞗệy thì mở cửa cho ma quỉ dối, mà cám dỗ được: [h] vì ma quỉ tức thì cãi mlời đức Chúa blời, mà dối ràng: nào có chết đâu; [i] vì chưng Chúa blời đã hay, ngày nào bay ăn phải blái nầy, [k] thì mở con mắt bay ra, được chức bằng Chúa blời, mà biết ſự lành ſự dữ: [l] ꞗệy thì ma quỉ děám bỏ làố ghen ghét cho đức Chúa blời là đức Chúa cả: [m] như thể bằng đức Chúa blời chẳng cho người ta biết ſự lành ſự dữ, [n] mà vì ſự ễy cấm blái cây ễy, [o] cho kẻo người ta được chức bằng đức Chúa blời, biết lành dữ ru. [p] Mà

*Dei.*

*vt aſtuti ſerpentis vocem audiens, [q] præceptumque Dei abijciens, extendit manum ad fructum vetitum & decepta comedit, multipliciter errans, [r] primum quod à viro ſe ſubducens, ſola in paradiſo illo vagaretur. [s] ſi enim cum viro fuiſſet, nequaquam diabolus fuiſſet auſus illam aggredi: [t] huius exemplo diſcant mulieres non vagari ſolæ ſine fideli comite, ne decipiantur; [u] deinde quod contēplaretur fructum arboris vetiti, [x] ac etiam intra ſe laudaret, tanquam pulchrum oculis, aſpectuque delectabile: [y] vnde etiam fortè, præbuit anſam diabolo illam tentandi, [z] vt diſcamus omnes non aſpicere, nec laudare, quod non licet concupiſcere. [a] tertiò errauit in eo quod cum dæmone intra ſerpentem latente ſermonem miſcuit, [b] ſtatim namque ac ſerpentis*



làm ꞗệy đàn bà nghe mlời ma quỷ dữ, ở tlaố con rắn quỷ quái, [q] mà bỏ mlời đức Chúa blời, vì tay mềnh cất lấy blái cấm, nghe mlời dối mà ăn, ꞗệy thì lỗy nhều ſự. [r] tlước thì có lỗy, ví để chàố, mà một mềnh đi chơi dữ dài tlaố vườn ꞗui ꞗẻ: [s] ví bằng ở cǔ chàố, ma quỷ thì chẳng dĕám đến cám deỗ bà ấy: [t] hễ là đẫn bà thì phải xem gương nấy mà hạọc, chớ có đi dữ dài một mềnh, khi chẳng có bạn ngay, mà phải kẻ gian. [u] Sau thì bà Eua có lỗy, vì có xem lâu blái cấm, [x] mà tlaố làố cǔ khen ràng, xem thấy tốt lành bấy: [y] ấu là mà quỷ thấy ꞗệy, thì lấy làm kịp mà cám deỗ, [z] cho hết ta được hay, hễ là vật gì ta chẳng nên ước, ta chớ coi lại, chớ khen. [a] thứ bà thì cǔ lỗy, vì nói khó cǔ ma quỷ, ẩn mềnh tlaố con rán: [b] vì chưng khi nghe thấy tiếng con rắn, mlẽ thì

vocem

*vocem audiuit, debuerat aufugere,* [c] *virum quærere, atque illi venenatas illas ſerpentis ſuggeſtiones referre,* [d] *nec vllum ſerpenti reſponſum dare, ne deciperetur,* [e] *ſed quia temerè reſpondit facilè decepta eſt.* [f] *hoc docet mulieres cum incognitis non facilè miſcere ſermonem,* [g] *maximè cùm ſunt ſolæ, ne decipiantur.* [h] *Denique maximè peccauit mulier eo, quod præceptum & comminationem certam mortis, quam Deus affirmanter prædixerat,* [i] *in dubium reuocauit Eua cum dixit, ne fortè moriamur:* [k] *ex quo dubio ſumpſit anſam diabolus mentiendi,* [l] *& abſolutè negandi futuram talem mortis pœnam, dicens: nequaquam moriemini;* [m] *vt diſcamus omnes, nullo modo titubare, nec in dubiũ reuocare verba Dei, ne grauiter peccemus;* [n] *quia Deus vt potè qui nouit omnia etiã, ante-*



phải tlốn tức thì; [c] đi tìm chàồ, mà nói ra cữ nhữ̃ng mlời đọuc dữ ꞗêy, con rắn dễờ dễành giục làồ làm ſao, [d] mà chớ blả mlời gì nó, kẻo mạc mlời đới: [e] ſaồ le vì đã thưa những mlời láo dáo, thì cháồ phải ſa cám dẹờ, [f] ſự nẩy dẹay đẩn bà, chớ có dễ nói khó cữ kẻ chẳng biét là ai, [g] nhít là khi ở một mềnh cho kẻo phải gian tà. [h] ſau hết đẩn bà có tội lám, vì mlời thật đức Chúa blời răn, mà chẳng giữ thì đc chết thạt, [i] Eua lẽy làm hồ nghi ꞗệy ràng, phải ăn có chết chang: [k] mà mlời hồ nghi làm ꞗệy, thì có mở đàng cho ma quỉ dối blà: [l] mà chối ꞗệy ràng: chẳng có phải chết đâu; [m] ꞗệy cho ta hết thay thải haọc ſự mlời đức Chúa blời, chớ có dái dối ſốt, chớ có lẽy làm hồ nghi, mà lỗy lám: [n] vì chưng đức Chúa blời

quam

*quam fiant : [o] non poteſt* o
*ſalli nec poteſt Deus ſalle-*
*re aliquem* [p] *vt pote ſu-* p
*prema & infinita Veritas*
*& Bonitas .* [q] *ſed potius* q
*omnia tela inimici ignea*
*extinguere debemus,* [r] *aſſu-* r
*mẽtes ſpirituale ſcutũ fidei,*
*àc ei reſiſtere fortes in*
*fide.* [s] *Taceo inordinatum* ſ
*ſciendi appetitũ, quem ha-*
*buit mulier,* [t] *fidem quo-* t
*que præſtans diabolo dicen-*
*ti . Eritis ſicut Dij .* [u] *qui* u
*appetitus ſciendi , illam*
*potius ad præuaricationem*
*induxiſſe videtur , quam*
*appetitus cibi & guſtus,*
[x] *non enim deerant in* x
*Paradiſo alij fructus lon-*
*gè pretioſiores,* [y] *præcipuè* y
*arbor vitæ, quæ erat in*
*medio Paradiſi,* [z] *& de qua* z
*ſicuti & de alijs omnibus*
*habebant facultatem pri-*
*mi parentes ſumendi ad*
*libitum ;* [a] *præterquam* a
*de vna illa ſcientiæ boni*
*& mali arbore, à Deo ve-*
*tita.*



đã biết hết mọi ſự, dù
mà chưa có ſự ꞗệy, vì
ꞗệy chẳng có ai dối
được đức Chúa blời :
o [o] mà lại đức Chúa blời
chẳng có dối được ai,
p [p] vì chưng là nhít thạt
thà vô cữ, lào lành vô
q cữ ꞗệy : [q] ſaõ ta phải lấy
mlời đức Chúa blời ta
r tin, [r] lấy như thoẳn thi-
eng, mà tát hết tên lửa,
ma quỉ bỏ cho ta, ꞗệy
ta lấy mlời tin, mà ở
ſ rắn mạt cữ nó . [s] Chẳng
kể ſự đần bà ước cho
t biết láo dáo ꞗệy, [t] mà tin
mlời quỉ khi ràng, được
chức bàng Chúa blời,
u [u] âu là ſự muấn láo dáo
ꞗệy cho biết, có giục lào
Eua phạm tội, hơn ſự
x thèm ăn : [x] vì chưng tlaõ
vườn ꞗui ꞗẻ chẳng có
thiếu gì blái khác tốt
y hơn xa lắm : [y] nhít là có
cây ſóũ lâu, ở giữa vư-
z ờn ꞗui ꞗẻ, [z] mà đức
Chúa blời cho tổ tử ta
ăn, và blái ꞗệy ſóũ lâu,

và blái khác dầu lào, [a] có một blái ꞗệy biết lành | a
biết dữ, đức Chúa blời cấm mà thôi.

[b] *Neque*

[b] *Neque contenta fuit mu-* b
*lier edere de fructu pro-*
*hibito,* [c] *ſed etiam virum* c
*ad idem peccatum indu-*
*xit:* [d] *cum enim diabolus* d
*Adamum ſolus immediatè*
*aggredi non fuiſſet auſus,*
[e] *quem tamen præcipuè* e
*ſupplantare intendebat,* [f] *vt* f
*ſcilicet in illo tamquam*
*in capite totam humani ge-*
*neris maſſam corrumperet,*
[g] *ideò mulierem induxit* g
*vt viro fructum vetitum*
*offerret.* [h] *Adam igitur vi-* h
*dens ſociam ſuam, quam*
*vnicè amabat, iam fructus*
*vetiti eſu corruptam,* [i] i
*non illam, vt debuerat,*
*reprehendit,* [k] *ſed potius* k
*eius exemplum ſecutus,*
*etiam ipſe comedit fructũ*
*à muliere oblatum;* [l] *non* l
*quod Adam fuerit decep-*
*tus,* [m] *optimè namque* m
*nouerat, ſe in præceptum,*
*ſi ederet, impingere,* [n] *&* n
*gratiam, & amicitiã Dei*
*cum Iuſtitia originali ami-*
*ttere,* [o] *tam pro ſe quàm* o
*pro toto humano genere,*
[p] *ſicque per peccatum* p



b [b] Mà đàn bà ăn blái cấm
c chẳng lấy làm ꞗừa, [c]
lại giục lão chào cũ phạm
d tội ấy: [d] vì chưng khi
ma quỉ đến cám dỗ oũ
Adam, một mình chẳng
e dám, [e] mà nhít là có í
muấn làm cho oũ Adam
f ngã, [f] ꞗệy thì làm hư
đầu, cho cả và lòài ngư-
g ời ta nát ꞗối: [g] nhin vì
sự ấy thì giục đàn bà lấy
blái cấm, mà dưng cho
h chào. [h] ấy ꞗệy mà oũ
Adam thấy bạn mình yêu
hết lào, đã ăn phải blái
i cấm, mà hư, [i] chẳng lọ là
chẳng có máng, mà mlẽ
k thì đã máng; [k] lại bắt
chước bạn, mà ăn phải
blái ấy, đàn bà dưng
l cho: [l] ſao oũ Adam chẳng
có phải mlồi nhứ nhầm
m đâu: [m] vì chưng oũ A-
dam đã biét tỏ tưáng,
n ăn thì phạm răn, [n] mà
bỏ mất *gratia*, là nghĩa
cũ đức Chúa blời, lại bỏ
o mất nhin đức đầu [o] cho
mình, lại bỏ mất cho
cả và lòài người ta nữa,
p [p] mà ꞗệy phạm tội thì

*mortem*

*mortem incurreret, tàm corporis, quàm animæ; [q] cum alijs innumeris malis quæ ſubiturus erat, tum ipſe, tum vniuerſa eius proſapia; [r] nimius tamen amor quo ſociam proſequebatur, illum ad tot tantaque mala ſcientem ac volentem induxit, [ſ] & fortè ne ſociam contriſtaret, non dubitauit præceptum Diuinum infringere, [t] atque edere de fructu à Deo vetito. [u] Statim poſt peccatum cæperunt erubeſcere primi Parentes, [x] quòd nudi eſſent, & folia ficuum conſuerunt ad tegendum ſe, [y] Cùmque audiſſent vocem Dei deambulantis in paradiſo [z] timuerunt, & abſconderunt ſe in medio paradiſi: [a] (ſc. ſibilem enim aliquam figuram videtur aſſumpſiſſe Dominus Deus vt illos argueret:) [b] ſed quomodo latere poſſent, aut effugere Diuinum oculum, omnia clariſſimè intuentem. [c] Vocat igitur Dominus Deus*



phải chết và xác và linh hồn; [q] cũ phải những ſự khôn nạn mềnh, vô hồi vô số, cú cả và họ mềnh nữa phải ꞗệy: [r] ſaố le bởi yêu bạn đã quá. dẫu đã hay có phạm những ſự tai vạ làm ꞗệy, cũ chọn chịu ꞗệy, [ſ] mà kẻu mất lào bạn, ẩu chẳng nè phạm răn đức Chúa blờ‑i, [t] mà ăn phải blái đức Chúa blờ‑i cấm ꞗệy. [u] Phạm tội đoạn thì tổ tú ta tức thì hổ ngươ‑i, [x] vì mềnh ở‑ tlần tluồng, mà lấy lá cây vả, mấy lại che mềnh. [y] khi ẽy thấy tiếng đức Chúa blờ‑i đi lại tlaố vườ‑n ꞗui ꞗé, [z] thì ſợ hãi, mà ẩn mềnh giữa vườ‑n ꞗui ꞗé ꞗệy: [a] (ẩu là đức Chúa blờ‑i có lấy hình tượng nào, cho tổ tử ta thấy được, mà ꞗệy trách tổ tú ta:) [b] ſaố le nào có ăn mềnh được, hay là tlánh cón mắt đức Chúa blờ‑i, đã thấy hết mọi ſự rứt tỏ tường. [c] ꞗệy thì đức Chúa blờ‑i

*Adam, & dicit, Vbi est?* [d] *proprio territus peccato reſpondet Adam.* [e] *Vocem tuam audiui in paradiſo & timui,* [f] *eò quod nudus eſſem, & abſcondi me.* [g] *Rurſus Dominus ad illum: Quis enim indicauit tibi quod nudus eſſes?* [h] *certè quod ex ligno, quod præceperam tibi ne comederes, comediſti.* [i] *nam priùs cùm adhùc eſſet cum innocentia originali primi parentes,* [k] *quamuis nudi eſſent, non erubeſcebant,* [l] *at poſt peccatum, rebellionem carnis ſentientes,* [m] *iam de nuditate erubeſcebant;* [n] *cùmque Dominus Adæ ſuum obijceret peccatum,* [o] *vt illud Adam ingenuè fateretur, ſicque faciliùs veniam conſequi poſſet:* [p] *maluit ipſe reijcere peccatum ſuũ in mulierem, & indirectè in ipſum etiam Deum, dicens:* [q] *Mulier, quam dediſti mihi ſociam, dedit mi-*

gọi oũ Adam ràng: mầy ở đâu? [d] oũ Adam thì ſợ, vì có tội, mà thưa ràng: [e] tôi lạy đức Chúa blời, tôi đã nghe tiếng đức Chúa blời, tlaố vườn ꞗui ꞗể, mà tôi ſợ hãy, [f] vì tôi tlần tluồng, thì tôi ẩn mềnh. [g] đức Chúa blời lại phán ràng: ai bảo mầy, cho mầy hay, mầy ở tlần tluồng? [h] thật bởi mầy ăn phải blái tao đã cấm mà chớ: [i] vì chưng khi tổ tú ta hay còn lành, giữ blọn nghĩa đầu hết đức Chúa blời cho, [k] dầu tlần tluồng, cũ chẳng có hổ người: [l] ſaố le phạm tội đoạn, vì mềnh xác có nghịch, [m] cũ linh hồn, mà tlần tluồng, thì hổ người: [n] khi ấy đức Chúa blời bó tội oũ Adam tlước mặt oũ ấy, [o] cho oũ ấy xưng ngay tội mềnh, mà nghỉ chịu được tha ꞗệy, [p] ſaố le oũ Adam cố chọn bó tội mềnh tlên đàn bà, mà ꞗệy cũ như bỏ tlên đức Chúa blời, ràng: tôi lạy đức Chúa blời, [q] đàn bà đức Chúa blời

hi

bi de ligno & comedi ; [r] Sic locutus eſt Adam, quaſi vero non deberet potius præcepto Dei adhærere, ac mulieris ſuaſiones reÿcere ; [s] præſertim cùm ipſe non fuerit ſeductus, [t] ſed ſciens ac volens fructum mortis acceperit. [u] Cùmque poſtea Dominus Deus etiam mulierem interrogaſſet, Quare hoc feciſti? [x] illa reſpondit, Serpens decepit me, & comedi [y] tanquam culpam à ſe in ſerpentem reÿciens : [z] cum tamen Deus vellet, vt ſuã culpam agnoſceret, [a] quod & ipſa fructum vetitum comediſſet, & viro comedendum dediſſet. [b] Quia tamen benigniſſimus Dominus iam ex tunc humano generi, miſerè ſic lapſo, remedium parabat ; [c] priùs in ſerpentem inuehitur ; ſeu potius in diabolum, ſub illa ſerpentis figura latentem : [d] Inimicitias,



cho tôi làm bạn cũ, thì cho tôi blái, mà tôi đã ăn. [r] Oú Adam thì nói ꞗệy ; như thể ꞗưng mlời đức Chúa blời răn, mà bỏ mlời đần bà dễ dành, chẳng hơn ru ; [s] nhít vì oú Adam chẳng có phạm vì ai dối mềnh đâu, [t] ſaố thì biết, và dọuc lào ăn blái chết ꞗệy. [u] Sau thì đức Chúa blời cừ hỏi đần bà, phán ràng : ſao mấy làm thể ếy gái kia? [x] mà đần bà thưa ràng : tôi lạy đức Chúa blời, con rắn đã dối tôi, mà tôi đã ăn : [y] như bàng giải mềnh, mà bỏ hết vạ cho con rắn ꞗệy : [z] khi đức Chúa blời muấn cho đần bà xưng mềnh có lỗy, [a] và khi mềnh lấy blái cấm mà ăn, và khi dưng cho chaố ăn cũ. [b] Saõ le vì đức Chúa blời rứt nhin, mà từ ếy đã dọn chửa lŏài người ta, đã ngã mà khốn nạn làm ꞗệy ; [c] tlước thì máng con rắn, hay là thật máng phạt quỉ, đã lấy hình con rắn, ẩn mềnh, [d] thì

*inquit, ponam inter te & mulierem, [c] & inter ſemen tuum, & ſemen illius, & ipſa conteret caput tuũ &c. [f] quibus verbis ruinam diabolo prædicit per Saluatorem mundi, qui de muliere naſciturus erat. [g] poſtea tamen vtrique parenti varias ærumnas prædicit, quas & ipſi paſſuri erãt, & tota eorũ proſapia, [h] ac demum mortem, quam omnes propter Adæ peccatũ erant ſubituri; [i] ac propterea de paradiſo voluptatis illos eiecit [k] ſine ſpe ad illum redeundi, [l] ne fortè de fructu arboris vitæ comederent, per quem vitarent corporis mortem; [m] Atque hinc naſcimur omnes peccati originalis maculà infecti; [n] atque ideò etiam paruuli qui vſu rationis adhuc carent, [o] tamen peccatum originale contraxerunt, antequam*



đức Chúa blời phán ràng: ngày ſau tao làm cho mầy cũ đần bà ngịch nhau, [c] và gioú ra bởi mầy, cũ gioú ra bởi đần bà, cho hai gioú ngịch nhau, mà đần bà ngày ſau đạp già giệt đầu mầy. [f] Mlời nầy đức Chúa blời phán, là ſấm truyện ſự ma quỉ ngã; vì có đức Chúa blời kứu thế, bởi đần bà mà ſinh đẻ ra đời: [g] ſau thì mới phán dều ſự khốn nạn, tổ tú ta, cũ cả và họ phải chịu, [h] ſau nữa thì cũ phải chết hết, vì bởi tội oũ Adam: [i] nhin vì ſự ếy đức Chúa blời xua tổ tú ta ra khỏi vườn ꞗui ꞗẻ, [k] mà chảng còn có tloũ được blở lại tlaõ ếy nữa, [l] cho kéo ăn được blái cây ſoú lâu, mà làm ꞗệy khỏi chết xác. [m] bởi đếy cho nên ta hết thay thải, khi mới đẻ ra, đã phải lếy blộ tội tổ tú ta truyện cho ta. [n] vì ꞗệy dầu tlẻ naò mọn mới đẻ, mà chưa có chúa í mệnh, [o] ſaõ le khi chưa có đẻ

*naſceren-*

*naſcerentur, [p] ideò remedio etiam ipſi indigent, ad illud peccatum abſtergendum, [q] ne in æternum priuentur gloria cæleſti, ſi ſortè ante vſum rationis moriantur; [r] tanquam verè inimici Dei. [ſ] quòd ſi mors alicui illórum contingat, poſt Baptiſmum ritè ſuſceptum, [t] æterna beatitudine in ſocietate beatorum Angelorum potientur. [u] quare maximè id curandum, etiam filijs Ethnicorum, ante vſum rationis decedentibus; [x] quod prudenter faciendum, etiam inſcijs, aut inuitis parentibus, [y] cum infantes morti ſunt proximi, antequam extinguantur, opportunè baptiſmũ miniſtrando. [z] Atque hoc miſericordiæ opus pluris faciendum eſt, quam ſi innumeri theſauri pauperibus diſtribuerentur.*



ra, phải tội tở nể truyền cho, [p] bởi đấy cho nên tlẻ nào dấu mọn thì phải chịu phép, mà giải tội ấy, [q] cho kẻo phải mất đời đời ſự ꞗui ꞗẻ tlên blời, [r] nếu tình cờ phải chết, khi chưa có chúa í mềnh, vì đã phải mất nghiả cũ đức Chúa blời: [ſ] nếu tlẻ mọn naò phải ſinh thì, khi đã chịu phếp rửa tội cho nên, [t] thì được chịu ꞗui ꞗẻ đời đời, làm bạn cữ đức thánh thien thần ꞗậy. [u] Vì ꞗậy thì phải lo cho nên, mà làm phép ấy, dấu cha mẹ chưa có đạo mà con tlẻ khi rình chết chưa có chúa í mềnh: [x] mà phải lo việc ấy cho khéo, dù mà cha mẹ con tlẻ ấy chẳng hay, hay là chẳng khứng, [y] mà con tlẻ đã rìng chết, thì phải làm phép rửa tội cho kíp, khi chưa có tắt hơi. [z] Mà phúc thương xót nầy, thì phải lấy làm trạo hơn thí cho kẻ khó của trạo vở hồy vô ſố ꞗậy.

[a] *ADam poſt peccatū è paradiſo eiectus, quamuis pœnitentiam agere cœperit,* [b] *ſtatim tamē perſentire etiā cœpit quanta mala ſibi, ac progenie ſuæ per illud peccatum intuliſſet;* [c] *quamuis enim peccati ſui veniam quoad culpam, à Miſeicordia Dei accepiſſet;* [d] *in ſudore tamen vultus ſui veſcebatur pane ſuo,* [e] *& Eua dolores partus in pœnam accepit:* [f] *quodque peius fuit, rebellionem in primo, quem peperit, filio vidit talem,* [g] *vt neque proprio fratri Abel pepercerit, nam ex inuidia illum necauit:* [h] *cùm enim Abel piè Deum coleret, eiuſque ſacrificia Deo eſſent accepta:* [i] *contra Cain impius & inuiſus Deo eſſet, id ægrè ferens, mortem intulit fratri,* [k] *atque ideò vagus fuit ſuper terram, filios etiam*



[a] OÚ Adam phạm tội đõạn, mà khỏi vườn ꝺui ꝺé, dẫu lien có ăn năn tội, [b] ſaõ le cữ đã xem thấy tức thì những ſự khốn nạn, và mẽnh, và họ mẽnh phải, vì mẽnh phạm tội ếy: [c] vì chưng dù mà đức Chúa blời thương, mà tha tội oú ếy, cho nên khỏi vạ vô cữ, [d] ſaõ le cữ chịu mạt mẽnh đổ mồ hôi, cho được ăn, [e] mà bà Euà chịu phạt ſự khốn khó khi để con: [f] mà lại đã thấy càng khốn hơn nữa, vì đã thấy con đầu làõ mẽnh đã nghịch chưng ếy, [g] cho đến chẳng tha em mẽnh, ten là oú Abel, thàng ếy bởi ghen ghét, mà đánh chết em: [h] vì chưng oú Abel thờ phượng đức Chúa blời hết làõ, mà oú Abel tế lễ, đức Chúa blời lếy làm yêu: [i] ſaõ thàng Cain quỉ quái, chẳng đẹp làõ đức Chúa blời, ꝺệy thàng Cain thì ghen ghét, mà đánh chết em; [k] cho nên thàng Cain

*genuit*

*genuit ſibi ſimiles, [l] impios ſcilicet ac Diuinæ maieſtati rebelles, qui ſolum terrena ſaperent; [m] hi polygamiam inuexerunt in mundum, & inſtrumenta muſica, & bellica. [n] Tertium filium genuit Adam, quem vocauit Seth, [o] illumque docuit piè Deum colere, cum ipſius progenie; [p] atque ideò filij Seth vocati ſunt filij Dei, [q] inter quos Henoch ita placuit Deo, [r] vt tulerit eum Deus, nec amplius apparuerit, [ſ] cùmque cæteri Patriarchæ iam diù mortem obierint, [t] vnus tamen Henoch, poſt quatuor mille, & amplius annos, eſt adhuc in viuis, [u] in loco ſecreto cuſtoditus à Deo; [x] poſtea tamen propè finem mundi eſt moriturus pro Sancta lege Dei. [y] & quamuis aliqui è Patriarchis ante diluuium*



đi dú dài tlên đất, cữ ſinh ra con cáy bát chước nó, [l] những thàng quỉ quái, mà ngịch cữ đức Chúa blời, một lo ſự thế gian mà thoi: [m] bởi những đứa ấy cho nên ra thói thế gian lấy dều hai vợ, mà đần hát, cữ kí giái, bởi chúng nó bay đạt mà chớ. [n] Oũ Adam thì ſinh ra con thứ ba, mà đạt tên là Séth, [o] cữ dạy oũ ấy, và đời oũ ấy, thờ phượng đức Chúa blời cho nên: [p] vì bấy con cái oũ Séth, thì gọi là con cái đức Chúa blời, [q] mà tlaõ họ ấy thì có oũ Henóch thì đẹp làõ đức Chúa blời lám, [r] cho nên đức Chúa blời lấy oũ ấy, mà chẳng thấy oũ ấy nữa: [ſ] dấu các oũ tổ nễ đời xưa đã ſinh thì, [t] ſaõ le một oũ Henóch đã được hơn bốn nghìn tuổi, mà hãy còn ſóũ, [u] đức Chúa blời giữ oũ ấy ở nơi kín: [x] ſaõ le ngày ſau, khi rình hết thế, cữ phải chịu chết vì đạo thánh đức Chúa blời bấy: [y] mà dấu tlaõ tổ nễ, khi chưa có đến lụt cả, có ké thì

*nongentos*

*nongẽtos annos in hac vita*
*ſuperarint,*[z] *vt Adam qui* z
*ad nongenteſimum & tri-*
*geſimum ætatis annum*
*peruenit,* [a] *nullus tamen* a
*ad mille annos peruenit,*
[b] *præter vnum Henoch,* b
*qui, vt diximus, adhuc eſt*
*ſuperſtes, & quatuor an-*
*norum millia iam ſupera-*
*uit.*[c] *Mathuſala filius He-* c
*noch qui reliquos omnes*
*Patriarchas ætate ſupera-*
*uit, peruenit ad nongen-*
*tos & ſexaginta nouem*
*annos,* [d] *atque adeò cum* d
*Adamo ſuperſtite vixit*
*pluſquam ducentis annis;*
[e] *à quo etiam totam de* e
*creatione huius Mundi*
*ſeriem accipere immedia-*
*tè potuit,* [f] *atque illam* f
*tradere, non ſolùm Noe*
*nepoti ſuo,* [g] *ſed etiam* g
*tribus eius filijs ante di-*
*luuium,*[h] *vitam enim vſ-* h
*que ad diluuij tempus pro-*
*traxit,* [i] *& mortuus eſt* i
*eo ipſo anno quo diluuiũ*
*accidit.*
[k] *Cum enim filij Dei, ideſt* k
*ex progenie Seth, qui erant*



đã khỏi chín tlam tuổi,
z [z] như ông Adam đã đến
a chín tlam ba mươi: [a] ſong
le chẳng có ông bà nào
b đến nghìn, [b] có một ông
Henoch hãy còn ſống đến
bây giờ, như đã nói khi
nãi, mà đã khỏi bốn nghìn
c nam: [c] có một ông Ma-
thuſala, là con ông Henóch
đã khỏi tuổi các tổ nể,
mà đã ſống cho đến chín
tlam ſáu mươi chín nam,
d [d] cho nên còn ở cữ ông
Adam khi còn ſống ở thế
nầy, hai tlam dư nam,
e [e] mà ꞗệy cữ chịu được
mlời ông Adam, kể cho
ông Mathuſala, ſự đức
Chúa blời hóá nên thế
f giái nầy làm ſao: [f] mà lại
ông Mathuſala truyền
mọi ſự ấy chẳng những
cho ông Noe, là chấu ông
g Mathuſala, [g] mà lại tru-
yền cho con cái ông Noe,
h cho đến lụt cả,[h] vì chưng
ông Mathuſala thì còn ſống
i cho đến lụt cả, [i] mà nam
ấy có lụt cả, thì ông Ma-
thuſala mới ſinh thì.
k [k] Khi ấy kẻ thờ phượng

*ſupremi*

*ſupremi Numinis cultores, [l] accepiſſent vxores ex filiabus hominum, ideſt ex progenie Cain, quæ erat impiorum; [m] ita corrumpi cœperunt, in moribus, vt vno excepto Noe cum familia ipſius, [n] omnes eſſent corrupti, ac talem ſupremi Nominis iram incurrint, [o] vt ſtatuerit Deus per diluuium vniuerſale delere omnes, [p] præter vnum Noe, ipſiuſque familiam. [q] præcepit ergo Deus Noe vt fabricaret arcam ſatis capacẽ ad ſaluandam eius familiam, [r] Noe ſcilicet & vxorem eius, tres filios & tres vxores filiorum eius, [ſ] & omnia animalia, & volatilia, & reptantia ſuper terram, ad ſaluandas eorum ſpecies, [t] de mundis quidem animantibus, & de volatilibus ſeptena & ſeptena, [u] de quibus ipſe Noe immediatè poſt diluuium poſſet ſumere ad ſacrificandum*



đức Chúa blời, là dàõ dói oũ Seth, gọi là con cái đức Chúa blời, [l] thì lểy bọ những con cái người ta, là dàõ họ thàng Cain, những kẻ gian dữ; [m] cho nên cả và lõài người ta hư thân; có một oũ Noe, và con cái oũ ểy còn lành, [n] hễ là kẻ khác đã nát hết, mà làm cho đức Chúa blời gẹn, [o] cho nên đức Chúa blời làm lụt cả mà phá hết, [p] để một oũ Noe, và con cái oũ ểy. [q] ꞗểy giờ đức Chúa blời khiến oũ Noe thì đóũ tàu như hình hòm, mà rộũ rải, [r] để cho oũ Noe ở, và ꞗọ oũ ểy, cũ ba con oũ ểy, lại ba ꞗọ ba con oũ ểy: [ſ] và muâng chim cầm thú, cũ các gióũ con rắn, để mà giữ lõái nó, kẻo hết: [t] gióũ naò muâng ſạch, thì giữ bảy con: mỗi một lõài cái chim cũ bảy con, [u] vì chưng khỏi lụt cả đoạn, thì oũ Noe phải lểy những gióũ muâng ſạch ểy, cũ cái chim ểy mà

*& gratias Deo agendas :* [x] *de immundis vero bina & bina, maſculum & faminã.* [y] *Dum igitur Noe fabricaret arcam illam ſpatio centum circiter annorum ,* [z] *alios monebat futurum diluuium, vt à peccatis reſipiſcerent ,* [a] *at illi irridebant Noe tanquam fatuũ, & ſuis interim peccatis & luxui vacabant :* [b] *cùmque vicino iam diluuio vniuerſali , mouente Deo , iam animalia & reptilia omnia & volatilia ingreſſa eſſent in arcam ,* [c] *ipſe etiam Noe cum ſuis ingreſſus eſt,* [d] *& clauſit à foris oſtium Dominus,*[e] *factaque eſt pluuia ſuper terram ſine intermiſſione quadraginta diebus ; & quadraginta noctibus ;* [f] *& non ſolum cooperuit aqua omnem ſuperficiẽ terræ ,* [g] *ſed etiam montes excelſi ita operti ſunt , vt cacumina illorum ſuperaret aqua quindecim cubitis;* [h] *atque ita mortua ſunt extra arcam animantia , & uolatilia ,*



tế lễ cám ơn đức Chúa blời,[x] mà gioĕ naò chảng ſạch mời một thì để hai con, một đực một cái. [y] Saŏ le khi oŭ Noe đáŏ tàu ĕy một tlăm nam dồ, [z] thì bảo kẻ khác , ràng ngày ſau có lụt đến, mà phải chừa ſự lỗy : [a] ſaŏ le những đứa nó thì cười oŭ Noe như thằng naò dại , mà nhìn thể phạm tội chơi bời ꞗệy. [b] đến khi đã rình lụt cả, đức Chúa blời giọuc làŏ các gioĕ muân chim, cũ gioĕ còn rắn , thì ꞗĕaò tàu , [c] mà oŭ Noe và bà còn thì cũ ꞗĕaò : [d] chóuc ĕy đức Chúa blời thì đáŏ cửa lại bề ngoài ; [e] bấy giờ thì mưa đổ xuống tlên đết bốn mươi ngày, và bốn mươi đêm, chẳng có khi naò đừng ; [f] cho nên nước che, chẳng lọ là cả và mạt đất , [g] lại che các núi cao cho đến khỏi đầu núi mười lam thước tlên : [h] mà làm ꞗệy hễ là gioĕ nào ſoŭ ngoque

*quæ habebant ſpiritum vitæ,* [i] *vniuerſique homines;* [k] *excepto Noe & ijs qui cum ipſo erant in arca,* [l] *quæ tunc ferebatur ſuper aquas;* [m] *illæ autem obtinuerunt terram centum & quinquaginta diebus;* [n] *poſt quos cùm recordatus fuiſſet Dominus Noe & omnium eorum, qui cum eo erant in Arca,* [o] *cœperunt minui paulatim aquæ ſuper terram,* [p] *cùmque cœpiſſet diluuium anno ſexcenteſimo vitæ Noe; menſe ſecundo, decima ſeptima die menſis,* [q] *poſteà menſe ſeptimo, vigeſima ſeptima die menſis, requieuit arca in montibus Armeniæ:* [r] *decimo verò menſe prima die menſis apparuerũt cacumina mõtium;* [ſ] *& aperiens Noe, feneſtram, quam data opera priùs fecerat in arca,* [t] *dimiſit coruum, qui non eſt reuerſus, donec ſiccarentur*



ài tàu là các muáng chim cầm thú có giác hồn thì chết hết, [i] cả và lòài người ta cữ chết ꞗối: [k] còn một oũ Noe, cũ bà con oũ ấy, và mọi gióũ ở tlaõ tàu thì còn ſóũ mà th i: [l] khi ấy tàu thì đi lại tlên nước, [m] mà nước thì chc cả và đết một tlam nam mươi ngày; [n] ſau thì đức Chúa blời dớ oũ Noe, cũ các hết lòài ở tlaõ tàu cữ oũ Noe, [o] mà làm cho nước hạ xuống ít ít ꞗệy: [p] đầu hết lụt cả phải khi oũ Noe nên ſáu tlam tuổi, mà ngày mười bay tháng hai; [q] đến hai mươi bảy tháng bảy, thì tàu mới phải cạn mà nghỉ tlên núi đết, gọi là Armenià; [r] mà đến mòũ một thính mười, mới thấy được đầu núi: [ſ] khi ấy oũ Noe thì mở ra cửa ſổ, đã làm tlước tlên tàu đã sẳn, [t] và tha chim ác đi, mà nó chẳng có; bló lại, cho đến khi đất đã khói nước, mà đã ráo

*rentur aquæ ſuper terram:*
u *[u] dimiſit quoque columbã*
x *poſt eum, [x] quæ cum non*
*inueniſſet vbi requieſceret*
y *pes eius, [y] reuerſa eſt in arcam; [z] & expectatis*
z 
*vltra ſeptem diebus, Noe*
*rurſum dimiſit columbam*
a *ex arca; [a] & illa venit*
*ad eum ad veſperam, portans ramum oliuæ virentibus folijs in ore ſuo. [b] in-*
b 
*tellexit ergo Noe quod ceſ-*
*ſaſſent aquæ ſuper terram*
c *[c] Expectauitque nihilominus ſeptem alios dies, &*
d *emiſit columbam, [d] quæ*
*non eſt reuerſa vltra ad*
e *eum: [e] Igitur ſexcenteſimo*
*primo anno vitæ Noe, primo menſe, prima die menſis,*
*imminutæ ſunt aquæ ſuper*
f *terrã, [f] & aperiens Noe tectum arcæ, aſpexit, viditque quod exſiccata eſſet ſuperficies terræ, [g] non tamen*
g 
*eſt auſus egredi ex arca,*
h *donec moneretur à Deo, [h]*
*ſed expectauit in arca vſque ad vigeſimum ſepti-*



u [u] oũ Noe cũ tha chim câu ra theo chim ác, [x]
x 
mà chim câu tìm chẳng
thấy nơi nào nghỉ chên,
y [y] thì blớ lại tlaổ tàu: [z]
z oũ Noe thì đợi bảy ngày nữa, mà lại tha chim
a câu ra tàu; [a] ſaõ lẹ chim
câu, đến chiều tối thì
blớ lại cũ oũ Noe, mà mỏ
nó thì càm gáp nghành
cây, gọi là Oliua, có lá
b tươi. [b] ꞗệy thì oũ Noe
đã hay nước tlên đết
c thì đã thôi: [c] mà hãy
còn dợi bảy ngày nữa,
đoạn thì lại tha chim
d câu ra lần nữa; [d] mà nó
chẳng có blớ lại cũ oũ
e Noe nữa. [e] ẽy ꞗệy mà
đến ſáu tlam một tuổi
oũ Noe, là ngày mồng một
tháng gyêng, nước thì
f đã khỏi đất, [f] mà oũ Noe
mở ra mái ꞗuồng lớp
tlên tàu, coi thấy mặt đất
g thì đã ráo: [g] ſao le khi
chưa có mlời đức Chúa
blời khiến ra ngoài tàu,
thì oũ Noe chưa dám
h ra: [h] mà hãy còn đợi
tlaổ tầu cho đến hai mươi bảy tháng hai, hầu

*mum*

*mum diem menſis ſecundi, fermè duobus menſibus;* [i] *tunc enim locutus eſt Deus ad Noe, & iuſſus eſt egredi ipſe & vxor eius, & alij qui cum ipſo erant, cum animantibus & volucribus ac reptilibus.* [k] *Egreſſus itaque Noe ædificauit altare Domino,* [l] *& obtulit holocauſta de pecoribus, & volucribus mundis,* [m] *gratumque habuit holocauſtum Dominus, odoratuſque eſt quaſi odorem ſuauitatis;* [n] *quin etiam pactum fecit cum omni carne, non amplius futurum ſic vniuerſale diluuium;* [o] *dicens cùm obduxero nubibus cœlum, apparebit arcus meus in nubibus & recodabor fœderis mei vobiſcum, & cum omni anima viuente quæ carnem vegetat;* [p] *& non erunt vltra aquæ diluuij ad delendam ſic vniuerſam carnem.*

[q] *Vixitque Noe à diluuium trecentis quinquaginta annis,* [r] *ita vt omnes*



hai tháng: [i] bấy thì khi ấy có mlời đức Chúa blời cùng ông Noe, phán: ông ấy, và bà ông ấy, và kẻ khác ở cùng ông ấy, cùng muông chim, và con rắn thì ra ngoài tàu hết. [k] Mà ông Noe ra ngoài tàu rồi, thì lập nơi thờ đức Chúa blời, [l] lấy giống ſạch tlao muông chim, mà tế lễ đức Chúa blời; [m] ſự tế lễ ấy đức Chúa blời lấy làm yêu như người cha thơm tho bấy; [n] mà lại đức Chúa blời thì phán, giao cùng mọi giống thịt, chẳng còn có làm lụt cả làm bấy nữa: [o] mà phán rằng: khi tao làm mây che blời, cũng xem thấy sờ tao tlao mây, mà tao sẽ nhớ đến mlời tao giao cùng bay, và cùng các hồn ſống, làm cho thịt ſống bối: [p] mà chẳng còn có lụt cả nữa, cho đến phá mọi thịt làm bấy đâu.

[q] Mà ông Noe từ lụt cả thì còn ſống ba tlam năm mươi tuổi, [r] bấy mọi tuổi ông Noe ſống là chín

anni

*anni vitæ Noe fuerint nongenti & quinquaginta.* [r] *& cum per tres filios Noe* [s] *nempe Sem, Cham, & Iaphet, multiplicatum fuiſſet genus humanum adhuc viuente Noe,* [t] *terraque eſſet labij vnius, ſermonumque eorumdem;* [u] *inſtante verò Noe vt iuxtà præceptum Domini diuiderentur in vniuerſas terras filij ac nepotes, vt totam replerent terram.* [x] *cùmque veniſſent multi filij ac nepotes Noe ab Oriente, in terram Sennaar dictam,* [y] *ſe inuicem adhortati ſunt vt facerent ciuitatem & turrim cuius culmen pertingeret ad cælum,* [z] *vt celebrarent nomen ſuum, antequam diuiderentur in vniuerſas terras;* [a] *cùmque huic operi eſſet intenti, confudit Deus linguã eorũ,* [b] *ita vt non intelligeret vnuſquiſque vocẽ proximi ſui;* [c] *opus igitur ſic inceptum reliquerunt,* [d] *huius turris inceptæ veſtigia adhuc remanent in terra Babilo-*



tlam nam mươi. [r] Mà ba con ou Noe là ou Sem, Cam, Iaphet thì ſinh nối lŏài người ta đã nhều, khi ou Noe hãy còn ſóu, [s] mà cả và thien hạ cĭ một miệng, cĭ một tiếng nói: [t] khi ếy ou Noe đọưng mlời đức Chúa blời phán, mà giọuc và con và chầu, thì lià nhau, đi kháp thien hạ, cho đầy cả và đết. [u] khi ếy và con và chầu ou Noe nhều, bởi phương đọu mà đến đết, gọi là Sennaar, [x] thì rủ nhau làm thành và tháp cao, cho đầu nó tạn blời, [y] đệy thì làm cho danh mềnh nên trạo, khi chưa có lià nhau, đi kháp thien hạ: [z] mà khi đang làm việc ếy hết ſực, thì đức Chúa blời lộn tiếng nó, [a] cho nên ai nếy chẳng biết tiếng anh em; [b] vì đệy thì nó bỏ việc mới làm thể ếy, [c] mà dấu tích tháp làm đầu hết ếy, hãy còn thấy ở đất tên là Babilon, nghĩa là lộn

*nis*

*nis quæ confuſionem ſignificat.* [e] *Igitur diuiſi ſunt filij Adam in vniuerſas terras, dum adhuc viueret Noe;* [f] *qui primæuam linguam, hebræam ſcilicet, vt probabilius eſt, retinuit,* [g] *illamque ſimul cum verò Dei cultu reliquit filio ſuo Sem,* [h] *qui Sem etiam ante diluuium per centum fermè annos ſuperſtitem; habuit abauum ſuum Mathuſalam,* [i] *à quo etiam tunc audire potuit quæ ille immediatè ab Adamo acceperat.* [k] *atque ipſe Sem vixit vſque ad tempora Abrahami & Iſaaci filij eius;* [l] *imò cum Abraham natus ſit trecentis circiter annis poſt diluuium,* [m] *& Noe poſt diluuium vitam protraxerit ad trecentos & quinquaginta annos;* [n] *potuit Abraham tum à Sem, tum ab ipſo Noemo, traditionem Diuinæ legis accipere,* [o] *illamque pro familia ſua conſeruauit,*

lạo. [e] Đếy thì còn cái oũ Adam lià nhau, mà đi kháp thien hạ, khi oũ Noe hãy còn ſóũ: [f] mà oũ Noe thì giữ tiếng đầu hết, là tiếng hebrea, như ngỏ thạt hơn; [g] lại tiếng ếy, và phép thạt thờ phượng đức Chúa blời; thì oũ Noe để truyền cho con, tên là oũ Sem; [h] lại oũ Sem ếy khi chưa có lụt cả, thì cứ ở một tlam nam dồ cữ oũ có, là oũ Mathuſala, [i] mà khi ếy oũ Sem cữ haọc được những mlời oũ Mathuſala nghe miệng oũ Adam nói: [k] lại oũ Sem thì ſóũ cho đến oũ Abraham, và oũ Iſaac là con oũ ếy: [l] mà lại oũ Abraham khi ſinh ra, lụt cả đã rồi đã ba tlam nam dồi: [m] mà oũ Noe từ lụt ếy thì còn ſóũ ba tlam nam mươi nam, [n] cho nên oũ Abraham cữ chịu được đạo thánh đức Chúa blời, và bởi oũ Sem, và bởi oũ Noe truyền cho; [o] oũ Abraham lại giữ để cho

[p] *ac toto Regno Iudæorum, cuius ipſe Abraham fuit Pater, hæreditariam reliquit ſimul cùm hebraica lingua.* [q] *Reliqua verò regna ſicuti linguã hebraicam amiſerunt in confuſione linguarum,* [r] *ſic etiam traditionem Diuinæ legis,* [ſ] *& ſic in falſas ſectas degenerarunt.*

[t] *Poſt confuſionem linguarum, incepit Sinarum regnum, à quo Annamitæ leges acceperunt.* [u] *Cùm autem Sinæ poſt liguarum confuſionem idioma, in quo erat vera lex, amiſiſſent,* [x] *nec libros haberent, in quibus vera lex continebatur,* [y] *in varias leges falſas ſunt diuiſi:* [z] *ſicuti qui veram viam amittunt, in varias diſtrahũtur vias, omnes tamen erroneas.* [a] *in tres verò præcipuè vias falſas fuere diuiſi Sinæ,* [b] *præter alias multas minus præcipuas æque falſas:* [c] *prima eſt literatorum quã*

nhà mình, [p] và truyền để cho nước Iudæa, vì oũ Abraham là tổ nể nước ếy, và lại để tiếng hebræa truyền cho nước ếy: [q] mà các nước khác, cũ mất tiếng hebræa khi lộn tiếng nói, [r] và lại mất truyền đạo thánh đức Chúa blời; [ſ] cho nên phải ſa đạo vạy.

[t] Lộn lạo tiếng nói đoạn thì mới ra nước đại minh, mà Annam thì chịu đạo bởi nước ếy: [u] khi lộn lạo tiếng nói đoạn, mà đại minh phải mất tiếng nói tlaố đạo thật, [x] mà lại chẳng còn có kinh truyền đạo thật, [y] thì phải phân ra nhều đạo vạy: [z] như thể kẻ lạc đàng thật, thì lạc đi nhều đàng, mà những đàng vạy. [a] Saố le đại minh bổn thì có phân ra ba đàng cả, những vạy, [b] chẳng kể nhều đàng tiểu mọn khác, cũ vạy bệy. [c] đàng thứ nhít, là đàng về kẻ hay chữ, gọi là đạo Như:

Nhu *vocant*:[d] *ſecunda veneficorum, quam dicunt* dào: [e] *tertia idololatrarum, quam vocant* but, [f] *incipiendo igitur ab hac vltima quæ in India originem habuit*, [g] *ab ipſa enim eius origine ſtatim patebit eius falſitas*.

[h] *Tribus itaque millibus circiter annis à creatione mundi*, [i] *& à confuſione linguarum paulò plus quã mille annis*, [k] *fuit in India quidem Rex nomine* Tim pham, [l] *qui filiam habuit ingenij acuti, ſed valdè ſuperbum*: [m] *is prius quidem vxorem duxit, vicini Regis filiam*, [n] *ex qua poſtquam prolem ſuſcepit, vnicam filiam*, [o] *inuita vxore in Eremum ſeceſſit ſolus*, [p] *cùm eſſet magicis datus artibus* [q] *tum vt ſui admirationem pareret*, [r] *tum vt liberiùs cum dæmonibus ageret*: [ſ] *duos autem præ cęteris dæmones habuit ma-*



[d] đàng thứ hai, là đàng ké thờ quỉ, mà làm việc đối, gọi là đạo đạo: [e] đàng thứ ba là đàng ké thờ bụt, gọi là đạo bụt. [f] Sự đàng ſau nầy bởi nước India mà ra, thì ta nói trước: [g] ta ſuy bởi đâu mà ra, thì một chọuc ta biết, là đạo gian.

[h] Ấy chệ y mà từ tạo thien lợp địa qua ba nghìn nam dồ, [i] mà từ lộn lạo tiếng nói một nghìn dư nam, [k] bên thien trúc cõõc thì có chua, ten là Tinh phạn, [l] mà đẻ con, dẽạ thì ſáng, ſaõ kiêu ngạo lám: [m] đã lệy con chua naò gẫn đệy gả cho, [n] mà ſinh đẻ được một con gái đŏạn, [o] thì khién đi ở tlên rừng một mềnh, dẫu chọ cãi, mà cháng cho, [p] vì mềnh đã quen làm việc đối, như pháp môn phù thủy, [q] và muẫn cho người ta hãi, mà khen nó, [r] và bloú làõ thoú doú nói khó cũ ma quỉ: [ſ] mà tlaõ nhều quỉ dẽại nó, thì có

*giſtros Alalam ſcilicet & Calalam,* [t] *inter quos ipſe medius ſedebat,* [u] *illi docuerunt ipſum prius atheiſmum, dato ei nomine Thicca.* [x] *cùmque ipſe alios docere vellet impiam illam doctrinam,* [y] *rationique naturali adeò repugnantem, omnes ab illo recedebant;* [z] *Quod videns ipſe, cum dæmonibus ſuis magiſtris,* [a] *aliam cœpit docere viam fabuloſis narrationibus plenam,* [b] *vt ſic retinere poſſet diſcipulos;* [c] *quos etiam docuit fabuloſam animarum transmigrationem,* [d] *cultum ſimul idolorum docens plebem, & ſeipſum tanquam idolorum omnium caput ſtatuens:* [e] *ac ſi ipſe eſſet cæli & terræ conditor & rector:* [f] *nomine verò cæli, & terræ vulgus decipiebat, ac corpus humanum ipſe intelligebat;* [g] *cæteraque omnia idola, corporis humani, tam viri, quàm fœminæ membra, etiam pudenda, interpretabatur.*



hai quỉ, tên là Alala, và Calala, quên làm thày nó lien, [t] mà nó thì ngồi giữa hai thày quỉ ẽy, [u] mà dăạy nó đầu hết, chớ tin gì có Chúa blời, cứ đạt tên nó là Thicca. [x] đến khi Thicca ra dăạy kẻ khác ſự đạo gian ẽy. [y] vì tlái mlẽ lám, thì người ta bỏ mà đi hết; [z] Nó, và quỉ làm thày nó, thấy ꞗêy, [a] thì lẽy đàng khác, mà mới dăạy nhưng truyện dối blá đã đầy, [b] ꞗệy thì mà cầm đẽi tớ lại, [c] cứ có dăạy nó ſự lăộn hồi, đời blá đẽi tớ ꞗệy: [d] lại khién nó thờ bụt, mà lẽy mềnh Thíc ca làm côi rễ bụt ꞗệy, [e] như thể lẽy mềnh là kẻ làm nên blời đểt, mà trị đẽy. [f] Sao le nó lẽy tên blời đểt ꞗệy, mà dối blá thế gian, nó thì lẽy là mềnh người ꞗệy: [g] mà lại các bụt thì cứ lẽy là tứ chi cốt tiết, dầu đẫn oũ, dầu đẫn bà, cũ là vật âm mềnh, lẽy làm bụt ꞗệy:

*[h] ijs ſcilicet qui in impia doctrina erant prouectiores; [i] vetabat tamen ſeuerè ne id in vulgus propalaretur, [k] illos enim ſuis fabellis & magicis artibus [l] ita dementabat, vt idolorum cultum ſuaſerit, [m] promittens ſcilicet ſi quis idolorũ cultor fuiſſet, quãuis nunc ex infima plebe, [n] illum in animarum trãſmigratione, naſciturũ filium Regis, [o] ſuos tamen intimos diſcipulos in atheiſmi baratrum tandem perducebat, [p] omnia ſcilicet ex nihilo eſſe tanquã ex primo caſu; [q] & ad nihilum etiam, tanquam ad vltimum finem redire. [r] Vnde fit vt idolorum doctrinæ ſit duplex, [ſ] vna quidem, quam exteriorem vocant, quæ in impio idolorum cultu conſiſtit, [t] cum innumerabilibus fabulis, ac nemijs, [u] quibus plebs ad idolorũ cultũ trahitur, & ad innumera peccata.*



[h] mà mlời ấy thì nói cừ ké haọc đã lâu mà thôi, [i] ſaố le đều ấy, chẳng cho nói ra cừ thế gian, [k] mà cừ nó những nói ſự truyện dối blá bày đạt ꞗệy, và lấy phép giả bối quỉ [l] mà làm cho thế gian lên dại ꞗệy, cho nên thế gian thờ bụt: [m] vì chưng thì nói hứa ràng, ai thờ bụt, dầu là ké hèn mọn ở đời nấy, [n] đến đời ſau khi lộn hồi thì đẻ ra được làm con ꞗua Chúa ꞗệy: [o] ſaố le đếi tớ nào yêu thì cầng dối nó, mà làm cho phạm chốn càng ſâu, cho đến chẳng tin có đức Chúa blời ꞗệy: [p] lại khiến khoú làm cội rễ đầu mọi ſự, [q] mà khi thì chết lại về khoú, lấy khoú làm bia mọi ſự ꞗệy. [r] Vì ꞗệy giáo bụt thì có hai đàng: [ſ] một là gọi giáo ngoài, mà dạy người ta thờ bụt, dối ꞗệy, [t] hay bày đạt những truyện giả, kể chẳng xiết, xiêu dối thế gian, [u] mà lào về thờ bụt, cho

[a] *ADam poſt peccatũ è paradiſo eiectus, quamuis pœnitentiam agere cœperit,*[b] *ſtatim tamẽ perſentire etiã cœpit quanta mala ſibi, ac progenie ſuæ per illud peccatum intuliſſet:*[c] *quamuis enim peccati ſui veniam quoad culpam, à Miſeicordia Dei accepiſſet;*[d] *in ſudore tamen vultus ſui veſcebatur pane ſuo,*[e] *& Eua dolores partus in pœnam accepit:*[f] *quodque peius fuit, rebellionem in primo, quem peperit, filio vidit talem,*[g] *vt neque proprio fratri Abel pepercerit, nam ex inuidia illum necauit:*[h] *cùm enim Abel piè Deum coleret, eiuſque ſacrificia Deo eſſent accepta:*[i] *contra Cain impius & inuiſus Deo eſſet, id ægrè ferens, mortem intulit fratri,*[k] *atque ideò vagus fuit ſuper terram, filios etiam*

[a] Oũ Adam phạm tội đŏạn, mà khỏi vườn ꞗui ꞗẻ, dẫu lien có ăn năn tội,[b] ſaõ le cữ đã xem thấy tức thì những ſự khốn nạn, và mềnh, và họ mềnh phải, vì mềnh phạm tội ẽy:[c] vì chưng dù mà đức Chúa blời thương, mà tha tội oũ ẽy, cho nên khỏi vạ vô cữ,[d] ſaõ le cữ chịu mạt mềnh đổ mồ hôi, cho được ăn,[e] mà bà Euà chịu phạt ſự khốn khó khi đẻ con:[f] mà lại đã thấy càng khốn hơn nữa, vì đã thấy con đầu lào mềnh đả nghịch chưng ẽy,[g] cho đến chẳng tha em mềnh, ten là oũ Abel, thằng ẽy bởi ghen ghét, mà đánh chết em:[h] vì chưng oũ Abel thờ phượng đức Chúa blời hết lòng, mà oũ Abel tế lễ, đức Chúa blời lẽy làm yêu:[i] ſaõ thằng Cain quỉ quái, chẳng đẹp lào đức Chúa blời, ꞗệy thằng Cain thì ghen ghét, mà đánh chết em;[k] cho nên thằng Cain

*genuit*

*genuit ſibi ſimiles,* l *impios ſcilicet ac Diuinæ maieſtati rebelles, qui ſolum terrena ſaperent;* m *hi polygamiam inuexerunt in mundum, & inſtrumenta muſica, & bellica.* n *Tertium filium genuit Adam, quem vocauit Seth,* o *illumque docuit piè Deum colere, cum ipſius progenie;* p *atque ideò filij Seth vocati ſunt filij Dei,* q *inter quos Henoch ita placuit Deo,* r *vt tulerit eum Deus, nec amplius apparuerit,* ſ *cùmque cæteri Patriarchæ iam diù mortem obierint,* t *vnus tamen Henoch, poſt quatuor mille, & amplius annos, eſt adhuc in viuis,* u *in loco ſecreto cuſtoditus à Deo;* x *poſtea tamen propè finem mundi eſt moriturus pro Sancta lege Dei.* y *& quamuis aliqui è Patriarchis ante diluuium*



đi dữ dài tlên đất, cũ ſinh ra con cây bát chước nó, l những thàng quỉ quái, mà nghịch cũ đức Chúa blời, một lo ſự thế gian mà thôi: m ꞗới những đứa ấy cho nên ra thói thế gian lấy đều ꞗợ, mà đần hát, cũ khí giái, bởi chúng nó bay đạt mà chớ. n Oũ Adam thì ſinh ra con thứ ba, mà đạt tên là Séth, o cũ dạy oũ ấy, và đời oũ ấy, thờ phượng đức Chúa blời cho nên: p vì ꞗậy con cái oũ Séth, thì gọi là con cái đức Chúa blời, q mà tlaõ họ ấy thì có oũ Henóch thì đẹp lòng đức Chúa blời lám, r cho nên đức Chúa blời lấy oũ ấy, mà chẳng thấy oũ ấy nữa: ſ dầu các oũ tổ nhà đời xưa đã ſinh thì, t ſaõ le một oũ Henóch đã được hơn bốn nghìn tuổi, mà hãy còn ſốũ, u đức Chúa blời giữ oũ ấy ở nơi kín: x ſaõ le ngày ſau, khi rình hết thế, cũ phải chịu chết vì đạo thánh đức Chúa blời ꞗậy: y mà dầu tlaõ tổ nhà, khi chưa có đến lụt cả, có kẻ thì

*nongentos*

*nongẽtos annos in hac vita ſuperarint,[z] vt Adam qui ad nongenteſimum & trigeſimum ætatis annum perueniт,[a] nullus tamen ad mille annos peruenit,[b] præter vnum Henoch, qui, vt diximus, adhuc eſt ſuperſtes, & quatuor annorum millia iam ſuperauit.[c] Mathuſala filius Henoch qui reliquos omnes Patriarchas ætate ſuperauit, peruenit ad nongentos & ſexaginta nouem annos,[d] atque adeò cum Adamo ſuperſtite vixit pluſquam ducentis annis;[e] à quo etiam totam de creatione huius Mundi ſeriem accipere immediatè potuit,[f] atque illam tradere, non ſolùm Noe nepoti ſuo,[g] ſed etiam tribus eius filijs ante diluuium,[h] vitam enim vſque ad diluuij tempus protraxit,[i] & mortuus eſt eo ipſo anno quo diluuiũ accidit.*

*[k] Cum enim filij Dei, ideſt ex progenie Seth, qui erant*



đã khói chín tlam tuổi,[z] như ông Adam đã đến chín tlam ba mươi:[a] ſaõ le chẳng có ông bà naò đến nghìn,[b] có một ông Henoch hãy còn ſóũ đến bây giờ, như đã nói khi nải, mà đã khói bốn nghìn nam:[c] có một ông Mathuſala, là con ông Henóch đã khói tuổi các tổ nẽ, mà đã ſóũ cho đến chín tlam ſáu mươi chín nam,[d] cho nên còn ở cữ ông Adam khi còn ſóú ở thế nầy, hai tlam dư nam,[e] mà bệy cữ chịu được mlời ông Adam, kể cho ông Mathuſala, ſự đức Chúa blời hóá nên thế giái nẫy làm ſaõ:[f] mà lại ông Mathuſala truyền mọi ſự ấy chẳng những cho ông Noe, là chẫu ông Mathuſala,[g] mà lại truyền cho con cái ông Noe, cho đến lụt cả,[h] vì chưng ông Mathuſala thì còn ſóũ cho đến lụt cả,[i] mà nam ấy có lụt cả, thì ông Mathuſala mới ſinh thì.

[k] Khi ấy kẻ thờ phượng

*ſupremi*

*ſupremi Numinis cultores, [l] accepiſſent vxores ex filiabus hominum, id eſt ex progenie Cain, quæ erat impiorum; [m] ita corrumpi cœperunt, in moribus, vt vno excepto Noe cum familia ipſius, [n] omnes eſſent corrupti, ac talem ſupremi Numinis iram incurrint, [o] vt ſtatuerit Deus per diluuium vniuerſale, delere omnes, [p] præter vnum Noe, ipſiuſque familiam. [q] præcepit ergo Deus Noe vt fabricaret arcam ſatis capacē ad ſaluandam eius familiam, [r] Noe ſcilicet & vxorem eius, tres filios & tres vxores filiorum eius, [ſ] & omnia animalia, & volatilia, & reptantia ſuper terram, ad ſaluandas eorum ſpecies, [t] de mundis quidem animantibus, & de volatilibus ſeptena & ſeptena, [u] de quibus ipſe Noe immediatè poſt diluuium poſſet ſumere ad ſacrificandum,*



đức Chúa blờı, là dàố dói oú Sèth, goi là con cái đức Chúa blời, [l] thì lấy bọ những con cái người ta, là dàố họ thàng Cain, những ké gian dữ; [m] cho nên cả và lŏài người ta hư thân; có một oú Noe, và con cái oú ấy còn lành, [n] hễ là ké khác đã nát hết, mà làm cho đức Chúa blời gẹn, [o] cho nên đức Chúa blời làm lụt cả mà phá hết, [p] để một oú Noe, và con cái oú ấy. [q] bấy giờ đức Chúa blời khién oú Noe thì đáố tàu như hình hòm, mà rọú rải, [r] để cho oú Noe ở, và bọ oú ấy, cũ ba con oú ấy, lại ba bọ ba con oú ấy: [ſ] và muâng chim cầm thú, cũ các gióú con rắn, để mà giữ lŏái nó, kẻo hết: [t] gióú naò muâng ſạch, thì giữ bảy con: mŏi một lŏài cái chim cũ bảy con, [u] vì chưng khỏi lụt cả đoạn, thì oú Noe phải lấy những gióú muâng ſạch ấy, cũ cái chim ấy mà

N &

*& gratias Deo agendas :* [x] *de immundis vero bina & bina, maſculum & faminã :* [y] *Dum igitur Noe fabricaret arcam illam ſpatio centum circiter annorum ,* [z] *alios monebat futurum diluuium, vt à peccatis reſipiſcerent ,* [a] *at illi irridebant Noe tanquam fatuũ, & ſuis interim peccatis & luxui vacabant :* [b] *cùmque vicino iam diluuio vniuerſali , mouente Deo , iam animalia & reptilia omnia & volatilia ingreſſa eſſent in arcam ,* [c] *ipſe etiam Noe cum ſuis ingreſſus eſt,* [d] *& clauſit à foris oſtium Dominus,*[e] *factaque eſt pluuia ſuper terram ſine intermiſſione quadraginta diebus ; & quadraginta noctibus ;* [f] *& non ſolum cooperuit aqua omnem ſuperficiẽ terræ ,* [g] *ſed etiam montes excelſi ita operti ſunt , vt cacumina illorum ſuperaret aqua quindecim cubitis;* [h] *atque ita mortua ſunt extra arcam animantia , & uolatilia ,*

*que*



tế lễ cám ơn đức Chúa blời,[x] mà giống naò chẳng ſạch mời một thì để hai con, một đực một cái. [y] Saố le khi oũ Noe đáố tàu ấy một tlam nam đồ, [z] thì bảo ké khác , ràng ngày ſau có lụt đến, mà phải chừa ſự lỗy : [a] ſaố le những đứa nó thì cười oũ Noe như thằng naò dại , mà nhìn thế pham tội chơi bời ꞗệy. [b] đến khi đã rình lụt cả, đức Chúa blời giục làố các giống muân chim, cũ giống còn rắn, thì ꞗăào tàu, [c] mà oũ Noe và bà còn thì cũ ꞗăào : [d] chóuc ấy đức Chúa blời thì đáố cửa lại bề ngoài ; [e] bấy giờ thì mưa đổ xuấng tlên đất bốn mươi ngày, và bốn mươi đêm, chẳng có khi naò đừng ; [f] cho nên nước che, chẳng lọ là cả và mạt đất , [g] lại che các núi cao cho đến khỏi đầu núi mười lam thước tlên : [h] mà làm ꞗệy hễ là giống nào ſống ngoă-

*quæ habebant ſpiritum vitæ, [i] vniuerſique homines; [k] excepto Noe & ÿs qui cum ipſo erant in arca, [l] quæ tunc ferebatur ſuper aquas, [m] illæ autem obtinuerunt terram centum & quinquaginta diebus; [n] poſt quos cùm recordatus fuiſſet Dominus Noe & omnium eorum, qui cum eo erant in Arca, [o] cœperunt minui paulatim aquæ ſuper terram, [p] cùmque cœpiſſet diluuium anno ſexcenteſimo vitæ Noe; menſe ſecundo, decima ſeptima die menſis, [q] poſteà menſe ſeptimo, vigeſima ſeptima die menſis, requieuit arca in montibus Armeniæ: [r] decimo verò menſe primâ die menſis apparuerũt cacumina mõtium; [ſ] & aperiens Noe feneſtram, quam data operà priùs fecerat in arca, [t] dimiſit coruum, qui non eſt reuerſus, donec ſicca-*



ài tàu là các muáng chím cầm thú có giác hồn thì chết hết, [i] cả và lòài người ta cũ chết (bối: [k] còn một oũ Noe, cũ bà con oũ ẽy, và mọi gióũ ở tlaõ tàu thì còn ſóũ mà th i: [l] khi ẽy tàu thì đi lại tlên nước, [m] mà nước thì chec cả và đết một tlam nam mươi ngày; [n] ſau thì đức Chúa blời dớ oũ Noe, cũ các hết lòài ở tlaõ tàu cư oũ Noe, [o] mà làm cho nước hạ xuẫng ít ít (bệy: [p] đầu hết lục cả phải khi oũ Noe nện ſáu tlam tuổi, mà ngày mười bay tháng hai; [q] đến hai mươi bảy tháng bảy, thì tàu mới phải cạn mà nghỉ tlên núi đết, gọi là Armenià; [r] mà đến mòũ một thính mười, mới thấy được đầu núi: [ſ] khi ẽy oũ Noe thì mở ra cửa ſổ, đã làm tlước tlên tàu đã sẳn, [t] và tha chim ác đi, mà nó chẳng có blở lại, cho đến khi đất đã khỏi nước, mà đã ráo

*mum diem menſis ſecundi, fermè duobus menſibus;* [h] *tunc enim locutus eſt Deus ad Noe, & iuſſus eſt egredi ipſe & vxor eius, & alij qui cum ipſo erant, cum animantibus & volucribus ac reptilibus.* [k] *Egreſſus itaque Noe ædificauit altare Domino,* [l] *& obtulit holocauſta de pecoribus, & volucribus mundis,* [m] *gratumque habuit holocauſtum Domini, odoratuſque eſt quaſi odorem ſuauitatis;* [n] *quin etiam pactum fecit cum omni carne, non amplius futurum ſic vniuerſale diluuium;* [o] *dicens cum obduxero nubibus cælum, apparebit arcus meus in nubibus & recodabor fœderis mei vobiſcum, & cum omni anima viuente quæ carnem vegetat;* [p] *& non erunt vltra aquæ diluuij ad delendam ſic vniuerſam carnem.*

[q] *Vixitque Noe à diluuium trecentis quinquaginta annis,* [r] *ita vt omnes*

hai tháng: [i] ꞗêy thì khi ấy có mlời đức Chúa blời cữ ou Noe, phán: ou ấy, và bợ ou ấy, và kẻ khác ở cữ ou ấy, cữ muâng chim, và con rắn thì ra ngoài tàu hết. [k] Mà ou Noe ra ngoài tàu rồi, thì lợp nơi thờ đức Chúa blời, [l] lấy giống ſạch tlaố muáng chim, mà tế lễ đức Chúa blời; [m] ſự tế lễ ấy đức Chúa blời lấy làm yêu như ngửi cha thơm tho ꞗêy; [n] mà lại đức Chúa blời thì phán, giao cữ mọi giống thịt, chẳng còn có làm lụt cả làm ꞗêy nữa: [o] mà phán ràng: khi tao làm mây che blời, cữ xem thấy sở tao tlaố mây, mà tao sẽ nhớ đến mlời tao giao cữ bay, và cữ các hồn ſống, làm cho thịt ſống ꞗởi: [p] mà chẳng còn có lụt cả nữa, cho đến phá mọi thịt làm ꞗêy đâu.

[q] Mà ou Noe từ lụt cả thì còn ſống ba tlăm năm mươi tuổi, [r] ꞗêy mọi tuổi ou Noe ſống là chín

*anni*

*anni vitæ Noe fuerint non-*
*genti & quinquaginta.* [s] s
*& cum per tres filios Noe* [t]
*nempe Sem, Cham, & Ia-*
*phet, multiplicatum fuiſſet*
*genus humanum adhuc vi-*
*uente Noe,* [t] *terraque* t
*eſſet labij vnius, ſermo-*
*numque eorumdem;* [u] *in-* u
*ſtante verò Noe vt iuxtà*
*præceptum Domini diui-*
*derentur in vniuerſas ter-*
*ras filij ac nepotes, vt totam*
*replerent terram.* [x] *cùmque* x
*veniſſent multi filij ac ne-*
*potes Noe ab Oriente, in*
*terram Sennaar dictam,*
[y] *ſe inuicem adhortati ſunt* y
*vt facerent ciuitatem &*
*turrim cuius culmen per-*
*tingeret ad cælum,* [z] *vt ce-* z
*lebrarent nomen ſuum,*
*antequam diuiderentur in*
*vniuerſas terras;* [a] *cùmque* a
*huic operi eſſet intenti, con-*
*fudit Deus linguã eorũ,* [b] *ita* b
*vt non intelligeret vnuſ-*
*quiſque vocẽ proximi ſui;*
[c] *opus igitur ſic inceptum* c
*reliquerunt,* [d] *huius tur-* d
*ris inceptæ veſtigia adhuc*
*remanent in terra Babilo-*



s tlam nam mươi. [s] Mà ba
con oủ Noe là oủ Sem,
Cam, Iaphet thì ſinh nối
lŏài người ta đã nhều,
khi oủ Noe hãy còn ſóủ,
t [t] mà cả và thien hạ cĩ
một miệng, cĩ một ti-
u ếng nói: [u] khi ếy oủ Noe
ꞗưng mlời đức Chúa
blời phán, mà giọuc và
con và chẫu, thì lià nhau,
đi kháp thien hạ, cho
x đãy cả và đết, [x] khi ếy
và con và chẫu oủ Noe
nhều, bởi phương đọủ
mà đến đết, gọi là Sen-
y naar, [y] thì rủ nhau làm
thành và tháp cao, cho
z đẫu nó tạn blời, [z] ꞗệy
thì làm cho danh mễnh
nên trạo, khi chựa có
lià nhau, đi kháp thien hạ:
a [a] mà khi đang làm việc
ếy hết ſực, thì đức Chúa
b blời lộn tiếng nó, [b] cho
nên ai nẽy chẳng biết
c tiếng anh em; [c] vì ꞗệy
thì nó bỏ việc mới làm
d thế ếy, [d] mà dẫu tích
tháp làm đẫu hết ếy, hãy
còn thẫy ở đất tên là
Babilon, nghĩa là lộn

*nis*

*nis quæ confuſionem ſignificat.* [e] *Igitur diuiſi ſunt filij Adam in vniuerſas terras, dum adhuc viueret Noe;* [f] *qui primæuam linguam, hebræam ſcilicet, vt probabilius eſt, retinuit,* [g] *illamque ſimul cum verò Dei cultu reliquit filio ſuo Sem,* [h] *qui Sem etiam ante diluuium per centum fermè annos ſuperſtitem, habuit abauum ſuum Mathuſalam,* [i] *à quo etiam tunc audire potuit quæ ille immediatè ab Adamo acceperat.* [k] *atque ipſe Sem vixit vſque ad tempora Abrahami & Iſaaci filij eius;* [l] *imò cum Abraham natus ſit trecentis circiter annis poſt diluuium,* [m] *& Noe poſt diluuium vitam protraxerit ad trecentos & quinquaginta annos;* [n] *potuit Abraham tum à Sem, tum ab ipſo Noemo, traditionem Diuinæ legis accipere,* [o] *illamque pro familia ſua conſeruauit,*



lạo. [e] đệy thì còn cái oũ Adam lià nhau, mà đi kháp thien hạ, khi oũ Noe hãy còn ſóũ: [f] mà oũ Noe thì giữ tiếng đầu hết, là tiếng hebrea, như ngờ thạt hơn; [g] lại tiếng ếy, và phép thạt thờ phượng đức Chúa blời; thì oũ Noe để truyền cho con, tên là oũ Sem; [h] lại oũ Sem ếy khi chưa có lụt cả, thì cứ ở một tlam nam dồ cữ oũ có, là oũ Mathuſala, [i] mà khi ếy oũ Sem cữ haọc được những mlời oũ Mathuſala nghe miệng oũ Adam nói: [k] lại oũ Sem thì ſóũ cho đến oũ Abraham, và oũ Iſaac là con oũ ếy: [l] mà lại oũ Abraham khi ſinh ra, lụt cả đã tlồi đã ba tlam nam dồ: [m] mà oũ Noe từ lụt ếy thì còn ſóũ ba tlam nam mươi nam, [n] cho nên oũ Abraham cữ chịu được đạo thánh đức Chúa blời, và bởi oũ Sem, và bởi oũ Noe truyền cho; [o] oũ Abraham lại giữ để cho

[p] *ac toto Regno Iudæorum, cuius ipſe Abraham fuit Pater, hæreditariam reliquit ſimul cùm hebraica lingua.* [q] *Reliqua verò regna ſicuti linguã hebraicam amiſerunt in confuſione linguarum,* [r] *ſic etiam traditionem Diuinæ legis,* [s] *& ſic in falſas ſectas degenerarunt.*

[t] *Poſt confuſionem linguarum, incepit Sinarum regnum, à quo Annamitæ leges acceperunt.* [u] *Cùm autem Sinæ poſt liguarum confuſionem idioma, in quo erat vera lex, amiſiſſent,* [x] *nec libros haberent, in quibus vera lex continebatur,* [y] *in varias leges falſas ſunt diuiſi:* [z] *ſicuti qui veram viam amittunt, in varias diſtrahũtur vias, omnes tamen erroneas.* [a] *in tres verò præcipuè vias falſas fuere diuiſi Sinæ,* [b] *præter alias multas minus præcipuas æque falſas:* [c] *prima eſt literatorum quã*



nhà mình, [p] và truyền để cho nước Iudæa, vì oũ Abraham là tổ nể nước ấy, và lại để tiếng hebræa truyền cho nước ấy: [q] mà các nước khác, cũ mất tiếng hebræa khi lộn tiếng nói, [r] và lại mất truyền đạo thánh đức Chúa blời; [s] cho nên phải ſa đạo vạy.

[t] Lộn lạo tiếng nói đoạn thì mới ra nước đại minh, mà Annam thì chịu đạo bởi nươc ấy: [u] khi lộn lạo tiếng nói đoạn, mà đại minh phải mất tiếng nói tlaố đạo thật, [x] mà lại chẳng còn có kinh truyền đạo thật, [y] thì phải phân ra nhều đạo vạy: [z] như thể kẻ lạc đàng thật, thì lạc đi nhều đàng, mà những đàng vạy. [a] Saố le đại minh bổn thì có phân ra ba đàng cả, những vạy, [b] chẳng kể nhều đàng tiểu mọn khác, cũ vạy bệy. [c] đàng thứ nhít, là đàng về kẻ hay chữ, gọi là đạo Nhu:

Nhu

Nhu *vocant:*[d] *ſecunda veneficorum, quam dicunt* dào: [e] *tertia idololatrarum, quam vocant* but, [f] *incipiendo igitur ab hac vltima quæ in India originem habuit,* [g] *ab ipſa enim eius origine ſtatim patebit eius falſitas.*

[h] *Tribus itaque millibus circiter annis à creatione mundi,* [i] *& à confuſione linguarum paulò plus quã mille annis,* [k] *fuit in India quidem Rex nomine* Timpham, [l] *qui filium habuit ingenij acuti, ſed valdè ſuperbum:* [m] *is prius quidem vxorem duxit, vicini Regis filiam,* [n] *ex qua poſtquam prolem ſuſcepit, vnicam filiam,* [o] *inuita vxore in Eremum ſeceſſit ſolus,* [p] *cùm eſſet magicis datus artibus* [q] *tum vt ſui admirationem pareret,* [r] *tum vt liberiùs cum dæmonibus ageret:* [ſ] *duos autem præ cęteris dæmones habuit ma-*



[d] đàng thứ hai, là đàng ké thờ quỉ, mà làm viẹc đối, gọi là đạo đạo: [e] đàng thứ ba là đàng ké thờ bụt, gọi là đạo bụt.

[f] Sự đàng ſau nầy bởi nước India mà ra, thì ta nói trước: [g] ta ſuy bởi đâu mà ra, thì một chọuc ta biét, là đạo gian.

[h] ẻy ꞗệy mà từ tạo thien lợp địa qua ba nghìn nam dồ, [i] mà từ lộn lạo tiếng nói một nghìn dư nam, [k] bên thien trúc cõãc thì có ꞗua, ten là Tinh phạn, [l] mà đẻ con, dĕạ thì ſáng, ſaõ kiêu ngạo lám: [m] đã lệy con ꞗua naò gần đềy gả cho, [n] mà ſinh đẻ được một con gái đõạn, [o] thì khién đi ở tlên rừng một mềnh, dẩu ꞗọ cãi, mà chẳng cho, [p] vì mềnh đã quen làm viẹc dối, như pháp môn phù thủy, [q] và muẩn cho người ta hãi, mà khen nó, [r] và bloú lào thoú doú nói khó cữ ma quỉ: [ſ] mà tlaõ nhều quỉ dĕại nó, thì có

*giſtros Alalam ſcilicet & Calalam,* [t] *inter quos ipſe medius ſedebat,* [u] *illi docuerunt ipſum prius atheiſmum, dato ei nomine Thicca.* [x] *cùmque ipſe alios docere vellet impiam illam doctrinam,* [y] *rationique naturali adeò repugnantem, omnes ab illo recedebant;* [z] *Quod videns ipſe, cum dæmonibus ſuis magiſtris,* [a] *aliam cœpit docere viam fabuloſis narrationibus plenam,* [b] *vt ſic retinere poſſet diſcipulos,* [c] *quos etiam docuit fabuloſam animarum tranſmigrationem,* [d] *cultum ſimul idolorum docens plebem, & ſeipſum, tanquam idolorum omnium caput ſtatuens:* [e] *ac ſi ipſe eſſet cæli & terræ conditor & rector:* [f] *nomine verò cæli, & terræ vulgus decipiebat, ac corpus humanum ipſe intelligebat;* [g] *cæteraque omnia idola, corporis humani, tam viri, quàm fœminæ membra, etiam pudenda, interpretabatur:*



hai quỉ, tên là Alala, và Calala, quên làm thày nó liên, [t] mà nó thì ngồi giữa hai thày quỉ ếy, [u] mà dạy nó đầu hết, chớ tin gì có Chúa blời, cứ đạt tên nó là Thicca. [x] đến khi Thicca ra dạy kẻ khác sự đạo gian ếy. [y] vì tlái mlẽ lắm, thì người ta bỏ mà đi hết; [z] Nó, và quỉ làm thày nó, thấy ꞗậy, [a] thì lếy đàng khác, mà mới dạy nhưng truyện dối blá đã đầy, [b] ꞗậy thì mà cầm đầy tớ lại, [c] cũ có dạy nó sự luân hồi, dối blá đầy tớ ꞗậy: [d] lại khiến nó thờ bụt, mà lếy mình Thích ca làm cội rễ bụt ꞗậy, [e] như thể lếy mình là kẻ làm nên blời đất, mà trị đếy. [f] Sao le nó lếy tên blời đất ꞗậy, mà dối blá thế gian, nó thì lếy là mình người ꞗậy: [g] mà lại các bụt thì cứ lếy là tứ chi cốt tiết, dầu đàn ông, dầu đàn bà, cứ là vật âm mình, lếy làm bụt ꞗậy:

[h] *ijs ſcilicet qui in impia doctrina erant prouectiores;* [i] *vetabat tamen ſeuerè ne id in vulgus propalaretur,* [k] *illos enim ſuis fabellis & magicis artibus* [l] *ita dementabat, vt idolorum cultum ſuaſerit,* [m] *promittens ſcilicet ſi quis idolorũ cultor fuiſſet, quãuis nunc ex infima plebe,* [n] *illum in animarum trãſmigratione, naſciturũ filium Regis,* [o] *ſuos tamen intimos diſcipulos in atheiſmi baratrum tandem perducebat,* [p] *omnia ſcilicet ex nihilo eſſe tanquã ex primo caſu;* [q] *& ad nihilum etiam, tanquam ad vltimum finem redire.* [r] *Vnde fit vt idolorum doctrina ſit duplex,* [ſ] *vna quidem, quam exteriorem vocant, quæ in impio idolorum cultu conſiſtit,* [t] *cum innumerabilibus fabulis, ac nemijs,* [u] *quibus plebs ad idolorũ cultũ trahitur, & ad innumera peccata.*



[h] mà mlời ấy thì nói cữ ké haọc đã lâu mà thôi, [i] ſaố le đều ấy, chẳng cho nói ra cữ thế gian, [k] mà cữ nó những nói ſự truyện dối blá bày đạt ꞗệy, và lấy phếp giả bới quỉ [l] mà làm cho thế gian lên dại ꞗệy, cho nên thế gian thờ bụt: [m] vì chưng thì nói hứa ràng, ai thờ bụt, dầu là ké hèn mọn ở đời nấy, [n] đến đời ſau khi lộn hồi thì đẻ ra được làm con ꞗua Chúa ꞗệy: [o] ſaố lẽ đềi tớ nào yêu thì cẳng dối nó, mà làm chò phạm chồn càng ſâu, cho đến chẳng tin có đức Chúa blời ꞗệy: [p] lại khién khoũ làm cội rễ đầu mọi ſự, [q] mà khi thì chết lại về khoũ, lấy khoũ làm bia mọi ſự ꞗệy. [r] Vì ꞗệy giáo bụt thì có hai đàng: [ſ] một là gọi giáo ngoài, mà dạy người ta thờ bụt, dối ꞗệy, [t] hay bày đạt những truyện giả, kể chẳng xiết, xiêu dối thế gian, [u] mà làố về thờ bụt, cho

 [x] *alteram*

*[x] alteram verò interiorem vocant, quæ longè peior eſt, vt pote atheiſmus, [y] frena ſcilicet laxans ad omnia peccata: [z] vnde fit vt qui interiori illo veneno ſunt corrupti, prioribus longè ſint peiores. [a] Vnde Confuſius ſinarum ſummus doctor, [b] idolorum cultũ, barbarorum doctrinam vocat in ſuis libris.*

*[c] Quod ſi quæras quomodo barbarus hic idolorum cultus apud Sinas ſit propagatus? [d] cùm apud Indos, gentem ſcilicet reſpectu Sinarum valdè ruſticam, origenem habuerit? [e] Reſpondetur Sinas procul dubio Indiarum gentibus eſſe longè cultiores: [f] tum in ijs quæ ad ſcientias & animã pertinent, tum in ijs quæ ad corpus ſpectant, [g] Indi enim primò ſunt in ſcientijs valdè rudes: [h] deindè in cultu corporis incedunt*



nên phạm tội, vô hồi vô ſố: [x] lại có giáo khác gọi là đạo tlaố càng dối nữa ràng chẳng có Chúa nào hóá ra thế giái nầy, [y] mà làm ꞗệy thì mở đàng cho người ta phạm moi tội dấu lào, [z] cho nên ai phải đạo bụt tlaố đouc ếy, thì quỉ quái hơn kẻ theo đạo ngŏài ꞗệy. [a] Vì ꞗệy oũ khóũ tử, là kẻ đại minh lấy làm thầy nhít, [b] tlaố sǎch thì gọi đạo bụt những đạo rợ mọi ꞗệy.

[c] Vì bàng cớ hỏi ſự thờ bụt nẫy là thói rợ mọi, mà đại minh có chịu thói ếy làm ſao? [d] mà thien trúc cŏắc, là đất chẳng có lễ bàng đại minh, ſao thói ếy ra bởi nước thien trúc cŏạc thế nào? [e] ta thưa ràng, thật đại minh có lễ hơn thien trúc cŏác đã xa, [f] và lŏên phép haọc, cữ ſự linh hồn, và coi ſự xác nữa. [g] Vì chưng có lŏên phép haọc thì thien trúc cŏắc chẳng hay nẫy: [h] lại coi phép về xác bốn thói người nước ếy thì quen

*plerumque ſermè nudi; [i] in reſectione quoque quotidiana ſunt ita ruſtici, vt diſcis aut ſcutellis minimè vtantur, ſed tantum ficuum ſolijs; [k] atque plena manu cibos etiam liquidos apprehendant. [l] Attamen cum iam pridem in ſuis libris Confuſius monuiſſet, [m] Sanctum in terra Occidentis quærendum eſſe: [n] Cum id Rex Sinenſis Han Min dictus nomine legiſſet, [o] ac diuinitus, vt ferunt, etiam monitus fuiſſet, vt veram legem è magno occidente peteret, [p] legatũ deſtinauit ad hoc, vnum è primarijs ſui regni proceribus, [q] qui cum multis menſibus longa itineris tractu in Indiam perueniſſet; [r] quæ reſpectu Sinarum eſt quidem verſus occidentem; [ſ] attamen vt ad Magnum Occidentem perueniret, mediam itineris partem nondum confecerat: [t] moleſtijs autem*



đi trần liền, hay là mặc quéi quá ꞗệy: [i] ſự thói ăn ũâng thì vô lễ, vì chẳng có dữ điã bát nào, những dữ lá chuối ey: [k] mà cữ chẳng hay dữ đũa, một chan cơm ꞗối canh, mà đầy tay ăn bọc ꞗệy. [l] Sao le vì có mlời đời xưa trao sách ông khổng, bảo ràng: [m] bên tây thì có ông thánh, mà phải đi tìm đềy: [n] lại có ꞗua đại minh đời xưa, tên là Hán minh đế, cói thấy đều ey trao sách ông khổng [o] mà lại có kẻ ràng ꞗua ey đã chịu mlời đức Chúa blời phán ràng, đạo thật thì phải kiếm bởi nước bên đại tây dương: [p] chước ey ꞗua Hán minh thì chọn trao đại thần một người nhìt, đi sứ bên nước ey. [q] mà đến khi đại thần ey đã đi lâu tháng, và đàng xa thì mới đến thiên trúc cuốc, [r] bởi nước đại minh cũ là bên tây: [ſ] mà cho đến bên đại tây dương, chưa được nửa phần đàng: [t] ſao le

*tem*

*tem itineris, atque ærumnis iam fractus, noluit vlteriùs procedere, [u] ſed in ipſa India quæſiuit, an aliqua ibi lex eſſet, quam ad Sinarum Regem deferret; [x] cùmque impia illi* Thicæ *ſecta data fuiſſet, [y] ipſe lætus accepit, & ad ſuum reuerſus Regem [r] eam illi obtulit, [z] mentiens ſe illam à Magno Occidente deferre. [a] Rex legato fidens, eam abſque alio examine, an is verum diceret, ſuſcepit, [b] atque ſtatim idola venerari cæpit; templaque illis erexit: [c] populus indoctus Regem ſequẽs impium idolorum cultum etiam ſuſcepit: [d] literati tamen & docti talem cultum cõmuniter contempſere, [e] quamuis aliqui etiã ex iſtis, Regi ſcilicet adulantes, exteriùs idola colere cæperunt, [f] etſi illa interiùs contemnerent, legemque barbarorum, cum*

vì đã chịu nhều ſự khốn khó dĕọc đàng ẽy, mà nhạọc, thì tŏan chẳng đi xa nữa, [u] lại tìm ở nước thien trúc ẽy, có đạo naò chang, mà đam về cho ꞗua đại minh; [x] khi ẽy bên thien trúc cŏác có cho nó đạo Thic, những dối blá ꞗệy, [y] nó thì mầng, mà lẽy đạo ẽy đam về cho ꞗua nó; [z] cữ nói dối ꞗua ràng: bởi đại tây dương lẽy đạo ẽy mà về. [a] ꞗua thì tin mlời ſứ, mà chẳng có xét gì, những chịu lẽy đạo ẽy, [b] mà tức thì có thờ bụt, và làm chùa triền thờ ꞗệy: [c] chóuc ẽy dến dại dột, thì theo ꞗua, mà chịu lẽy đạo gian, thờ bụt cữ ꞗua: [d] ſaố le kẻ hày chữ nghĩa bộn chê đạo ẽy, [e] cữ có kẻ hay chữ mà thờ bụt bề ngŏai, phỉng đi ꞗua ꞗệy, [f] dù tlaố lào thì chê đạo bụt, mà gọi là đạo rợ mọi,

bát chước oũ khoũ là thầy ra, cữ gọi làm ꞗệy.

*magiſtro;*

*magiſtro ſuo Confuſio diceret.* [g] *Eò tamen dementiæ deuenerunt idololatræ vt* Thiccam *cæli & terræ cõditorem ſibi fingerent;* [h] *cùm tamen clarè ex eius libris conſtet;* [i] *quod longè ante ipſum fuerit cælum & terra.* [k] *Alij etiam idololatræ fictitium quemdam, quem* bàn cồ *vocant;* [l] *cæli & terræ conditorem dicunt, nullum tamen cultum illi exhibent,* [m] *nec templa ei dedicant, ſed tantum impio* Thiccæ.

[n] *Secunda ſecta apud Sinas eſt Lautij cuiuſdam,* [o] *quem etiam cæli & terræ conditorem aſſerunt eius aſſeclæ:* [p] *cùm tamen de ipſo etiam ex Sinarum libris conſtet,* [q] *quod multis annoru millibus ante ipſum cælum & terra condita ſint.* [r] *hæc ſecta dæmones veneratur, præcipuèque veneficijs conſtat,* [ſ] *& nullũ cultum ipſi Lautio exhibet, atque in maximis verſatur tenebris:* [t] *ſolum quamdam à Lautio accep-*



[g] mà kẻ thờ bụt thì dại chưng ấy, cho đến lấy Thíc ca làm nên blời đất vậy; [h] dầu tlaő ſách Thíc ca đã thấy tỏ tưâng; [i] khi chưa có Thíc ca, đã có blời đất thuở trước, đã lâu. [k] cũ có kẻ thờ bụt, mà bày đạt đứa naò dối, tên là, bàn cồ, [l] khiến đã làm nên blời đất, ſaő le chẳng có thờ bàn cồ ấy sốt, [m] cũ chẳng có làm chùa naò cho nó, một làm chùa thờ Thíc ca, là đứa gian vậy.

[n] Giáo thứ hai ở tlaő nước ngo bởi láo tử nào mà ra: [o] kẻ theo giáo nấy, thì lấy láo tử làm nên blời đất; [p] dầu tlaő ſách đại minh đã tỏ tưâng ràng; [q] mấy nghìn nam blời đất đã trước láo tử ấy. [r] Giáo nấy thì thờ ma quỉ, mà làm những phép giả, [ſ] cũ chẳng có thờ Láo tử ấy ſốt, nhưng ở tối tăm mù mịt vậy. [t] Có một cu lấy bởi Láo tử mà thôi,

tam

*tam ſententiam proferunt, qua dicit:* [u] đạo, *hoc eſt, legem, ſeu viam feciſſe vnum: vnum verò feciſſe duo; duo feciſſe tria: tria denique feciſſe omnia.* [x] *Quod ſi ab illis quæras, vnde ſit illud,* đạo *ſiue lex?* [y] *reſpondent, ex nihilo, & vàcuo, abſque alio principio eſſe magnum illud* đạo, *ſeu magnam legem;* [z] *neque aliud de de rerum productione norunt;* [a] *conſtituuntque vacuum, & nihil tanquam primum rerum omnium principium effectiuum:* [b] *quaſi verò nihil, aut vacuum poſſint alquid producere* [c] *Cumque verum rerum Conditorem, ac ſupremum Dominum ignorent, dæmonibus cultum exhibent,* [d] *veneficijſque innumeris implicati, à dæmonibus miſerè decipiuntur.*

[e] *Tertia denique apud Sinas ſecta dicitur* đạo nhu [f] *& literatorum eſt, quæ Confuſium colit,* [g] *eò quod ab ipſo literas ſuas acceperit, & politicas quaſdam*

*leges*



ràng: [u] đạo ſinh nhít, nhít ſinh nhị, nhị ſinh tam, tam ſinh vạn vật. [x] Ví bằng có ai hỏi, đạo ẽy, hay là đàng, bởi đâu mà có? [y] nó thì thưa rằng, hư vô tự nhiên chi đại đạo: [z] mà mọi ſự hóa ra thể nào, thì chẳng biét đí gì nữa: [a] ꞗệy thì lẽy hư vô, là khoú, mà chẳng có, làm căn ngoen hóa nên mọi ſự: [b] lạ đời, khoú, hay là chang có, mà làm nên được đi gì cho có ru? [c] ẽy ꞗệy mà vì chẳng biét thật Chúa cả, làm nên mọi ſự, mà thờ, thì thờ quỉ, [d] và trở những phép giả đã khê lẽ, cho nên ma quỉ dối được nó ꞗệy.

[e] Tlaõ đại minh còn giáo thứ ba, gọi là đạo nhu, [f] những kẻ hay chữ thì theo ẽy, mà thờ oú khoú, [g] vì oú ẽy bày chữ ra, mà lại dẽay lẽ lọẽt

*leges, per quas regnum Sinarum adminiſtratur,* [h] *& propterea ſupremum ipſi Confuſio cultum exhibent Sinæ,* [i] *illumque Sanctum & bonum per antonomaſiam nominant;* [k] *ſed immeritò ita loquũtur,* [l] *vel enim Confuſius ille ſupremum nouerat rerum omnium Conditorem ac Dominum,* [m] *qui eſt totius Sanctitatis, & bonitatis fons & origo, vel non nouerat:* [n] *ſi nouerat, cùm eſſet magiſter, illum debebat diſcipulis indicare, vt cultum illi debitum exhiberent;* [o] *quod cum non fecerit, non potuit eſſe bonus, aut Sanctus,* [p] *ſed potiùs peruerſus & malus, alios ſcilicet priuans cognitione imprimis neceſſaria,* [q] *quod ſi Deum ſupremum omnis bonitatis, & Sanctitatis principium, & fontalem originem, non nouerat,* [r] *quomodo poterat eſſe Sanctus, aut bonus?* [ſ] *quare nulla ratione vocãdus eſt Sanctus.* [t] *quanto*



ſứa nước đại minh: [h] ninh vì ſự ếy tlaõ đại minh thì lếy thờ oũ khóũ làm nhít, [i] mà gọi là thánh hièn, là thánh, và hièn nhít ꞗệy; [k] ſaõ le nói thế ếy chẳng phải mlẽ đâu: [l] vì chưng hay là oũ khóũ tử ếy biét đức Chúa cả, làm nên mọi ſự, [m] là cội rễ mọi ſự thánh, mọi ſự lành, hay là chẳng biét: [n] ví bằng đã biét, mà làm thầy, thì phải dĕạy đầy tớ cho biét cữ, mà thờ đếy cho nên: [o] ſaõ le oũ khóũ chẳng có làm ſự ếy, vì ꞗệy chẳng phải hièn, chẳng phải thánh, [p] thạt là đoục dữ; vì ſự nhít phải hay đầu hết: mà chẳng có dĕạy ai. [q] Ví bằng oũ khóũ chẳng biét đức Chúa blời, là cội rễ, và cội rễ mọi ſự lành, mọi ſự thánh, [r] nên thánh, nên hièn làm chi được? [ſ] Ví ꞗệy thì chẳng khá gọi là oũ thánh sốt: [t] hoáng lo lếy phép phải thờ một

*minus illi debent exhiberi honores Deo ſoli debiti;* [u] *neque debet inuocari, ad hoc, aut illud ab eo habendum:* [x] *cum hæc omnia debeant à ſupremo rerum Domino expectari & haberi* [y] *Ad ſummum illi honor ille ac reuerentia debentur, & exhiberi poterunt, quæ magiſtris viuis exhibentur,* [z] *illa ſcilicet quæ cultum merè politicum non ſuperant:* [a] *nempe caput vſque ad ſolum demittere in eius reuerentiam, quod magiſtris etiam viuis, alijſque ſuperioribus apud Sinas exhibetur,* [b] *idemque eſt atque apud nos Magiſtro aperire caput, eique inclinari:* [c] *in conſpectu tamen aliorum, vt Ethnicorum, (qui Confuſium illum ſuum tanquam numen colunt)* [d] *nulla poteſt tribui reuerentia, niſi priùs clarè illis explicetur, illam reuerentiam non exhiberi Confuſio tan-*



đức Chúa blời, mà thờ oũ khóũ, thì càng lỗy: [u] cữ chẳng nên cầu đi gì đí gì cữ oũ khóũ: [x] vì chưng mọi ſự ta phải cầu, và cậy một đức Chúa blời mà thôi. [y] Vì bằng có kính oũ khóũ chang, thì phải dữ lễ có quen làm cho các thày khi hãy còn ſóũ, [z] là phép lễ về thế nầy, cho lịch ſự mà thôi: [a] như thể cối đầu xuống mà lạy, là lễ kính tháy nào; khi hãy còn ſóũ, và kính kẻ bề tlên, như thói đại mình quen; [b] mà lễ làm bệy cữ bằng phép kẻ ta, kính thầy, mà cất nón, hay là bái thày bệy: [c] ſaố le tlước mạt kẻ khác, như tlước mạt kẻ chẳng có đạo (vì chưng kẻ ngoài đạo, that thì lấy oũ khóũ, mà thờ oũ khóũ, bằng ta thờ đức Chúa blời) [d] nếu chẳng phan bua tlước, thì chẳng nên lạy oũ khóũ, mà khi phan bua thì phải nói tỏ tường, cho người ta ở đấy nghe được, có lạy oũ

quam

*quam Numini,* [c] *ſed ſolùm vt Magiſtro, à quo literas, & alia politica acceperint;* [f] *alioquin eſſet ſcandalum, ſi exhiberetur Confuſio reuerentia coram alijs abſque declaratione;* [g] *exiſtimarent enim Ethnici illum coli pro Numine à Chriſtianis, niſi proteſtatio illa præcederet,* [h] *& ſic Ethnici in ſuo confirmarentur errore,* [i] *quia tamen vix inuenietur qui publicè hanc proteſtationem audeat facere, illo modo quo facienda eſt, ne ſequatur ſcandalū:* [k] *ideò abſolutè talem Confuſio reuerentiam hortamur omitti, ne aliquibus ſit in laqueum.* [l] *In eadem literatorum ſecta ſolent Ethnici adorare Cœlū pro Numine* [m] *qui error etiam in vulgus emanauit;* [n] *ſed hoc iam ſuprà, initio huius cathechiſmi refutatum eſt die prima.*

[o] *Alij multi errores è tribus hiſce ſectis, vt venenatis fontibus, originem*

khớú thì chẳng phải như đức Chúa blời, [c] thật có lạy như thầy đã dĕay chữ, cữ phép ſửa nước mà chớ; [f] ví bằng có lạy oú khớú tlước mặt người ta, mà chẳng có phan ꞓua làm ꞓệy, thì có tội: [g] vì chưng kẻ ngŏài đạo thì ngờ là kẻ có đạo, khi lại oú khớú, mà chẳng có phan ꞓua tlước, có lạy oú khớú như đức Chúa blời, [h] ꞓệy kẻ ngŏài đạo, càng tin ſự dối nữa. [i] Saố le vì có ai dĕám phan ꞓua làm ꞓệy, tlước mặt người ta, cho kẻo kẻ ngŏài đạo càng tin ſự dối, được là hŏạ, [k] vì ꞓệy ta khuien đùng lạy, kẻo phải ſự lỗy. [l] Tlaố đạo nhu ẽy kẻ hay chữ cữ lạy blời như Chúa blời ꞓệy, [m] mà đều lỗy ẽy cữ đã ra cho thế gian bắt chước; [n] ſaố le đầu hết mlời giảng nầy, ngầy thứ nhít, đã bắt đều ẽy.

[o] Bởi tam giáo nầy, như bởi nguộn đoục, có ra

nis, æquè ac ſenſitiuam, &
vegetatiuam, [b] in quo ſibi b
ipſe contradicit, cùm po-
ſtea tranſmigrationem
animæ rationalis in alia
corpora docet: [c] ſi enim c
ex eius ſententia, ſeu erro-
re anima hominis eſt æquè
mortalis, atque animæ
iumentorum, vel arborum;
[d] quomodo in alia corpora d
tranſmigrare poterit? [e] ſi e
anima hominis ſimul cum
corpore extinguitur, quo-
modo aliud corpus infor-
mare poterit? [f] præterquã f
quod tranſmigratio illa
eſt contra communem ho-
minum ſenſum, [g] & com- g
mune proloquium, tam
apud Sinas, quam apud An-
namitas receptum: [h] vi- h
tam ſcilicet hanc eſſe tan-
quam hoſpitium, mortem
verò eſſe reditum ad pro-
priam domũ: [i] ſi enim da- i
retur hac ficta tranſmigra-
tio animarum, ſemper eſſet
anima noſtra in hoſpitio;
[k] nunc in hoc corpore, pau- k
lo poſt in alio.
[l] Peius adhuc longè eſt, ani- l



b lă ſinh hồn, [b] mà làm
ꞗệy thì đều naò nó đã
nói tlước, đén ſau thì
c nó lại chối: [c] vì chưng
ví bàng nó ngờ linh hồn
người ta hay chết, cũ
như hồn muâng chim,
d hay là hồn cây cối; [d] mà
ſao lại ràng có lŏên hồi
cho người ta lại ſinh ớ
e xác khác? [e] ví bàng linh
hồn người ta, khi xác
chết, cũ chết ꞗối, lại ſinh
lại, mà cho xác khác ſóũ
f làm ſao được? [f] mà lại
lŏên hồi ấy chẳng ưa
mlẽ ớ tlaõ laõ các ngư-
g ời ta, [g] cũ uy báng mlời
thien hạ, dầu đại minh,
dầu Annam quen nói lien
h làm ꞗệy: [h] ſinh kí dã
tử qui đã: ſóũ thì gưới,
i chết thì về: [i] ví bàng có
lŏên hồi, mà chẳng phải
dối, thi linh hồn một ớ
k gưới lien ꞗệy: [k] bấy
giờ thì ớ gưới tlaõ xác
nấy, dến ſau một gêy
nữa thì lại ớ gưới tlaõ
xác khác ꞗệy.
l [l] Mà đều Thic ca dĕay
nơi trũ giáo ràng linh

mã

*mã hominis mortalem aſſerere, vt* Thicca *ponit in ſecta interiori:* [m] *ſibi ipſi, vt ſupra monuimus, contradicens:* [n] *nam præterquam quod hæc peſtilens doctrina ad omnia vitia ianuam aperit,* [o] *eſt etiam expreſſe contra communem animæ rationalis appetitum,* [p] *quæ ſui memoriã etiam poſt hanc vitam, relinquere cupit,* [q] *vt patet in magnificis ſepulturis, quas ambit,* [r] *& in alÿs præclarè geſtis, quæ ad poſteros etiam vult peruenire.* [ſ] *præterea operationes præcipuæ, quas habet Anima hominis ſunt à corpore independentes:* [t] *operationes ſcilicet intellectus, ac liberæ voluntatis,* [u] *quas corpore etiam effœto exercet,* [x] *quod ſignum eſt illas à corpore minimè dependere,* [y] *imò ſeparatam à corpore liberius exercere.* [z] *ſed cur tandem communiter homines parẽtum ſuorum, natura duce, poſt eorũ obitum curam gerunt?*



hồn người ta hay chết, thì càng lỗy, [m] mà đều ấy Thíc ca thì ũy báng mlời mình, như ta đã nói tlước: [n] vì chưng giáo đouc nầy, chẳng những mớ cửa cho mọi tội; [o] mà lại chẳng ưa mlẽ linh hồn ta, [p] vì có muấn khi khỏi đời nầy để dêẫu mình lại, cho người ta dớ, [q] như ta xem nơi chôn xác mềnh, mà ước làm cho trạỗ, [r] và việc naò đã làm nên thì muấn để truyền cho đời ſau. [ſ] Sau nữa hễ là phép trạỗ linh hồn người chẳng có dữ xác, mà làm viẹc; [t] như thể phép trí, hay là phép có chúa í mềnh, [u] vì chưng linh hồn ta có dữ hai phép ấy, dẫu xác đã già cả, mà nhạoc; [x] vì ſ'bêy hai phép nhít ấy, thạt chẳng có dữ xác, [y] mà lại khi khỏi xác thì càng nghỉ làm việc ấy. [z] Lại ſao bổn người ta có mlẽ tlaỗ làỗ, giọuc lo cho cha mẹ, khi đã

*runt?*

*runt?*[a] *Cur Annamitæ tan-* a
*to ſtudio Maiorum ſuorum*
*anniuerſarium diem cele-*
*brant?*[b] *Cur conuiuia de-* b
*ſunctis tantis impenſis,*[c] c
*aliaque obſequia pro ſuis*
*parẽtibus poſt obitum pa-*
*rant?*[d] *ſi enim animæ* d
*cum corporibus intereunt,*
*fruſtranea eſt omnis de-*
*ſunctorum cura.*[e] *quam-* e
*uis enim bruta animantia,*
*natura duce, curam ſuæ*
*prolis gerant,*[f] *& auicu-* f
*læ procreandis, educandiſ-*
*que filijs, nidulos ſuos tã-*
*ta ſolicitudine, atque in-*
*duſtria parent;*[g] *quia* g
*ſcilicet proles parentum*
*opera indiget:*[h] *nulla ta-* h
*men animantium, quam-*
*tumuis prudentum, ſpecies* b
*parentum ſuorum iam*
*mortuorum curam gerit,*
[i] *quia ſcilicet cum ani-* i
*mantium omnium corpora,*
*æquè atque eorum animæ*
*ſimul intereant.*[k] *atque* k
*ideò prolis opera iam non*
*indigeant;*[l] *Deus verò ni-* l
*hil faciat fruſtra, ideò nul-*
*la eſt animalibus à Deo indita parentum mortuorum*



a ſinh thì đoạn?[a] Sao
người An nam mọi năm
mọi có giữ ngày cha
mẹ, ông bà, ông vải ſinh
thì, mà làm giỗ chạp hết
b ſức?[b] Sao tốn của bấy
nhiêu, mà làm cỗ làm
c mâm,[c] cũ nhiều ſự nữa có
dọn cho cha mẹ khi đã
d ſinh thì?[d] vì chưng nếu
linh hồn chết đồi xác,
lo cho kẻ chết chẳng có
e làm chi.[e] vì chưng dẫu
muông chim cầm thú tự
f nhiên lo cho con,[f] mà
cái chim nhỏ hay lo, và
khéo hay làm tổ, dọn
ſinh đẻ, và nuôi nấng
g con,[g] vì con có dủ việc
h cha mẹ mà chớ:[h] ſaŏ le
chưa thấy muông naó,
dẫu khôn, hay lo cho
b cha mẹ khi đã chết:[i] vì
chưng hễ là muông chim,
i khi xác nó chết, hồn cũ
k chết đồi,[k] vì đấy chẳng
l còn có dủ việc gì con;[l]
mà đức Chúa blời chẳng
m có làm đí gì không,[m] vì
đấy cũ chẳng có cho

*cura, quia nibil ſupereſt curandum.* [n] *Contra verò, cum docente ipſa natura, homines tantam parentum defunctornm habent curam,* [o] *& non minus fortè quam ipſi parentes pro viuis filijs ſoliciti ſint.* [p] *certè fatendum eſt à Deo ipſo nos edoceri,* [q] *parentes, etiam poſt hanc vitam, adhuc ſupereſſe, qui noſtris obſequijs adhuc indigeant,* [r] *ergo anima noſtra, poſtquam à corpore ſeparata eſt, adhuc viuit:* [ſ] *ergo eſt immortalis ex ſe, & naturaliter;* [t] *à nnllo enim agente naturali, poſtquam à corpore ſeparata eſt, poteſt deſtrui.*

[x] *Sciendum tamen eſt, animam noſtram à corporis huius mole ſeiunctam, corporeis cibis, aut indumentis, alijſque huiuſmodi rebus corporeis minimè indigere, cum ſit ſpiritualis;* [y] *atque in hoc Annamitæ grauiter errant, cum corporalibus cibis animas*



tlaõ lào muâng naò, còn lo cho cha mẹ, khi đã chết: [n] ſaõ le khi người ta tự nhien có lo gia giét làm ꞗẹy cho cha mẹ, khi đã ſinh thì, [o] âu là cữ bàng cha mẹ lo cho còn khi còn ſóú: [p] thạt thì phải xưng, có đức Chúa blời mớ lào ta, [q] khi cha mẹ đã qua đời nầy, thì hay còn có, mà hay còn dữ việc ta giúp cho: [r] vì ꞗệy linh hồn ta, khi đã ra khỏi xác, thì hay còn ſóú, [ſ] mà tự nhien chẳng hay chết: [t] vì chưng chẳng có phép naò dưới đức Chúa blời, mà làm hại được linh hồn, khi đã khỏi xác. [u] Saõ le cữ phải hay, khi linh hồn ta đã khỏi xác thịt nầy, [x] chẳng còn có dữ ăn ũẫng, hay là mạc, cữ các kì ſự về xàc, vì linh hồn ta là tính thiêng liêng: [y] mà người An nam mời linh hồn ăn

mas

*mas defunctorum inuitant [z] anima enim noſtra nobilior eſt, quam quæ huiuſmodi cibis vtatur: [a] & in hoc grauem ſuis progenitoribus iniuriam irrogant, [b] ac longè maiorem, quàm ſi viuis adhùc parentibus paleas, & alia, quæ brutis animantibus dantur, [c] cùm domum adueniunt, ad manducandum miniſtrarent; [d] maior enim improportio eſt omnium ciborum corporalium ad Animam noſtram, vtpote Spiritualem: [e] quam ſit palearum & aliorum, quibus bruta animantia ad veſcēdum vtuntur, ad homines, adhùc in hac vita degentes: [f] Maior adhùc irreuerentia, & tanquam irriſio, qua progenitores ſuos defunctos Annamitæ afficiunt, [g] cùm domos, veſtes, pecunias, & alia vtenſilia ex papyro depicta conficiunt, vt illis offerant: [h] hæc enim nullus ſanæ mentis, vel pauperculo viuenti auderet offerre, vt*



của xác, thì lấy xa: [z] vì chưng linh hồn ta trọ́ hơn, mà chẳng còn có dữ ăn ǘống gióú ấy đâu: [a] vì ꞗệy An nam thì vô phép, mà mất láố cha mẹ lám, [b] càng hơn khi cha mẹ còn ſóú, mà lấy blanh, lấy cỏ, là của muâng chim cầm thú ăn, [c] mà mời cha mẹ ăn nhưng của gióú ấy, khi đến nhà cữ: [d] vì chưng hễ là của xác dữ, mà ăn ǘống, thì hèn, và tlái í linh hồn ta, là tính thiêng liêng, [e] hơn blanh cỏ, cữ các của muâng chim cầm thú quen ăn, thì hèn, mà tlái í cho người ta, khi hay còn ſóú ở đời nấy, mà mời ăn những gióú ấy. [f] Lại người An nam càng vô phép, mà như thể cười nhạo cha mẹ, khi đã ſinh thì, [g] mà dữ những géy làm nhà, cữ áo, tiền, vàng, bạc, và các kì ſự vẽ, mà cữ cha mẹ: [h] vì chưng chẳng có ai khôn, mà dẹám cho người

*huiuſmodi rebus vteretur.* [i] *Quomodo igitur ea progenitoribus defunctis Annamitæ audent offerre, vt huiuſmodi rebus fictitÿs vtantur?* [k] *Dicet aliquis per combuſtionem in alia traſmutari.* [l] *Egregiè verò, nam per combuſtionem illa omnia conuertuntur in flammas, vel in cineres,* [m] *quid ergo progenitoribus mittitis?* [n] *ſi cineres commodè ſane habitabunt inter cineres,* [o] *& nitidè valdè cineribus veſtientur:* [p] *ſi flammas mittitis, vt verè mittitis,* [q] *quia illa opera falſa & peccaminoſa exercetis, quæ à parentibus didiciſtis,* [r] *atque ideò illorum cruciatus in altera vita adaugetis,* [ſ] *ſicuti enim ÿs qui alios bona docuerunt poſt illorum mortē,* [t] *dum illa exercentur in hac vita ab ÿs, qui didicerunt,* [u] *in cœlo augetur gaudium Sanctis, quia ea docuerunt:* [x] *ſic etiam qui*



naò, khi hay còn ſóú, dầu rứt khó, mà khiến nó dữ bay gióú ĕy. [i] Mà ſao người An nam dĕám cũ cho cha mẹ, khi đã ſinh thì, những của dối ĕy? [k] Có kẻ ràng, đốt thì mà biến hŏá, ra khác. [l] Nói làm ꞗệy phải chốc, vì đốt thì phần ra *lửả*, phần thì ra blo: [m] mà gưởi phần naò cho cha mẹ? [n] ví bàng gưởi blo thì làm cho cha mẹ ở tlaố blo mà ſướng ru: [o] mạc blo mà ſạch sẽ, và lịch ſự lám ru: [p] ví bàng gưởi lửa, ăt thạt gưởi lửa, [q] vì chưng khi làm những việc dối, thì phạm tội, haọc mà bắt chước cha mẹ xưa có làm thế ĕy, [r] cho nên có thêm hình lửa cho cha mẹ, đã qua đời nấy. [ſ] Như thế ai ở thế nấy đã dĕạy kẻ khác ſự lành, đến khi đã qua đời, [t] mà kẻ đã haọc còn làm ſự lành ĕy ở thế nấy, [u] thì thêm phúc cho người thánh

điều blời, vì đã dĕạy kẻ khác đều lành ĕy: [x] ꞗệy

peruer-

*perverſa docent alios, & ea fiunt,* [y] *etiãſi qui ea docuerunt ſint vita functi, eorum pœna & cruciatus in alia vita augentur,* [z] *propter illa noua peccata quæ faciunt hi, qui ab illis didicerunt:* [a] *quare filij qui parentibus ea ficta offerũt, & comburunt, verè illis flammas mittunt,* [b] *quia dum exercent perverſa illa, quæ à parentibus defunctis didicerunt,* [c] *eorum cruciatus, & pœnas adaugent in alia vita:* [d] *præter peccatum quod ipſimet filij committunt,* [e] *propter quod etiam ipſi, niſi maturè reſipiſcant, in futuro ſæculo plectentur.* [f] *Quare ceſſandum eſt ab huiuſmodi fictitijs, & falſis honoribus,* [g] *quia ſunt veræ parentum contumeliæ & irriſiones, & cruciatuum ipſorum augmentum.* [h] *Qualis autem honor parentibus defunctis exhibẽdus ſit,* [i] *docebimus infra, cùm de honore parẽtib⁹, tàm*



ké dĕạy ſự dữ, mà ké khác làm ſự dữ ẩy đã haọc, [y] dù ké đã dĕạy thuở-c, đã chết, cũ chịu thêm hình đời ſau, [z] vì tội mới ẩy, ké đã haọc nó, còn làm: [a] vì ꞗệy khi con cái đốt cho cha me những của giả ẩy, thật là gưởi lửa cho cha mẹ mà chớ: [b] vì chưng ké làm ſự lỗy ẩy, xưa đã haọc bởi cha mẹ, [c] thì thêm hình khốn cho cha mẹ, khi cha mẹ đã chết: [d] chẳng kể tội con làm bây giờ, [e] mà chẳng chừa cho lớp, thì mềnh đời ſau cữ phải chịu tội ẩy nữa. [f] Vì ꞗệy thì phải bỏ mọi lễ dối ẩy, mà đừng, [g] vì chưng thật là bất nghĩa, mà cười nhạo cha mẹ; cữ thêm hình cho cha mẹ. [h] Mà ta phải thảo kính cha mẹ khi đã ſinh thì thể naò, [i] dển ſau ta sẽ dĕạy, khi ta giảng ſự đức Chúa blời khiến kính cha mẹ làm ſao,

*viuis, quàm defunctis, iuxtà legem Dei debito agemus.*

[k] *Cùm igitur tam Sinæ, quam reliqua omnia regna veræ legis traditionem amiſiſſent,* [l] *& in varias ſectas, ex dæmonis fraude, peſſum abÿſſent:* [m] *vna tamen Iudæorum natio veram ſupremi rerum Conditoris legem retinuit, ſimulque linguam hebræam.* [n] *Nam Abraham, qui fuit primus gentis Iudæorum parens, veram legem accepit,* [o] *tum immediatè ab ipſo Deo, cui propter Sanctitatem valdè charus fuit,* [p] *ſæpèq; Deus ipſi apparuit; & cum illo, vt cum amico ſæpè loquutus eſt,* [q] *myſteriaque recondita ipſum docuit.* [r] *tum etiam Abraham Sem, filium Noe, magiſtrum habere potuit,* [ſ] *quia multis annis illo ſuperſtite vixit.* [t] *Sem autem non ſolum à Patre ſuo Noe veram accepit legem,* [u] *ſed etiam à ſuo abauo Ma-*



dấu còn ſốũ, dấu đã qua đời.

[k] ếy bệy mà khi và đại minh, và mọi nước khác đã mất truyền đạo thật, [l] mà bởi quỉ dối, thì phạm ſa những đạo vạy: [m] ſaõ lẽ có một họ Iudæa còn giữ đạo thật đức Chúa cả làm nên mọi ſự truyền cho, và giữ tiếng hebræa bói. [n] Vì chưng ốũ Abraham là tổ nể họ Iudæa thì chịu lếy đạo thật, [o] và bởi đức Chúa blời truyền cho ốũ ếy, vì là người thánh mà đức Chúa blời yêu, [p] cữ nhều lần hiện xuống, và nói khó cữ nhều lần, như người có nghĩa cữ, [q] mà bảo ốũ ếy ſự ſâu nhiệm. [r] Mà lại ốũ Abraham haọc được cữ ốũ Sem, là con ốũ Noe, [ſ] vì ốũ Abraham ở thế nẩy nhều nam, khi ốũ Sem hay còn. [t] Mà ốũ Sem chịu truyền đạo thật, chẳng những bởi cha là ốũ Noe, [u] mà lại chịu bởi ốũ cổ là ốũ

*thuſala.*

*thuſala, cum quo diù vi-*
*xit ante diluuium;* [x] *&* x
*Mathuſala immediatè ab*
*ipſo Adam, cum quo etiam*
*diù vixit, vt ſupra nota-*
*uimus.* [y] *Quare Abraham* y
*per Sem, & Mathuſalam*
*veræ legis traditionem ab*
*Adamo habere potuit,* [z] z
*quam ipſe tradidit filio ſuo*
*Iſaac, quem genuit cum*
*eſſet nonaginta nouem an-*
*nos natus,* [a] *ex Sara iam* a
*nonagenaria & ſterili,* [b] *&* b
*per eum accepit repromiſ-*
*ſiones à Deo,* [c] *quod ſci-* c
*licet futuris temporibus ex*
*eius pronepotibus acciperet*
*totius humani generis Re-*
*demptorem;* [d] *eademque* d
*promiſſio post mille cir-*
*citer annos facta eſt à*
*Deo Dauidi Iudæorum re-*
*gi, qui erat ſecundum cor*
*Dei,* [e] *& alijs deinceps* e
*Sanctis prophetis, vſque ad*
*Redemptoris Aduentum,*

Mathuſala, vì chưng ở
cử oũ ếy lâu nam; khi
x chưa có lụt cả: [x] mà oũ
Mathuſala chịu truyền
ếy bởi oũ Adam; vì đã
ſóũ lâu nam nữa cử oũ
Adam, như ta đã nói
y thước. [y] Vì bệy oũ A-
braham chịu được tru-
yền đạo thật bởi oũ A-
dam có oũ Sem, cử oũ
Mathuſala, hai oũ ở gi-
z ữa, mà thôi. [z] mà oũ
Abraham lại truyền cho
con, là oũ Iſaac, đã đẻ
khi đã nên chín mươi
a chín tuểi, [a] bởi bà Sara
đã nên chín mươi tuểi,
b mà lại có tật ở ſon. [b]
Oũ Abraham có chịu
mlời đức Chúa blời
c phán nói hứa cữ, [c] bởi
dào dõi oũ Iſaac, ngày
ſau có Chúa ra đời kóu
d người ta. [d] đến ſau qua
một nghìn nam dồ, lại
có mlời hứa ếy, bởi
đức Chúa blời phán ra
cữ oũ David, là Bua Chúa nước Iudæa, đã
đẹp lào đức Chúa blời [e] Mà lại đều ếy có tru- e
yền nối xuống cữ người thánh chịu sấm truyền,

*[f] Cùm ſcilicet omnes aliæ nationes in tenebris infidelitatis iacerent, [g] & præcipuè magnum Sinarum Imperium, quod per varias ſectas, quas ſupra retulimus & refutauimus, [h] tandem in atheiſmi barathrum incidit, quod naturæ lumini eſt adeò repugnans: [i] quin etiam animæ rationalis immortalitatem communiter non agnoſcit.*

*[k] At vera lex quæ ſupremũ Dominum ac rerum omniũ Creatorem primumq; Principium, atque vltimum finem agnoſcit; [l] non ſolum ex Diuina reuelatione, [m] ſed etiam vel ipſa ratione naturali duce: [n] conſequẽter etiam animam rationalem, ſpirituale & immortalem agnoſcit. [o] Primus enim rerum omnium Conditor Deus, cum neceſſariò ſit iuſtus, [p] eius iuſtitia rectiſſima ſaluari non*

cho đến đức Chúa blời ra đời kóu thế. [f] Mà khi ấy hễ là các nước chẳng tin, cho nên ở tối tăm mù mịt, [g] nhít là nước đại minh, có theo nhều giáo những dối, ta đã kể và bắt tlước, [h] mà ngã lỗ lâu lắm, là chẳng tin có đức Chúa blời, thật tlái mlẽ tlaố lão người ta lắm, [i] mà lại đại minh bổn chẳng tin, linh hồn ta một hằng ſốũ ꞗệy, mà chẳng hay chết.

[k] Saố le đạo chính, là đạo thờ phượng một đức Chúa blời, thì nhìn một Chúa cả, làm nên mọi ſự, thật là cội rễ đầu, mà lại làm như bia cả mọi ſự ꞗệy: [l] mà biết bay nhều ſự nầy, chẳng những bởi có mlời đức Chúa blời truyền cho, [m] mà lại vì có mlẽ tlaố ta dẽạy ꞗệy. [n] bởi đấy thì phải xưng linh hồn ta là tính thiêng liêng hằng ſốũ ꞗệy, chẳng hay chết. [o] Vì chưng khi ta nói thật đức Chúa blời chí linh chí coú, [p] ví bằng chẳng còn có đời ſau,

*poſſet*

*poſſet, niſi poſt hanc vitam ſupereſſet alia, in qua præmia bonis & malis ſupplicia decernerentur:* [q] *multos namque videmus iuſtos & Sanctos viros,* [r] *qui in paupertate & contemptu ad vltimam vſque ſenectam degunt,* [s] *imò interdum morbis afflictantur, ita vt adhùc iuuenes diem obeant,* [t] *& ſæpè etiam à malis, & improbis hominibus affliguntur,* [u] *aliquando vſque ad internecionem, & boni patienter id ferunt:* [x] *& contrà malos ſæpè videmus in proſperitatibus & diuitijs,* [y] *alijſque huius vitæ commodis, ad multam ſæpè ſenectam peruenire,* [z] *quamuis multa mala perpetrent, horrendiſq; ſceleribus ſint onuſti:* [a] *ergo neceſſariò ſupereſt alia vita, in qua ſcilicet boni debitas virtuti coronas recipiant, & præmia:* [b] *mali verò iuxtà ipſorum demerita pœnis, & ſupplicijs afficiantur,* [c] *à ſupremo rerum omnium*



để thưởng kẻ lành, và phạt kẻ dữ, thì đức Chúa blời chẳng phải coũ bằng đâu: [q] Vì chưng ta thấy nhều người lành nên thánh, [r] khó khan, chịu khốn, chịu khó, người ta để duôi cho đến già cả: [s] cữ có khi thì phải đau náng, mà chết tlẻ: [t] lại có nhều phen, kẻ dữ thì làm khốn kẻ lành; [u] cữ có khi thì đánh chết, mà kẻ lành thì chịu ꞗệy. [x] Mà lại ta thấy dều lần, kẻ dữ thì giàu có, ꞗui ꞗẻ ở thế nầy, [y] mà chịu những ſự ꞗui, cữ có khi thì đến già cả chịu một thinh nhàn ꞗệy, [z] dấu mà làm nhều ſự dữ, mà gánh tội vạ trọng lắm: [a] vì ꞗệy thật hãy còn đời ſau, và cho kẻ lành chịu coũ, chịu phúc, bằng nhin đức mình làm: [b] và lại kẻ dữ thì chịu hình khốn nạn, bằng tội vạ mình làm, [c] vì đức Chúa cả tlên hết mọi ſự, thì phán xét làm ꞗệy.

*Iudice*

*Iudice ac Domino.* [d] *Sic accidit olim vt ſupra notauimus, Lazaro ſancto, pauperi, ac mendico, vlceribuſque pleno.* [e] *qui breuẽ hanc vitam in miſeriјs patienter, ac virtuosè pertranſiens,* [f] *iam à mille ſexcentis, & amplius annis fœlicitate potitur cœleſti,* [g] *ac in æternum beatitudinẽ gloriæ poſſidebit:* [h] *contrà verò diues Epulo in delicijs viuens;* [i] *poſt mortem, propter multa peccata quæ perpetrauit, ſepultus eſt in inferno,* [k] *atq; ignibus inextinguibilibus traditus eſt, iam etiã à mille ſexcentis, & amplius annis,* [l] *& in æternũ cruciabitur, abſq; vlla ſpe vnquam euadendi.* [m] *talis namq; eſt iuſtitia Dei ſine fine, ſicuti & ipſe Deus eſt infinitus.* [n] *Pro ijs autem qui adeò hebetes ſunt, vt ex dictis adhùc anima hominis im-*



[d] đời xưa oũ thành Lazaro, như ta đã bảo tlước, cữ đã gặp thế ẽy, [e] vì ở đời nẫy, thì khó khan, chẳng bao lao, mà đi ăn mày, cũ tlaõ mình mẫy phải nhưng chóuc ſẽch, mà chịu, và làm dêu ſự nhin đức ꞗệy: [f] mà bây giờ đã chịu phúc tlên blời ꞗui ꞗẻ, đã qua hơn một nghìn ſáu tlam năm, [g] lại đời đời một chịu thinh nhàn ꞗệy chẳng cữ. [h] Mà thàng giẫu kia, hay ăn uẫng, ở thế nẫy thì một hay chơi bời; [i] đến khi chết, vì có phạm tội nhều, thì phải chòn ở tlaõ địa ngục, [k] mà chịu lửa chẳng hay tắt, cữ đã qua hơn một nghìn ſáu tlam năm: [l] lại về ſau cũ chịu hình đời đời ꞗệy, mà chẳng có tloũ được khi naò cho khỏi đâu. [m] vì chưng đức Chúa blời là tính chiêng liêng vô cũ: lại coũ bằng ở đức Chúa blời, cữ là chẳng cũ ꞗệy.

[n] Saõ lẽ cho kẻ u mê chừng ẽy, mà nghe bay nhều mlời

*mortali-*

*mortalitatem non capiant; hæc quæſtio poteſt proponi. [o] Cur tandem omnibus à natura inſitum ſit, vt chariſſimos etiam quoſque, [p] cum quibus, dum eſſent viui, familiariſſimè agebamus, ac conueſcebamur: [q] ſtatim autem ac ſunt vita functi, tantum illorum metum & horrrorem concipimus, vt ſine magno terrore illis ſoli aſſiſtere non valeamus? [r] Cur igitur ſic timemus? Verè quia eorum anima etiam ſeparata, vel ipſa docente natura, nobis terrorem illum incutit; [ſ] ſignum igitur euidens eſt, ab ipſa natura inditum, [t] animam hominis poſt mortem adhùc ſupereſſe, [u] quæ adhùc relationē habeat ad illud corpus, quod timemus, etiam poſtquam defunctum eſt. [x] Contrà verò feras, vt leones, tigres, lupos timemus, [y] dum adhùc viuunt, & ab illis naturaliter fugimus: [z] ſi tamen occiſa*



đã giảng, cữ ſự linh hồn người ta chẳng hay chết nếu chưa tỏ, thì phải giảng đều ſau nầy. [o] Vì ſao ta tự nhien, có người nào hàng ở cữ ta, và có nghĩa cữ ta, [p] mà khi còn ſốu, thì ta một ở nói khó cữ, và ăn cữ, [q] ſaố le đến khi đã chết, ta thoắt chóuc kinh khủng, mà ſợ, một mình ở chẳng được cữ? [r] Mà ſao tá dái làm bệy? Thật là vì linh hồn ếy dẫu đã khỏi xác, tự nhien làm cho ta ſợ làm bệy mà chớ. [ſ] Ếy là dẽấu thật, như thể có mlẽ tlaố laố ta bảo, tự nhien, [t] linh hồn người khi đã qua đời, thì hãy còn ſốu, [u] mà hãy còn về xác ếy, ta dái, dù mà đã chết đã rồi. [x] Saố le muâng dữ naò, như thể muâng ſư tử, con hùm, chó ſói, [y] khi còn ſốu thì ta dái, mà tự nhien ta tlốn nó: [z] ví bằng đã đánh chết muâng naò dữ, chẳng



*fuerint*

*fuerint huiuſmodi feræ, nihil amplius in illis timemus, [a] ſed acutiſſimos earum dentes, aut vngues, etiam pueruli, ſine vllo timore apprehendunt, & cum illis ludunt: [b] quia ſcilicet, vel ipſa natura duce, intelligitur nihil amplius in illis ſupereſſe quod timeri debeat; [c] earum enim anima, ſimul cũ corpore extinguitur. [d] Sicuti ſi domus aliqua poſſeſſorẽ adhùc habeat quamuis abſentem, [e] naturaliter timent homines illam diripere, [f] quia ſcilicet timent ne à poſſeſſore deprehendantur, & multentur: [g] ſi tamen domus ſit omninò derelicta, & carens domino, [h] liberè illam quiuis diripit, abſque vllo metu, quia ſcilicet caret domino: [i] ſic quamuis timeamus naturaliter feras, dum adhùc viuunt, & ab illis fugimus, [k] mortuarum tamen corpora laniamus, abſque vllo metu, [l] quia illarum animæ ſimul cum corpore intereunt, nec*

*ſupereſt*



còn có gì mà dái nó nữa · [a] mà còn tlẻ nhỏ thì bắt nành nó, hay là ꞗuất nó dấu ſắc, mà chơi ác ꞗệy, cũ chẳng có dái gì. [b] Vì chưng tự nhien đã hay, chẳng còn có đí gì mà dái, [c] vì hồn nó đến khi xác chết, thì tát đi ꞗối. [d] Nói thí dụ, như thể có nhà naò, còn có chúa, dẫu mà váng mạt, [e] thì tự nhien người ta dái, mà chẳng dẳám lấy đí gì nhà ấy: [f] vì chưng thì dái chúa nhà một chuóc có đến, mà bắt; [g] nếu có nhà naò đã để đi, mà chẳng còn có chúa naò nhà ấy, [h] thì ai nấy lấy của nhà ấy mà chẳng có dái gì, vì chẳng có chúa, [i] ſự nầy cũ ꞗệy, vì dẫu ta dái tự nhien muông naò dữ, khi hãy còn ſóũ, mà ta tlốn nó. [k] ſaõ le khi nó đã chết, ta xé nó ra, mà chẳng có dái gì, [l] vì hồn nó thì cũ chết ꞗối xác, mà chẳng còn

*ſupereſt dominus qui timeatur: [m] & hominum defunctorum cadauera timemus natura duce, [n] quia ſcilicet illorum animas, quæ ſunt veluti cadauerum dominæ, adhùc timemus, vt ſuperſtites. [o] Ergo naturaliter intelligimus hominis animam eſſe, corpore moriente, ſuperſtitem; [p] & conſequenter immortalem, [q] nullum enim agẽs naturale animam à corpore ſeparatam corrumpere poteſt aut deſtruere; [r] ſed ſolus Deus, qui ſicuti illam ex nihilo creauit, [s] & in ſuo eſſe per continuatam quandam creationem conſeruat: [t] ſic illam per negationem concurſus creatiui poſſet deſtruere ſi vellet; [u] id tamen nunquam facturus eſt, vt ex ipſius reuelatione conſtat, [x] ſed bonis præmia æterna largi-*

có chúa mà dái: [m] Saố le tự nhien ta dái thân xác người, dầu đã chết, [n] vì chưng ta hãy còn dái tự nhien linh hồn, là chúa thân xác ếy, vì linh hồn hãy còn. [o] Vì ꞗệy ta tự nhien đã hãy linh hồn người, khi xác chết, thì hãy còn ſốũ, [p] mà lại đã hay thật, linh hồn người chẳng có chết được, [q] vì chẳng có phép naò dưới đức Chúa blời, mà làm hại được, hay là phá được linh hồn ta, khi đã khỏi xác. [r] có một đức Chúa blời, như đã lếy khoũ, mà hoá ra linh hồn người, [s] mà lại hàng có giữ gìn, như thể hoá ra linh hồn người lien ꞗệy. [t] mà đức Chúa blời khiến đừng giữ gìn làm ꞗệy, mà tự nhien phá linh hồn người thì cũ được: [u] Saố le đức Chúa blời chẳng có đừng giữ đời đời, vì đã có mlời đức Chúa blời phán, [x] cho kẻ lành thì chịu phúc tlên blời |

*turus eſt in cælo; ⁊ malis verò ſupplicia æterna irrogaturus eſt in inferno.*



đời đời, ⁊ mà kẻ dữ, thì phạt chịu hình khốn, tlaố địạ ngoục đời đời ꞗệy.

[a] *QVæ ſequuntur non ſunt committenda omnibus,* [b] *niſi ijs qui per priorum auditum,* [c] *iam idola, & inanes ſectas contempſerint,* [d] *& ad Baptiſmum iam ſint diſponendi, per ieiunium & alia pia opera:* [e] *atque ideò illis iam tradendus eſt Orationis Dominicæ, Salutationis Angelicæ,* [f] *ac Symboli Apoſtolorum liber: vt illa memoriæ mandēt.*

[g] *Proponuntur hodie myſteria duo totius Chriſtianæ religionis profundiſſima & altiſſima:* [h] *nempe ſacroſanctæ Trinitatis myſterium prorſus ineffabile,* [i] *ac ſtupendum Diuinæ Incarnationis opus.* [k] *Cùm igitur initio iam ſtatuerimus dari primum rrrum omnium creatarum principium,* [l] *quod lumine naturali notum eſt:* [m] *ſic etiam notum eſt vnum tantùm dari primum principium infinitum:* [n] *æternũ,*

[a] MLời giảng ſau nẫy, thì chẳng khá nói cữ hết, [b] nói cữ kẻ đã nghe đều thước mà thói, [c] khi đã bỏ bụt đi, cữ các giaó dối: [d] mà dẹon chịu phép rữa tội thì phải ăn chay, và làm phúc khác: [e] vì ꞗệy thì nên tlaố kinh đức Chúa Ieſu, và kinh đức Chúa bà Maria, [f] cữ kinh mươi hai đẫy tớ cả, cho hăọc thuọc làố.

[g] Rày thì giảng hai đều nhít tlaố đạo thánh đức Chúa blời, và rựt ſâu nhiẹm, cữ rứt cao: [h] là đều giảng (Sanctiſſima Trinitas) mlời nói chẳng hết mlẽ sốt, [i] và đều giảng phép cả đức Chúa blời ra đời, làm cho ta hãi. [k] Mà tlước đã định có cội rễ đầu mọi ſự, [l] đều ẽy tự nhien đã có mlẽ tỏ tlaố làố ta: [m] lại cữ đã tỏ có một cội rễ đầu, là tính thiêng liêng vô cũ; [n] hàng có vô cữ, mọi

immenſum, [o] omnipotens, omnia ſciens, omnem bonitatem & perfectionem in ſe continens, [p] & incomprehenſibile, quo nihil melius cogitari poteſt: [q] qualis autem ſit incomprehenſibilis eius eſſentia, & proprietates, nullus intellectus creatus poteſt intelligere, [r] niſi per ſupernaturale lumen ad id eleuetur ab ipſo Deo. [ſ] Lumen autem hoc eſt duplex, [t] primum eſt lumen fidei, per quod Deus ſe ipſum & ſua reuelat in hac vita, [u] obſcurum quidem, atque omnem rationem naturalē ſuperans, [x] ſed certiſſimum, vt pote quod nititur ipſius primi principij, ſeu primæ veritatis teſtimonio, [y] quæ prima Veritas, nec falli poteſt, quia omnia nouit, [z] nec etiam fallere, quia eſt ſimul ſumma Bonitas, quæ mentiri non poteſt. [a] Alterum eſt lumen



nơi mọi có vô cỷ, [o] có phép vô cú, hay biết vô cỷ, gồm bao lại mọi ſự lành, mọi ſự tốt ở mình, [p] mà chẳng có gì bao được mình, cũ chẳng có tưởng được đi gì hơn côi rễ đầu nầy: [q] mà tính vô cỷ nầy, và phép thể nào, chẳng có mẹ nào dưới đức Chúa blời mà ſuy đến, [r] có một đức Chúa blời cho ta ſáng bề tlên, thì mới được. [ſ] Mà ſáng ấy thì có hai: [t] một là ſáng lấo tin đức Chúa blời, khi ở thế nầy ta biết đức Chúa blời và ſự về đức Chúa blời, vì có mlời đức Chúa blời giuảng ra: [u] dù mà còn mờ mờ ſbệy, và tlên mọi mẽ ta đến được: [x] lão le ſáng ấy là rứt thật, vì chưng có vịt mlời đức Chúa blời là thật nhứt. [y] Mà chẳng có ai nói đối được thật nhứt nầy, vì đã biết mọi ſự: [z] cũ chẳng có đối được ai, vì chưng là rứt lành, mà nói đối chẳng được. [a] Lại có ſáng khác

quod

*quod dicitur gloriæ,* [b] *quo intellectus creatus eleuatus & illuſtratus, clarè videt eſſentiam Diuinam ſicuti eſt:* [c] *hoc autem lumen gloriæ ſolùm datur beatis in æterna felicitate degentibus.* [d] *Si enim Regem Sinarum cùm in ſua Regia in pace degebat, nullus extra regiam intueri poterat,* [e] *multò minus Regem Regum intueri quis poteſt ſicuti eſt,* [f] *niſi prius ad ipſius cæleſtem Regiam peruenerit beandus in futuro ſæculo.* [g] *Ad hoc autem lumen gloriæ adipiſcēdum, dat nobis miſericors Deus in hac vita,* [h] *fidei lumen ſupernaturale, per quod firmiter & immobiliter aſſentimur reuelationi Diuinæ,* [i] *factæ viris Sanctis in Eccleſia Catholicà, & per illam nobis:* [k] *vt ſic per fidei lumen ambulantes in hoc ſæculo,* [l] *tandem perueniamus ad æternam*



gọi là, gloria, [b] mà tính naò hay mlẽ có chịu ſáng nấy thì lên đứng cao, và ſáng cho nên thấy mạt đức Chúa blời tỏ tưầng. [c] Saõ le những thánh tlên blời thì chịu ſáng nấy, mà ꞗui ꞗẻ đời đời. [d] Vì chưng nếu ꞗua Chúa đại minh đời xưa khi yen ổn, thì ở tlaõ đền, mà ngoãi đền chẳng có ai thấy được: [e] huống lọ đức Chúa blời, là ꞗua Chúa, tlên hết mọi ꞗua Chúa, chẳng có ai thấy được, [f] mà chẳng đến chịu phúc đời ſau tlên blời, ꞗui ꞗẻ đời đời ꞗệy. [g] Saõ le cho ta được ſáng, gloria nấy, đức Chúa blời nhin lành, thì cho chúng tôi ở thế nấy, [h] ſáng bề tlên, là làõ tin, cho ta tin thạt mọi mlời, [i] đức Chúa blời truyền cho người thánh tlaõ Eccleſia Catholica, cho đên ta, mà tin cho bền, chẳng dời. [k] mà ꞗệy ở thế nấy ta dữ mlời tin như ſáng ſoi cho ta; [l] mà đời ſau ta đên nơi hàng ꞗui ꞗẻ, vì cho

beat.

*beatitudinem, [m] in qua per lumen gloriæ clarè videamus, quæ in hac vita firmiter credidimus, [n] quare ita certum habere debemus, quod fidei lumen docet, [o] vt nullo modo de vllo myſterio dubitemus, quamuis humana ratio ad illud non pertingat; [p] ſed de reuelatis à Deo, ac per Eccleſiam propoſitis, [q] certiores eſſe debemus, quam ſi oculis ea inſpiceremus, [r] quia oculus poteſt falli & hallucinari, [ſ] at Verbum Dei nullo modo falli, aut fallere poteſt.*

*[t] Primum itaq; myſterium ac præcipuum cui firmiter aſſentiri debemus, [u] circa ipſum Deum, eſt quod quãuis Deus ſit vnus in eſſentia, [x] eſt tamen Trinus in Perſonis, atque ideò vocatur Sanctiſſima Trinitas, Pater, & Filius, & Spiritus ſanctus. [y] Pater enim eſt Deus, & Filius eſt Deus,*



ſáng gloria, [m] mà thấy được tỏ tưẫng, đều naò ta còn ở thế nầy đã tin ꞗứng ꞗàng. [n] Vì ꞗệy hễ là đều naò bởi ſáng tin, mà truyền cho ta, thì ta phải lếy làm thạt, [o] mà chẳng nên hồ nghi đều gì ſốt, dù mà trí người ſuy chẳng đến: [p] mà lại hễ là mlời đức Chúa blời nói ra, mà thánh Eccleſia truyền cho ta, [q] thì ta phải lếy làm thạt hơn con mắt xem: [r] vì chưng có khi thì con mắt dối ta, [ſ] ſaõ le đức Chúa blời chẳng chịu được ai dối mình, cũ chẳng dối được ai.

[t] Ếy ꞗệy mà đều nhít, và cả tlaõ kinh đức Chúa blời, ta tin được thạt, [u] mà nói đến ſự đức Chúa blời, vì chưng dù mà có một đức Chúa blời vì tính đức Chúa blời là một. [x] Saõ le thạt là ba ngôi, vì ꞗệy thì gọi là Sanctiſſima Trinidade là đức cha, và đức con, và đức Spiritus Sanctus; [y] vì chưng thì đức Cha, là đức Chúa blời, và

&

*& Spiritus Sãctus eſt Deus, [z] non tamen ſunt tres Dÿ, ſed tres perſonæ ſunt vnus Deus, vnus Dominus; [a] ita vt æternitas, immenſitas, ſapientia, potentia, bonitas, & iuſtitia infinitæ, [b] & omnia prorſus infinita ſint æqualiter in Patre, & in Filio, & in Spiritu ſancto, [c] quia eſt vna eſſentia, & maieſtas Patris, & Filÿ, & Spiritus Sancti: [d] quamuis tres perſonæ ſint inter ſe diſtinctæ: [e] nam Deus Pater eſt verè Pater, quia generat Filium ab æterno: [f] & Deus Filius eſt verè Filius, quia per generationem æternam procedit à Patre: [g] & Deus Spiritus Sanctus, eſt verè Spiritus Sanctus, [h] quia ſpiratur à Patre & Filio ab æterno per voluntatem: [i] cùm enim Deus Pater ab æterno ſeipſum cognoſcat, & adæ-*

đức Con, cũ là đức Chúa blời, và đức Spirito Sancto, cũ là đức Chúa blời ꞗệy: [z] ſaõ le chẳng phải ba đức Chúa blời, thật là ba ngôi, cũ là một đức Chúa blời. [a] Mà hàng có vô cũ, mọi nơi mọi có vô cũ, hay biét vô cũ, phép tác vô cũ, lào lành vô cũ, coũ bàng vô cũ, [b] mọi ſự vô cũ làm ꞗệy, cũ ở đức Cha, và ở đức Con, và ở đức Spirito Sancto, cũ bàng nhau, [c] vì chưng cũ một tính, một tòà, và đức Cha, và đức Con, và đức Spirito Sancto; [d] dẫu ba ngôi thí khác nhau: [e] vì chưng đức Chúa blời là đức Cha, thật la Cha, vì đẻ ra Con hàng vô cũ ꞗệy: [f] lại đức Chúa blời là đức Con thật là Con, vì có Cha đẻ hàng vô cũ ꞗệy: [g] mà lại đức Chúa blời là đức Spirito Sancto; thật là Spirito Sancto, [h] vì chịu thoũ ra hàng vô cũ bởi đức Cha, và bởi đức Con yêu nhau ꞗệy. [i] Vì chưng đức Chúa blời là đức Cha hàng biét bọc blọn tính

S *quatè*

*quatè comprehendat,*[k] *producit Verbum, ſeu imaginem ſui ipſius,*[l] *eique totam ſuam eſſentiam communicat, ita vt ſit æqualis Patri, & eſt verè Filius:*[m] *cùm tamen audis Filiũ, ne putes opus ibi fuiſſe matre,*[n] *vt in humanis generationibus:*[o] *Deus enim Pater eſt verè puriſſimus Spiritus,*[p] *qui ſe ſolo, & per ſuum intellectũ, abſq; vlla corporis admixtione perfectiſſimã ſui imaginẽ generat.*[q] *Exemplum quamuis imperfectũ ſume de limpido aliquo ſpeculo,*[r] *in quo faciei noſtræ perfectam imaginem producimus,*[ſ] *quæ noſtras omnes delinationes repræſentet:*[t] *ſic Deus Pater in eſſentia ſua, tanquam in ſplendidiſſimo ſpeculo, ſeipſum contemplans,*[u] *perfectiſſimam ſui ipſius imaginem producit,*[x] *cui totam ſuam eſſentiam neceſſariò communicat,*[y] *&*



mình vô cữ;[k] mà ſinh ra ảnh thiêng mình, hay là mlời vô cữ,[l] mà thoũ ra blót tính mình, cho ra đức Con, cả bàng đức Cha, mà thạt là Con:[m] ſaõ le khi nghe tiếng Con chớ nghờ là có dữ mẹ naò đâu,[n] như thể khi ſinh ra người ta;[o] vì chưng đức Chúa blời là đức Cha, thạt là tính thiêng liêng rứt tinh ſạch,[p] mà một mình có hay biét vô cữ, thì ſinh ra ảnh mình rứt khéo, mà chẳng có lộn gì ſự xác đêy.[q] Nói thí dụ ſự hèn ꞗệy, như thể cái gương naò ſạch,[r] mà tlaõ gương êy thì ra hình tượng mạt ta,[ſ] như vẻ mọi ſự ở mạt ta tỏ tường ꞗệy:[t] mà đức Chúa blời là đức Cha, xem thấy tính thiêng liêng mình, như gương rứt ſáng,[u] ꞗệy thì để ra anh mình rứt khéo rứt ſáng,[x] mà tự nhien thì thoũ ra blót tính mình cho ảnh êy,[y] mà đức ảnh êy là đức Mlời đức

bac

*hæc imago eſt verbum Dei æternum,* [z] *& verè Filius Dei, conſubſtantialis Patri,* [a] *eique coæternus, & verus Deus, æquè ac Pater.*

[b] *Rurſus Pater amore æterno proſequitur Filium, & ita Filius Patrem,* [c] *& hic Amor æternus, mutuuſque Patris & Filij, dicitur Spiritus Sanctus,* [d] *& eſt verus Deus à Patre Filioque procedens,* [e] *quia totam eſſentiam Diuinam Spiritus Sanctus accipit à Patre & Filio,* [f] *eſtque vnus verus Deus, ſimul cum Patre & Filio,* [g] *conſubſtantialis & coæternus Patri & Filio:* [h] *& hæc eſt Sanctiſſima Trinitas Pater & Filius & Spiritus Sanctus,* [i] *vnus verus Deus in eſſentia, & verè Trinus in perſonis,* [k] *fontalis origo, & radix,*



Chúa blời hàng có ꞗệy, [z] thạt là đức Con, cũ một tính thiêng liêng vô cũ ꞗối đức Cha, [a] mà hàng có ꞗệy cũ đức Cha, thạt là đức Chúa blời, bàng đức Cha ꞗệy.

[b] Lại đức Cha thì yêu đức Con, hàng hàng, đời đời ꞗệy, mà đức Con cũ yêu đức Cha như ꞗệy, [c] sự đức Cha, cũ đức Con yêu nhau vô cũ làm ꞗệy, gọi là đức Spirito Sancto, [d] thạt là đức Chúa blời, mà ra bởi đức Cha, cũ bởi đức Con, [e] vì chưng đức Cha cũ đức Con, thì thoũ ra blót tính đức Chúa blời cho đức Chúa Spirito Sancto, [f] vì ꞗệy đức Chúa Spirito Sancto, cũ là một đuc Chúa blời cũ đức Cha, và cũ đức Con, [g] cũ một tính thiêng liêng, mà hàng có ꞗệy đới đời cũ đức Cha, và cũ đức Con: [h] ꞗệy là Sanctiſſima Trindade là đức Cha, và đức Con, và đức Spirito Sancto, [i] cũ một đức Chúa blời, lá một tính, mà thạt thì có ba ngôi, [k] là can nguền, và cội

*primumque Principium, atque vltimus Finis rerum omnium creatarum.* [x]

[l] *Hoc primum Myſterium verè Deus ipſe Sanctis reuelauit;* [m] *& per ſanctos ſuos nobis credendum propoſuit,* [n] *vt ipſius gratiam poſſimus in hac vita conſequi,* [o] *ita vt adulti accedentes ad Baptiſmum niſi credant illud firmiter, tanquam infallibile, atq; à Deo reuelatum,* [p] *peccatorum remiſſionem conſequi non poſſint:* [q] *imò niſi qui Baptiſmum miniſtrant, illud in ſuis verbis adhibeant,* [r] *remittere peccata, vel Baptiſimi gratiam conferre non poſſunt:* [ſ] *ſufficit tamen illud abſq; vlteriori inquiſitione credere,* [t] *nam intellectus noſter in hac mortali vita, eſt puſillus,* [u] *ſeipſum, aut animam ſuam capere non poteſt, quæ finita eſt:* [x] *multò minus infinitam Dei eſſentiam, & proprietates*



tễ đầu mọi ſự, và mọi ſự thì về mọt đức Chúa blời.

[l] đều nhứt nầy thạt là bởi đức Chúa blời nói ra cũ người thánh, [m] mà lại người thánh truyền cho ta tin, [n] mà ꞗệy ta được *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời ở thế nầy: vì ꞗệy hễ là ké đã khôn, mà đến chịu phép rửa tội, ví bàng chẳnh tin thạt đều nầy, như mlời đức Chúa blời, chẳng hay ſai, [p] chịu tha thội thì chẳng được. [q] mà lại ví bàng ai làm phép rửa tội, mà chẳng lấy thạt, và blọn đều nầy khi đang làm phép, [r] thì rửa tọi chẳng được, mà cho *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, cũ chẳng được: [ſ] ſaố le ai tin thì ꞗừa, mà chẳng khá lốên mlẽ nữa: [t] vì chưng trí ta, khi còn ở thế gian nầy, thì thấp hén, [u] mà biết ſự minh cho hết, hay là ſự linh hồn minh, dù cò cũ, cũ chẳng được cho hết: [x] buầng chi tính

illi

*illimitatas capere poterit.* y *Olim Sanctus Auguſtinus de ineffabili Sanctiſſimæ Trinitatis Myſterio viginti quatuor conſcribebat libros:* z *cumque aliquando ſolus in maris litore ambulans,* a *de Diuino hoc Myſterio cogitaret, vt illud clarius exponere poſſet,* b *Angelum vidit ſub ſpecie pueri, & in litore ſedentem,* c *foueamque paruulam effodientem, in quam effundebat aquam è mari, cum paruo conchilio hauſtam:* d *illum igitur interrogat Sanctus vir, ò puer quidnam ibi facis?* e *Reſpondet Angelus ille: ſe verò maris aquam haurire, & in foueam illam infundere, vt exhauriretur mare.* f *Tum Sanctus ad Angelum, quem puerum putabat:* g *Nonne vides, inquit, foueam eſſe adeò exiguam,* h *quomodo ergo immenſũ mare capere*



thiêng liêng vô cữ, và mọi ſự vô cữ, ở đức Chúa blời, biét cho hết chẳng làm chi được. y đời xưa một oủ thánh, tên là Auguſtinus, giảng ra đều rứt nhiệm là ſự một đức Chúa blời ba ngôi, mà làm ra hay mươi bốn kinh những đều ếy: z có ngày naò ở một minh, mà đi đi lại lại tlên bảy cát biển, a và một lõện ſự một đức Chúa blời ba ngôi làm ſao, mà giảng ra cho tỏ: b khi ếy coi thấy đức thánh thien thần, biện xuống, lếy hình con tlẻ, ngồi ở nơi bảy ếy, c mà làm lỗ nhỏ, đoạn thì lếy ꞗỏ hau múc nước biển, ꞗèao lỗ ếy. d Oủ thánh Auguſtinus hỏi ràng, ở thàng bé kia làm chi đếy? e Thien thần ếy thưa ràng, tôi lếy nước biển đổ ꞗèao lỗ nầy cho cạn biển, f oủ thánh nói cũ thien thần, ngỡ là con tlẻ, mà ràng: g ſao chẳng thấy lỗ thì nhỏ lắm, g h mà đổ cho hết nước biển rồu làm ꞗệy lạm. h

*pote-*

*poterit? [i] Tunc ſubridẽs Angelus, ait; Tuus intellectus quantulus eſt, [k] vt infinitum atque incomprehenſibile beatiſſimæ Trinitatis Myſterium capere poſſit? [l] His dictis diſparuit puer: intellexitque Sanctus vir fuiſſe, non puerũ, vt apparebat, [m] ſed Sanctum Angelum à Deo miſſum, vt illum moneret, [n] inſcrutabilia Diuinitatis Myſteria, ſupra captum noſtrum non eſſe curioſius perſcrutanda, [o] ſed cum humili veneratione credenda, in hac vita, dum per fidem ambulamus, [p] donec dies nobis æternitatis illuceſcat, [q] & per lumen gloriæ beatiſſimam Trinitatem clarè videamus in cælo ſicuti eſt. [r] Sic faciens beatus vir gloriam, nempe claram Sanctiſſimæ Trinitatis viſionem adeptus eſt, iam à mille & amplius annis: [ſ] ita & nos, viri ſancti*

*vesti-*



[i] ſao được? [i] Bấy giờ thien thần làm hình cười, ràng; lảǒ oũ là [k] bao mlớn, [k] mà ước cho biết tỏ đều chẳng cữ, và rất ſâu nhiệm‿, là một đức Chúa blời ba ngôi, gọi là rất thánh Trindade, làm chi được? [l] con tlẻ nói làm ꞗệy đoạn thì biến đi, mà oũ thánh Augustinus đã hay, chẳng phải con tlẻ, như [m] hình ngoǎi thấy, [m] thật là đức thánh thien thần, đức Chúa blời ſai, bảo [n] oũ thánh ẽy, [n] ſự đức Chúa blời ſâu nhiệm‿, ta ſuy chẳng đến, chẳng khá lǒên hơn ſức ta‿, [o] mà ta khiem nhường còn ở thế nầy kính, và [p] tin, mà noi giữ ꞗệy, [p] cho đến ngày vô cữ đời [q] ſau ſáng ra, [q] mà được ſáng gloria cho thấy Sanctiſſima Trindade tỏ tưởng thật ꞗệy tlên blời. [r] Mà oũ thánh Augustinus làm thế ẽy, đã chịu được gloria, ꞗệy xem tỏ tưởng Sanctiſſima Trindade, đã hơn một nghìn năm nay. [ſ] Mà ta làm

*veſtigijs inhærentes, [t] firmiter credamus nunc Diuinis reuelationibus, quamuis obſcuris, & ſupra captum noſtrum; [u] vt credita nunc, in futuro ſæculo poſtea illa clarè poſſimus intueri.*

*[x] Alterum Myſterium prorſus ineffabile eſt Diuinæ Incarnationis, [y] cùm enim Omnipotens Deus hominẽ ad imaginem & ſimilitudinẽ ſuam creaſſet, [z] eumque gratia, & amicitia ſua nobilitaſſet, in ſtatu innocentiæ, [a] & per inuidiam diaboli in peccatum miſerabiliter corruiſſet; [b] per quod ipſe cum tota hominum progenie, non ſolum corporis mortem, [c] ſed etiam damnationem æternam meritus fuerat, [d] incurrendo in offenſionem Dei, per violationem Diuini præcepti. [e] Miſericors Deus humano generi remedium per ſeipſum dare ſtatuens, [f] præſtituto*



đầy theo chên, bắt chước oũ thánh ấy, [t] bây giờ ta tin thật mlời đức Chúa blời truyền cho, dầu mù đầy, mặ tlên trí ta. [u] Vì ta tin bây giờ, đời ſau thì được thấy tỏ tưẫng.

[x] Có đều khác nữa, mlời nói chẳng đên, là đức Chúa blời ra đời kóu thể: [y] vì chưng khi đức Chúa blời phép tác vô cữ, đã ſinh nên người, làm ảnh tượng đức Chúa blời, [z] lại cho *gratia*, là nghĩa cữ đức Chúa blời, cho trạõ, khi chưa có tội gì: [a] mà bởi ma quỷ ghen ghét người ta, thì người ta phạm tội khốn nạn, [b] cho nên oũ Adam, cữ cả và lõài người ta, chẳng những là phải chết xác, [c] mà lại đáng chịu tội đời đời, [d] vì đã mất lảõ đức Chúa blời, khi đã phạm mlời đức Chúa blời rặn. [e] Mà đức Chúa blời nhin lành, khiến chữa lõài người ta, mà mình khiến làm việc ấy, [f] đến ngày đã

*tempo-*

*tempore humanam naturam aſſumere dignatus eſt, [g] ſicuti ante promiſerat per prophetas ſuos. [h] Cum igitur ad hoc præcellens opus perficiendum Iudæorum regnum elegiſſet, [i] quod ſolum in vniuerſo orbe Diuinam profitebatur legem: [k] & eo in Regno, Dauidi Regi, & Prophetæ iam promiſiſſet, [l] ſe de ipſius ſtirpe naſciturum. [m] Cùm iam mille circiter anni ab hac promiſſione fluxiſſent, [n] viuebant in Iudæorum regno coniuges duo, ætatis iam grandæua, Deo valde grati, [o] quorum nomina erant Ioachim, & Anna, ex progenie Dauid, [p] qui tamen prole carentes, quamuis Diuinæ Legis obſeruantiſſimi, [q] contemnebantur etiam à ſacerdotibus, [r] cùm ſua munera iuxtà Legis præſcriptum, ad Templum deferebant, [ſ] quod illis doloris*



định thì lếy tính người mà làm một cữ, [g] như mlời đức Chúa blời, dã nói hứa đời tlước, cho kẻ đã chịu ſấm truyền. [h] ếy ꞗệy mà đức Chúa blời đã chọn nước Iudæa, mà lắm việc traố ếy, [i] vì chưng cả và thien hạ có một nước Iudæa theo đạo thánh đức Chúa blời: [k] lại có ꞗua Chúa nước ếy, tên là oũ Dauid, đức Chúa blời đã nói hứa cữ, [l] ngày ſau có ſinh đẻ, ra đời, tlaố con cháu oũ ếy. [m] từ mlời hứa nẩy, khi đã qua một nghìn năm dồ, [n] có hai ꞗợ chàố đã già cả, đẹp laố đức Chúa blời lắm, [o] tên là oũ Ioakim, bà Anna, chính dàố họ oũ Dauid, [p] ſaố le chẳng có con, dầu giữ đạo hết ſức, [q] mà kẻ làm thầy ở nước ếy, thì cứ chê hai oũ bà, [r] khi đam của cữ đức Chúa blời, tlaố đền thánh, chưng phép mlời răn, [ſ] mà lại oũ bà vì ſự

non

*non exigui cauſa erat:* [t] *nihilominus voluntati Diuinæ ſeſe integrè committentes, orationi inſtabant.*

[u] *Sanctos itaque coniuges exaudiens Deus, verè pius, & miſericors,* [x] *qui illos præelegerat, vt ex eorum, vtpote Sanctorum, prole Sanctiſſima* [y] *in mundum Redēptor adueniret:* [z] *miſit ad eos Sanctum Angelum, qui felicem illis filiam prænunciaret,* [a] *quæ Deo foret gratiſſima, ſupra omnes puras creaturas, etiam angelicas;* [b] *quam nimirum elegiſſet Deus ipſe, vt ex illa carnem aſſumeret,* [c] *tanquam ex vera Dei Matre, & Virgine vocareturq; Maria.* [d] *Hoc læto nuntio accepto Sancti coniuges, humillimas Deo pro viribus gratias agentes,* [e] *filiam virginitatis florem genuerunt,* [f] *abſq; vlla etiam peccati labe originalis conceptam, ſicut multi Doctores tenent,* [g] *vtpote*



ếy lo láng gia giết, [t] ſaõ le phú mọi ſự mình mạc ơn đức Chúa blời, mà cầu khẩn lien.

[u] ꞗệy mà đức Chúa blời thạt làõ nhin lành, [x] khi đã chọn hai oũ bà ếy, là thánh, cho đẻ con gái rứt thánh, [y] mà đức Chúa blời dẽọn ra đời, choậc tội, bởi rứt thánh con gái ếy. [z] Mà ſai đức thánh thien thần đến cữ, giuãng tin lành, là có ſinh đẻ con gái, [a] đẹp làõ đức Chúa blời, hơn mọi ſự đức Chúa blời ſinh, cũ hơn các đức thánh thien thần nữa: [b] vì chưng đức Chúa blời đã chọn, mà bởi đếy lếy mình người, [c] thạt làm Mẹ đức Chúa blời, và đòũ thần, đạt tên là Maria. [d] Hai oũ bà chịu tin lành làm ꞗệy, càng khiem nhường, và cám ơn đức Chúa blời hết lãõ, [e] mà ſinh đẻ con gái, là hõa đòũ thần, [f] cũ chẳng có phải tội gì oũ Adam truyền cho, như dều người thánh lũân, [g] vì

*in ſuam Genitricem Deus, in mundum venturus humani generis reparator, iam ante ſæcula præelegerat.* [h] *Nata ergo illis eſt beatiſſima ſemper Virgo Maria Dei Genitrix futura;* [i] *& à pijs parentibus triennis in templo eſt præſentata,* [k] *quæ rationis vſum præueniens totam ſe Deo etiam per Virginitatis perpetuæ votum conſecrauit,* [l] *& in templo cum alijs Virginibus manſit, omni virtutum genere* [m] *alijs prælucens, in domo Domini, vſque ad decimum quartum ætatis annum.* [n] *Cùm autem Virgines ad eam ætatem peruenientes ſponſis traderentur,* [o] *per voluntatem Dei tradita eſt beatiſſima Virgo Sanctiſſimo viro, æquè ac nobiliſſimo,* [p] *Ioſeph dicto, qui nimirum & ipſe erat de domo Regis Dauid,* [q] *quamuis pauper, fabri li-*



chưng đức Chúa blời đã chọn lẽy làm Mẹ mình, từ tõan ra đời chuộc tội cho lõài ngưới ta, khi chưa có thế giái nầy. [h] ꞗệy thì hai oú bà để ra con, là rứt thánh đức Chúa Bà Maria, blọn đời đòú thân, đã định ngày ſau làm Mẹ đức Chúa blời; [i] khi đã nên ba tuẽi, cha mẹ thì đam đi đền thánh, cứ đức Chúa blời: [k] khi ẽy rứt thánh đức Chúa Bà đã có chúa í mình, mà từ ẽy đã khẫn cữ đức Chúa blời giữ blọn đời đòú thân: [l] lại ở tlaõ đền thánh, ꞗối con gái đòú thân khác, giữ phép mọi nhin đức, [m] cho kẻ khác bắt chước, tlaõ nhà đức Chúa blời, cho đến mười bốn tuẽi. [n] Mà khi con gái naò đến tuẽi ẽy, thì quen gả chaõ cho, [o] ꞗệy có í đức Chúa blời, mà các thày tlao rứt thánh đòú thân cho người rứt thánh, và rứt trạõ, [p] ten là oú Ioſeph, cữ là dòõ dối ꞗua Chúa Dauid, [q] dẫu khó khân,

*guarij artem exerceret.* [r] *Datus eſt autem à Deo Beatiſſimæ Virgini talis ſponſus, antequam filium Deum conciperet,* [s] *qui eſſet Beatiſſimæ Virgini quàm ſimillimus, vtpote qui etiam Virginitatem colebat;* [t] *tum vt eſſet Virginitatis immaculatæ ſponſæ cuſtos, atque teſtis fideliſſimus:* [u] *tum ſecundo ne Beatiſſima Virgo, paulò poſt Diuinitùs grauidanda,* [x] *lapidaretur à Iudæis, ſi abſq; ſponſo appareret grauida:* [y] *tum vt in peregrinationibus, quas inter Ethnicos poſteà ſuſceptura erat,* [z] *ſponſum iuſtiſſimum haberet pro ſolatio:* [a] *Denique vt partus eius celaretur diabolo, qui putaret non de Virgine, ſed de coniuge ſuſceptum.* [b] *Itaque Beatiſſima Virgo Nazareth à Sanctiſſimo Ioſeph ſponſo ducta,* [c] *dies, noctesque orationi vacans, ſuſpiria in cælum, gemituſque continuò mittebat, iuxtà morem antiquorum Pa-*



mà làm thợ mọuc. [r] đức Chúa blời cho rứt thánh đòú thân chàō ấy, khi chưa có chịu thai, mà đẻ Con, là đức Chúa blời, [s] vì cũ bắt chước rứt thánh đòú thân, mà đã tŏan giữ blọn đời đòú thân ꞗệy; [t] để giữ, và làm chứng ꞗợ mình đòú thân ſạch sẽ, chẳng có ŏế gì sốt [u] Lại cho keó, khi rứt thánh đòú thân đến ſau, bởi phép đức Chúa blời có chịu thai, [x] mà chẳng có chàō, người Iudæo thấy thì ném đá, cho đến chết. [y] Mà lại khí đến ſau rứt thánh đức Chúa Bà phải đi ngŏài cŏấc, tlaō kẻ vô đạo, [z] có chàō nhin đức đi cũ, mà an ủi ꞗệy. [a] Sau nữa cho ma quỉ chẳng hay Con đức Chúa Bà đẻ ra đòú thân, ngờ bởi chàō mà đẻ Con ra, [b] ſấy ꞗệy mà oú thánh Ioſeph thì đam rứt thánh đòú thân về thành Nazareth, [c] mà đêy đêm ngày hay một

*trum,* [d] *humano generi, lapſo in peccatum, Redemptorem petens,* [e] *maximè cùm benè noſſet (ex prophetarum libris, quorum lectioni continuò vacabat)* [f] *iam inſtare tempus redemptionis noſtræ:* [g] *cùmque quadam nocte prophetiam fortè legeret in qua dicitur.* [h] *Virgo conceptura, & paritura filium, cuius nomen Emanuel,* [i] *magis incenſa deſiderio videndi talem Virginem, atque ei famulandi:* [k] *Deum enixiùs & ardentiùs rogabat, vt aduenire dignaretur.* [l] *Simile quoque erat beatorum ſpirituum deſiderium,* [m] *& oratio ad Deum, pro generis humani remedio.* [n] *Ergo benigniſſimus Dominus cogitationes pacis cogitans,* [o] *vnum è ſeptem primis Principibus, Gabrielẽ Archangelũ,* [p] *legatum deſtinat ad Beatiſſimam Virginem Mariam,*

cầu khẩn, khaóc laóc, như các thánh đời xưa, [d] xin ai kớu lễy lŏài người ta, đã phạm tội, [e] vì cữ đã hay (bới kinh oú thánh, đã chịu sấm truyền chép ra, mà mình thì đaọc lien) [f] đã gần ngày đức Chúa blời khién kớu chúng tôi. [g] mà có đêm naò, âu là có đaọc tlaố sấm truyền đều nói ràng: [h] có đến ngày đấn bà đòú thân chịu thai, và ſinh đẻ con, gọi tên là Emanuel: [i] càng ước cho thấy đấn bà đòú thân ếy, mà làm tôi tá, giữ việc nhà cho người thánh ếy: [k] càng cầu lám cữ đức Chúa blời, xuống đến cữ chúng tôi: [l] mà đức thánh thiện thần tlên blời, cữ ước như ꞗệy, [m] và cầu cữ đức Chúa blời, kớu lễy lŏài người ta. [n] Khi ếy đức Chúa blời nhin lành, mà lo những ſự an lành, [o] tlaố bảy thien thần cả thì chọn một, tên là đức thánh Gabriel, [p] mà ſai cho rứt thánh đức Chúa bà Maria

am,

*am, qui ei nuntiet,* [q] *ipſam à Deo electam, vt mediatricem, ad redemptionis humanæ Myſterium peragendum:* [r] *cùm enim Deus Pater ſic dilexerit mundum, vt Filium ſuum Vnigenitum dare decreuerit, ad redemptionem mundi,* [s] *ad quod Diuinum opus perficiendum, Filius Dei humanam ſit aſſumpturus naturam in vna perſona.* [t] *Ipſa Beatiſſima Virgo electa eſt à Sanctiſſima Trinitate, vt ſit vera Dei genetrix,* [u] *vtpote ex cuius carne carnem eſſet aſſumpturus Vnigenitus Dei Filius verus Deus.* [x] *Commiſſam igitur legationem libentiſſimè ſuſcipiens Sanctus Gabriel,* [y] *ſtatim è cælo in Nazareth in domunculam Beatiſſimæ Virginis Mariæ aduolauit,* [z] *eamque acceptis à Deo verbis humillimè ſalutauit, & dixit:* [a] *Aue gratia plena*



đòú thân, đam tin xuẫng ràng: [q] đức Chúa blời đã chọn người, mà giúp việc kóu lŏài người ta, [r] vì chưng khi đức Chúa blời, là đức Cha, yêu thế chừng ẩy, cho đến định phú một đức Con mình làm việc kóu thế, [s] mà cho nên ſự ẩy, thì đức Con Chúa blời lẩy tính người, làm một ngôi cũ. [t] Mà Sanctiſſima Trindade có chọn rứt thánh đòú thân, cho nên Mẹ thật đức Chúa blời, [u] vì chưng một Con đức Chúa blời, thật là đức Chúa blời, lẩy thịt mình bởi thịt người mà chớ. [x] ꞗậy thì đức thánh Gabriel chịu mlời đức Chúa blời ſai hết lòng, [y] tức thì bởi blời mà xuẫng đến thành Nazareth, ꞗĕào nhà chật hẹp rứt thánh đòú thân đức Chúa Bà Maria, [z] lẩy mlời đức Chúa blời, mà khiem nhuẫng chào ẩy ràng: [a] đức Chúa blời phù họ cho

*Domi.*

*Dominus tecum, benedicta tu in mulieribus.*[b] *Hăc ſalutationē ſupremis laudibus plenam, audiens humilitatis plena Virgo expauit,*[c] *& ſecum tacita cogitabat qualis eſſet iſta ſalutatio.*[d] *Tunc Angelus ei reſpondens ait:*[e] *ne timeas, Maria, inueniſti enim gratiam apud Deum.*[f] *Tu ipſa concipies & paries filium, & vocabis nomen eius Ieſum.*[g] *Hic erit magnus, filius altiſſimi vocabitur, & regni eius non non erit finis.*[h] *His auditis ſapiētiſſima Virgo tantò magis timuit,*[i] *votumque Virginitatis, quod ab ipſa infantia emiſerat, proponens, ait:*[k] *quomodo fiet iſtud, quoniam virum non cognoſco?*[l] *Cui ſtatim ſatisfaciens Angelus; diuini Spiritus boc opus fore aſſeruit,*[m] *atque ita nullo modo violandam, ſed potius confirmandam Virginitatem*



bà đầy *gratia*, đức Chúa blời ở cũ Bà, nữ trũ Bà có phúc lạ. [b] mlời chào traõ làm ꞗệy, và những đều khen rứt cao, đức Chúa Bà nghê thấy, thì khiem nhuầng mà ſợ, [c] và ở lạng, lo lại mlời chaò ấy làm ſao. [d] Khi ấy đức thánh thien thần thưa lai ràng, [e] Lạy đức Chúa Bà Maria chớ lo làm chi, vì đức Chúa Bà đã đước *gratia*, đã đẹp lào đức Chúa blời, [f] mà đức Chúa Bà sẽ chịu thai và ſinh con, gọi tên là Ieſu, [g] ấy là người cả, gọi là đức Con đức Chúa blời, làm ꞗua Chúa đời đời chẳng cữ. [h] đức Chúa Bà, là đòũ thân rứt khôn, nghe đều ấy, thì càng ſợ hơn nữa, [i] mà tó ra mlời mình khán, hứa đòũ thân khŏ ở bé, ráng: [k] ſự nầy làm thể naò, vì tôi chẳng biét đần oũ. [l] Mà đức thành thien thần giải đều ấy, ràng: việc nầy là việc đức Chúa Spirito Santo; [m] vì ꞗệy chớ lo là hư đòũ thân, mà lại càng

nitatem

*nitatem, [n] quia non eſt, inquit, impoſſibile apud Deum omne Verbũ. [o] Matrem enim Virginem non decebat parere niſi Deum: [p] neq; Deum decebat naſci niſi ex Virgine. [q] Audiens talia Beatiſſima Virgo in profundo humilitatis colligens ſeſe, [r] atque Diuinum acceptans donum, cùm Mater eligeretur, reſpondit: [ſ] Ecce ancilla Domini, fiat mihi ſecundum Verbum tuum. [t] Atque eo ipſo momento, quo Virgo Beatiſſima optatiſſimum hoc reſponſum protulit, [u] virtute Spiritus Sancti concepit Filium, [x] nam è puriſſimo eius ſanguine, atque in eius vtero formatum eſt, atque organizatum humanum corpuſculum perfectiſſimum, per omnipotentem virtutem Dei, [y] ac ſimul creata eſt à Deo anima rationalis perfectiſſima, omnibuſque Dei donis do-*



bển hơn nữa, [n] vì chưng ràng, chẳng có đều gì, mà đức Chúa blời chẳng được. [o] vì mẹ đòũ thân chẳng khá ſin ai, mà chẳng phải đức Chúa blời; [p] lại đức Chúa blời có ra đời, chẳng khá để ra bởi mẹ chẳng đòũ thân: [q] rứt thánh đòũ thân nghe mlời làm ꞗệy, càng khiem nhưẫng ſâu lám, [r] mà chịu lễy ơn đức Chúa blời, khi đã chọn mình làm Mẹ, mà thưa ràng: [ſ] ễy tôi là toi tá đức Chúa blời, tôi ꞗưng mlời, đức thánh thien thần đem cho tôi. [t] Khi rứt thánh đòũ thân thưa đều thien hạ ước, bóũ chóuc, [u] bởy phép Spirito Santo chịu thai con, [x] vì chưng phép vô cữ đức Chúa blời, có lễy mấu rứt tịnh đức Chúa Bà, mà tlaõ thai thì ſinh xác người nhỏ mà blọn ꞗệy, [y] một chóuc ễy đức Chúa blời cữ ſinh ra một linh hồn, có mọi nhin

tata

*tata: [z] ſimulque per maximum miraculum, quod Deus vnquam fecit, vel facturus eſt, [a] vnita ſunt nodo indiſſolubili vnionis hypoſtaticæ cum perſona Filij Dei, [b] ita vt eo ipſo momento, idem verus fuerit Deus & verus homo: [c] verus quidem Deus, quia eſt verus Filius Vnigenitus Dei Patris, & Patri conſubſtantialis; [d] & verus homo ex anima rationali, & ex humana carne compoſitus, [e] veruſque Filius perpetuæ Virginis Dei Genitricis Mariæ: [f] eſt tamen vnus Chriſtus, quia in vna perſona Verbi ſubſiſtit verus Deus, & verus homo. [g] In primo inſtanti in quo creata eſt benedicta Chriſti Domini anima, [h] fuit ornata præclariſſimis donis, quæ debebantur hypoſtaticæ vnioni,*

đức, và phép đức Chúa blời, [z] mà lại đức Chúa blời làm phép cả, tlên hết mọi phép xưa nay, cho đến hết thế, [a] vì chưng đức Chúa blời buộc lại và xác, và linh hồn ấy, cũng ngôi thứ hai, là Con đức Chúa blời mà chẳng có dứt được khi naò, [b] cho nên chóuc ấy cũ một ngôi thật là đức Chúa blời, cũ là thật người. [c] thật là đức Chúa blời, vì thật là bui một đức Con đức Chúa blời là Cha, và một tính thiêng liêng cũ. [d] cũ là thật người, vì có linh hồn, và xác người, làm một cũ nhau, [e] thật là Con đức Chúa Bà, blọn đời đồu thân, làm Mẹ đức Chúa blời, [f] ſaõ le có môt Chriſto mà thoi, vì chưnh và đức Chúa blời, và người cũ là một ngôi thứ hai là đức Con đức Chúa blời mà chớ. [g] đến khi đức Chúa blời hoà ra rứt thánh linh hồn đức Chúa Ieſu Chriſto, một chóuc, [h] thì có đầy những phúc lạ, vì đã hộp lại, làm một cũ đức Con đức Chúa blời,

[i] *ſtatim*

[i] *ſtatim enim habuit claram Dei viſionem, longè perfectiorem quàm omnes Angelici Spiritus,* [k] *& quàm omnes Sancti aliquando ſint habituri:* [l] *habuit etiam beatiſſima illa Chriſti anima ſcientiam rerum omnium futurarum comprehẽſiuam,* [m] *ac multarum rerum, quæ nunquam erunt;* [n] *hoc enim ſpectabat ad perfectionem Sanctiſſimæ illius animæ.* [o] *Cùmque Chriſtus Dominus, in illo primo ſuæ creationis inſtanti, ſe noſſet Redemptorem humani generis conſtitutum à Deo Patre,* [p] *ſe ſtatim obtulit ad ferendam mortem pro ſalute hominum, cum omnibus cruciatibus,& opprobrijs, quæ illam concomitatura erant,* [q] *& quamuis animæ Deum clarè videnti deberetur corpus omninò impaſſibile,* [r] *multò magis quàm debeatur frigus aquæ, aut igni calor,*

[i] vì ꞗệy từ ểy cữ đã thấy mạt đức Chúa blời tỏ tướng, hơn các đức thánh thien thần, [k] cữ hơn các người thánh, ngảy ſau được thấy đức Chúa blời nữa. [l] Lại rứt thánh linh hồn đã biết blọn hết mọi ſựngày ſau có, dầu đến đời đời: [m] cứ biết tính dều ſự, dẫu chẳng khi naò ra mà có. [n] vì chưng hay biét bấy nhều ſự làm ꞗệy, thì phảy chức trọn rứt thánh linh hồn đức Chúa Ieſu. [o] Mà khi ểy đức Chúa Ieſu Chriſto đã hay, đức Chúa blời là đức Cha, đã định mình đức Chúa Ieſu, là chuộc tội cho lŏài người ta, [p] vì ꞗệy chóuc ểy thì phải mình chịu chết, cữ mọi ſự nạn, và dể mình, ngày ſau có chịu cho người ta được lành; [q] mà dầu linh hồn nào coi thấy mạt đức Chúa blời tỏ tướng, thì phải có xác thinh nhàn ꞗệy, [r] càng hơn có nước, thì phải lạnh, mà có lửa, [r]

 [s] *quia*

*f quia tamen pro nobis paſ-
ſurus erat, t per miraculum probibuit, ne dotes
illæ, per animam iam beatam, in corpus redundarent, u quæ illius pro nobis acerbiſſimam paſſionem,
aut mortem impedire poſſent. x Quin imò quamuis
ſuperior animæ pars iam eſſet beata, y cæpit tamen
ex illo primo inſtanti amariſſimum ſuæ paſſionis calicem, in inferiori animæ portione deguſtare: z ſtatim enim præuidit, & præ oculis mentis habuit, a non
ſolum quæ ipſe per totum ſuæ Sanctiſſimæ vitæ curriculum, vſque ad amariſſimam mortem paſſurus erat, b ſed etiam omnia peccata, quæ ab initio mundi facta fuerant, & quæ vſque ad mundi finem futura erant, c cum
maxima Diuinæ Maieſtatis læſione, d quæ omnia exhibita vt præſentia, eius Sanctiſſimæ mentis oculis,
e maximum pijſſimo eius cordi dolorem afferebant.*



tự nhiên thì phải náő: f ſaő le khi đức Chúa Ieſu đã tŏan chịu tội
vì chúng tôi, t có làm phép lạ, mà cấm lại mọi ſự ẽy, kẻo bởi linh hồn
mình thoũ ra ngŏài xác, u mà chịu nạn chịu chết chẳng được vì chúng
tôi: x mà lại dẫu phần linh hồn bẽ tlên đã ꞗui ꞗẻ thinh nhàn ꞗệy: y ſaő
le từ đầu hết ẽy, phần linh hồn vẽ bẽ dưới, thì đã nếm ſự đáng tŏan
chịu ngày ſau: z vì chưng một chóuc ẽy đã thấy, như tlước mặt, a chẳng
những mọi ſự mình tŏan chịu từ ſinh đẻ, cho đến chịu nạn, chịu chết,
b mà lại thấy hết mọi tội, từ đức Chúa blời hóa ra blời đất, cho đến
hết thẽ, có ai phạm tlước ſau, c lỗy phép đức Chúa blời lắm d mà mọi
tội ẽy, từ đầu hết ẽy, ở tlước mặt linh hồn rứt thánh đức Chúa Ieſu,
như thể có bẫy giờ, e mà làm cho nên lăő rứt nhim

[f] *Prӕterquam quod cernebat etiam omnium ſeruorum ſuorum, & Martyrum cruciatus, [g] à Tyrannis in eius odium infligendos: [h] reproborum quoque numerum penè infinitum, [i] qui eius pijſſimum amorem & merita contemnentes, in perpetuum interitum ruituri erant; [k] quӕ omnia quantùm pijſſimum Domini cor afflixerunt, [l] ab ipſo matris vtero, vel à primo Incarnationis inſtanti, [m] nulla pura creatura comprehendere poteſt, [n] ſicuti neque vlla pura creatura comprehendere poteſt, [o] eius ardentiſſimum amorem, tàm erga Deum Patrem, qui tàm impiè peccatis hominum offendebatur, [p] quàm erga homines, qui tanta mala patiebantur, ſiue in corpore, ſiue in anima.*



đức Chúa Ieſu lo buần ſàu não rứt mực. [f] Lại coi thấy, cử từ ĕy, mọi người thánh có nghĩa cứ, mà chịu hình khốn nạn, [g] bởi kẻ hủy báng, mà ghét đức Chúa blời: [h] cử thấy kẻ dữ, mà hư vô hồi vó số, [i] vì che rứt nhin nghĩa, và coű đức Chúa Ieſu, cho nên phải chết vô cữ. [k] mà coi thấy mọi ſự ĕy, làm kức lào rứt nhin đức Chúa Ieſu thể nào. [l] từ đức Chúa Ieſu ở tlaő thai đức Mẹ, hay lá từ đầu hết có, [m] tlaő mọi lŏài đức Chúa blời ſinh, chẳng có ai ſuy được cho hết mlẽ, [n] cử tlaő mọi lŏài ĕy, chẳng có ai biết được cho hết mlẽ, [o] linh hồn đức Chúa Ieſu có kính mến đức Chúa Cha là chừng nào, mà người ta phạm tội, lỗy nghĩa cứ đức Chúa Cha đã lám: [p] mà lại đức Chúa Ieſu yêu người ta thể nào, mà người ta chịu dều ſự khốn làm bệy, và ở xác, và nơi linh hồn nữa.

[q] *Igitur pijſſimus Redemptor, iam à Matris Virginis vtero Redemptoris officium exercens,* [r] *Matrē Sanctiſſimam impulit ad viſitandam Sanctam Eliſabetham cognatam ſuam;* [ſ] *iam ſenem, & in vtero geſtantem Ioannem præcurſorem ſuum,* [t] *qui adhùc in horrendis tenebris originalis peccati iacebat:* [u] *ſed domum Zachariæ ingreſſa Virgo Mater, Deo plena;* [x] *ſtatim ac ſalutauit Eliſabeth, Ioannes, adhùc in vtero incluſus, exultauit præ gaudio;* [y] *agnoſcens ſcilicet Deum Redēptorem ſuum, in vtero etiam Virginis Matris aduenientem,* [z] *qui eum ſtatim à peccati originalis macula liberauit,* [a] *gratiam ei, & amicitiam ſuam infundens, in primo ingreſſu;* [b] *manſit autem Beatiſſima Virgo Maria Domina noſtra menſibus tri-*



[q] ꞗếy ꞗệy mà đức Chúa Ieſu lão rứt nhin kóu thế, còn ở tlaõ thai đức Mẹ, mà đã làm viẹc chữa đời, [r] vì ꞗệy thì giouc lão rứt thánh đức Mẹ đi viếng Bà thánh Eliſabeth là họ hàng, [ſ] đã già cả; mà tlaõ thai có con, là oũ thánh Ioaõ, [t] ngày ſau có mở đàng tlước cho đức Chúa Ieſu, [t] mà bấy giờ hãy còn phải tội đầu hết oũ Adam truyền cho. [u] Saõ le khi đức Mẹ đòu thân ꞗĕào nhà oũ Zacharia, mà tlaõ thai có đam đức Chúa blời, [x] thì chào Bà thánh Eliſabeth, mà oũ thánh Ioaõ, dẫu tlaõ thai mẹ, bóu chóuc thì nhảy mầng, [y] vì đã nhìn đức Chúa blời kóu thế, cũ đến tlaõ thai đức Mẹ đòu thân, [z] mà một chóuc ꞗếy oũ thánh Ioaõ cũ đã chịu ơn khỏi tội oũ Adam truyén cho, [a] bởi đức Chúa Ieſu, khi mới ꞗĕào, thì cho *gratia*, và nghĩa cữ: [b] mà rứt thánh đòu thân Maria, là đức

*bus cum ſancta cognata*
*ſua; [c] procul dubio vt ei* c
*iam ſeni, & grauidæ mini-*
*ſtraret, & in partus mo-*
*leſtijs eam leuaret. [d] Re-* d
*uerſa verò Virgo Sanctiſ-*
*ſima in domũ ſuam, [e] iam* e
*apparebat in vtero habens*
*de Spiritu Sancto: [f] San-* f
*ctiſſimus verò ſponſus eius*
*Ioſeph myſterium ignorans,*
*[g] cum quidquam mali de* g
*ſponſa, quam vt Sanctiſ-*
*ſimam reuerebatur, ſuſpi-*
*cari non poſſet, [h] quàmuis* h
*ſummo amore ac reueren-*
*tia eam proſequeretur; [i] ti-* i
*mens tamen ne cum illa*
*manens in aliquam Dei*
*offenſam, contra legem ſan-*
*ctam incurreret, [k] voluit* k
*occultè dimittere eam, cum*
*maxima animi dolore,*
*[l] propter maximam mo-* l
*rum, ac virtutum ſimili-*
*tudinem; [m] qua ſimul an-* m
*gelicam puritatem ſupe-*
*rantes conuiuebãt: [n] ſepa-* n
*ratio ergo erat acerbiſſi-*
*ma, [o] ſed omnia legi Dei* o
*poſtponens, [p] iam chariſ-* p
*ſimam ſponſam erat dimiſ-*



Chúa Bà chúng tòi, ở
cũ bà thánh họ hàng
c ba tháng: [c] thạt mà coi
ſóc, làm việc đầy tớ cho
bà già có thai, kẻo khó
d khi đẻ. [d] Sau thì rứt
thánh đòũ thân về nhà,
e [e] thai bởi phép Spirito
f Santo đã mlớn ra: [f] mà
oũ bạn là rứt thánh Io-
ſeph, khi chẳng thoũ
g ſự ſâu nhiệm ấy, [g] mà
lại chẳng ngờ được
đều gì chẳng lành cho
bà bạn, vì đã hay, và
h kính là rứt thánh: [h] vì
ꞗệy thì kính mến đấy
i rứt mực: [i] ſaõ le vì dái
ở cũ, có mất lòẽ đức
Chúa blời chẳng; mà
phạm đạo thánh chẳng,
k [k] thì douc lòẽ để tlộm
ꞗệy, mà lo buồn làm,
l [l] vì ăn ở cũ nhau, và
nhin đức cũ một lòẽ;
m [m] lại giữ tịnh ſạch sẽ
hơn đức thánh thien
n thần nữa: [n] vì ꞗệy lià
nhau, thạt là ſự khó lắm,
o [o] ſaõ le chẳnh kể đí gì,
bằng đạo thánh đức
p Chúa blời, [p] đã rình để

*ſurus.*

*ſurus :* [q] *cùm Sanctus Ioſeph ita cogitaret, ecce tibi Angelus in ſomnis ei apparens,* [r] *totam hanc abſtergit nebulam, totum ei declarans myſterium, & dicens ex parte Dei :* [ſ] *Ioſeph fili Dauid, noli timere accipere Mariam coniugem tuam,* [t] *quòd enim in ea natum eſt, de Spiritu Sancto eſt,* [u] *pariet autem filium, & vocabis nomen eius Ieſum :* [x] *ipſe enim ſaluum faciet populum ſuũ à peccatis eorum.* [y] *Quantam hoc lætum, & Diuinum nuntium Sanctiſſimo viro lætitiam attulit,* [z] *explicare ſolum poterit, qui ſummum eius, erga Sanctiſſimam ſponſam, amoris, ac reuerentiæ affectum intelligat ;* [a] *qui deinceps eò magis excreuit,* [b] *quò iam non ſolùm vt chariſſimam ſponſam eam habebat,* [c] *ſed etiam vt Sanctiſſimam Dei Matrem, & Virginem*



bạn mình chuộng lắm: [q] khi ông thánh Ioſeph lo làm ꞗệy, mà nằm chiem bao, thoắt chóuc có đức thánh thien thần hiện xuống, [r] mà xua mù ấy đi, nói ra sự ſâu nhiem ấy, lấy mlời đức Chúa blời mà ràng: [ſ] hới ông Ioſeph là con ông Dauid, chớ dái gì lấy đức Chúa Bà Maria làm bạn cữ, [t] vì chưng có Con tlaố thai, bởi phép đức Spirito Santo mà chớ, [u] lại đẻ ra Con, mà ông sẽ gọi ten là, Ieſus, [x] vì chưng có kứu dến mình cho khói tội đã phạm: [y] tin nầy ꞗui mầng bởi đức Chúa blời, có làm cho ông thánh Ioſeph mầng ſướng thể naò, [z] ai biét cú thành ấy có kính mến rứt thánh bạn chừng nào, thì mới ſuy được ſự ấy: [a] mà từ ấy về ſau càng kính chuộng nữa, [b] vì chưng từ ấy, chẳng những là lấy đức Chúa Bà như bạn mình yêu lắm, [c] mà lại thêm kính chuộng, vì là rứt

*vene-*

*venerabatur, [d] indignum* d
*ſe reputãs qui tantæ Matri,*
*& Virgini pariture, & Fi-*
*lio Deo vero famularetur:*
*[f] Eo ipſo tempore publica-* f
*tum eſt edictum ab Au-*
*ſto Cæſare, [g] vt deſcribe-* g
*retur vniuerſus Orbis,*
*qui ſcilicet imperio Roma-*
*no ſubdebatur: [h] cùmque* h
*hæc primum deſcriptio fie-*
*ret à Præſide Syriæ Cyrino,*
*[i] & irent omnes, vt pro-* i
*fiterentur ſinguli in ciui-*
*tatem ſuam, [k] aſcendit* k
*quoque Sanctiſſimus Ioſeph*
*à Galilæa, de ciuitate Na-*
*zareth, [l] in Iudæam ciui-* l
*tatem Dauid quæ vocatur*
*Bethlehem, [m] eo quod eſ-* m
*ſet de domo, & familia*
*Dauid Regis, [n] vt profi-* n
*teretur cum Maria San-*
*ctiſſima Virgine deſponſa-*
*ta ſibi vxore prægnante,*
*per virtutem nempe Spiri-*
*tus Sancti. [o] Vt exemplũ* o
*exhiberet obedientiæ, etiã*
*principibus ſæcularibus, in*



thánh đức Mẹ đức
Chúa blời, mà đòu thân:
d [d] lếy mình chẳng đáng
làm đầy tớ rứt thánh
Maria đức Mẹ cả làm
ꞗệy, ngày ſau ſinh đẻ
e đòu thân, [e] cũ lếy mình
chẳng đáng coi ſóc cho
Con người, thạt là đức
Chúa blời.
f [f] Bấy giờ khi ếy cọ ra
lệnh bởi ꞗua Chúa nư-
ớc Roma, ten là Augu-
g ſtus Cæſar, [g] khién làm
ſổ cả và thien hạ, hay
h nước ếy: [h] đầu hết trên
thủ xứ Siria, tên là Cy-
i rino, có làm ſổ ếy, [i] ai
nấy thì về quê mình mà
k cho tên. [k] Oũ thánh Io-
ſeph khi ếy cũ phải tlếy
bởi thành Nazareth, ở
l xứ Galilæa, [l] mà lên xứ
Iudæa, tlên thành oũ Da-
uid, gọi là Bethlehem,
m [m] vì oũ thánh Ioſeph là
n họ ꞗua Chúa Dauid, [n]
mà cho tên, đã lếy ꞗối
rứt thánh đức Chúa Bà
Maria đòu thân, làm
ꞗợ mình, người đã chịu thai bởi phép Spirito Santo:
[o] ꞗệy thì làm gương chịu lụy, ꞗưng phép ꞗua o

*rebus*

*rebus licitis.* [p] *Factum eſt autem cum eſſent ibi, impleti ſunt dies, vt pareret Dei Genitrix Virgo, & peperit Filium ſuum primogenitum, & vnigenitum,* [q] *& pannis eum inuoluit, & reclinauit eum in præſepio,* [r] *quia non erat ei locus in diuerſorio.* [ſ] *Cùm enim eſſent pauperes, & multi diuites accederent ad eum ipſum locum, vt profiterentur,* [t] *cætera loca commodiora occupauerant:* [u] *filius autem Dei in præſepio eſt collocatus,* [x] *vt verè doceret nos vanitatem mundi deſpicere:* [y] *cùm enim eſſet infinitè diues, pro nobis factus eſt pauper,* [z] *vt nos diuitijs ſuis infinitis, vel etiam paupertate ſua ditaret.* [a] *At multa mirabilia in Chriſti Domini Natiuitate reſplenduerunt;* [b] *nam primò naſci voluit de Virgine inuiolata,* [c] *quæ ſimul eſſet & Virgo & Mater;*



Chúa, ſự gì chẳng có lỗy đạo. [p] Mà khi đã ở đềy, thì no ngày đức Mẹ đức Chúa blời, mà đòũ thân thì ſinh Con đầu lào, cữ là một Con ꞗệy, [q] lễy của ſach bao lại, mà để tlaố máng có, [r] vì chẳng có nơi khoú cho mình ở tlaố quán: [ſ] vì chưng mình khó khân, mà người giầu đến nhều, cữ cho tên ở thành ẽy: [t] có nơi naò ꞗừa tốt mà ở, thì đầy hết: [u] mà Con đức Chúa blời thì để tlaố máng có ꞗệy, [x] thạt là dĕạy ta chê ſự kieu ngạo thế gian: [y] vì chưng khi Con đức Chúa blời phú quí vô cữ, chịu làm khó khan, [z] cho ta được phú quị, bởi phú quí vô cữ, hay là bởi đức Chúa blời chịu khó khan ꞗệy. [a] Saố le khi đức Chúa Ieſu ſinh đé, có ſáng ra nhều phép lạ: [b] vì chưng đầu hết thì chọn đẫn bà đòũ thân mà đé ra, [c] và làm đòũ thân, và làm đức Mẹ ꞗối: [d] &

*[d] & Virgo quidem, quia ſicuti ante partum fuit integra, [e] ſic & in ipſo partu, & poſt partum Virgo permanſit integerrima: [f] nam Filius Dei naſcens corporaliter, Sanctiſſimæ Matris integritatem minimè violauit, ſed potiùs perfecit: [g] & ſicuti ſolaris radius cryſtallum peruadens, minimè frangit, ſed illuminat; [h] quantò magis Diuinus ille radius, ſolis radio infinitis partibus lucidior, [i] ex vtero Matris egrediens, clauſtrum Virginitatis non violauit, [k] ſed omninò perfecit & confirmauit, [l] quia Deus Omnipotens, totius naturæ auctor, [m] de Virgine Matre naſci voluit ſine ſemine: [n] quemadmodum enim ab initio mundi, abſque vllo ſemine, iuſſit Deus terram producere herbam virentem, & factum eſt: [o] ſic*



[d] thạt là đòũ thân, vì chưng như khi chưa có đẻ Con, là đòũ thân, [e] khi đang đẻ Con, cữ là đòũ thân, và khi đẻ Con đoạn thì hãy còn đòũ thân blọn ꞗệy. [f] vì chưng Con đức Chúa blời đẻ ra nơi xác, thì chẳng lọ là chẳng làm hại đòũ thân đức Mẹ, mà lại làm cho blọn ꞗệy: [g] như thể khi ánh mạt blời thấu ꞗĕào cái ngạọc, chẳng có đánh ꞗớ, mà lại làm cho ſáng: [h] huống lọ đức Con, là ánh đức Chúa blời, ſáng vô cữ, hơn ánh mạt blời, [i] khi ra bởi lòõ đức Mẹ, thì chẳng có phá xác đức Mẹ đòũ thân, [k] mà lại làm cho càng blọn càng bèn nữa, [l] vì chưng đức Chúa blời có phép vo cữ, và hŏá ra mọi lŏài, [m] có định đẻ ra bởi đức Mẹ đòũ thân, chẳng chịu khí đàn oũ sốt. [n] Như thể khi đầu hết thế giái nầy, đức Chúa blời khiến đất hŏá ra rau cỏ, khi chưa có gióũ nào, mà đệt cữ hŏá ra hư khoũ làm ꞗệy, [o] huống chi đức

*Omnipotens rerum, ac naturarum omnium Conditor, [p] iuſſit Virginem abſq; ſemine concipere, & parere Filium Deum, [q] abſque vlla virgineæ integritatis violatione. [r] Ergo Sanctiſſima Dei Genitrix Maria, Virgo eſt ante partum, [ſ] Virgo in partu, & Virgo poſt partum, [t] neque vllam in partu preſſuram ſenſit, quæ poſt partum Virgo inuiolata permanſit. [u] Quin imò ſtatim poſt partum quem genuit adorauit, [x] quia ſuum genitorem, rerumque omnium primum Conditorem peperit.*

*[y] Secundò vniuerſa cæleſtis curia, hoc eſt, omnes omninò beati Spiritus, [z] ſtatim frequentes poſt Natiuitatem Domini ad beatum præſepe deſcenderunt, [a] & infantem Deum, pannis inuolutum, ac poſitum in præſepio, [b] tanquam*



Chúa blờ i, có phép vô cữ, mà hóá nên mọi ſự, mọi lòài, [p] có khiến đấn bà đòú thân, chẳng có chịu khí đấu oú, mà chịu thai, và ſinh đẻ Con là đức Chúa blờ i, [q] cữ chẳng có hư blọn đòú thân. [r] Vì ꞗệy rứt thánh đức Chúa Bà Maria, là đức Mẹ đức Chúa blờ i, thật là đòú thân khi chưa có đẻ, [ſ] mà khi đang đẻ cữ là đòú thân, lại khi đẻ đoạn hãy còn đòú thân ꞗệy: [t] mà khi đang đẻ, chẳng có chịu khốn khó gì, vì khi đẻ đoạn, hãy còn blọn đòú thân ꞗệy. [u] Mà lại khi đẻ đoạn, thoắt chóuc thì lạy đức Con mình đẻ, [x] vì thật có đẻ đức Cha mình, và cội rễ đấu mọi ſự.

[y] Sau nữa các cöên ở tlên blờ i, là các đức thánh thien thần, [z] khi đức Chúa blờ i ſinh xuống, thoắt choúc thì rấm rấm cữ xuống, ở nơi máng cỏ [a] mà thấy Con tlẻ, thật là đức Chúa blờ i, bao lại mà để tlaố máng cỏ, [b] cữ nhìn lấy hết như Chúa

*Domi-*

*Dominum ſuum agnoue-
runt, atque humiliter ado-
rauerunt:* [c] *quin etiam* c
*vnus ex ipſis Beatis Spiri-
tibus, annuntiauit gau-
dium hoc magnum paſto-
ribus,* [d] *in ea regione vi-* d
*gilias noctis cuſtodientibus
ſuper gregem ſuum,* [e] *ſcili-* e
*cet quod natus eſſet, in
Bethlehem ciuitate Da-
uid, Saluator Mundi,* [f] *qui* f
*eſt Chriſtus Dominus, &
hoc illis dedit ſignum, &
ait:* [g] *inuenietis infantem,* g
*pannis inuolutum, poſitum
in præſepio.* [h] *Et ſubitò* h
*facta eſt cum eo Angelo
multitudo militiæ cæleſtis
laudantium Deum, & di-
centium.* [i] *Gloria in altiſ-* i
*ſimis Deo, & in terra pax
hominibus bonæ volunta-
tis.* [k] *Paſtoreſque tranſe-* k
*untes vſque Bethlehem, in-
uenerunt ſicut dictum fue-
rat ab Angelo.*
[l] *Tertium mirabile eo ipſo* l
*tempore quo natus eſt Chri-*



minh, và lạy xuẫng khi-
c em nhưẫng ꞗệy. [c] Lại
tlaổ đức thánh thien-
thẩn, có một thì đam-
tin mẫng nẩy mlớn, cho
d kẻ chan chien, [d] mà giữ
canh gẫn đểy ban đểm,
coi chien mình cho lành,
e [e] mà đức thánh thien-
thẩn nói ra, có đức Chúa
blời kớu thế, ſinh để
ở tlaổ thành oũ Dauid,
f là Bethlehem, [f] ểy là thạt
Chúa Chriſto, mà lại
g ràng: có dẽẩu cho bay, [g]
tìm thẩy Con tlẻ khan bao
lại, mà để tlaổ màng cỏ.
h [h] Chóuc ểy thì có đểu
cŏên bới tlên blời, là
những thien thẩn, mà
khen ngượi đức Chúa
i blời, ràng: [i] ai nểy thì
ngượi khen đức Chúa
blời tlên cao, mà lại
dưới đểt an hŏà cho
k người ta làổ lành. [k] Bẩy
giờ kẻ chan chien thì
ſang cho đển thành Beth-
lehem, mà thẩy như
mlời đức thánh thien-
thẩn đã bảo mình ꞗệy.

[l] Thứ ba ſự lạ: cứ một khi đức Chúa Ieſu [l]

 ſtus

*ſtus Dominus: [m] noua ſtella tribus Magis apparuit in Oriente, [n] per quam agnouerunt Chriſtũ Dominum, nouum Regem Iudæorum natum eſſe, [o] cùmque conueniſſent in Hieruſalem, Iudæorũ Vrbem Regiam, tres, qui erant Reges in regione Orientis, interrogauerunt, [p] vbinam eſſet natus nouus Rex Iudæorum, [q] cuius ſtellam in Oriente viderãt: [r] cùmque à Principibus Sacerdotum reſponſum fuiſſet, in Bethlehẽ Iudæ, quia in Diuinis Oraculis ſic habebatur: [t] euntibus in Bethlehem tribus illis Regibus, [u] ecce ſtella, quam viderunt in Oriente, antecedebat eos, [x] vſque dum veniens, ſtaret ſupra vbi erat puer recens natus. [y] Videntes autem ſtellam Magi, gauiſi ſunt gaudio magno valdè, [z] & intrãtes domum, inuenerunt puerum Deum, cum Maria*



[m] Chriſto đẻ ra, [m] thì ba ꞗua bên đoũ coi thấy [n] cái ſao mới, [n] mà bởi đấy đã hay, có ꞗua Chúa mới ở nước Iudæa, mà [o] mới đẻ, [o] ba ꞗua ấy, là ꞗua bên phương đoũ, đến thành Hieruſalem, là kinh đò nước Iudæa, [p] thì hỏi ràng: [p] nao ꞗua Chúa ở nước Iudæa, [q] mới đẻ: [q] vì chúng tôi bên phương đoũ, đã thấy [r] cái ſao người: [r] khi ấy kẻ làm thày cả ở nước Iudæa, thì thưa ràng: [ſ] [ſ] đức Chúa blời có đẻ, ở tlaõ thành Bethlehem, vì có sấm truyền, bởi đức Chúa blời, phán ꞗậy: [t] [t] ấy ꞗậy mà khi ba ꞗua đi thành Bethlehem, [u] [u] cái ſao, tlước đã thấy bên đoũ, bấy giờ ſoi cho, mà đam đàng, [x] [x] cho đến ở lạng tlên nơi có Con tlẻ mới đẻ [y] ra đấy. [y] Khi ba ꞗua coi thấy cái ſao ấy, thì mầng [z] rỡ bội phần, [z] mà ꞗào nhà, thì thấy Con tlẻ, là đức Chúa blời, ở cũ đức Chúa Bà Maria,

*Matre*

*Matre eius; [a] & procidentes adorauerunt eum, & apertis theſauris ſuis, [b] vtpote qui Reges erant, obtulerunt nouo Iudæorum Regi recens nato munera, aurum, thus, & myrrhã: [c] aurum ſcilicet vt Regi, thus vt Deo vero, [d] myrrham; quæ corpora poſt mortem conſeruat, ne putreſiant, vt homini, & mortali. [e] Per idem tẽpus Imperatori quoq; Romano Octauiano Auguſto (vt fertur) [f] apparuit, in ipſo ſole, mulier filium in vlnis habens, [g] quem ita veneratus eſt Auguſtus, vt eum Dominum agnoſcens, [h] ſe non amplius auſus ſit dicere Dominum, donec vixit. [i] Quod ſupra narrauimus de Sinarum Rege, [k] qui monitus eſt in ſomnis, vt veram legem à magno occidente peteret, [l] eo ipſo tempore quo Chriſtus Dominus verus legiſlator,*



là đức Mẹ, [a] mà cúi đầu xuống, lạy: lại mở những của trạo, [b] vì là ꞗua, mà cứ ꞗua nước Iudæa mới đẻ, một là vàng, hai là cát nhàn, ba là myrrha: [c] vàng thì cứ ꞗua Chúa: cát nhàn thì cứ thật đức Chúa blời, [d] myrrha, là của giữ xác kẻ chết, kẻo nát, vì ꞗệy thì lạy của ấy mà cứ tính người, ngày ſau có chịu chết ꞗệy: [e] có truyền đời xưa ràng, cữ khi ấy có ꞗua Chúa nước Roma, tên là Octauiano Auguſto, [f] coi thấy tlaố mặt blời có đẫn bà bồu đức Con; [g] Auguſto có kính đấy, mà lấy làm Chúa cả, [h] cho nên từ ấy đến chết, chẳng dám xưng mình là Chúa nữa. [i] ſự đã kể ngày tlược, ꞗua Chúa đại minh, [k] nằm chiem bao thấy ai bảo, đi tìm đạo thật bên đại tây dương, [l] ấu là có làm ꞗệy cứ một khi ấy, vì

có đức Chúa Ieſu Chriſto là một thầy đam đạo thật

*& vnus magiſter natus eſt, putamus accidiſſe.*

[m] *Omitto alia miranda eo die viſa,* [n] *vt fontem olei fluxiſſe Romæ, cuius rei memoria adhùc exſtat,* [o] *tres fuiſſe viſos ſoles,* [p] *& alia, quæ ſupremus mũdi artifex, rerumque omnium Dominus, operari voluit,* [q] *ad manifeſtandam ſuam Miſericordiam, quam in medio terræ operabatur,* [r] *naſcendo in mundo, vt ſalutem æternam hominum operaretur,* [ſ] *vt homines relictis falſis & diabolicis ſectis, ad ipſum omnes redirent, piè ipſum vnum deinceps colerent, & adorarent,* [t] *iam in humana ſpecie viſibilem,* [u] *quamuis in Diuina ſua eſſentia ſit omninò inuiſibilis naturaliter.*

[x] *Hic exhibenda eſt imago aliqua eximia,*



cho người ta, mà mới đẻ ra đấy.

[m] Chẳng kể ſự khác lạ, cữ coi thấy ngày ấy, [n] như thể mạch dầu, có maọc ra tlaố thành Roma, rày hãy con dấu tích đấy: [o] lại rằng cữ một ngày ấy thien hạ thấy bà mạt blời, [p] cữ các ſự la, đức Chúa blời, là đức Thơ cả thể gái nấy, là Chúa cả tlên hết mọi ſự thì tŏan làm bấy nhều ſự ấy, [q] cho thien hạ hay, lào đức Chúa blời nhín lành từng ấy, cho đến làm giủa đất lào lành làm đấy, [r] mà ſinh đẻ ra đời, làm an lành vo cữ cho người ta, [ſ] mà đấy người ta bỏ hết giáo dối, hết ſự ma quỉ, lại blở về cú đức Chúa blời, mà thờ đấy, lạy đấy, [t] khi đã thấy đức Chúa blời đã có hình người, [u] dầu tính thiênh liêng đức Chúa blời hãy còn ſâu nhiệm, chẳng có ai dũ ſức mình, mà thấy được mạt đức Chúa blời đâu.

[x] đến khi đã giảng bấy nhêu, thì phải ſăm ſửa ảnh nào

*[y] Beatiſſimæ Virginis Genitricis Mariæ Filiũ, & Dominũ noſtrum, adhùc infantem geſtantis, [z] vt illam humiliter adoremus, capitibus in terram demiſſis: [a] præmiſſa tamen adoratione triplici trium Diuinarum perſonarum, in vna Diuina eſſentia: [b] quod myſteriũ Diuiniſſimæ Trinitatis, vt per externam etiam adorationem profiteamur, [c] ſemel tantùm genua flectamus, [d] vnam Diuinam eſſentiam confitentes, tum capita ter in terram demittamus, tribus Diuinis perſonis adorationem exhibentes, [f] à ſingulis peccatorum noſtrorum ſupplices remiſſionem deprecantes, [g] tum Chriſto Domino, vt homini & Mediatori noſtro, [h] ſemel reuerentiam, & adorationẽ faciemus capite ſemel in terram demiſſo, [i] humiliter deprecantes, vt Redemptionis ſuæ copioſiſſimæ fructum recipere mereamur, [k] per omnium peccatorum noſtrorum remiſſionem pleniſſimam.*



khéo, [y] có hình rứt thánh đòũ thân Maria đức Mẹ, có bòũ đức Con là đức Chúa Ieſu, bãy còn tlẻ, [z] cho ta cúi đầu xuẫng đết, mà lạy: [a] ſaõ lẽ thước thì phải lạy một đức Chúa blời ba ngôi, ba lạy. [b] Mà cho ta bề ngõài cữ xưng một đức Chúa blời ba ngôi, [c] khi ta lạy, ta quì gối xuẫng một lần mà thôi, [d] bệy ta xưng có một tính thiêng liêng đức Chúa blời, [e] mà cúi đầu xuẫng tạn đết ba lần, mà kính lạy ba ngôi, [f] khiem nhường xin mỗi một ngôi tha tội, tha vạ chúng tôi. [g] thoi đoạn thì phải lại đức Chúa Ieſu ra đời, làm người, mà chuộc tội cho chúng tôi, [h] ta lạy cúi đầu tạn đết một lần, [i] mà khiem nhường cầu khẩn, cho chịu được ơn đức Chúa Ieſu, đã làm phúc thừa, chuộc tội cho chúng tôi, [k] mà cho ta

*niſſimam.* [l] *Deniq; Beatiſſimæ Virgini reuerentiam exhibebimus,* [m] *capitibus ſemel etiam in terram demiſſis:* [n] *quamuis enim benè nouerimus Beatam Virginem non eſſe Deum,* [o] *quia tamen eſt Dei Genitrix, erga Filium Deum potentiſſima,* [p] *per illius Sanctiſſimam interceſſionem peccatorum omnium veniam conſequi ſperamus.* [q] *Monendi ſunt hic catechumeni,* [r] *quamuis olim antequam Deus naſceretur, cum eſſet omninò inuiſibilis, ſine imaginibus coleretur,* [s] *tamen poſtquã factus eſt homo viſibilis,* [t] *& in terris viſus eſt, & cum hominibus conuerſatus,* [u] *iam eius ſpeciem per imagines exhibemus, ſiue depictas, ſiue ſculptas, aut alijs modis:* [x] *cùm tamen corã imaginibus Chriſti Domini, aut Sanctorum genu flectimus, adoramus,*

đươc khói hết mọi tội cho blon. [l] Sau hết ta cũ phải lạy rứt thánh đòú thân, [m] mà cúi đầu xuống đết, một lần nữa: [n] vì chưng dầu ta đã biét thạt đức Chúa Bà đòú thân chẳng phải đức Chúa blời: [o] ſaố le vì là đức Mẹ đức Chúa blời, thì có phép cả cầu cữ đức Con, thạt là đức Chúa blời, [p] mà ta cậy đức Chúa Bà, cầu cho ta khói hết mọi tội. [q] đêy ta phải bảo kẻ muấn chịu đạo: [r] dù mà đời xua khi đức Chúa blời chưa có ra đời, mà chẳng thấy được đức Chúa blời, khi ấy có thờ mà chẳng có dữ ảnh: [s] ſaố le từ đã ra đời làm người mà coi thấy đươc, [t] đã xem tlên đết, mà ăn ở cữ người ta, khi đã có hình, [u] thì ta lấy ảnh mà làm hình ấy ra, hay là vẽ, hay là chạm, hay là thể khác: [x] ſaố le khi ta quì lạy, cầu tlước mạt ảnh đức Chúa Iesu, hay

*vel*

*vel oramus, [y] intentio noſtra debet ferri ad illum, qui per imaginem nobis repræſentatur, [z] & ita adorare, & colere Sanctum, qui repræſentatur.*

là oũ thánh nào, [y] ta phải có í đố người có ảnh đ'ey, [z] mà quì, lạy, cầu người thánh, có ảnh 'ey mà chớ.

## Dies ſextus.

[a] *Propoſitis iam ad credendum ineffabilibus, Sanctiſſimæ Trinitatis, ac Diuinæ Incarnationis Myſterijs, [b] quæ captum omnis intellectus creati longè ſuperant: [c] videndum nunc eſt iuxtà captum noſtrum, [d] cur Diuina Maieſtas Filij Dei humanam naturam aſſumere, [e] & ſibi tam arcto hypoſtaticæ vnionis vinculo copulare dignata ſit, [f] vt verè Deus inuiſibilis, & immortalis, [g] factus ſit homo viſibilis, & mortalis? [h] tria enim præcipuè mala humanum genus per peccatum originale inuaſerãt, [i] primum propenſio ad malum, [k] ſecundum ignorantia recti itineris ad vitam æternam, [l] tertium reatus mortis, non temporalis ſolùm, ſed etiam æternæ,*

## Ngày thứ ſáu.

[a] Khi đã nói ra ſự ſâu nhiệm, một đức Chúa blời ba ngoi, và ſự đức Chúa blời ra đời, nói ꞗệy cho người ta tin, [b] vì chưng hai ſự ꞓ̃y, qua tlên trí mọi lŏài, đức Chúa blời hŏá ra. [c] Bây giờ ta phải ſuy, bàng ſức ta, [d] vì ſao đức Con thật đức Chúa blời, cũ là đức Chúa blời ꞗệy, mà lẽy tính người, [e] buặc lại chạt chùng ꞓ̃y, cho đến làm một ngôi cũ, [f] mà thạt đức Chúa blời chẳng cò ai thấy được, cũ chẳng hay chết, [g] mà làm người, thien hạ thấy được, và lại hay chết? [h] có ba ſự tai vạ, bởi tội tổ tũ ta truyền cho, mà làm hại lŏài người ta: [i] tlước là tích một hãm ſự lỗy, ſự dữ: [k] hai là tối tam chẳng biết đàng cho ſóũ láu vô cữ. [l] Bà là đáng chết, chẳng lọ là xác có

per

[m] *per quam æternæ captiuitati dæmonis in inferno adiicendus erat.* [n] *His tribus malis tria remedia cæleſtis Medicus, Deus Homo, Chriſtus Dominus adhibere voluit;* [o] *atque ideò die octauo à Natiuitate Sanctiſſimum Ieſu nomen aſſumpſit,* [p] *non ſine ſanguinis effuſione, per quam Saluatoris noſtri nomen, & officium aſſumebat.* [q] *Propenſionem itaque ad malum, qua veluti trahebamur ad vitia,* [r] *per Sanctiſſimæ vitæ ſuæ virtutes, & exempla ſuperare voluit,* [ſ] *triginta tribus annis quibus inter homines vixit, & cum hominibus conuerſatus eſt,* [t] *miram nobis inſinuans humilitatem, & obedientiam:* [u] *non ſolum erga Deum Patrem, cuius Sanctiſſimæ voluntati ſe totum obtulit,* [x] *cum à Sanctiſſima Genitrice ſua eſt præſentatus in tem-*



cữ, mà lại phải chết vô cữ, [m] cho nên phải làm tội quỉ vô cữ, tlaố địa ngục: [n] ba chùng đau khởn nấy, đức Chúa Ieſu, thạt là đức Chúa blời, cữ thạt là người, cữ là thày thuóc, bởi blời mà xuấng, có ba mạt thuóc tlả cho: [o] vì ꞗệy từ ſinh đẻ đến tám ngày, thì chịu tên rứt thánh Ieſu, [p] mà khi ꞗệy cữ cò đở máu ra, mà chịu tên, và chức kóu thế, chuậc tội cho chúng toi. [q] cái tích một hãm ſự dữ, mà giục ta làm ſự lỗy, [r] thì đức Chúa Ieſu dữ nhin đức mình, làm gương cho ta, mà chữa tội ta ꞗệy, [ſ] là ba mươi ba nam ſói ở thế nấy, ăn ở cữ người ta, [t] thì cho ta xem ſự lạ tlaố việc khiem nhường, và tlaố việc chịu lụy; [u] chẳng lọ là chịu lụy đức Chúa blời, là đức Cha mình, có phú blọn mình, theo rứt thánh í đức Cha, [x] khi rứt thánh đức Mẹ đam đến đức Chúa Ieſu, mà

*plo: [y] ſed etiam eidem Matri ſuæ Beatiſſimæ Virgini Mariæ, & ſponſo eius, Sanctiſſimo Ioſeph, [z] fuit ſubditus, vſque ad trigeſimum ætatis ſuæ annum: [a] ita vt per ſpatium triginta annorum voluerit eſſe ſubditus illis, [b] cùm tamen eſſet ipſa infinita Sapientia Dei, [c] ſed hominibus elegit ſubeſſe, [d] vt eximium nobis præberet obedientiæ, atque humilitatis, per tot annos, exemplum.*

*[e] Semel tamen cum adhùc eſſet duodecim annos natus Dominus noſter Ieſus Chriſtus, [f] ex peculiari voluntate Patris Aeterni, inſcijs parentibus, remanſit in templo, [g] vt hominibus aliquãdiù expectati Meſſiæ, notitiam dare inciperet. [h] Quamuis enim poſt quadraginta dies à Natiuitate ſua Sanctiſſima, [i] cùm iuxtà ritum, Iudæis*

khi đến đền thánh: [y] mà lại có chịu lụy rứt thánh Chúa Bà Maria là đức Mẹ đồũ thân, và có oũ thánh Ioſeph, là bạn đức Mẹ ꞗệy, [z] mà đức Chúa Ieſu cũ chịu lụy ngườ̀i, cho đến ba mươi tuổi. [a] ꞗệy thì có chọn là ba mươi năm chịu phép hai người, [b] dầu mình là hay biét vô cữ đức Chúa blời: [c] ſaõ le có định chịu lụy người ta, [d] mà ꞗệy làm gương tốt lành, đang bấy lâu nam, cho ta bắt chước, và chịu lụy, và khiem nhường làm ꞗệy.

[e] Saõ le có một lần khí đức Chúa Ieſu, là Chúa chúng tôi, hãy còn mưới hai tuổi, [f] theo í riêng đức Cha vô cữ, khi đức Mẹ chẳng hay, thì ở lại tlaố đền thánh, [g] ꞗệy thì mở đàng cho người ta hay, ſự tloấ đã lâu, có đức Chúa blời ra đời chuộc tôi, đã gần. [h] Vì chưng dầu khi đức Chúa Ieſu mới đẻ, được bốn mươi ngày, [i] mà đức Mẹ theo phép

*à Deo præſcriptum, in templo præſentatus,* [k] *à ſene Simeone viro ſanctiſſimo;* [l] *qui reſponſum acceperat à Spiritu Sancto,* [m] *non viſurum ſe mortem, niſi priùs videret Chriſtum Domini,* [n] *Meſſiam ſcilicet ſeu Saluatorem Deũ,* [p] *publicè fuerit recognitus, & publicatus, cum bonus ille ſenex puerum Ieſum accepit in vlnas ſuas,* [p] *& gratias Deo agèns; dixit:* [q] *Nunc dimittis, ſeruum tuum Domine ſecundum Verbum tuum in pace:* [r] *quia viderunt oculi mei ſalutare tuum,* [ſ] *quod paraſti ante faciem omnium populorum,* [t] *lumen ad reuelationem gentium, & gloriam plebis tuæ Iſrael.* [u] *Multaque alia prædixerit, infanti Deo euentura:* [x] *Attamen voluit ipſemet Dominus Ieſus, in medio*



đức Chúa blời khiến, tlaố nước Iudæa, để đở-ạn bốn mươi ngày, thì đam con blai đến nhà đức Chúa blời, [k] mà khi ấy có ou già, tên là ou Simeon, là người thánh, [l] đã chịu mlời đức Chúa Spiritu Sancto, [m] chưa có ſinh thì, mà thấy được Chriſtum Domini, [n] là đức Chúa blời ra đời chuộc tội; [o] mà ou già thì dìn, và xưng tlước mạt thiên hạ, khi tlaố tay bồu đức Chúa Ieſu, hãy còn tlẻ; [p] mà cảm ơn đức Chúa blời rằng: [q] tôi lạy ơn đức Chúa blời, bây giờ đã cha tôi đi bàng an, như mlời đức Chúa blời đã phán cũ tôi: [r] vì chưng con mắt tôi đã thấy đức Chúa blời kứu thế, [ſ] đã dọn bậy tlước mạt mọi nước, [t] làm ſáng, ſoi kẻ vọ đạo, và làm cho dên đức Chúa blời, là nước Iſrael, càng trạố hữa. [u] Ou thánh Simeão thì nói bậy, mà lại cũ nói ra dều ſự ngày ſau, đức Chúa blời Con tlẻ được bậy. [x] Saố le đức Chúa Ieſu đã cất mình đến

Iudæo-

*Iudæorum Doctorum per ſeipſum, [y] clarè oſtendere, iam adeſſe tempus diù expectati Meſſiæ, ſeu Saluatoris, [z] ita vt ſtuperent omnes de doctrina, & reſponſis eius, etiam doctiſſimi inter Iudæos, [a] & facilè poſtea, cùm adueniret tempus manifeſtationis eius, poſſent, ſi vellent, in cognitionem ipſius deuenire. [b] Atque ita inuentus à Matre Sanctiſſima, in medio Doctorum in templo poſt triduum, [c] cùm pia Mater quereretur amanter, dicens: [d] Fili quid feciſti nobis ſic? reſpondit Dominus Ieſus: [e] Quid eſt quod me quærebatis? [f] Neſciebatis quia in his, quæ Patris mei ſunt oportet me eſſe? [g] Nobis nimirum oſtendens exemplo Dominus Ieſus, [h] Patris cæleſtis voluntatem exequendam, [i] quamuis ad hoc neceſſe ſit à parentibus carnalibus ſe ſubtrahere. [k] Pa-*



giữa các cŏên tử nước Iudæa, [y] mà tỏ ra, đã đến ngày đức Chúa blời chuậc tội, đã tloú bấy lâu; [z] mà các cŏên Iudæo ếy, thấy mlời khôn ngŏan, ſâu nhiệm làm ꞗệy, dù kẻ cả biết ſáng láng tlaố nước ếy, thì hãi hết, [a] mà ngày ſau đến khi tỏ ra, có muấn, thì để biết, mà tìm được. [b] ꞗệy thì rứt thánh đức Mẹ tìm đức Con ba ngày, đŏạn thì mới thấy, ở tlaố đền thánh, giữa các cŏên tử: [c] khi ếy đức Mẹ dẫu đức Con, mà than thở ràng: [d] lạy đức Con, ſao làm thế ếy cũ Mẹ? [e] đức Chúa Ieſu thì thưa ràng: lạy đức Mẹ, mà ſao đức Mẹ cọ tìm Con làm ꞗệy? [f] Sao chẳng hay hễ là việc về đức Chúa Cha, Con thì phải chịu việc ếy? [g] ꞗệy thì đức Chúa Ieſu làm gương cho ta xem, mà bắt chước, [h] theo í đức Chúa Cha tlên blời, [i] dẫu mà vì ſự ếy phải khỏi cha mẹ xác. [k] Saố le đức Chúa Ieſu

ſtea

*ſtea tamen, vſque ad trigeſimum vitæ ſuæ ſanctiſſimæ annum, ita fuit Beatiſſimæ Virgini Matri ſuæ, eiuſque ſponſo Ioſeph Sanctiſſimo ſubditus,* [l] *vt cũ ipſo vſq; ad illam ætatem, putetur* [m] *fabrilem artem exercuiſſe,* [n] *imò in rebus domeſticis ipſis inſeruiſſe,* [o] *non enim venerat miniſtrari, ſed miniſtrare;* [p] *nec tenuit pro vili miniſterio, & ſuæ Diuinæ perſonæ indigno, niſi quod erat peccatum.* [q] *Quare peccatum nunquam fecit, neque dolus vllus inuentus eſt, aut inueniri potuit in ore Sancto eius.* [r] *Sic & nos Dominum Ieſum imitari debemus, non abhorrentes, aut ſubterfugientes humilitatis opera,* [ſ] *ſed potius amplectentes illa, vt melius imitemur Dominum Ieſum,* [t] *& vt vitemus otium, quod omnis mali,*

đŏạn việc ẽy, thì có chịu lụy, và rứt thánh đức Mẹ đòũ thân, và oũ thánh Ioſeph, là rứt thánh chàõ người, cho đến ba mươi tuổi, [l] mà vì ſự làm ꞗệy, có kẻ thì ngờ, [m] đức Chúa Ieſu cũ làm thợ mộc, ꞗối oũ thánh Ioſeph: [n] lại tlaõ cửa tlaõ nhà, cũ làm việc như tôi ta ꞗệy, [o] vì chưng đức Chúa Ieſu ra đời, chẳng phải cho kẻ khác làm việc cho mình, ſaõ cho mình làm việc cho kẻ khác. [p] mà có lẽy việc gì làm hèn, chẳng đáng ngôi mình, là ngôi đức Chúa blời? có che những tội là hèn, mà chớ. [q] Vì ꞗệy đức Chúa Ieſu chẳng có khi nào làm ſự lỗy, cũ bởi miệng thánh ẽy chẳng thấy ra ſự gian, lại cũ chẳng ra được đâu. [r] Ta cũ nên bắt chước đức Chúa Ieſu, chớ che, chớ tlánh việc khiêm nhường; [ſ] mà lại ta làm hết ſức, lẽy đức Chúa Ieſu làm gương, [t] ꞗệy cũ khỏi

&

*& peccati origo eſt. [u] Fugiamus autem omnia peccata, & mendacia, [x] tanquam rem viliſſimam, & homine rationis compote, atque ad imaginem Dei facto prorſus indignam. [y] Ita enim ſequemur veſtigia Domini Ieſu, qui ad hoc venit, [z] in carne viſibili, vt traheret nos poſt ſe, [a] in funiculis charitatis, & amoris ſui ſuauiſſimi, [b] atque ita vincula noſtra diſrumperet, [c] ac propenſionem peſſimam, quam habemus ad malum, [d] ab ortu noſtro, ex peccato natam originali. [e] Vt autem ſecundum quo vexamur malum, nempe ignorantiam noſtram curaret Diuinus Medicus Dominus Ieſus, [f] trigeſimo ætatis ſuæ anno, poſtquam fecit, cœpit docere quæ fecerat: [g] initio tamen Diuiniſſimæ prædicationis ſuæ, homines ad ſuſcipienda*

ở dưng phú ſu, là tội rễ mọi tội lỗy. [u] Ta cứ tlánh mọi tội vạ, các ſự dối, [x] là ſự rứt hèn, mà chẳng đáng người biết mlẽ, khi đã có tlaố linh hồn mình, là ảnh thiêng đức Chúa blời. [y] Vậy thì ta theo chên đức Chúa Iesu, đã ra đời vì ſự ếy, [z] mà lếy xác thịt ta thấy ꞗệy, như bắt ta theo ſau; [a] vì cái dếy là lào nhin lành, yêu dấu ta lắm: [b] mà làm ꞗệy đánh dứt cái dếy buộc ta, [c] lào muấn những ſự dữ, [d] khỏỏi để ta bởi ta từ ếy đã có tội tổ tú ta truyền cho. [e] Lại đức Chúa Iesu, là thầy thuốc cả, khi chữa linh hồn ta tối tăm chẳng biết mlẽ, [f] đến ba mươi tuổi, làm phúc, làm phạn đoạn, thì mới dĕay dĕỗ ta làm như ꞗệy. [g] ſaõ le khi giảng mlời đức Chúa blời, đầu hết có dĕọn lào người ta chịu mlời đức Chúa blời, như giống bởi blời.

*cæleſtia*

cæleſtia Diuini Verbi ſemina diſponente, [h] ad peccatorum pœnitentiam inuitabat, dicens: [i] pœnitentiam agitè, appropinquauit enim regnum Dei, [k] ſic etiam Sanctiſſimus vir Ioannes Baptiſta, ipſius Domini præcurſor eximius, qui teſtimonium perhibuit Verbo Dei, [l] & Ieſum Chriſtum verum Filium Dei, Saluatorem mundi Iudæis demonſtrauit, [m] idem etiam exordium prædicationis habuit, homines ad pœnitentiam adhortando: [n] facite, aiebat, fructus dignos pœnitentiæ. [o] E diſcipulis autem, quos ſecum habebat Dominus Ieſus, elegit duodecim, quos & Apoſtolos nominauit, [p] quibuſcum aſſiduè conuerſabatur, illos ſpecialiter erudiens, [q] vt relinqueret poſt ſe totius orbis Doctores. [r] Legem itaque Euangelicam per ſe ipſum promulgauit, [ſ] per quam non tolleretur Lex antiqua data Sanctis Patribus, ſed perficeretur. [t] Ter enim ſu-



mà xuâng, [h] thì khuyen ăn năn tội, phán ràng: [i] hãy lo tội, mà chừa cho kip, vì cŏâc tlên blời đã gần. [k] Lại oũ thánh Ioaõ Baptiſta, khi đâm đàng cho đức Chúa Ieſu, mà làm chứng mlời đức Chúa blời, [l] và chỉ đức Chúa Ieſu, là Con đức Chúa blời kớu thế, cho nước Iudea được hay, [m] khi đầu hết giảng đạo, cữ khuyen người ta ăn năn tội, mà ràng: [n] hãy làm phúc cho đáng việc lo tội. [o] Mà đức Chúa Ieſu tlaõ các đấy tớ ở cữ, thì chọn mười hai người, gọi là Apoſtolo, [p] mà ăn ở cữ lien, và dĕạy dĕỏ riêng, [q] để thay mình ngày ſau làm thày cả và thien hạ. [r] ếy bệy mà đức Chúa Ieſu mình rao đạo Euangelio, là tin lành, [ſ] mà chẳng phải cất đạo cữ, đã cho tổ nế đời xưa, lại làm cho càng tốt lành. [t] Vì chưng

*premus rerum effector, hominibus legem ſanctam dedit:* [u] *ſemel cum legem naturalem ita cordibus hominum impreſſit, vt ſtatim rectum ab iniquo diſcernant, & malum à bono.* [x] *Et hæc eſt ratio naturalis, & lumen vultus Dei, quod ſignatum eſt in cordibus noſtris, ita vt ſi rectam viã non fuerimus amplexati, ſimus inexcuſabiles:* [z] *vt Dominus olim dixit ad Cain.* [a] *Nonne ſi benè egeris recipies?* [b] *ſin autem malè, ſtatim in foribus peccatum tuum aderit?* [c] *quia tamen per peccata, non originale ſolum,* [d] *ſed etiam multa actualia, iam valdè obſcuratum erat rationis lumen,* [e] *ita vt homines iam vix falſum à vero, & rectum ab iniquo diſcernerent:* [f] *ideò dedit Deus Moyſi amico ſuo, & per Moyſem populo hebræorum legem ſcriptam,* [g] *quæ de-*



đức Chúa cả làm nên mọi ſự, đã cho người ta đạo thánh, có ba lẽn: [u] một là khi cho lòng người ta tự nhien có đạo lí, mà thoắt choúc chia ra ſự ngay, ſự vạy, biét ſự lành, ſự dữ: [x] náy là đạo lí tự nhien, và ſáng mạt đức Chúa blời, có ẩn ở lòng ta, [y] cho nên khi ta chẳng theo đàng ngay, chẳng khỏi được lỗy. [z] Như khoở xưa đức Chúa blời phán cữ thàng Cain, ràng: [a] mầy có làm lành, chẳng chịu lành ru? [b] mà có làm ſự đữ, tội mầy thoắt choúc thì đến ở tlước cửa mà chớ. [c] Saő le vì có tội, chẳng những là tội tổ nể truyền cho, [d] lại có tội nhều mình làm, cho nên ſáng đạo lí đã ra mù mít; [e] mà người ta chia ſự dối, ſự thạt, biét ſự ngay, ſự vậy là hoạ: [f] vì bệy đức Chúa blời có nghĩa cũ oũ Moyſes, mà truyền cho oũ ếy đạo chếp: lại khíen oũ Moyſes truyền cho nước Iudæa, [g] mà

*cem præcepta decalogi continet, de quibus infra erit agendum,* h
[h] *& hæc fuit ſecunda Diuinæ legis publicatio.* i
[i] *Sed quia populus ille carnalis quamuis legẽ Dei non ignorabat, illam tamen non cuſtodiebat;* k
[k] *ideò Diuinus hic Magiſter Ieſus Chriſtus Dominus noſter aduenit, legem gratiæ per ſe ipſum promulgaturus,* l m
[m] *per quam pijſſimus Magiſter, ac Dominus, non ſolum doceret nos viam vitæ æternæ,* n
[n] *ſed etiam per gratiam, & auxilia Diuina, quæ nobis merebatur, vires adderet, ad illam cuſtodiendã neceſſarias,* o
[o] *& ideò vocatur Lex gratiæ.*

[p] *Atque vt homines ad credendum Dei Verbum induceret multa perpetrauit miracula Dominus Ieſus,* p
[q] *ad confirmandam legem ſanctam, quam docebat:* q
[r] *nam cæcis viſum, ſurdis auditum, claudis greſſum rectum, ægris ſanitatem,* r



đạo nãy có mười ſự răn, đến ſau ta phải giảng.
h [h] ꞗêy là lần thứ hai, khi đức Chúa blời có rao
i đạo. [i] Saõ le vì đến nước Iudæa hèn, dẫu có đạo đức Chúa blời, cũ
k chẳng có giữ. [k] Vì ꞗệy đức Chúa Ieſu là Thầy cả, thật là đức Chúa blời, là Chúa chúng tôi, đã ra
l đời, [l] mà mình đến, rao đạo *gratia*, lá kết
m nghĩa cũ người ta, [m] mà ꞗệy khi làm Thầy, và Chúa rứt nhin, chẳng lo là dạy ta đàng ſống
n lâu vô cũ, [n] mà lại có coũ thêm *gratia*, là giúp ſức cho ta giữ được
o đạo: [o] vì ꞗệy thì gọi là đạo gratiæ.

p [p] Lại đức Chúa Ieſu làm nhều phép lạ, mà ꞗệy khuyên dỗ người ta tin mlời đức Chúa blời,
q [q] và làm cho đạo thánh mình dạy, càng tỏ nữa;
r [r] vì tối mạt thì cho ſáng; kẻ nặng tai, cũ cho ſing: kẻ què chân thì cho đi ngay: kẻ đau náng thì cho đã, và kẻ đã chết

*mortuis etiam vitam re-*
*ſtituit;* [f] *multaque alia per-* f
*petrauit mirabilia,per illud*
*triennium, quo diuinam*
*tradidit doctrinam,* [t] *vt* t
*nimirum ſe, non ſolum*
*verum hominem probaret,*
[u] *qui inter homines, vt ho-* u
*mo conuerſabatur, man-*
*ducans & bibens, & vi-*
*tam hanc humanam,quam*
*aſſumpſerat, inter nos vi-*
*uens:* [x] *ſed etiam verum* x
*Deum, qui naturales re-*
*rum leges in mundo hoc*
*mutaret pro arbitrio ſuo,*
[y] *tanquam verus rerum* y
*omnium Dominus.*

[z] *Primum autem miracu-* z
*lum quod Dominus Ieſus*
*perpetrare dignatus eſt,*
[a] *fuit in Cana Galileæ, vbi* a
*cùm inuitatus ad nuptias*
*ipſe,* [b] *cum Matre ſua* b
*ſanctiſſima, Virgine Ma-*
*ria, & cum diſcipulis ſuis,*
[c] *vidit iam defeciſſe vi-* c
*num pro inuitatis, quod*
*iuxtà illius regionis mo-*
*rem propinari ſolet:* [d] *mo-* d
*nente itaque Virgine Ma-*



đã rồi cữ cho ſóũ lại :
f [f] cữ có làm nhều phép
lạ, ba nam ẽy, khi đang
giảng đạo đức Chúa
t blờ̀i, [t] mà làm bệy thì
tó ra, đức Chúa Ieſu
chẳng nhữ̀ng là người
u thạt, [u] mà ở cữ người
ta như người, ăn üẩng,
và ſóũ tlaõ xác đã lẽy,
x mà ở cữ chúng tôi: [x] lại
bởi phép ẽy cữ tó ra, đức
Chúa Ieſu, thạt là đức
Chúa blời, vì đổi những
đàng quen tlaõ thế giái
y nẫy, mạc í mình, [y] như
là Chúa thạt mọi ſự.

z [z] Mà phép lạ đức Chúa
Ieſu có định làm đầu
a hết, [a] thì làm ở làng
gọi là Cana, tlaõ xứ
Galilæa, khi ở nơi ẽy,
có ai mời đức Chúa
b Ieſu, [b] và rứt thánh đức
Mẹ đòũ thân, cữ đẫy tớ
c đức Chúa Ieſu, [c] mà đã
thấy đã hết nước blái
nho, có quen cho người
d ta üáng, ở nước ẽy, [d] mà
đức Mẹ đòũ thân nhin
lành thì baó đức Con

tre

*tre pÿſſima, quod vinum*
*non haberent, [e] quæ mini-* e
*ſtros etiam monuit, vt fa-*
*cerent quæcunque dixiſſet*
*Dominus, quamuis repul-*
*ſam paſſa videretur, cùm*
*audiuit ab amantiſſimo Fi-*
*lio ſuo, quid mihi, & tibi*
*mulier, miniſtros monuit*
*vt facerent quæcunque*
*dixiſſet Dominus: [f] tunc* f
*pÿſſimus Dominus Ieſus,*
*iubens impleri hydrias a-*
*quæ, [g] cùm à miniſtris* g
*impletæ eſſent ſex hydriæ*
*ſatis amplæ, vſque ad ſum-*
*mum, [h] præcepit hauriri,* h
*& ferri ad bibendum,*
*[i] ſtatimque aqua illa, iu-* i
*bente Domino, in vinum*
*perfectiſſimum conuerſa*
*eſt, [k] ita vt mirarentur in-* k
*uitati, & præſertim Ar-*
*chitriclinus, qui neſciebat*
*vnde eſſet tale vinum,*
*[l] miniſtri autem ſciebant,* l
*qui hauſerant aquam;*
*[m] quo miraculo viſo in* m
*Fide confirmati ſunt diſci-*
*puli Domini, & credide-*
*runt in eum.*

e đã hết của ếy, [e] dù mà
đức Chúa Ieſu đã thưa
như bỏ mlời đức Mẹ,
mà ràng: ta có gì cữ bà.
ſaõ le đức Mẹ có baó
đầy tớ nhà ếy, đức
Chúa Ieſu có khiến làm
f ſao, thì làm thế ếy: [f] bấy
giờ đức Chúa Ieſu rứt
nhin, thì khiến lếy nước
g lả, mà đầy cái chế, [g] đầy
tớ nhà ếy có thì lếy
nước mà đếy ſáu cái
chế cữ mlớn, cho đến
h miệng: [h] thoi đỗạn đức
Chúa Ieſu khién múc,
mà đam cho người ta
i ủắng: [i] thoắt choúc nư-
ớc lả ếy, bởi phép đức
Chúa Ieſu, thì ra nước
blái nho rứt ngon, là
k rượu nước ếy, [k] cho
nên kẻ ăn cưới đếy thì
hãi, tlước hết kẻ làm
cai, vì chẳng hay của
ngon làm ꞗệy bởi đâu:
l [l] mà đầy tớ nhà ếy, khi
đã kín nước lả đã hay.
m [m] ꞗệy đầy tớ đức Chúa
Ieſu thấy phép lạ thế
ếy, thì càng tin, và lếy
mlời đức Chúa Ieſu làm thạt ꞗệy.

*Cùm*

[n] *Cùm igitur Dominus Ieſus innumera perpetraret miracula, prædicans Euangelium regni cælorum, [o] & verba vitæ æternæ haberet, [p] omnes ita ab eius ore Diuino pendebant, [q] vt quocunque iret, turbæ populorum ſequerentur, vt audirent eum, & ſanarentur à langoribus ſuis: [r] quadam vice cùm turba multa eſſet in litore, aſcendit in nauiculam Petri primarij Apoſtoli ſui, vt doceret eos: [ſ] poſtea iuſſit Petro vt duceret in altum ad capturam piſcium, [t] cui Petrus reſpondit: Magiſter per totam noctem laborantes nihil cepimus, [u] in verbo autem tuo laxabo rete, [x] & ſtatim cœpit copioſam piſcium multitudinem, ita vt rete rumperetur; [y] innuit autem ſocijs qui erant in alia nauicula, vt adiuuarent eum, [z] & ex piſcibus impletæ ſunt ambæ*



[n] ếy ꞗệy mà khi đức Chúa Ieſu làm phép nhều ké chẳng xiết, và giảng tin lành, ſự cốc tlên blời, [o] cũ có những mlời cho ſóũ lâu vô cũ, [p] thien hạ thì truẩn nghe lám, [q] cho nên đức Chúa Ieſu đi đâu, người ta thì theo rầm rầm, mà nghe, và cho khỏi ſự đau náng khốn nạn: [r] có lần nào khi người ta nhều ở tlên bảy, đức Chúa Ieſu thì xuống thuyền Pedro, là đầy tớ cả mình, mà dạy dỗ người ta, [ſ] đoạn thì khiến Pedro đam thuyền ra, mà đi lưới bắt cá. [t] Pedro thì thưa rằng tôi lạy Thầy, chúng tôi blót đem chịu khó bó lưới, mà chẳng được đí gì, [u] ſaõ khi có mlời đức Thầy, thì tôi bó lưới lần nầy nữa, [x] mà một chốc thì được cá nhều lắm, cho nên rách lưới ra, [y] khi ếy thì bảo bạn ở thuyền khác, đến cũ mà giúp; [z] ꞗệy thì và hai thuyền đầy

*naui-*

*nauiculæ.* [a] *Quod videns Petrus dicebat Domino: recede à me, quia homo peccator ſum Domine,* [b] *ſtupor enim apprehenderat eum, in captura piſcium.* [c] *Benigniſſimus verò Dominus ad eum: noli timere, inquit, ex hoc eris homines capiens;* [d] *& ſubductis in terram nauiculis ſequuti ſunt Dominum.* [e] *Alia item vice, cùm turbæ multæ de ciuitatibus ſecutæ fuiſſent Dominum Ieſum, vſque in ſolitudinem, vt audirent eum,* [f] *& hora iam eſſet tarda, nec haberent quid manducarent,* [g] *dixit miſericors Dominus: miſereor ſuper turbam, quia non habent quod manducent;* [h] *ſi dimiſero eos ieiunos deficiēt in via:* [i] *tum interrogauit diſcipulos ſuos, quot panes habetis?* [k] *quibus reſpondentibus, puerum vnum*



những cá ẻy. [a] Pedro thấy ꞗệy thì ràng, tôi lạy đức Chúa Ieſu, hãy đi cho khỏi tôi, vì tôi là kẻ có tội: [b] nói ꞗệy, vì thấy bắt nhều cá làm ꞗệy, thì hãi lắm. [c] Saố le đức Chúa Ieſu rứt nhin, thì phán ràng: Pedro chớ ſợ làm chi, từ nầy về ſau mầy bắt được người ta; [d] khi ẻy có cất hai thuyền lên đết, mà theo đức Chúa Ieſu.

[e] Cũ có khi khác nhều người ra bởi thành, mà theo đức Chúa Ieſu, rầm rầm, cho đến tlền rừng, mà nghe giảng: [f] khi ẻy đã hầu tối, mà người ta chẳng có gì ăn: [g] ſaố đức Chúa Ieſu nhin lành, phán ràng: tao thương người ta nhều lắm, vì chẳng có gì ăn, [h] ví bàng tao tha nó về khoú, thì ngã giữa đàng, mà về chẳng được: [i] lại hỏi đầy tớ cả, ràng: bay có mấy cái bánh ăn? [k] đầy tớ cả thưa ràng: lạy đức Chúa Ieſu, đây một con tlẻ còn có nam

ibi

*ibi eſſe, qui haberet quinque panes, & duos piſces;* [l] *ſed quid hæc inter tantos?* [m] *iuſſit nihilominus pijſſimus Dominus ſedere omnes ſuper fœnum,* [n] *& gratias æterno Patri agens, diuiſit panes, & piſces,* [o] *deditq; diſcipulis ſuis, & diſcipuli diſtribuebant turbis,* [p] *& manducauerunt omnes, & ſaturati ſunt:* [q] *cumque iuſſiſſet Dominus colligi fragmenta, nè perirent,* [r] *inuenti ſunt duodecim cophini fragmentorum pleni,* [ſ] *qui autem manducauerãt erant quinque millia hominum,* [t] *præter mulieres & paruulos.*

[u] *His miraculis erudimur, quærentibus beatitudinem cæleſtem, quæ eſt regnum Dei, & iuſtitiam eius,* [x] *ad vitam hanc ſuſtentandam neceſſaria minimè defutura, ſed potius ſuperabundatura;* [y] *præterea in hoc vltimo apparet, per eleemoſynas terrenam ſubſtantiam non minui, ſed augeri:* [z] *cùm enim ante*



cái bánh, và hai con cá; [l] mà người ta nhều làm ꞗệy, là bấy nhều hột? [m] ſaõ le đức Chúa Ieſu phán khién hết thay thải ngồi tlên cỏ, [n] mà cám ơn đức Cha hàng có ꞗệy; đoạn thì chia ra và bánh, và cá, [o] mà tlao cho đầy tớ mình; lại đầy tớ chia cho người ta, [p] mà ăn hết thay thảy cho no: [q] thôi đoạn đức Chúa Ieſu khién giữ tấm thừa, kẻo bỏ hư, [r] mà đã góp lại mười hai hóũ đềy, [ſ] kẻ đã ăn, những đấn oũ, là nam nghìn người, [t] chẳng kể đấn bà, cũ chẳng kể con tlẻ.

[u] Phép lạ nầy dạy ta, ai tím cho được ꞗui bé tlên blời, là nước đức Chúa blời, và nhin đức, là đàng đến đềy, [x] dú đủ ở thế nầy, chẳng có thiếu gì, mà lại thừa: [y] phép ſau nây lại dạy ta, thí của cho kẻ khó chẳng phải làm hết của, mà lại thêm của nữa: [z] vì chưng khi chưa có

*eleemo-*

*eleemoſynam turbis bis fa-
ctam, ſolum eſſent quinque
panes, & piſces duo, a quæ
omnia vix fortè poſſent
ſufficere ad implendum
vnum cophinum: b at poſt
eleemoſynam, & diſtribu-
tionem factam, ſuperaue-
re duodecim cophini, frag-
mentorum pleni.
c Item cùm Dominus Ieſus,
turbis, quæ illum ſeque-
bantur, comprimeretur;
d acceſſit retrò mulier quæ-
dam, quæ fluxum ſangui-
nis patiebatur, iam annis
duodecim, e & ſubſtantiã
ſuam iam expenderat in
medicos, abſque remedio;
f hæc magna cum fide ac-
ceſſit, & tetigit fimbriam
veſtimenti eius; g dicebat
enim intra ſe, ſi tantum
tetigero fimbriam veſti-
menti eius, ſalua ero, &
ſtatim ſanata eſt plaga.
h turbis autem tunc com-
primentibus Dominum Ie-
ſum, quærebat tamen Do-
minus, quis ipſum tetigiſ-
ſet; i ſenſerat enim vir-
tutem à ſe exiſſe, quæ mulierem illam cum fide ac-*



thí cho người ta ăn, có
những nam cái bánh, cứ
hai con cá, a hết, ấu là
chẳng đẩy một thóũ,
b ſaố đến khi đả thí đoạn,
mà chia cho kẻ đói ăn,
thì thừa mời hai thóũ
đầy.
c Lại có khi đức Chúa
Ieſu ở chặt, bởi người
ta theo lám: d mà có đẫn
bà naò đến bên ſau cật
đức Chúa Ieſu, vì đã
phải tất ra máu minh,
mười hai nam, e mà của
minh cho những thầy
thuóc chữa chùng hết,
ſaố chẳng đã cho; f bà ếy
thì tin lám, mà đến
cầm chên áo đức Chúa
Ieſu: g vì nói ràng; tay
tôi đá đến được chên
áo đức Chúa Ieſu, thì
tôi đã, mà tức thì đã
lành: h khi ếy người ta
dộn lám, cho nến chen
chật tlên minh đức Chúa
Ieſu, mà đức Chúa Ieſu
hỏi ràng: tay ai đá đến
tao? i vì đã thấy có phép



*ceden-*

*cedentem ſanauerat; [k] illique ſe cum timore manifeſtanti, quod Dominum* k
*tetigiſſet, [l] benignè reſpondit pius Dominus: Confide filia, fides tua te ſaluam fecit;* l
*[m] vt nos doceret, ad ipſum Dominum accedere cum fide, vt à langoribus noſtris ſanemur.* m
*[n] Eo ipſo tempore mortua erat Archiſynagogi filia duodennis, in domo patris.* n
*[o] Ingreſſus itaque Dominus Ieſus tenuit manum eius, & dixit ei: puella ſurge.* o
*[p] Statimq; ſurrexit puella, æquè facilè, ac ſi tantum dormiret;* p
*[q] Dominus enim Ieſus vitæ & mortis erat Dominus,* q
*[s] & æquè facilè à morte, atq; à ſomno excitare poterat, quem volebat.* s
*[r] Sic adoleſcentem filium vnicum matris ſuæ,* r
*[t] cùm iam deferretur ad tumulũ, in porta ciuitatis Nain, excitauit à mortuis;* t
*[u] cum* u



bở-i minh ra, có kớu bà
k ếy lào tin mà đến: [k] lại khi bà ếy nói ra, tay mình đá đến đức Chúa
l Ieſu, mà dái; [l] đức Chúa Ieſu nhin đức, thì thửa đều lành, phán rằng: ơ con hãy cậy ꞗệy, bởi mầy có lào tin, mầy đã
m lành; [m] ꞗệy dẽay ta có lào tin, mà đến cữ đức Chúa Ieſu, thì chữa đã tạt ta.
n [n] Bấy giờ chóuc ếy cấu đang nhà thánh có con nên mươi hai tủổi, mà
o chết ở nhà cha, [o] ꞗệy đức Chúa Ieſu ꞗěào cầm tay con ếy, phán rằng: ơ con hãy dẹy;
p [p] thoát chóuc con ếy thì
s ſóũ lại mà dẹy, dễ bằng
q ngủ mà thức dey: [q] vì chưng đức Chúa Ieſu là Chúa khiến ſóũ chết
r mạc ý; [r] mà kẻ đã chết, cho ſóũ lại, thì dễ được, bằng kẻ ngủ, mà cho thức dẹy.
r [r] Cữ có con blai, là một con mẹ nó, [t] khi đưa đón nó đi chon, ở cửa thành t
Nain, đức Chúa Ieſu cho nó ſóũ lại: [u] vì chưnh khi u

enim

*enim vidiſſet Dominus matrem ipſius, quæ vidua erat, [x] & funus filij cum multa turba ciuitatis comitabatur, lacrymantem, [y] miſericordia motus, dixit ei: noli flere; [z] & poſtea tetigit loculum & dixit: [a] adoleſcens, tibi dico, ſurge; ſtatim ſurrexit, & reſedit qui erat mortuus, & cæpit loqui, [b] & dedit eum Dominus matri ſuæ. [c] Alia innumera miracula fecit Dominus Ieſus, [d] tum vt ſuæ doctrinæ veritatem probaret, [e] per quam homines non ſolùm ad legem Diuinam ſeruandam hortabatur, [f] ſed etiã perfectionis altiſſimæ, mũdo hactenus incognitæ, viam aperiebat: [g] tum maximè vt hominibus Diuinitatem ſuam aperiret: [h] nam eo modo ſe omnium rerum Dominum oſtendebat, [i] tum in aëre, ventis imperans, [k] tum in*



ẽy đức Chúa Ieſu thấy mẹ nó gõá chồ, [x] mà đưa đón con, có nhều người ꞗồi bởi thành ra, mà bà ẽy khăóc lăóc, [y] thì đức Chúa Ieſu thương, mà phán ràng: ơ bà chớ khăóc làm khi; [z] đoạn thì tay đá đến cái săng, mà phán ràng: [a] ơ con blai, tao bảo mầy, bãy dẹy: chóuc ẽy con blai đã chết thì ſóũ lại mà dẹy ngồi, và nói ra: [b] thì đức Chúa Ieſu tlao nó lại cho mẹ nó. [c] đức Chúa Ieſu có lám phép khác nữa vô hồi vô ſố, [d] và cho tỏ ra, mlời mình giảng là thật, [e] mà ꞗệy chẳng lọ là khuyen người ta giữ đạo đức Chúa blời, [f] mà lại mở đàng nhin đức rứt cao cho người ta, thien hạ chưa rằng hay; [g] và nhít là cho người ta hay tỏ, đức Chúa Ieſu thật là đức Chúa blời ꞗệy: [h] vì chưng làm ꞗệy thì tỏ ra, là Chúa tlện hết mọi ſự, [i] và tlện gió róũ, thì ſửa gió, [k] và tlện biển, thì làm

*mari fluctus compeſcens ;*
l *tum in hominibus ſani-*
*tates penè innumeras red-*
m *dens,* [m] *interdum ſolo con-*
*tactu, interdum etiam ſo-*
n *lo verbo :* [n] *tum in omnes*
*dæmones poteſtatem ſuam*
o *oſtendens,* [o] *& compeſcens*
*eos, vel iubens, vt à cor-*
*poribus obſeſſis abſcederēt,*
p [p] *idque non vt alij Sancti*
q *viri,* [q] *qui, vt miracula*
*aliqua perpetrarent, ora-*
*tionem, & ieiunium adhi-*
r *bere debebāt :* [r] *at Domi-*
*nus Ieſus ſolo imperio, &*
*tanquam in omnia creatā*
*poteſtatem habens, mira-*
f *cula perpetrabat,* [f] *oratio-*
*ne non indigens, quamuis*
*ad exemplum noſtrum,*
*illam interdum adhibe-*
*ret .*

t [t] *Neque ſolùm ipſe Domi-*
*nus miracula hæc perpe-*
u *trabat,* [u] *ſed etiam diſci-*
*pulis ſuis ea perpetrandi*
x *poteſtatem faciebat,* [x] *vt*
*ſupremus Rex, qui non ſo-*
*lùm per ſe ipſe poteſtatem*
*exercet in ſuos ſubditos;*
y [y] *ſed poteſtatem etiam*



l cho lạng ſáõ, [l] và tlên
người ta, thì chữa đã,
m kể chẳng xiết, [m] có khi
thì tay đá đến mà thôi,
có khi thì những mlời
n khiến: [n] và tỏ phép mình
o rá tlên mọi quỉ, [o] khi
bắt chúng nó, hay là khi-
ến rà khỏi xác, ké phải
p quỉ ám; [p] mà đức Chúa
Ieſu làm mọi phép ấy,
chẳng phải như người
q thánh khác; [q] khi có làm
phép gì, tlước thì phải
cầu, cữ ăn chay, thì mới
r được: [r] ſaõ le đức Chúa
Ieſu một khiến, như làm
Chúa tlên hết mọi ſự
ſinh ra, thì làm phép ꞗệy;
f [f] mà chẳng phải cầu khẩn
cho được, dầu có khi
thì đức Chúa Ieſu, cữ
cầu khẩn, làm gương
cho ta xem, mà bắt chư-
ớc ꞗệy.

t [t] Lại đức Chúa Ieſu
chẳng lọ là mình làm
u phép ấy, [u] mà lại cho
đầy tớ, có ſức làm phép
x lạ ꞗôi: [x] như thể ꞗua
Chúa cả, chẳng lọ là
y mình làm phép; [y] mà lại
com-

*communicat magiſtratibus ſuis.*

[z] *In hoc etiam Diuinitas Chriſti Domini plurimum elucebat,* [a] *quia intimas hominum cogitationes ita penetrabat, & perſpiciebat, ſicuti & ipſam faciem,* [b] *& tàm facilè arguebat malum, quod adhùc in corde latebat,* [c] *quàm opus ipſum externum malum.* [d] *Vndè aduerſarij eius, quamuis multa machinabantur; vt ipſum caperent,* [e] *vel in ſermone, vel in opere:* [f] *facillimè tamen eorum technas is eludebat.* [g] *Erant autem aduerſarij Domini,* [h] *& plurimi & argutiſſimi inter hebræos,* [i] *quos Scribas, & Phariſæos nuncupabant,* [k] *quia ſcilicet eorum opera erant mala:* [l] *doctrina verò Domini erat æqua, & plana ad erudiendos omnes, etiã infimam plebem,* [m] *& clariſſima ad arguenda peccata:* [n] *& quia multi ex principibus erant varijs*



thoű phép ẽy cho kẻ trị nước thay minh.

[z] Lại đức Chúa Iesu, cho người ta hay tỏ tỏ tưẳng, thật là đức Chúa blời, [a] khi thấy lòng người ta lo thể nào, cử tỏ bàng thấy mặt người ẽy: [b] và ſự naò dữ, còn giấu tlaő lòng, cử nghỉ trách, [c] bằng việc lỗy đã làm ra bề ngoài: [d] cho nên dù mà kẻ hủy báng đức Chúa Iesu, làm dều chước, mà buộc lại, [e] hay là mlời nói, hay là việc làm: [f] ſaő le đức Chúa Iesu thì ra dễ lám, mà khỏi mọi chước ẽy.

[g] Dấu kẻ hủy báng đức Chúa Iesu, [h] và nhều lám, và kẻ rứt quỉ quái tlaő Iudæa, [i] là kẻ hay chữ nghĩa, gọi là Scribæ, cử Phariſæi: [k] vì chưng việc nó lám thì dữ: [l] mà mlời đức Chúa Iesu giảng thì bằng, và dễ dẽ ạy thien hạ, dù là kẻ mọn tlaő dền, [m] cử rứt ſáng, mà lửa ſự lỗy: [n] ſaő

*pecca-*

*paccatis onerati,* [o] *oderãt lucem, quam Chriſtus Dominus præ ſe ferebat,* [p] *tum in vitæ Sanctitate, tum in admirabili doctrina;* [q] *propter quæ populus illum venerabatur,* [r] *& relictis Phariſæis, illum ſequebatur.* [ſ] *Hoc autem maiorẽ inuidiam in Pariſæis, & Scribis excitabat,* [t] *ita vt calumnijs coram populo famam Domini curarent proſcindere,* [u] *præcipuè ſub ſpecie pietatis & Religionis.* [x] *Cùm enim Dominus maximè in Sabbathis plebem erudire curaret,* [y] *& ſæpè infirmi accederent, vt curarentur in Sabbatho;* [z] *Dominus Ieſus eorum miſeratus in Sabbatho etiam multas curationes præſtabat.* [a] *Sic mulierem quandam, ex malitia dæmonis miſerabiliter incuruatam, iam ab annis decem & octo,* [b] *ita vt omninò ſurſum non poſſet aſpicere,*



le vì kẻ cả có gánh tội nhều, [o] thì ghét ſáng, đức Chúa Ieſu đam cho, [p] và việc mình làm, những ſự thánh, và mlời giảng ſáng rứt mực, [q] cho nên dện thì kính đức Chúa Ieſu. [r] mà theo rầm rầm, bỏ Phariſæo là thầy cũ ẽy. [ſ] Mà làm ꞗệy Scribæ, và Phariſæi càng ghen ghét đức Chúa Ieſu; [t] cho nên bỏ vạ mà ꞗệy muấn làm cho đức Chúa Ieſu mất tiếng cữ người ta, [u] nhít là bỏ vạ ſự việc thờ. [x] Vì chưng khi đức Chúa Ieſu, nhít là ngày thứ bảy, thì dạy dỗ dên nước ẽy, [y] mà nhều lần người đau náng thì đến ngày thứ bảy, cho được lành lại; [z] đức Chúa Ieſu thương xót người ta, ngày thứ bảy có làm nhều người đau cho ra lành. [a] Như thể có đàn bà naò, bởi ma quỉ dữ làm cho cội mình xuống, đã mười tám nam, mà thương hại, [b] cho nên coi lên cháng được ſốt: đức Chúa Ieſu thấy

miſeri-

*miſericorditer ſanauit in ſabbatho:* [c] *ſic etiam homini manum aridam habenti ſanitatem reſtituit in Sabbatho:* [d] *cùmque murmurarent,* [e] *imò & iraſcerentur miſeris illis,* [f] *quod in ſabbatho venirēt vt ſanarentur;* [g] *ſub prætextu religionis, dicentes:* [h] *ſex dies ſunt in quibus licet operari, in his venitè & curamini,* [i] *non autem in Sabbatho, in quo non licet operari.* [k] *At benignus Dominus, eorum fictam religionem confundens, vt eorum mentes etiam ſanaret, aiebat,* [l] *nunquid iumentum veſtrum ſi in foueam ceciderit in Sabbatho, illud extrahitis?* [m] *aut etiam ſoluiſtis vt ducatis adaquare in Sabbatho?* [n] *Quare igitur indignamini, ſi filiam Abrahæ, quam iam decem & octo annis ſathanas alligauit, in Sabbatho ſoluo?*



ꞗệy, thì thưầng, mà cho đã ngày thứ bảy; [c] cũ có đẩn oũ naò phải tay mình héo đi, mà đức Chúa Ieſu cho lành, cũ là ngày thứ bảy: [d] khi ểy kẻ ghen ghét đức Chúa Ieſu thì nói hành, [e] mà lại gện máng kẻ đau náng khốn nạn, [f] ſao đến ngày thứ bảy, cho được lành, [g] như thể phạm ngày lễ lạy, mà ràng: [h] có ſáu ngày thì nên làm việc, ngày ểy bay hãy đến, cho được lành, [i] mà ngày lễ, khi chẳng nên làm việc, thì chớ đến. [k] Saõ le đức Chúa Ieſu nhìn lành, thì bắt nó mà tỏ ra, phép nó thờ làm ꞗệy, là phép dối, phán ràng: [l] ví bàng tlâu bò bay phải ngã tlaõ lỗ ngày thứ bảy, chẳng lểy ra, mà để ꞗệy ru? [m] hay là chẳng mở dểy nó ra, mà đam nó uống nước ru? [n] mà vì ſao có gện giũy, khi tao mở đẩn bà này, cũ là con oũ Abraham, tự ma quỉ đã mười tám

*[o] Cùmq; nihil haberēt, quod reſponderent magis inuidia torquebātur: [p] at populus mirè gaudebat in vniuerſis, quæ gloriosè fiebant ab eo. [q] Erat autem Hieroſolimis probatica piſcina, quinque porticus habens, [r] in quibus iacebat magna multitudo languentium, cæcorum, aridorum expectantium aquæ motum, [ſ] Angelus enim Domini deſcendebat de cælo, & piſcinæ illius aquam mouebat, [t] tum qui primus, poſt aquæ motum, in illam deſcendiſſet piſcinam, [u] à quacunque tandem infirmitate detentus fuiſſet, ſtatim liberabatur: [x] cùmq; Dominus Ieſus, pro ſua pietate, [y] locum illum languentium quadam vice inuiſeret, vidit ibi hominem paraliticum, [z] triginta & octo annos habentem in infirmitate ſua: [a] hunc interrogauit beni-*



năm có buậc nó lại? [o] mà khi đức Chúa Ieſu nói làm ꞗệy, kẻ hủy báng chẳng biét là thưa làm ſao, mà càng chịu hình ghen ghét ꞗệy, [p] ſaố le dên mòng bọi phần, vì mọi ſự đức Chúa Ieſu làm, cho cả ſáng ꞗệy. [q] Lại có tlaố thành Ieruſalem ao thiêng, mà quanh ao ếy có nam cái chái nhà, [r] những kẻ đau náng, tối mạt, què chên, què tay, yếu liẹt thể naò nàm đếy, mà đợi nước ao ếy có đọú: [ſ] vì có thiên thần đức Chúa blời ſai bởi blời mà xuẫng, làm cho nước ao ếy đọú [t] mà nước ếy đọú đŏạn, ai xuẫng tlaố ao ếy tlước, [u] có phải đau khốn thể naò, thể naò, bóú choúc thì được lành: [x] có ngày naò đức Chúa Ieſu thương, [y] ꞗĕaò viếng kẻ đau ở nơi ếy, mà coi thầy có người naò blệt hết chên tay, [z] đã ba mươi tám nam, có phải liệt làm ꞗệy.. [a] mà đức Chúa Ieſu lào rứt nhin, có hỏi nó, mầy muẫng đã

*gnus*

*gniſſimus Dominus, vis ne ſanus fieri?* [b] *at ille reſpondit, ſe hominem non habere, qui iuuaret,* [c] *ad hoc vt ad aquæ motum poſſet citò in aquam deſcendere;* [d] *cùm enim ipſe eſſet paraliticus, alius præueniebat,* [e] *nec vnquam ſanari potuerat:* [f] *ſtatimque pius Dominus miſericordia motus, ait illi:* [g] *ſurge, tolle lectum tuum, & vade in domum tuam:* [h] *tunc miſer ille per viuifica Domini verba,* [i] *confortatus, ſubitò conualeſcens, ſurrexit alacris, ac viribus integris,* [k] *tulit lectum ſuum, iuxtà præceptum Domini, & ibat in domum ſuam:* [l] *erat autem dies ille Sabbathi,* [m] *Cùm igitur illi peruerſi zelatores,* [n] *eum in Sabaatho lectum ſuum ferentem vidiſſent,* [o] *reprehenderunt acritèr, quod Sabbathũ non cuſtodiret:* [p] *at ille, tutare ſe volens ab eo-*



cho lành chang? [b] nó thì thưa ràng; tôi lạy oű, tôi chẳng có ai giúp tôi, [c] cho đến khi nước đọú, tôi xuấng cho cháő; [d] vì chưng khi tôi blạt chên tay làm ꞗệy, kẻ khác thì xuấng tlước, [e] mà tôi bấy lâu năm chẳng được lành: [f] thŏát chóuc đức Chúa Ieſu nhin lành, mà thương xót nó, phán ràng: [g] mầy dệy, vạc lềy giường mày, mà về: [h] chóuc ềy người liệt có mlời đức Chúa Ieſu làm cho người ta ſóú lại, [i] cho nó ꞗứng ꞗàng, mà tức thì đã lành dệy khoẻ mạnh, [k] vạc giường mình, bằng mlời đức Chúa Ieſu phán, mà đi về nhà mình: [l] ngày ềy thì phải ngày thứ bảy, là ngày lễ. [m] mà những đứa quỉ quái ềy hủy báng đức Chúa Ieſu, [n] thấy nó ngày lễ vạc giường mình, [o] thì máng nó gia giét, ſao chẳng giữ ngày lễ, [p] mà nó muấn chữa mình, cho khỏi mlời máng

*rum iniqua reprehenſione,*
*q ita imperatum ſibi dixit,* q
*ab eo qui ſanum illum fe-*
*cerat verbo ſuo. r Cùmq;* r
*illi rurſus interrogarent,*
*quiſnam ille eſſet qui Sab-*
*bathum non cuſtodiebat?*
*s ipſe autem ſanus factus* s
*nondum noſſet ipſum Domi-*
*num, t quia is data opera* t
*declinauerat à turba, u non* u
*enim gloriam propriam*
*quærebat Dominus, x tunc* x
*ergo phariſæis, qui ſanus*
*factus erat, Ieſum non ma-*
*nifeſtauit: y at paulò poſt,* y
*cùm obuiam illi factus Do-*
*minus illum monuiſſet, z* z
*vt nollet amplius peccare,*
*ne ipſi deterius aliquid con-*
*tingeret: a ſignificans ni-* a
*mirum nobis infirmitates*
*corporis, & alia flagella,*
*propter peccata ſæpè nobis*
*euenire. b Tunc ille ſanus* b
*factus manifeſtauit Iudæis*
*Dominum Ieſum feciſſe*
*ipſum ſanum; c quod tantò* c
*magis eorum in Dominum,*



q gian ếy, thì ràng: q có
làm thế ếy vì có mlời
người nói một đều làm
cho nó lành, đã khiến
r nó làm ꞗệy: r mà bấy
đứa ếy lại hỏi; mà ngư-
ời chẳng có giữ ngày
s lễ là ai? s ſaố le khi ếy
người đã lành chưa
t biết đức Chúa Ieſu, t vì
chưng đức Chúa Ieſu
đã có í tránh người ta
u độn, u vì chẳng có tìm
cho người ta khen mình,
x x vì ꞗệy người đã lành
ếy chẳng có tỏ ra khi
ếy đức Chúa Ieſu cho
y kẻ hủy báng: y ſaố le
đến ſao khi đức Chúa
Ieſu gặp nó, mà bảo nó
z phán ràng, z chớ phạm
tội nữa, keó phải ſự
gì càng khốn hơn nữa:
a a phán ꞗệy cho ta biết,
ſự phải liệt, và phải tai
vạ khác, có đến ta nhều
b lần vì tội ta. b Khi ếy
người được lành thì tỏ
ra cữ thàng Iudæo, đức
Chúa Ieſu làm cho nó
lành: c mà bấy thằng ếy, mlẽ thì càng phải kính | c

quem

*quem ob tam inſignia mi-*
*racula, & virtutes vene-*
*rari debuerant,*[d] *inuidiă,* d
*inſtigante diabolo, excita-*
*bat.*
[e] *Similiter aliud miracu-* e
*lum ingens Dominus Ieſus*
*in Sabbatho facere voluit,*
[f] *ex quo, ſi vellent, poſſent* f
*clarè inuidioſi iſti, Diui-*
*nam poteſtatem in Domino*
*agnoſcere,*[g] *niſi excæca-* g
*rentur inuidia & liuore.*
[h] *Erat tunc quidam cæcus* h
*à natiuitate, communiter*
*notus,*[i] *hunc cùm vidiſ-* i
*ſent diſcipuli quærebant à*
*Domino:*[k] *Quis peccaſſet,* k
*hic, aut parentes eius, vt*
*cæcus naſceretur?*[l] *ad quos* l
*benignè reſpondit Dominus:*
*Neque hic peccauit neque*
*parentes eius,*[m] *ſed vt ma-* m
*nifeſtentur opera Dei in*
*illo.*[n] *Tunc expuens in* n
*terram Dominus Ieſus, fe-*
*cit lutum, & liniuit oculos*
*cæci nati,*[o] *& præcepit il-* o



đức Chúa Ieſu, vì có làm
d phép cả làm ꞗệy: [d] ſaố
le nó càng ghen ghét
đức Chúa Ieſu, bởi ma
quỉ giục lão nó ꞗệy.
e [e] Lại đức Chúa Ieſu
ngày thứ bảy khién làm
f phép cả khác nữa, [f] mà
kẻ ghen ghét có muấn,
thì đưọc hay tỏ tưầng
đức Chúa Ieſu thạt có
g phép đức Chúa blời, [g]
nếu lão ghen ghét chẳng
làm cho nó càng tối tăm.
h [h] Khi ếy có người naò
tối mạt khŏó đẻ ra, mà
người ta đã quen biét.
i [i] đấy tớ cả thấy thì hỏi
đức Chúa Ieſu ràng: lạy
k đức Chúa Ieſu, [k] ai có
tội, người nấy, hay là
cha mẹ người nấy, cho
nên đẻ ra tối mạt làm
l ꞗệy? [l] mà đức Chúa
Ieſu nhin lành phán ràng,
chẳng phải bởi tội nó,
cũ chẳng phải bởi tội
cha mẹ nó, cho nên làm
m ꞗệy, [m] ſaố cho phép
đức Chúa blời ra ſáng bởi nó. [n] khi ếy đức n
Chúa Ieſu giổ ra tlên đết làm lễm, mà lếy lễm
xức con mắt người ếy đẻ ra tối mạt, [o] ſau thì phán o

*li, vt iret ad natatoria Siloe, quod interpretatur Miſſus, & ibi lauaret oculos:* [p] *quod promptè exequens cæcus, iuit, lauit, & ſtatim viſum recepit:* [q] *Hunc aſpicientes aliqui videntem, quem priùs cæcum nouerãt, mirabantur,* [r] *alÿ verò dicebant, quia ſimilis quiſpiam illi erat, non autem cæcus à natiuitate:* [ſ] *at cæcus dicebat, quia ego ipſe ſum à natiuitate cæcus.* [t] *Duxerunt ergo illum ad Phariſæos, qui interrogabant an eſſet cæcus à natiuitate, & quomodo nunc videret?* [u] *narrauit fideliter bonus cæcus, quod illi acciderat,* [x] *nempe Dominum Ieſum feciſſe lutum, & liniuiſſe oculos eius,* [y] *præcepiſſeque vt lauaret ad natatoria Siloe,* [z] *iui, inquit, & laui, & video.* [a] *Non crediderunt inuidi illi quod fuißet cæcus à natiuitate, donec vocauerunt parentes eius il-*



đi nơi lội gọi là, Siloe, nghĩa là, ſai vien, mà rửa con mắt đĕy: [p] người tối mạt thì làm thể ĕy cho cháő, có đi, có rửa, mà tức thì ſáng con mắt ra: [q] kẻ đã biét thước là tối mạt, mà bây giờ thấy ſáng thì hãi: [r] kẻ khác ràng, chẳng phải người đẻ ra tối mạt đau, âu là người cũ giốu mạt ĕy mà chớ: [ſ] mà người thước là tối mạt thì ràng: tôi là kẻ tối mạt khŏŏ đẻ gióuc. [t] ꞗệy có đam người đi cho kẻ làm thày ở nước ĕy, gọi là Phariſæi, mà Phariſæi hỏi, phải là tối mạt khŏŏ đẻ chang? mà bây giờ ſáng làm ſao? [u] người thì kể ngay mọi ſự làm ſao, [x] khi đức Chúa Ieſu làm lẽm, mà xức con mạt cho, [y] ſau thì khiến rửa ở nơi lội Siloe, [z] ràng: tôi đã đi, tôi đã rửa, mà tôi ſáng ra ꞗệy. [a] những đứa ghen ghét ĕy chẳng tin là người tối mạt khŏŏ đẻ, cho đến gọi cha mẹ người, mà hỏi

loſque interrogauerũt, [b] an ille eſſet ipſorum filius, à natiuitate cæcus, & quomodo nunc videret? [c] parentes candidè quidem reſponderunt eum ipſum eſſe illorum filium, à natiuitate cæcum [d] at Phariſæorum offenſionem timentes, quomodo autem nunc videat, inquiunt, nos neſcimus, [e] ipſum interrogate, quia ætatem habet, ipſe loquatur de ſe ipſo, quid illi acciderit: [f] vocauerũt ergo rurſum hominem, qui fuerat cæcus, & dixerunt ei, [g] da gloriam Deo. nos ſcimus quia hic homo peccator eſt, [h] vt ſcilicet famam Domini mendacijs ſuis denigrarent: [i] at qui fuerat cæcus reſpondit: ſi peccator eſt neſcio, [k] vnum ſcio, quia cùm cæcus eſſem modo video. [l] Dixerunt ergo illi: quid fecit tibi? quomodo aperuit tibi oculos? [m] Reſpondit eis. dixi



ràng: [b] đứa nầy phải con bay, mà nó tối mạt khŏở đẻ ra chang? làm ſao bây giờ cho nó ſáng? [c] cha mẹ thì thưa ngay, ràng: thạt là con chúng tôi, mà khŏở đẻ thì tối mạt: [d] ſaố le khi dái mất lào các thày ếy, thì ràng: bây giờ con mắt nó ſáng ra thể nào, chúng tôi chẳng hay: [e] phu oú thì hỏi nó, vì tuổy nó đã mlớn, nó thưa ſự làm cho nó thể naò: [f] khi ếy lại gọi lại người đã tối mạt tlước, mà nói cữ ràng: [g] hãy làm cho đức Chúa blời cả ſáng, ta đã hay, người ếy là kẻ có tội: [h] nó nói dối ꞗệy, bỏ vạ cho đức Chúa Ieſu mất tiếng: [i] ſaố le người tối mạt tlước thưa ràng: người có tội chăng, tôi chẳng hay, [k] ſaố một ſự nầy tôi hay, tlước thì tôi tối mạt, mà bây giờ tôi đã ſáng. [l] ꞗệy các thày ếy lại hỏi ràng: có làm cho mầy đí gì? có mở con mát mầy làm ſao? [m] người thưa ràng: tôi đã nói ra cữ phô

voais

*vobis iam, & audiſtis : quid iterum vultis audire?*
*ⁿ nunquid & vos vultis* n
*diſcipuli eius fieri ? ° Ma-* o
*ledixerunt ergo ei, & dixerunt. Tu diſcipulus illius ſis : nos autem Moyſi*
*diſcipuli ſumus. ᵖ Nos ſci-* p
*mus quia Moyſi locutus eſt Deus : hunc autem neſci-*
*mus vnde ſit. ᑫ Reſpondit* q
*ille homo, & dixit eis : In hoc autem mirabile eſt, quia vos neſcitis vnde ſit,*
*& aperuit meos oculos. ʳ* r
*Scimus autem quia peccatores Deus non audit : ſ ſed* ſ
*ſi quis Dei cultor eſt, & voluntatem eius facit, hunc*
*exaudit. ᵗ A ſæculo non* t
*eſt auditum, quia quis aperuit oculos cæci nati, ᵘ* u
*niſi eſſet hic à Deo, non poterat facere quicquam.*
*ˣ Reſponderunt, & dixe-* x
*runt ei, nempe iuxtà ſuperbiam ſuam exprobrantes : ʸ in peccatis, inquiunt,* y
*natus es totus, & tu doces*
*nos ? ᶻ Et eiecerunt eum* z



oú, mà múấn nghê lại
n làm chi ? ⁿ có muấn làm
đầy tớ oú ếy chang ?
o ° bấy giờ Pharisæo có
rủa người ếy ràng : mầy
làm đầy tớ oú ếy, ta là
p đầy tớ oú Moyſe ; ᵖ ta
đã hay, đức Chúa blời
có nói cũ oú Moyſe,
oú nầy bởi đâu mà có
q ta chẳng hay. ᑫ Người
ếy thưa ràng : ſự nầy ſự
là, pho oú chẳng biét oú
nầy bởi đâu, ſaõ le đã
mở được con mắt tôi :
r ʳ mà ta đã hay, đức
Chúa blời bủán chẳng
ſ nghe ké có tội : ſ ſaõ ai
thờ đức Chúa blời cho
nên, và theo í đức Chúa
blời, thì đức Chúa
t blời nghe người ếy : ᵗ
xưa nay chưa thấy, có
ai mở con mắt ké đã
u đé tối mạt, ᵘ mà người
ếy chẳng phải bởi đức
Chúa blời, làm đí gì
x chẳng được. ˣ Các thầy
thì thưa đều kieu nghạo,
mà xỉ vả người ràng :
y ʸ blót mầy đé ra tlaõ tội,

mà mầy dạy ta ru ? ᶻ bấy giờ xua người ra ngoài : | ᶻ

*foras :*

*foras: quia ſcilicet eius argumentum clariſſimum ſoluere non poterant,* [a] *quo euidenter ipſis oſtendebat, ex illo tam inſigni miraculo, neceſſariò illos debere inferre Dominũ Ieſum eſſe à Deo:* [b] *quod illi propter nimiam cæcitatem ſuã, & inuidiam inauditam, nolebat fateri.* [c] *Audiuit benigniſſimus Ieſus, quia eiecerunt eum foras,* [d] *& cùm inueniſſet eum, dixit ei: Tu credis in Filiũ Dei?* [e] *& dixit ipſe, quis eſt Domine, vt credam in eum?* [f] *Dixit ei Ieſus, & vidiſti eum: & qui loquitur tecum, ipſe eſt.* [g] *At ille ait, Credo Domine, & procidens adorauit eum.* [h] *Et dixit ei Ieſus, in iudicium ego in hunc mundum veni.* [i] *vt qui non vident videant: & qui vident cæci fiant.* [k] *Quia nimirum, qui per humilitatem cognoſcentes ignorã-*



vì chưng mlẽ rứt tỏ người nói, nó khỏi chẳng được, [a] vì cho nó xem tỏ tưẩng bởi có phép lạ mlớn làm ꞗệy, nó thì phải lüên mlẽ thạt, đức Chúa Ieſu có phép ấy, bởi đuc Chúa blời: [b] mà ſự ấy vì nó tối tam, ghen ghét đức Chúa Ie-ſu, nó chẳng khứng xưng ra. [c] khi ấy đức Chúa Ieſu rứt nhin, đã nghe thấy, đã xua người ra, [d] đến khi gạp người thì phán ràng: mầy có tin Con đức Chúa blời chang? [e] mà người ấy ràng: tôi lạy oũ, hãy giảng Con đức Chúa blời là ai, cho tôi được tin? [f] đức Chúa Ieſu phán ràng: mầy đã thấy, mà ai nói cữ mầy, ấy là Con đức Chúa blời: [g] bấy giờ người ấy ràng: tôi lạy Chúa tôi tin: cữ có cui đầu xuẩng đất, mà lạy: [h] đừc Chúa Ieſu phán ràng: tao đã ra đời đến phán xét thế nầy, [i] cho kẻ tối mạt được ſáng thấy, mà kẻ ſáng thấy ra tối mạt ꞗệy. [k] Vì chưng kẻ khiem

*tiam*

*tiam ſuam, ſe Diuinæ ſubij-*
*ciunt voluntati,* [l] *à Deo* l
*illuminantur, & iuuantur,*
*vt per viam mandatorum*
*incedentes, ad claritatem,*
*& vitam perueniant æter-*
*nam:* [m] *qui verò per ſu-* m
*perbiam, ſapientiæ propriæ*
*fidentes, nolunt admittere*
*Dei Verbum,* [n] *in multà* n
*peccata ruentes, ita fiunt*
*cæci, vt in præcipitiū tan-*
*dem æternæ mortis ruant,*
[o] *vt impij & ſuperbi Pha-* o
*riſæi, qui Chriſti Domini*
*lucem, per tot, & tam*
*inſignia miracula manife-*
*ſtatam, admittere nolen-*
*tes,* [p] *cæci facti ſunt, &* p
*in damnationis eternæ rui-*
*nam tandem ſunt lapſi.*
[q] *Cùm igitur quærerent* q
*Phariſæi, & Scribæ mo-*
*dum quo Dominum Ieſum*
*occiderent,* [r] *& nondum* r
*aduenißet illud tempus in*
*quo Dominus Ieſus ſtatue-*
*rat vitam dare pro noſtra*
*omnium ſalute,* [ſ] *talia ope-* ſ
*rabatur miracula, quæ*
*quamuis ipſius Diuinita-*
*tem ſatis manifeſtarent,*



nhưầng xưng mình là
dại dọt, mà theo ý đức
l Chúa blời, [l] thì đức
Chúa blời cho ſáng, và
giúp cho, mà ꞗệy theo
đàng mlời răn, thì đước
ſáng, và hàng ſốũ ꞗệy.
m [m] Mà kẻ kieu ngạo, cậy
mình khôn ngoan, lại
chẳng chịu phép đức
n Chúa blời, [n] thì phạm
tội nhều, cho nên tối
tam, mà đến ſau thì ſa
o xuống lỗ chết vô cữ: [o]
như thể Pharisæo đĩ,
và kieu ngạo, mà chẳng
chịu ſáng đức Chúa Ie-
ſu, đã tỏ ra có nhều phép
p cả làm ꞗệy, [p] thì ra tối
tam, cho nên đến ſau
có ngã nơi khốn nạn
vo cữ
q [q] ꞗệy ꞗệy mà khi ꞗệy Pha-
riſæi và Scribæ là các
thầy nước Iudæa, có
tìm thể naò mà giết cho
được đức Chúa Ieſu,
r [r] khi chưa đến ngày
đức Chúa Ieſu đã định
chịu chết cho chúng tôi
ſ được lành hết: [ſ] có làm
phép lạ chừng ꞗệy, cho

ᵗ *non*

[t] *non tamen impedirent Paſſionem eius ſanctiſſimã, quam tantopere cupiebat.* [u] *receſſit ergo à Iudæa in Galilæam, vt tempus ſuũ impleret,* [x] *doctrinamque cæleſtem quotidie clarius docebat,* [y] *incedens per vicos, & caſtella; virtutes etiam innumeras faciebat.* [z] *Voluit etiam gloriæ ſuæ partem oſtendere aliquibus diſcipulis ſuis;* [a] *cum enim aſcendiſſet in montem quẽdam, qui dicitur Thabor,* [b] *tres tantum diſcipulos, quos maximè diligebat, ſecum eſſe permiſit,* [c] *& transfiguratus eſt ante illos:* [d] *facies enim eius reſplenduit ſicut ſol, & veſtimenta eius facta ſunt alba ſicut nix:* [e] *& apparuerunt Moyſes, & Elias loquentes cum illo de exceſſu, quem completurus erat in Ieruſalem:* [f] *cùmque inter diſcipulos Petrus videns illam Chriſti Do-*



nên người ta hay, thật là đức Chúa blời, [t] ſaố le chẳng có phải tlở chịu tội, đức Chúa Iesũ có ước lắm. [u] ꞗệy thì đức Chúa Iesu để xứ Iudæa, mà đến xứ Galilæa, cho no ngày thẳng mình, [x] mà một ngày một giảng đạo thánh, càng tỏ tưẵng, [y] ꞗěào làng nọ, thành kia, và làm phép nhều, kể chẳng xiét. [z] khi ếy cữ tỏan cho đầy tớ cả xem thấy phần ꞗui ꞗẻ, [a] mà có lên tlên núi naò, gọi là Thabor: [b] ſaố le có chọn ba đầy tớ cả mấy, là kẻ đức Chúa Iesu yêu hơn, mà cho ở cũ: [c] chóuc ếy đức Chúa Iesu, tlước mặt ba đầy tớ ếy, thì ra hình khác, [d] vì chưng mặt ſáng ra như mặt blời, mà áo thì ra tlang rứt mục: [e] cu thấy ou Moyses, và oű Elias nói khó cũ đức Chúa Iesu, ſự trỏ đức Chúa Iesu tõan chịu ngày ſau, ở thành Ieruſalem: [f] khi ếy tlaố đầy tớ cả oű thánh Pedro thấy đức Chúa Iesu

*mini gloriam, & gaudens diceret, bonum eſt nos hic eſſe,* [g] *audita eſt ſtatim vox Dei de nube dicens: hic eſt Filius meus dilectus,* [h] *in quo mihi benè complacui, ipſum audite!* [i] *hac voce territi diſcipuli ceciderunt in facies ſuas.* [k] *Moniti poſtea à Domino, vt ſurgerent,* [l] *neminem viderunt, niſi ſolum Ieſum, qui præcepit eis, vt nemini dicerent viſionem,* [m] *donec ipſe Dominus à mortuis ſurrexiſſet,* [n] *nolebat enim, vt paſſioni ſuæ, quam ardentiſſimè deſiderabat, pro ſalute noſtra, vllum apponeretur impedimentũ:* [o] *imò Petrum, alioqui chariſſimum Apoſtolum, acriter reprehendit, quod paſſionem, & mortem diſſuaderet.*

[p] *Cùm igitur tempus adueniret, in quo pro ſalute noſtra mori decreuerat Dominus Ieſus,* [q] *hac occa-*



cả ſáng làm ꞗệy, thì mòng rỡ, ràng: chúng tôi ở đây thì tốt ꞗui, [g] thoắt chóuc nghe thấy tiếng đức Chúa blời, bởi cái mây ra phán ràng: [h] nầy là Con tao mến, mà lào tao lấy làm yêu, bay nghe lấy mlời Con tao. [i] đầy tớ cả nghe thấy tiếng ấy thì ſợ, mà ngã ſấp mạt xuống. [k] đến khi đức Chúa Ieſu bảo ba đầy tớ cả dậy, [l] chẳng thấy ai, thấy còn một đức Chúa Ieſu phán, ſự đã thấy chớ nói cữ ai, [m] cho đến tao bởi chết, mà ſóú lại: [n] vì chưng đức Chúa Ieſu ước chịu tội cho chúng tôi lành, mà chẳng cho nói ſự ấy ra, kẻo trợ việc mình chịu tội: [o] mà lại oũ thánh Pedro, là đầy tớ cả đức Chúa Ieſu yêu lắm, mà khi can giấn ſự chịu tội chịu chết, đức Chúa Ieſu thì cṍ làm.

[p] ꞗệy khi đã gần ngày đức Chúa Ieſu đã định chịu chết, cho chúng tôi được lành, [q] có lấy mlẽ nầy

*ſione*

*ſu.ne redijt in Iudæam.* [r] *Lazarus vir primarius, Domino perſamiliaris, & amicus, obierat abſente Domino:* [ſ] *illum igitur, quamuis iam in ſepulchro quatriduanum, à mortuis ſuſcitare ſtatuit,* [t] *vt omninò inexcuſabiles eſſent eius aduerſarij,* [u] *ſi viſo, & audito tanto prodigio, non crederent in ipſum.* [x] *Aduenięte itaq; Domino, Magdalena, & Martha ſorores Lazari, lacrymabātur, & dicebant:* [y] *Domine ſi fuiſſes hic frater noſter, non fuiſſet mortuus:* [z] *illis complorans Dominus ad ſepulchrum pergit,* [a] *& aperto ſepulchro fœtentem iam inuenerunt, tam ſorores, quàm alij multi Iudæi, qui aduenerant, vt ſorores conſolarentur,* [b] *aliqui etiam dicebant; Non poterat hic, qui aperuit oculos cæci nati facere vt Lazarus non moreretur?* [c] *Tunc Domi-*



mà blở về xứ Iudæa. [r] Có oũ Lazaro là kẻ cả, và có nghĩa cũ đức Chúa Ieſu, phải qua đời khi váng mạt đức Chúa Ieſu, [ſ] mà khi đã chôn oũ ẽy đã bón ngày, thì đức Chúa Ieſu khiến cho ſ:ú lại, [t] cho kẻ hủy bàng chẳng có chứa mình được làm ſao, [u] khi coi thấy, hay là nghe phép trạõ lảm ꞓbệy, mà chẳng tin đức Chúa Ieſu. [x] khi đức Chúa Ieſu mới đến, bà Magdalena, cũ bà Martha, là chị em oũ Lazaro, thì cháoc laóc, mà ràng: [y] chúng tôi lạy đức Chúa Ieſu, ví bàng có đức Chúa Ieſu ở đây, anh chúng tôi chẳng có phải chết: [z] khi ẽy đức Chúa Ieſu cũ kháoc ꞓbối, mà đi nơi có chôn oũ ẽy; [a] đến khi mở ra, thấy hôi hám làm: có chị em oũ ẽy, và nhều Iudæo có đến an ủi phô bà ẽy: [b] cũ có kẻ nói ràng; người có mở con mát kẻ đẻ ra tối mạt, chẳng làm được cho oũ Lazaro chẳng chết ru? [c] khi ẽy đức

*nus Ieſus eleuatis in cęlũ oculis dixit,* [d] *Pater gratias ago tibi, quoniam audiſti me.* [e] *Ego autem ſciebam, quia ſemper me audis,* [f] *ſed propter populum, qui circumſtat dixi, vt credant, quia tu me miſiſti:* [g] *hæc cum dixiſſet, voce magna clamauit, Lazare veni foras.* [h] *Et ſtatim prodÿt, qui fuerat mortuus,* [i] *ligatus pedes & manus inſtitis, & facies illius ſudario erat ligata.* [k] *Dixit eis Ieſus, ſoluite eum, & ſinite abire.* [l] *Multi ergo ex Iudæis, qui venerant ad conſolandum Magdalenam & Martham ſorores,* [m] *& viderant, quæ fecit Ieſus, crediderunt in eum.* [n] *Facto autem hoc tam inſigni miraculo, quo ſuſcitauit à mortuis Dominus Ieſus Lazarum quatriduanum,* [o] *tantum abeſt vt*



Chúa Ieſu, có ngửa lên con mát tlên blời, mà ràng; [d] Con lạy đức Cha, Con cám ơn đức Cha, vì đức Cha đã nghe Con, [e] mà Con đã hay đức Cha có nghe Con liên, [f] ſaố Con nói ꞗệy, vì người ta có đứng quanh qué đây, cho nó tin đức Cha đã ſai Con. [g] Nói ꞗệy đoạn, đức Chúa Ieſu thì kêu cả tiêng phán ràng: Lazaro ra khỏi đây: [h] bấy giờ tức thì oũ Lazaro, đã chết ngày tlước, ra khỏi mả ſóũ lại, [i] hãy còn dêy buộc chên tay, cữ có khan buộc mạt oũ ấy. [k] Mà đức Chúa Ieſu phán ràng: hãy mở dêy cho oũ ấy, mà cho đi mạc lão. [l] Khi ấy có nhều người Iudeo đến an ủi hai chi em Magdalena, và Martha; [m] mà thấy phép đức Chúa Ieſu làm, thì tin kính đức Chúa Ieſu.

[n] đến khi đức Chúa Ieſu đã làm phép cả, cho oũ Lazaro đã chết bốn ngày, mà ſóũ lại đoạn; [o] kẻ hủy báng

*conuer-*

*conuerterentur ad Domi-*
*num aduerſarij eius,*[p] *quin* p
*imò audientes hoc tam*
*euidens Diuinitatis ſignum,*
[q] *collegerunt Pontifices &* q
*Phariſæi concilium, & di-*
*cebant.* [r] *Quid facimus,* r
*quia hic homo multa ſigna*
*facit?* [ſ] *ſi dimittimus eum* ſ
*ſic, omnes credent in eum:*
[t] *& venient Romani & tol-* t
*lent locum noſtrum & gen-*
*tem.* [u] *Vnus autem ex ip-* u
*ſis Caiphas nomine, cùm*
*eſſet Pontifex anni illius,*
*dixit eis,* [x] *Vos neſcitis* x
*quicquam, nec cogitatis,*
*quia expedit vobis, vt v-*
*nus moriatur homo pro po-*
*pulo, & non tota gens pe-*
*reat.* [y] *hoc autem à ſemet-* y
*ipſo non dixit: ſed cum*
*eſſet Pontifex anni illius,*
*prophetauit,* [z] *quod Domi-* z
*nus Ieſus moriturus erat*
*pro gente:* [a] *& non tantum* a
*pro gente, ſed vt filios Dei,*
*qui erant diſperſi, congre-*
*garet in vnum.* [b] *Ab illo* b
*ergo die cogitabant, vt in-*



chẳng lọ là chẳng blớ
về cữ đức Chúa Ieſu,
p [p] mà lại khi máng tiếng
phép cả ấy, là dấu đức
Chúa blời tỏ tưầng lắm,
q [q] thì các thầy cữ Phari-
ſæo họp cữ nhau, mà
r ràng: [r] ta tŏan ſự người
nầy ſao làm nhều phép lạ
ſ thể ấy? [ſ] nếu ta để làm
ꞗệy, cả và thien hạ thì
t tin lấy: [t] ꞗệy người
nước Roma thì đến
mà cất lấy nơi, và dên
u ta. [u] Mà có một gọi là
Caiphas, nam ấy có làm
thầy cả, nói ra làm ꞗệy,
x ràng: [x] bay chẳng biết
đí gì, mà chẳng lo, vì
chưng một người chết,
thay vì dên, cho kẻo
y các dên hư, thì nên: [y] mà
đều ấy chẳng có nói ra
bởi mình, ſaố vì làm
thầy cả nam ấy, có chịu
ſấm truyền, mà nói ꞗệy,
z [z] vì đức Chúa Ieſu có dĕ-
a ọn chịu chết vì dên, [a] mà
chẳng những vì dên, lại
cho các con đức Chúa
blời, đã tan tái, hộp lại
làm một. [b] ꞗệy từ ngày ấy Iudæo thì lo tŏán giết b

*terſi-*

*terficerent eum.* [c] *Ieſus er-* c
*go interim diem triumphi*
*ſui expectans,* [d] *iam non* d
*in palam ambulabat apud*
*Iudæos,* [e] *ſed abijt in re-* e
*gionem iuxtà deſertum in*
*ciuitatem, quæ dicitur E-*
*phrem,* [f] *& ibi morabatur* f
*cum diſcipulis ſuis tan-*
*tiſper,* [g] *dum ſolemnis dies* g
*Paſchæ præſtitutus ad paſ-*
*ſionem ſuam adueniret.*
[h] *Quin etiam cùm vide-* h
*rent aduerſarij Domini,*
*quod multi ex Iudæis cre-*
*derent in ipſum,* [i] *propter* i
*Lazarum, quem à mortuis*
*Dominus tam mirabiliter*
*ſuſcitarat,* [k] *cogitabant* k
*vt & ipſum Lazarum in-*
*terficerent,* [l] *eò enim illo-* l
*rum cæcitas, & malitia*
*deuenerat,* [m] *quaſi verò à* m
*Domino poſſent auferre*
*poteſtatem, ſi occiderent,*
*illum iterum à mortuis ſu-*
*ſcitandi;* [n] *Nos interim* n
*Iudeorum duritiem dete-*
*ſtantes,* [o] *adoremus Do-* o
*minum, & Diuinam eius*
*doctrinam auidis menti-*



c đức Chúa Ieſu. [c] mà đức
Chúa Ieſu đợi ngày mình
d được giạc chiêng; [d]
chẳng còn có đi lại tlư-
e ớc mạt thàng Iudæo, [e]
ſaố đi ẩn mình ở nơi
gần rừng có thành tên
f là Ephrem, [f] mà ở đếy
cữ đấy tớ mình một
g chút, [g] cho đến ngày lễ
cả, gọi là Paſca, đã định
mình chịu tội ngày ếy.
h [h] Mà lại kẻ hủy báng
đức Chúa Ieſu, khi thấy
đều người tlaố nước
Iudæa có tin mlời đức
i Chúa Ieſu, [i] vì thấy oú
Lazaro, bởi đức Chúa
Ieſu làm phép lạ cho oú
k ếy ſốũ lại, [k] thì lo giết
l oũ Lazaro nữa, [l] vì đã
tối tam, và dữ tợn chúng
m ếy: [m] như thể có cất
lếy được phép đức Ie-
ſu, nếu nó giết oũ La-
zaro, mà cho lại ſốũ lại
n chúng được ru. [n] Saố
le ta bây giờ ghét lắố
o dữ thàng Iudæo, [o] ta
lạy đức Chúa Ieſu; mà
chịu lếy mlời đức Chúa

bus

*bus arripiamus, ᵖ vt nunc illuminemur, & poſtea vitam conſequamur æternã.*



ᵖ Iesu hết lào, ᵖ cho tạ được ſáng bây giờ, mà đến ſau được chịu hàng ſóu ꞗệy.

a *ADueniente igitur* a
*tempore, à Diui-*
*na Prouidentia præſtituto,*
b *in quo Vnigenitus Dei* b
*Filius Dominus Ieſus pro*
*ſalute noſtra erat mortem*
*acerbiſſimam ſubiturus*, [c] c
*vt oſtenderet quanta, &*
*quam lubenti voluntate*
*mandatum Patris exeque-*
*retur*, [d] *voluit cum tri-* d
*umpho ciuitatem Ieruſa-*
*lem ingredi, in qua tam*
*dira paſſurus erat*: [e] *in-* e
*trante itaque Domino, to-*
*ta effunditur Vrbs*; [f] *ra-* f
*mis palmarum, imò etiam*
*proprijs veſtibus ſternebant*
*Iudæi vias, per quas erat*
*Dominus tranſiturus*, [g] *ac-* g
*clamantes eum Regem Iſ-*
*rael, & dicentes*, [h] *bene-* h
*dictus, qui venit in nomi-*
*ne Domini*. [i] *Hac ſolemni* i
*pompa ductus eſt Dominus*
*vſque ad templum* [k] *cùm* k
*maximo dolore Scribarum,*



a [a] Ey ꞗệy mà đến
ngày đức Chúa
b blời đa định, [b] cho
đức Chúa Ieſu, là một
Con đức Chúa blời,
chịu tội chịu chết, cho
chúng tôi được mọi ſự
c lành, [c] mà cho tỏ ra
lão có ước ꞗưng phép
d đức Cha, [d] khi ꞗeào
thành Ieruſalem, là nơi
chịu khốn khó tửng ấy,
thì làm cho ꞗui mầng.
e [e] ꞗệi khi đức Chúa Ieſu
ꞗeào thành, thien hạ thì
f ra rước, [f] mà dên có
lấy lá tươi, và ꞗó dẹọc
đàng màng, lại bỏ ao
mình giữa đàng đức
g Chúa Ieſu qua rữa, [g]
cữ gọi là ꞗua Chúa Iſ-
h rael, mà ràng: [h] mọi ſự
lành cho người có phép
đức Chúa blời, mà đến
i cữ. [i] thien hạ có ꞗui
mầng làm ꞗệy, mà đam
đức Chúa Ieſu cho đến
k đến thành: [k] khi Scribæ
và Phariſæi, là thấy nước ấy, ghen ghét, mà lo lang,

&

*& Phariſæorum,* [l] *qui in-* l
*terim Domino mortem ma-*
*chinantes,* [m] *& incum-* m
*bentes ſuo ſceleri, famu-*
*labantur pijſſimo Redem-*
*ptori.* [n] *Quin etiam filius* n
*perditionis Iudas impijſſi-*
*mus,* [o] *cùm fur eſſet, &* o
*furari non potuiſſet ex vn-*
*guento,* [p] *quod Maria* p
*Magdalenæ ſuper caput*
*Domini recumbentis effu-*
*dit,* [q] *vt illud ſuum, quod* q
*putabat, damnum reſar-*
*ciret, proprium Magiſtrũ,*
*& Dominum,* [r] *paciſcitur* r
*tradere inimicis eius,* [ſ] *mo-* ſ
*dò reciperet ab illis trigin-*
*ta argenteos,* [t] *qui in no-* t
*ſtra moneta faciunt nouẽ,*
*vel decem nummos aureos,*
[u] *vt ſcilicet ſine turbis Do-* u
*minum traderet:* [x] *ſed hoc,* x
*omnia ſcientem Dominũ,*
*quomodo latere potuit?*
[y] *In vltima autem cœna* y
*quam pridie ante paſſionẽ*
*ſuam voluit habere cum*
*diſcipulis ſuis,* [z] *imò & la-* z
*uare pedes omnium, & ip-*
*ſius etiam Iudæ Dominum*



l [l] lại kiém chước mà giét
m đức Chúa Ieſu, [m] ꞗệy
thì giúp ſ là ỗ nhin lành
đức Chúa Ieſu kớu
n chúng tôi. [n] Mà lại thàng
dữ tợn là Iuda quỉ
o quái lám, [o] và làm kẻ
tlộm, mà ăn tlộm chẳng
được của thơm trạỗ
p lám, [p] bà thánh Magda-
lena có đổ đơm tlên
q đầu đức Chúa Ieſu, [q] nó
lĕy làm thiệt mình, mà
tŏan bán đức Chúa Ieſu,
r là thày, và Chúa nó, [r]
lại tlao cho ŏan gia, kéo
ſ thiệt ĕy, [ſ] thì giao cữ nó
lĕy ba mười tấm bạc
nước ĕy gọi là, argen-
t teus, [t] mà hết tấm ĕy
nên chín mười lạng dò
u nước ta, [u] ꞗệy thì tlao
đức Chúa Ieſu khi váng
x kéo hỗn hào: [x] mà giấu
đức Chúa Ieſu, đã biét
hết, làm ſao được?
y [y] ꞗệy khi đức Chúa Ieſu
ſau hết tŏan ăn tối cứ
đấy tớ cả, ngày tlước
z khi tŏan đi chịu tội, [z] mà
lại rửa chên cho hết, và

*prodentis;* [a] *illi clarè ſi-* a
*gnificans proditionem, quã*
*machinabatur, vt illum à*
*tam enormi ſcelere auer-*
*teret.* [b] *ſed induratum* b
*Iudæ cor omnia monita*
*contemnit,* [c] *& in ruinam* c
*præceps deuoluitur, diabo-*
*lo iam cor eius poſſidente,*
*atque foras egreditur.*
[d] *Itaque benigniſſimus Do-* d
*minus poſtquam ſolatus eſt*
*ſuos;* [e] *quos & inſolitis, &* e
*innumerabilibus charita-*
*tis officÿs in vltima illa*
*cœna deuinxit,* [f] *egreſſus* f
*eſt in ipſum locum, in*
*quem ſciebat Iudam cum*
*copÿs paulò poſt aduentu-*
*rũ ad ipſum capiendum.* [g] g
*quamuis in illa expecta-*
*tione, ita triſtatus ſit Do-*
*minus Ieſus,* [h] *vt ſudorem* h
*ſanguineum emiſerit in*
*tanta copia, vt in terram*
*decurreret;* [i] *vt ſcilicet* i
*nobis oſtenderet agoniam,*
*quam propter peccata no-*
*ſtra patiebatur,* [k] *& quan-* k
*tum pro peccatis proprÿs*



cho thàng iuda, về ꞗối
dĕọn tlao đức Chúa Ieſu
a cho ŏan gia; [a] mà đức
Chúa Ieſu tỏ ra cữ nó
chước dữ nó tŏan, cho
nó đừng phạm tội cả ẽy;
b [b] ſaŏ le thàng Iuda đã bloũ
làŏ làm ſự dữ tợn cả làm
ꞗệy, mà chê mọi mlời
c bảo; [c] thì ſa nơi khốn
nạn ẽy, vì ma quỉ đã nhệp
ꞗĕaò, mà ở tlaŏ làŏ nó,
ꞗệy thì nó ra cho khỏi.
d [d] ẽy ꞗệy mà đức Chúa
Ieſu rứt nhin, khi đã an
e ủi đầy tớ, [e] và làm
những ſự nhin lạ, nơi
ăn ſau hết ẽy, cữ mlời
f nói chẳng hết mlẽ, [f] đŏ-
ạn thì ra, mà đi đến nơi
đức Chúa Ieſu đã hay,
ít nữa thàng Iuda có đến
đẽy, cữ cŏên cŏắc, mà
g bắt đức Chúa Ieſu. [g]
lại đức Chúa Ieſu khi
đợi cŏên dữ ẽy, có lo
buồn ſaù não từng ẽy,
h [h] cho nên thay mồ hôi
đỏ máu ra nhều, mà chảy
i xuống đết, [i] ꞗệy thì tỏ
ra cho ta hay, có chịu khốn tlaŏ làŏ vì tội
chúng tôi thể nào, [k] và cho ta liệu, ta phải lo | k

*triſta*

*triſtari, & dolore debea-*
*mus,* [l] *cùm Dominus Ie-* l
*ſus tam vehementer tri-*
*ſtatur pro alienis.* [m] *Cùm* m
*igitur aduenіſſet Iudas,*
*tanquam impiorum dux,*
*ore ſacrilego eſt auſus oſ-*
*culari Dominum:* [n] *at be-* n
*nigniſſimus Dominus oſcu-*
*lum ei non negauit, dicens;*
[o] *amice ad quid veniſti?* o
*Iuda oſculo filium hominis*
*tradis?* [p] *at impudens ille* p
*ad ſuos ſatellites eſt reuer-*
*ſus, quibus dederat ſignũ,*
*dicens,* [q] *quemcumque* q
*oſculatus fuero ipſe eſt, te-*
*nete eum, & ducite cautè.*
[r] *At niſi Dominus ſe ſpon-* r
*tè traderet, nulla vis crea-*
*ta illum tenere poſſet.* [ſ] *Pro-* ſ
*cedit ergo Dominus Ieſus*
*obuiam inimicis ſuis, di-*
*cens eis:* [t] *Quem quæritis?* t
*quibus reſpondentibus Ie-*
*ſum Nazarenum.* [u] *Domi-* u
*nus rurſum ad illos: Ego*
*ſum;* [x] *ſtatim atque Do-* x
*minus Ieſus hanc emiſit*



buẩn ăn năn vì tội chúng
l tòi từng naò, [l] khi đức
Chúa Iesu có lo buẩn
ſau não từng ẽy vì tội
m kẻ khác. [m] mà đến khi
thằng Iuda làm cai cồên
dữ có. đến, thì miệng
mình dữ tợn dĕam hôn
n đức Chúa Iesu: [n] mà
đức Chúa Iesu rứt lành
chẳng có tlánh hôn
thằng dữ ẽy, phán ràng:
o [o] mầy là kẻ có nghĩa cũ
tao, mầy đến có viẹc gì?
hở Iuda mầy hôn lẽy con
người, mà tlao cho ŏan
p gia làm bệy ru? [p] mà thằng
rằn mạt ẽy thì blở về cũ
cồên dữ nó, đã cho dẽẩu
q tlước, ràng: [q] ta hôn
ai, ẽy là người ẽy, hãy
bắt lẽy, mà đam đi cho
r khèo. [r] Saõ le ví bàng
đức Chúa Iesu dẩu laõ
chẳng tlao mình cho nó,
chẳng có phép naò dưới
đức Chúa blời cầm đu-
ſ ợc lại đâu. [ſ] bệy thì đức
Chúa Iesu ra rước ŏan gia
mình, mà hỏi nó ràng: [t] hở bay có tìm ai? nó t
thì thưa ràng. ta tìm Iesu Nazareno. [u] Lại đức Chúa u
Iesu phán ràng: Iesu là tao. [x] bởũ chóuc khi đức Chúa x

vocem, [y] ceciderunt re- y
trorſum omnes inimici Do-
mini, [z] nec ſurgere vnquã z
potuiſſent, niſi pius Domi-
nus iterum interrogans, quẽ
quærerent, [a] illos ſurgere a
permiſiſſet, & illis ſe ip-
ſum tradidiſſet, [b] probi- b
bens tamen ne quem è ſuis
caperent. [c] At Petrus vi- c
dens impios illos in Domi-
num irruentes, [d] tanquam d
lupos feroces, in agnum
manſuetiſſimum, [e] id fer- e
re non valens, exerit gla-
dium ſuum, [f] & percutit f
vnum ex illis, & abſcin-
dit auriculam eius. [g] At g
benigniſſimus Dominus, &
Petro vetat, [h] ne gladio h
amplius vtatur, ſed in va-
ginam mittat, [i] & impijs i
iam Dominum comprehen-
dentibus imperat, [k] ſinite k
vſque hùc, vt ſcilicet im-
pio illi auriculam reſtitu-
at, pro malo reddens bo-
num. [l] Cùmque iam Do- l
minum comprehendiſſent,



Ieſu nói ra một đều ấy,
y [y] các ŏan gia đức Chúa
z Ieſu thì ngã ra hết; [z] mà
dậi lại chẳng được nữa,
cho đến đức Chúa Ieſu
a hỏi nó lại có tìm ai? [a] mà
cho nó dậy, và tlao mình
b cho nó, [b] ſaõ le có cấm,
mà chẳng cho bắt đấy
c tớ naò mình. [c] Lại oũ
thánh Pedro thấy cŏên
dữ ấy chạy bắt đức
d Chúa Ieſu, [d] như chó ſói
dữ bắt con chien rứt
e lành, [e] chẳng chịu được
f ſự ấy, thì rứt gươm ra, [f]
mà đánh một thằng tlaõ
cŏên dữ ấy, phải chém
g tai nó: [g] ſaõ le đức Chúa
Ieſu rứt nhin, và bảo oũ
h thánh Pedro, [h] xẻ gươm
ꞓbẽào chẳng cho dấ nữa,
i [i] vã khién những cŏên
dữ ấy, khi đã bắt lấy
đức Chúa Ieſu, phán
k ràng: [k] hãy khŏan một
gey đã, vì chưng đức
Chúa Ieſu khién blả tai
lại cho thằng dữ ấy, mà
làm lành cho nó, thay
ſự dữ nó làm cho mình; [l] khi ấy dầu cŏên dữ đã bắt l

teuere

*tenere non potuerũt,* [m] *quia ſe teneri non patiebatur Dominus, niſi priùs illius nequam ſanaret auriculam;* [n] *qua per ſolum contactum ſanata, ſe iterum illis permiſit, dicens:* [o] *hæc eſt hora veſtra, & poteſtas tenebrarum.* [p] *Comprehenſum itaque Dominum Ieſum ducunt ad Pontificem, Caipham nomine,* [q] *is enim dederat conſiliũ Iudæis, vt Dominum occiderent:* [r] *Interrogante igitur Caipha Dominum de doctrina, & diſcipulis;* [ſ] *humillimè reſpondet Dominus, & veriſſimè;* [t] *Quid me, inquit, interrogas? ego palam locutus ſum in Synagogis,* [u] *interroga eos, qui me audierunt.* [x] *Tali reſponſo prudentiſſimè dato à Domino,* [y] *vnus aſſiſtens miniſtrorum impijſſimè manum attollens,* [z] *dedit alapham Domino, dicens: Sic reſpondes Ponti-*



đức Chúa Ieſu, cầm lại chẳng được, [m] vì đức Chúa Ieſu chưa cho nó cầm mình, mà khiến cho tai thằng dữ ếy lành đã: [n] đến khi tay đức Chúa Ieſu đá đến tai nó, mà tức thì lành, đoạn thì cho cŏên dữ ếy bắt mình, phán ràng: [o] giờ nầy là giờ bay, và phép tối tam ꞗệy: [p] cŏên dữ bắt đức Chúa Ieſu đoạn, thì đam đi cho thầy cả, tên là Caipha; [q] là kẻ giục cŏên Iudæo giết đức Chúa Ieſu. [r] ꞗệy Caipha thì hỏi đức Chúa Ieſu mlời dạy dỗ, và ſự đầy tớ làm ſao? [ſ] Mà đức Chúa Ieſu rất khiêm nhường, và rất thật thưa ràng: [t] ſao thầy cả có hỏi ta ſự ếy? ta đã nói tlaố nhà thánh giảng chung, [u] thầy cả thì phải hỏi kẻ đã nghe ta giảng, mà chớ. [x] khi đức Chúa Ieſu có thưa đều khôn ngŏan ếy, [y] có thằng đầy tớ nào đứng đếy dữ tợn, cất tay lên, [z] mà đánh mặt đức Chúa Ieſu, ꞗã một cái, ràng: mày

ficit

*ſici? [a] at benigniſſimus Dominus, manſuetiſſimè tantam iniuriam ferens, [b] noluit tamen tacere, ne Pontifici videretur iniurius, [c] ſed humillimè reſpondēs. ſi malè inquit, locutus ſum, [d] teſtimonium perhibe de malo: ſi autem bene cur me cædis? [e] cùm autem multi falſi teſtes conuenirent contra Dominum Ieſum, [f] conuenientia tamen eorū teſtimonia non erant: [g] tanta enim erat Domini vitæ puritas, & Innocentia, & ita omnibus nota, [h] vt nihil omninò poſſent aduerſarij obijcere, quod vel vmbram peccati haberet. [i] Cùm ergo ſummo mane Dominum Ieſum duxiſſent in concilium ſuū; [k] Pontifex ille Caiphas nomine: [l] adiuro te, inquit, per Deum viuum, vt dicas nobis, ſi tu es Chriſtus*



thưa thầy cả làm đệy ru? [a] mà đức Chúa Ieſu rứt lành, có chịu thàng để người từng ếy: [b] ſaõ le chẳng chịu ở lạng, kẻo người ta ngờ đức Chúa Ieſu có để thày cả, [c] mà rứt khiem nhường thưa ràng: ví bằng ta đã nói đều chẳng nên, [d] mầy làm chứng ſự lỗy: mà ta đã nói phải mlẽ, ſao mầy đánh ta? [e] khi ếy cũ có nhều chứng dối bỏ vạ cho đức Chúa Ieſu, [f] ſaố le những chứng ếy đã tỏ là dối blả, mà chẳng phải; [g] vì chưng nết na đức Chúa Ieſu, những ſự đức, những ſự lành, mà thien hạ cũ đã hay, [h] cho nên ǒangia chẳng có bỏ được đí gì, mà có hình lỗy một chút gì ſốt. [i] Vì đệy khi ſáng ngầy ſớm có đam đức Chúa Ieſu nơi các thày họp lại: [k] mà có quan đạo ếy, tên là Caiphas, nói cũ đức Chúa Ieſu ràng: [l] tao lếy phép đức Chúa blời hàng ſốũ đệy, mà khiến mầy nói ra cũ tao, mầy phải là

Fi-

*Filius Dei benedicti?* [m] *& Dominus dilucidè reſpondiſſet, ſe eſſe Chriſtũ Filiũ Dei viui,* [n] *quem in fine mundi viſuri erant, venientem in nubibus cæli, cum Maieſtate magna,* [o] *ſtatim impius Pontifex pijſſimum Dominum blaſpemiæ accuſat,* [p] *quem vt verum ſuum Dominum venerari debuerat,* [q] *& dolorem fingens, ſcindit veſtimenta ſua,* [r] *& vitæ totius auctorem reum eſſe mortis impijſſime pronuntiat,* [ſ] *eamdemque mortis, ſententiam reliqui eiuſdẽ farinæ homines confirmãt,* [t] *& communi conſenſu ad regni Præſidem Pontium Pilatum,* [u] *qui loco Imperatoris Romanorum adminiſtrabat Iudæorum regnũ,* [x] *ducunt Dominum innocentiſſimum tanquam mortis reum.* [y] *Pilatus, qui benè nouerat, in Domino*



con đức Chúa blời cả ſáng mây làm Chriſto chang? [m] mà khi đức Chúa Ieſu thưa tỏ tưầng, mình thật la Chriſto Con đức Chúa blời, hàng ſóũ ꞗệy, [n] đến khi tận thế lại thấy đến tlên cái mây ở blời, mà có phép tác mlớn ꞗệy. [o] Thoắt chóuc khi ếy quan đạo quỉ quái, thì cáo đức Chúa Ieſu rứt nhin, như kẻ phạm mlời chê đức Chúa blời; [p] mlẽ thì nó phải kính đức Chúa Ieſu như thật Chúa mình, [q] ſaố le nó giả là ſàu não, mà xé áo mình ra, [r] và nói ra đều rứt quỉ quái, mà khiến đức Chúa Ieſu, là cội rễ đàu mọi ſự ſóũ, thì đáng chết; [ſ] mlời dữ ếy các thày quỉ quái cữ theo như ꞗệy, [t] và hŏà thŏận cữ nhau, mà đam đức Chúa Ieſu, là rứt lành, nộp cho Pontio Pilato, [u] là quan cả trị nước ếy, thay vì ꞗua Chúa nước Roma, [x] mà khiến đức Chúa Ieſu đáng chết. [y] Saố le Pilato, vì đã hay đức Chúa Ieſu chẳng

*nihil*

*nihil eſſe culpæ,* [z] *ſed ſolum ex inuidia illum traditum, varijs modis curat liberare eum à morte iniuſtiſſima;* [a] *nam ideò ad Herodem cauſam remittit, vt ab illa ſe liberet:* [b] *deindè ad ſe ab Herode remiſſum,* [c] *proponit vt liberetur à turba, potius quam ſceleſtus quidam Barabbas,* [d] *quem data opera ſimul proponit liberandum,* [e] *vt nimirum reiecto ſceleſtiſſimo Barabba,* [f] *innocentiſſimum potius Ieſum eligant, & à morte liberent:* [g] *at malignis Pontificibus ſuadentibus, inepta turba Iudæorum,* [h] *quæ innumera à Domino acceperat beneficia,* [i] *& paucis ante diebus Dominum, vt regem Iudæorum acclamarat,* [k] *nunc Barabbam homicidã ſceleſtiſſimũ præeligit,* [l] *& innocẽtiſſimum Dominum ad atrociſſimam Crucis ne-*



có lỗy gì, mà những kẻ ghen ghét có nộp làm ꞗệy, [z] thì kiém đàng nọ, đàng kia, mà chứa đức Chúa Ieſu, cho khói ſự chết tlái mlẽ rứt mực: [a] nhin vì ſự ấy Pilato gưởi việc ấy cho Herode, mà mình khói xét: [b] ſau nữa khi Herode lại gưởi đức Chúa Ieſu lại, [c] Pilato làm chước, cho dên Iudeo xin tha đức Chúa Ieſu, hơn thàng dữ tợn là Barabba, [d] mà vì ſự ấy đã có í ꞗí đức Chúa Ieſu cũ thàng dữ ấy, khi chọn tha ai: [e] cho dên Iudeo để thàng Barabba rứt quỉ quái, [f] mà chọn đức Chúa Ieſu rứt lành, chửa ꞗệy kẻo chết. [g] Saõ le vì những thầy dữ ấy thì dễờ dên Iudeo dại, [h] đã chịu ơn đức Chúa Ieſu kể chẳng xiết, [i] và mới ngày tlước ꞗui mầng đã nhin, và xưng đức Chúa Ieſu là ꞗua Chúa nước Iudeo, [k] mà bây giờ thì chọn thàng Barabba rứt dữ tợn, đã giết bó người, cho nó ſóũ, [l] mà đòi giết đức

cem

*cem depoſcit.* [m] *Barbaram* m
*aliam viam init Pilatus,*
*vt Dominum à morte li-*
*beret;* [n] *flagellandum nem-* n
*pe Dominum militibus tra-*
*dit crudeliſſimè,* [o] *vt vel* o
*ſic placati impij Iudæi,* [p] p
*à morte Domini petenda*
*deſiſtant:* [q] *quod quidem* q
*Milites exequuntur cru-*
*deliſſimè:* [r] *cùm enim Iu-* r
*dæorum mos eſſet, vt in*
*flagellando, quadraginta*
*plagas non excederent, imò*
*neque explerent:* [ſ] *tamen* ſ
*atrociſſimas ſupra Domi-*
*num plagas ita multipli-*
*carunt; vt quinquies mille*
*ſuperarent.* [t] *Illam fla-* t
*gellationem niſi Dominus*
*Diuina virtute toleraſſet,*
[u] *mortemque per miracu-* u
*lum impediſſet,* [x] *procul-* x
*dubiò in flagellis illis atro-*
*ciſſimis vitam erat finitu-*
*rus:* [y] *ſed hæc omnia pati* y
*voluit,* [z] *propter innume-* z
*rabilia peccata noſtra.*

Chúa Ieſu, đáố đanh tlên
m Crus. [m] Pilato thấy ꞗệy,
lại kiém chước khác dể
ráp, mà chữa đức Chúa
n Ieſu, keó chết, [n] vì chưng
có tlao đức Chúa Ieſu
cho cŏên, mà khiến đánh
đòn cho nát hết mình
o người, [o] mà ꞗệy cŏên
Iudeo, dấu dữ, thấy
đức Chúa Ieſu khốn làm
p ꞗệy, [p] thì thương, mà
q đừng đòi giết nữa, [q] ſaố
le cŏên dữ tợn ấy có
đánh đức Chúa Ieſu qua
r nực gia giết: [r] vì chưng
bủan thói nước Iudeo,
khi ai phải đánh đòn,
chẳng lọ là chẳng qua bốn
mươi đọn, mà lại chẳng
ſ đầy bốn mươi: [ſ] ſaố le
khi đánh đức Chúa Ieſu,
thì đánh đi đánh lại, cho
nên qua nam nghìn đòn
t kực nạng: [t] ví bàng đức
Chúa Ieſu chẳng dĩ ſức
bề tlên mà chịu đòn ấy,
u [u] và chẳng làm phép lạ
cho khỏi chết, [x] thật là
khi chịu đòn ấy, kực nạng làm ꞗệy, thì phải hết hơi,
mà chết. [y] ſaố le đức Chúa Ieſu thì khiến chịu bấy y
nhều nạn ấy, [z] vì chưng tội chúng toi nhều, kể z

 [a] *Neque*

*[a] Neque hac feritate in-* a
*Dominum Ieſum, agnum*
*innocentiſſimum, contenti*
*fuere milites efferati; [b]* b
*ſed alud excogitauere dia-*
*bolicum inuentum: [c] nam* c
*acutiſſimis, & prælongis*
*ſpinis coronam ſupra man-*
*ſuetiſſimi Domini Ieſu ca-*
*put intexuere, [d] ita vt in* d
*Diuino ſuo capite ſeptua-*
*ginta duo vulnera ex illis*
*ſpinis, tunc primum ſit paſ-*
*ſus: [e] deinde chlamydem* e
*coccineam veterem circun-*
*dederunt Domino milites*
*impij, [f] & arundinem de-* f
*derunt in manum eius, [g]* g
*tum illudentes, flexo alte-*
*ro poplite, dicebant: Aue*
*Rex Iudæorum, [h] & con-* h
*ſpuentes in eum, arundine*
*percutiebant Diuinum ca-*
*put, ſpinis illis acutiſſimis*
*transfixum, [i] dolorem ſi-* i
*mul, & ignominiam in-*
*comparabilem ferente mi-*
*tiſſimo Domino. [k] Pilatus* k
*ergo Dominum Ieſum in-*
*miſero illo ſtatu videns,*



a chẳng xiết. [a] Mà lại cŏ-
ên dữ ẽy dẫu đã làm-
nhửng ſự dữ tợn ẽy,
tlên mình đức Chúa-
Ieſu có chịu như con-
chien rứt lành, mà nó
b chưa đủ: [b] lại kiém chư-
ớc khác, bởi mà quỉ
c giục lão nó ꞗệy; [c] vì nó
lêy cái gai dài, và nhọn,
mà đáó như triều thien,
tlên đầu đức Chúa Ieſu,
d rứt nhin, [d] cho nên khi
đầu hết ẽy có chịu bảy
mươi hai dẽấu tlên đầu,
thạt là đâu đức Chúa-
e blời, mà chớ: [e] lại cŏên
dữ ẽy lẽy tấm aó đó cũ,
mạc tlên mình đức Chúa
f Ieſu, [f] cử lẽy cây nứa-
để tay đức Chúa Ieſu,
g [g] mà cười nhạo, quì một
đầu gối ràng: ta chaò
ꞗua Chúa dên Iudæo;
h [h] lại giở ra mạt, và lẽy
nứa ẽy, mà đánh đầu
thánh đức Chúa Ieſu,
những gai đã thâu ꞗẽào,
i [i] cho nên đức Chúa Ieſu
rứt nhin, chịu và khốn,
và xẫu hổ rứt mục, ta

lieu chẳng được. [k] đến khi Pilato coi thấy đức Chúa | k

[l] *puta-*

[l] *putauit ex eius aſpectu inimicos Domini fore placandos:* [m] *eduxit itaque Dominum foras portantem ſpineam coronam,* [n] *& purpureum veſtimentum, dicens: Ecce homo.* [o] *hoc eſt, ecce ille, quem vos dicitis regnum veſtrum affectaſſe,* [p] *in tali figura, & adeò miſerabili poſitus eſt, vt ne hominis quidem figuram retineat.* [q] *Iudæi verò tantò magis in Dominũ incrudeſcentes, & feris ipſis crudeliores,* [r] *vehementiùs expoſcunt, vt crucifigatur.*

[ſ] *Cùmque Pilatus cerneret ſe nihil cum populo illo nequam proficere,* [t] *ſed magis tumultum fieri, lauit manus coram populo, dicens:* [u] *innocens ego ſum à ſanguine iuſti huius, vos videritis.* [x] *Iudæi autem clamabant, ſanguis eius ſuper nos, & ſuper filios*



Ieſu khốn nạn làm ꞗệy, [l] thì ngờ các ŏan gia người, xem hình đã kực từng ếy, thì thương mà ra lành: [m] vì ꞗệy có đam đức Chúa Ieſu ra ngŏài, có đội triều thien gai, [n] và mạc tấm áo đỏ cũ, mà ràng: [o] nây là người. [o] như thể ràng: ếy là người ếy, bay cáo đã ước làm ꞗua Chúa nước bay, [p] mà bây giờ đã có hình khốn từng ếy, cho nên mất hình người. [q] Saŏ le dến Iudeo càng ra lăŏ dữ tợn, hơn muâng dữ nữa, mà càng ghết đức Chúa Ieſu, [r] càng đòi đáŏ đanh tlên cây hơn nữa, mà giết người.

[ſ] Saŏ le Pilato thấy chước mình chẳng nên gì mà mở lăŏ dến quỉ quái ếy, [t] lại càng hŏn hào, thì có rửa tay thước mạt dến, mà ràng: [u] tao chẳng biết ſự gì việc đổ máu người lành nẩy, bay sẽ hay. [x] mà dến Iudeo kêu ràng: máu nó tlên ta,

*noſtros:*[y] *quin etiam vxor* y
*Pilati miſit ad eum, di-*
*cens:*[z] *nihil tibi & iuſto* z
*illi, multa enim paſſa ſum*
*hodie per viſum propter*
*illũ.*[a] *Quare Pilatus quæ-* a
*rebat modum,*[b] *quo Do-* b
*minum Ieſum à furore Iu-*
*dæorum eriperet, atque à*
*nece.*[c] *Hoc intelligentes* c
*Iudæi, vt Iudicem à re-*
*ctitudine deflecterent,*[d] d
*Cæſaris illi obÿciunt iram;*
*ſi hunc, inquiunt, dimit-*
*tis non es amicus Cæſaris:*
[e] *omnis enim qui ſe Regem* e
*facit, contradicit Cæſari.*
[f] *Tantum ponderis hæc* f
*verba cum iniquo iudice*
*habuerunt,*[g] *vt illum Iu-* g
*dæi in ſuam ſententiam*
*traxerint,*[h] *& ſtatim In-* h
*nocentiſſimũ Dominũ tra-*
*diderit voluntati eorum,*
[i] *vt agnum manſuetiſſi-* i
*mum crudelium luporum*
*rabiei.*[k] *Neque Dominus* k
*Ieſus vllum verbum in*
*ſuam defenſionem proferre*
*voluit,*



và tlên con cái ta, thì
y ta chịu.[y] Lại có ꞗợ Pi-
lato gưởi mlời cho chảõ
z ràng:[z] oũ chớ có lộn vi-
ệc mình, ꞗối việc người
thánh ẽy, vì chưng tôi
đã phải thấy rày nhều
ſự, hiện ra vì người ẽy.
a [a] Vì ꞗệy Pilato còn ki-
ém khi ẽy chước naò,
b [b] mà chữa đức Chúa
Ieſu, cho khói lảõ dữ
tợn dên Iudeo, mà kẻo
c chết.[c] Khi dên Iudeo
hay được ſự ẽy, cho
d quan bỏ đàng ngay,[d] thì
đe ꞗua Chúa Cæſar cŏở,
mà ràng: ví bàng oũ tha
người nẫy, oũ bất nghĩa
e cũ Cæſar:[e] vì chưng ai
nẽy xưng mình là ꞗua
Chúa thì hủy bàng Cæ-
f ſar.[f] Mlời nẫy thì nạng
bẫy nhêu tlaõ lảõ quan
g vạy,[g] cho nên quan
h theo í dên Iudeo:[h] vì
chưng tức thì có tlao
đức Chúa Ieſu rứt lành,
i mạc í lảõ dên ẽy,[i] như
thể tlao con chiên rứt
hiền, mạc í chó ſói dữ.[k] Mà đức Chúa Ieſu chẳng có k

*voluit, [l] ne Paſſionem ſuã,* l
*& mortem, quam iuxtà*
*Patris æterni voluntatem*
*patiebatur, vllo modo im-*
*pediret; [m] quod ſilentium* m
*quamuis miraretur Præſes*
*vehementer, [n] ſimul &* n
*Domini Ieſu innocentiam*
*haberet perſpectam, [o] ini-* o
*quiſſimè nihilominus tra-*
*didit inimicis occidendũ.*
*[p] Ergo illi purpuream chla-* p
*mydem à Domino Ieſu au-*
*ferentes, [q] induunt illum* q
*veſtimentis ſuis, [r] vt ni-* r
*mirum benè notus omni-*
*bus incederet ad ſuppli-*
*cium, [ſ] Crucem poſtea gra-* ſ
*uiſſimam Domini humeris,*
*ex recenti flagellatione*
*atrociſſima laceratis, im-*
*ponunt, [t] vt in Caluariæ* t
*montem, in quo crucifigen-*
*dus erat, ſic oneratus in-*
*cederet; [u] cùm tamen vi-* u
*derent Dominum Ieſum*
*tanto Crucis oneri ſuccum-*
*bere, [x] timentes ne in ip-* x
*ſa via Dominus morere-*
*tur, antequam Cruci affi-*



nói một đều gì chữa
l mình ſốt, [l] kẻo trở mình
chịu chết, vì khi đức
Chúa Ieſu chịu nạn, thì
theo í đức Cha hàng ſóũ
m ꞗệy. [m] Mà ſự đức Chúa
Ieſu ở lạng thế ếy, dẫu
quan thấy mà hãi lắm,
n [n] và hay biét tó, đức
Chúa Ieſu là người hi-
ền lành, cháng có lỗy
o ſự gì, [o] ſaõ le quan ếy
có phạm ſự vạy rứt mục,
mà tlao đức Chúa Ieſu,
cho ŏan gia giết ꞗệy.
p [p] Khí ếy nó thì cất lếy
tấm áo đó, ở tlên mình
q đức Chúa Ieſu, [q] mà nó
khién mạc áo mình quen,
r [r] cho thien hạ hay, ếy
là đức Chúa Ieſu đi chịu
ſ tội. [ſ] Sau thì nó lếy cây
Crux nạng rạp, mà để
tlên ꞗăai đức Chúa Ieſu,
khi mới chịu đánh đọn,
t đã nát hết, [t] mà vạc cay
nạng làm ꞗệy, đi tlên
núi Caluaria, nó đã dịnh
đáõ gác Crux đức Chúa
u Ieſu tlên núi ếy: [u] ſaõ le
khi nó thấy đức Chúa
Ieſu vác cây Crux nạng chẳng nổi, [x] mà nó dái đức x

*geretur,*

*geretur,* [y] *prætereuntem quemdam Simonem Cyrenæum addiderunt,* [z] *qui Dominum in ferenda cruce adiuuaret.* [a] *Accidit in ea lugubri via, cùm Dominus Ieſus valdè anguſtiatus incederet,* [b] *totuſq; in ſudorem difflueret, admixtum ſanguine.* [c] *propter ſpineam coronam, quem in capite fixam gerebat,* [d] *vt deuota quædam mulier, Veronica nomine, linteo duplicato, compatiens Domino,* [e] *Diuinum eius vultum extergeret;* [f] *ſtatimque in eo linteo duplicata effigies anguſtiati vultus Domini per miraculum appareret, in vtraque ſcilicet parte,* [g] *quarum altera Romæ in maxima Eccleſia, altera Genuæ ad hanc vſque diem religioſiſſimè cuſtoditur,* [h] *& tum ex imaginis plus quàm humana viuacitate,* [i] *tum ex eo quod linteum nullo ſit colore infectum,*



Chúa Ieſu chết dĕọc đàng, khi chưa có đáố
y đánh tlên Crux, [y] vì ꞗệy có thêm một người qua đàng ĕy, ten là Simon
z Cyrenæo, [z] mà giúp đức
a Chúa Ieſu vác Crux. [a] ĕy ꞗệy mà khi đức Chúa Ieſu đi dĕọc đàng thư-
b ầng ĕy, nhọc lám, [b] mà đổ mồ hôi chảy ràố ràố,
c lộn ꞗối máu, [c] vì có triều thien gai đức Chúa Ieſu đội thâu aóc đầu,
d [d] thì có đện bà hièn lành, ten là Veronica, thương xót đức Chúa Ieſu, lĕy
e khăn kép, [e] mà chui mạt người, thạt là mạt đức
f Chúa blời: [f] thŏát chóuc, bởi phép lạ, coi thấy tlaố khăn ĕy bình mạt đức Chúa Ieſu chịu khốn khó, có tlaố hai lần khăn,
g mà khó mạt gia giết: [g] hai bình ĕy còn giữ rày, mà kính lám, một thì ở tlaố đền thành cả thành Roma hai là ở tlaố thành Genua, mà thờ gia giét:
h [h] ꞗệy thì coi hai hình ĕy, sáng tlên phép thợ naò vẽ, [i] lại tlaố khan ĕy chẳng

[k] *ſed*

[k] *ſed quaſi natiuo ipſius lintei colore Chriſti Domini effigiem referat,* [l] *Diuinum id eſſe miraculum, clarè perſpicitur.*

*Cùm igitur Dominus Ieſus ad Caluariæ montem perueniſſet,* [n] *extra Hieroſolimæ portam, veſtimentis omnibus exutus eſt:* [o] *in eo Caluariæ loco fertur olim ſepultum Adæ primi hominum parentis caput,* [p] *ibique Dominus noſter Ieſus Chriſtus Dei Filius, verus Deus & homo innocentiſſimus,* [q] *cùm expleſſet ætatis annos triginta tres,* [r] *die 25. Martij, ſub meridiem,* [ſ] *manibus pedibuſque clauis affixus, in Cruce pro nobis moriturus exaltatus eſt,* [t] *impletumque eſt illud Dauidis propheticum eloquiũ, iam ante mille annos prolatum.* [u] *foderunt manus meas & pedes meos, dinumeraue-*



[k] thảy thuốc naò blêy, [k] ſaõ thấy như ſắc khăn tự nhien, mà có hình mạt đức Chúa Ieſu, [l] thạt là ra tỏ tướng, có phép bề tlên đức Chúa blời, làm việc ếy, mà chớ.

[m] ếy ꞗệy mà khi đức Chúa Ieſu đã đến tlên núi Caluaria, [n] ở ngoăi cửa thành Ieruſalem, nó bóc hết áo đức Chúa Ieſu: [o] có truyền ràng, đời xưa nơi Caluaria ếy có chôn đầu ouĕ Adam, là tổ tũ người ta, [p] mà ở nơi đức Chúa Ieſu Chriſto là Chúa chúng tôi, cữ là một Con đức Chúa blời, thạt là đức Chúa blời, cữ là người thể rứt lành, [q] khi đã đầy ba mươi ba tuổi cữ ba tháng, [r] hai mươi làm tháng Martius, nữa ngày dồ, [ſ] có chịu đáổ đanh bốn chên tay tlên cây Crux, mà bêo lên, chịu chết vì chúng tôi. [t] ꞗệy thì ra sấm truyền ouĕ Dauid khi hơn nghìn năm tlước đã nói, ràng: [u] nó thâu qua hay tay, và hai chên

*runt*

*runt omnia oſſa mea, [x] Dominus autem Ieſus tot iniurijs laceſſitus, [y] non ſolum non indignabatur, nec vindictam de inimicis ſuis ſumebat, vt poterat: [z] ſed potius preces pro ijs ad Deum Patrem fundens clamabat, dicens: [a] Pater dimitte illis, non enim ſciunt quid faciunt. [b] Hãc Domini Crucifixionem Diuino ſpiritu præuidens Iſaias cap. 53. ait, [c] Non eſt ſpecies ei, neque decor: [d] vidimus eum deſpectum, & nouiſſimum virorum, [e] & ſcientem infirmitatem: & quaſi abſconditus vultus eius [f] Verè langores noſtros ipſe tulit & dolores noſtros ipſe portauit: [g] & nos putauimus eum quaſi leproſum, & percuſſum à Deo, & humiliatũ. [h] Ipſe autem vulneratus eſt propter iniquitates noſtras, [i] attritus eſt propter*



tao, lai nó kể mọi xưâng tao. [x] Mà đức Chúa Ieſu khi đã phải ŏan gia thể ếy, [y] chẳng lọ là chẳng có gẹn nó, cũ chẳng có blả lại ſự dữ, cho ŏan gia mìng, khi làm được nó; [z] mà lại câu đức Chúa blời, là đức Cha mình, cho nó, ràng: [a] lạy đức Cha, Con xin đức Cha tha nó, vì nó chang hay có làm đí gì. [b] Có oũ Iſaya đời xưa đã chịu sấm truyền, bởi đức Chúa Spirito Santo, mà thấy đức Chúa Ieſu có chịu đáố đanh tlên cây Crux, đŏan nam mươi ba ràng: [c] người chẳng còn có hình, chẳng phải tốt lành nữa: [d] mà ta coi thấy như hình người hền, là rốt hết người ta, [e] là người hay đau đớn, mà mặt người như che đậy. [f] thật người đã chịu đau náng vì ta, và khốn khó thay ta, cũ đã chịu lấy: [g] mà ta ngờ là tật phú, đức Chúa blời đã phạt, và hạ xuống đậy. [h] Saố le người chịu phải dếu vì tội lỗy chúng toi, [i] chịu nát hết mình

*ſcele-*

*ſcelera noſtra: [k] diſciplina* k
*pacis noſtræ ſuper eum, [l] &* l
*liuore eius ſanati ſumus.*
*[m] Sicut ouis ad occiſionem* m
*ducetur, [n] & quaſi agnus* n
*coram tondente ſe obmu-*
*teſcet, & non aperiet os*
*ſuum. [o] Et cum ſceleratis* o
*reputatus eſt. [p] Et ipſe* p
*peccata multorum tulit, &*
*pro tranſgreſſoribus roga-*
*uit. [q] Vt igitur hæc pro-* q
*phetia impleretur, voluit*
*Dominus inter duos latro-*
*nes Crucifigi, [r] vnum ad* r
*dexteram, & alterum ad*
*ſiniſtram: [ſ] è quibus, is* ſ
*qui ad ſiniſtram pendebat,*
*blaſphemabat eum, dicens:*
*[t] ſi tu es Chriſtus, ſaluum* t
*fac temetipſum, & nos.*
*[u] Alter autem, qui erat ad* u
*dexteram, nomine Diſmas,*
*increpabat ſocium, dicens:*
*[x] Neque tu times Deum,* x
*qui in eadem damnatione*
*es? [y] & nos quidem iuſtè;* y
*nam digna factis recipi-*



k vì tội vạ chúng tôi: [k] lại
người chịu rơi trên
mình, cho ta được bằng
l an, [l] cũ chịu đánh nổi
lằn cho ta đã, mà được
m lành, [m] có đam đi giết
người, như con chiên
n đ͏ꞗệy, [n] lại trước mặt ai
cắt tóc mình, thì ở lặng,
như con chiên con, mà
chẳng có mở miệng ra;
o [o] cũ lấy người làm bạn
p đ͏ꞗôi kẻ gian dữ, [p] lại
vác tội cho nhều người,
và cầu cho kẻ phạm
q mlời răn. [q] đ͏ꞗệy cho blọn
sấm truyền ấy, đức
Chúa Iesu có chọn cồên
dữ đáố đánh mình giữa
r hai đứa kẻ tlộm, [r] một
ở bên tay mặt, một về
ſ tay tlái, [ſ] mà đứa ở bên
bên tay tlái thì máng
rủa đức Chúa Iesu, ráng;
t [t] ví bằng ngươi, là Chri-
ſto, thì chữa mình, và
u chữa tớ. [u] khi ấy người
khác, ở bên bên tay mặt
đức Chúa Iesu, tên là

Diſmas, thì máng bạn, ràng: [x] khi mầy đã phải chịu | x
tội cũ, ſao cũ chẳng dái đức Chúa blời? [y] ta chịu | y

*mus:* [z] *hic verò nihil mali geſſit.* [a] *Et conuerſus ad Ieſum, dicebat:* [b] *Domine memento mei, dum veneris in regnum tuum.* [c] *Cui Dominus benigniſſimè reſpondit:* [d] *hodie mecum eris in Paradiſo.*

[e] *Scripſit autem titulum Pilatus Hebraicè, Grecè, & Latinè.* [f] *Erat autem ſcriptum: Ieſus Nazarenus Rex Iudæorum.* [g] *Iudæi verò nolebant titulum eo modo conſcribi, eò quod cauſam Dominicæ mortis contineret,* [h] *volebãt enim, vt exprimeretur, quia ipſe dixit Rex ſum Iudæorum.* [i] *Sed quia titulus eo modo regeſte Diuina prouidentia factus erat;* [k] *ideò non permiſit Deus, vt vlla mutatio in illo fieret, quamuis grauiter inſtantibus Iudæis,* [l] *Pilatus enim reſpondit eis: quod ſcripſi ſcripſi.*



đã đáng, vì mình làm thì mình chịu; [z] ſaố le người nấy chẳng hề làm ſự gì lỗy sốt. [a] Lại blờ mạt cữ đức Chúa Ieſu, mà cầu làm ꞗềy. [b] Tơi lại Chúa, khi đến nước mình, Chúa dớ đến tơi cữ: [c] mà đức Chúa Ieſu thì thưa đều rứt nhin, phán ràng: [d] mầy rày đến ớ cữ tao tlaố nơi ꞗui ꞗé.

[e] Khi ếy quan Pilato đã chép lịnh đức Chúa Ieſu chịu tội chữ ba nước Hebreo, Greco, Latino. [f] mà chép làm ꞗếy: Ieſu Nazareno là ꞗua Chúa Iudeo. [g] Iudeo thì chẳng yêu chép lịnh thế ếy, vì tlaố ếy có mlẽ, ì ſao đức Chúa Ieſu có chịu chết: [h] vì ꞗệy nó muấn tlaố lịnh chép ràng: vì đức Chúa Ieſu xưng mình là ꞗua Chúa Iudeo. [i] Saố le vì lịnh ếy ra làm ꞗệy, bởi đức Chúa blời ſửa thế ếy, mà chớ, [k] chẳng cho đổi một chữ gì sốt, dẫu dên Iudeo, có đòi ſự ếy lắm: [l] vì ꞗệy Pilato có thưa nó ràng: tao có chếp thế nào, thi phải để chép thế ếy, mà chớ.

[m] *Mili-*

[m] *Milites verò, qui Domi-* m
*num Ieſum Crucifixerant,*
*diuiſerunt ſibi veſtimenta*
*eius,* [n] *& tunicam ſumen-* n
*tes, quia inconſutilis erat,*
*dixerunt:* [o] *Non ſcinda-* o
*mus eam, ſed ſortiamur*
*de illa cuius ſit.* [p] *Imple-* p
*tumque eſt illud propheti-*
*cum Dauidis:* [q] *Diuiſerunt* q
*ſibi veſtimenta mea, &*
*ſuper veſtem meam miſe-*
*runt ſortem.* [r] *Hæc verò* r
*inconſutilis tunica ad hanc*
*vſque diem ſeruatur Tre-*
*ueris.* [ſ] *Cuius ciuitatis tra-* ſ
*ditio eſt, inconſutilem tu-*
*nicam,* [t] *Chriſto Domino* t
*infanti à Virgine Matre*
*confectam,* [u] *ſemperque* u
*ab eodem geſtatam, pau-*
*latim cum ipſo creuiſſe.*
[x] *A ſexta autem hora te-* x
*nebræ factæ ſunt ſuper v-*
*niuerſam terram, vſque*
*ad horam nonam.* [y] *Cuius* y
*miraculi magnitudo vt in-*
*telligatur, ſciendum eſt,*
[z] *ſolem nunquã pati eclyp-* z
*ſim, niſi luna inter ipſum,*



m [m] Mà cŏên đáŏ đanh đức
Chúa Ieſu tlên Crux đŏ-
ạn, thì chia áo người
n cữ nhau: [n] ſaŏ le áo tlaŏ,
vì chẳng có may gì, thì
o lấy mà ràng: [o] áo tlaŏ nấy
ta chớ xe ra làm chi, ta
bỏ thăm xem ai được
p chớ: [p] mà ꞓbệy sấm tru-
yền oũ Dauid ra thật khi
q ràng: [q] nó thì chia cữ
nhau áo ta, mà tlên cái
áo ta mạc tlaŏ, thì nó bỏ
r thăm. [r] Saŏ le áo tlaŏ
ấy ở thành Treueris còn
ſ giữ đến rày, [ſ] mà có
truyền đấy ràng: áo ấy
t chẳng có may gì, [t] rứt
thành đức Me đã làm
ra cho đức Chúa Ieſu,
u hãy còn tle: [u] mà đức
Chúa Ieſu mạc áo ấy li-
en, khi đến mlớn một
khi một chút, mà áo cũ
ra dài lien như ꞓbệy.
x [x] ꞓbệy từ chính giờ ngọ
cho đến đầu hết giờ
thân, thì mạt blời ra tối,
mà cả và thien hạ phải
y tối tam mù mịt: [y] cho ta
biết phép lạ nấy là bao
mlớn, thì phải hay, [z] mạt blời có phải nhệt thực, | z

*& terram interponatur. [a] Hac enim lunæ interpoſitione, ſolis radij impediuntur, ne ad nos pertingant. [b] Quo fit, vt ſolis eclypſis non contingat, niſi in nouilunio: [c] in plenilunio autem, cum terra ſit inter ſolem, & lunam, è diametro inter ſe oppoſita; [d] tunc lunæ ſolis radios, ne ad terram perueniant, impedire nequit. [e] Cùm verò Chriſtus Dominus Crucifixus ſit in ſolemnitate Paſchali, [f] quæ non celebrabatur niſi in plenilunio; [g] Diuino tantum miraculo res accidit, [h] factumque eſt vt luna, quæ meridiano ſoli tunc temporis oppoſita ſub terra latebat, [i] repentè recurrens, & vſque ad meridianum ſolem aſcendens, ſub illo immediatè ſiſteretur, [k] eumque non aliquibus tantum terris, vt ſolet, [l] ſed uniuerſo mundo eclyp-*



một khi mạt blời ở một bên, đết thì ở bên khác, mà mạt blang phải ở giữa: [a] vì chưng khi mạt blang ở giữa làm ꞗệy, thì trở ánh mạt blời, kéo đến ta. [b] Vì ſự ếy nhệt thực có đến ngẩy ba mươi, hay là mồu một mà thôi; [c] ſaố le ngẩy rằm khi mạt blời ở một bên, mạt blang bên khác xa nhau mà đết ở giữa, [d] khi ếy mạt blang trở ánh mạt blời, kéo ſoi đết, thì chẳng được. [e] Mà khi đức Chúa Iesu chịu đáố đanh tlên cây Crux, đang làm lễ cả Paſcoa, [f] mà có làm lễ ếy ngày ràm mà thôi: [g] bởi có phép đức Chúa blời mới có nhệt thực ếy, [h] vì chưng khi ếy mạt blang ở ẩn mình như dưới đết, khi mạt blời ở tlên, đang nửa ngày, [i] mà thoắt chóuc mạt blang thì lên, cho đến dưới mạt blời ngay, mà che mạt blời, [k] chẳng lọ là che một hai nước, như thường làm, [l] mà lại che cả và thien hạ, cho nên

*ſaret,*

*ſaret, ita vt denſiſſimæ vbique eſſent tenebræ, quod nunquam aliàs contigit,* [m] *& tres integras horas, quandiù Saluator in Cruce viuus patiens permanſit, eclypſis duraret,* [n] *quaſi vel ipſa quamuis inanima, cæli lumina,* [o] *tantum Iudæorum ſcelus, tantam Filij Dei, omniumque Conditoris ignominiam videri erubeſcerens,* [p] *hoc ab orbe condito inauditum miraculum, cùm Dionyſius gentilis philoſophus, & inſignis mathematicus, Hieropoli in Aegypto vidiſſet, rei nouitate commotus exclamauit:* [q] *Aut Deus naturæ patitur, aut mundi machina diſſoluetur.* [r] *Cùm verò deinde labentibus annis, Athenis Paulum Apoſtolũ audiſſet differentem de Chriſtiana lege,* [ſ] *deque Chriſti Domini Paſſione & miraculis, quæ in illa acciderant,* [t] *& præcipuè de inaudi-*



no mọi nơi phải tối tam mù mịt, chưa hề thấy lần nào làm bệy: [m] mà lại nhệt thực ẽy một giờ rưỡi làm tối mạt blời, đang khi đức Chúa Ieſu còn ſốũ chịu tội tlên cây Crux, [n] như thể đèn blời, dầu chẳng ſốũ, [o] thì hổ người, mà chẳng cho ai thấy Con đức Chúa blời, làm nên mọi ſự, có chịu xấu hổ từng ẽy. [p] Ou Dionyſio là cổ ên tử, hay tư thien lám, khi ẽy ở thành Hieropoli tlaõ nước Aegypto, mà thấy ſự là, từ đức Chúa blời hõá nên blời đẽt chưa tẵng thấy làm bệy, thì kêo cả tiếng ràng: [q] hai là Chúa cả ſinh mọi lõài, bây giờ có chịu khó, hay là thể giải nẩy tận ra. [r] Mà đến ſau, qua nẩy năm, khi oũ ẽy nghe thấy oũ thánh Paulo, là đầy tớ cả đức Chúa Ieſu, ở thành Athena giảng đạo thánh đức Chúa blời, [ſ] mà kể ſự đức Chúa Ieſu chịu tội, cũ nhẽo lạ có đến khi ẽy, [t] nhít là kể ſự nhệt thực

*inaudita illa ſolis eclypſi,* [u] *atque in eamdem diem, & horam, quam ipſe Hieropoli notarat, incidiſſe comperiſſet,* [x] *Chriſtianam veritatem amplectens ab eodem Apoſtolo fidem Chriſtianam ſuſcepit.*

[y] *Hora autem nona Dominus Ieſus clamans voce magna,* [z] *Pater in manus tuas commendo Spiritum meum.* [a] *Et inclinato capite tradidit ſpiritum:* [b] *moxq; vt hominibus ratione præditis in vniuerſorum Dominum impiè ſævientibus,* [c] *inanimes ſaltem creaturæ mœroris, & luctus ſigna in illius morte exhiberent,* [d] *ecce velū templi ſciſſum eſt in duas partes, à ſummo vſque deorſum.* [e] *Terra mota eſt: ita vt varijs in Regnis Vrbes non paucæ dehiſcente terra abſorptæ dicantur.* [f] *Petræ ſciſſe ſunt: ita vt non ſolum in caluariæ loco,* [g] *ſed in alijs etiam mul-*



lạ ấy [u] oũ Dionyſio thấy có đến cữ một ngày, và một giờ, khi mình ở thành Hieropoli, mà xem được như bệy, [x] thì tin và theo đạo thật, mà oũ thánh Paulo có tlao đạo thánh cho oũ ấy.

[y] Hết giờ mùi ſang giờ thân đức Chúa Ieſu kêu cả tiếng ràng. [z] lạy đức Cha, Con phú linh hồn Con, ở tay đức Cha.: [a] ſau thì gục đầu xuấng, cho linh hồn mình ra khỏi xác: [b] mà khi người ta; có chúa í mình, ở dữ tợn cù đức Chúa cả, tlên hết mọi ſự, [c] ít là những lŏài chẳng có hồn, làm hình lọ buần khóc lóc, khi người chịu chết, [d] bệy cái màn che đền thánh khi ấy xé ra, từ tlên cho đến dưới, [e] mà đết thì phải động, cho nên có tin nước nọ nước kia ràng, có nhều thành hạ xuấng tlaő đết, mà biến đi: [f] cũ có hòn đá nhều bỗ ra làm hai, chẳng lọ là ở núy Caluaria; [g] mà lạy ở dều nơi khác, nhít là ở

tis,

tis, & præcipuè in Etruria Italiæ Prouincia, Aluerniæ mons,[h] & in Campania Caietæ promontoriũ, à ſummo ad imum ingenti hyatu diſciſſum fuiſſe dicatur, vt ad hanc vſque diem cerni fertur:[i] & monumenta aperta ſunt, & multa corpora ſanctorum ſurrexerunt.

[k] Stabat autem iuxtà Crucem Domini Ieſu, hæc omnia ſpectans, afflictiſſima parens Virgo Maria,[l] atque incredibili animi dolore de vnici ac dilectiſſimi Filij morte ſauciata,[m] ita vt penè exanimis ipſa remaneret.[n] Interim venerunt feri milites, & duorum quidem latronum fregerunt crura:[o] ad Ieſum autem cum veniſſent; vt viderunt eum iam mortuum, non fregerunt eius crura,[p] (vt impleretur Scriptura, quæ dicit: os non comminuetis ex eo,)[q] ſed vnus militum lancea



nước Italia tlaő xứ Etruria, có núi Aluernìa,[h] và tlaő xứ Campania có núi non gần thành Cayeta, có truyen ràng, khi ấy lở ra từ đầu núi cho đến chên, mà làm lỗ mlớn, như ràng coi thấy đến nay:[i] lại khi ấy cũ có cái mả mở ra, mà thân xác nhều người thánh có ſống lại.

[k] đức Chúa Bà Maria là đức Mẹ đòũ thân khi ấy thì ſầu não rứt mực, mà dứng áp cây Crux đức Chúa Ieſu chịu tội,[l] có lo buần thế nào, khi thấy một Con mình rứt kính yêu, mà chết làm ꞗệy, ta ſuy chẳng đến,[m] cho nên người cũ đã hầu ſinh thì.[n] Bấy giờ cŏên dữ có đến, mà chạt blái chên hai đứa kẻ tlộm,[o] ſaǒ đến cũ đức Chúa Ieſu, khi thấy đã qua đời, chẳng có chat blái chên người[p] (ꞗệy thì mlời t'aố kinh đức Chúa blời ra thật khi ràng chớ có đánh gìv xương xác người,)[q] ſaố le có một cŏên ! 1

latus

*latus eius aperuit:* [r] *& continuò exiuit ſanguis & aqua, quæ etiam peruenerunt ad oculos militis percutientis:* [ſ] *& vt ſcribit Nazianzenus, is cùm antea lippis eſſet oculis, & ferè cæcus,* [t] *ſtatim viſum recuperauit, & corporis, & animæ,* [u] *ſtatim enim Dominum cognoſcens, quẽ tam impiè lancea percuſſerât, doluit valdè,* [x] *veniamque petens illam ita obtinuit, vt poſteà Sanctus etiam euaſerit.* [y] *Centurio autem cuſtodiẽs audito clamore valido expirantis Domini, dixit:* [z] *Verè hic homo erat Filius Dei;* [a] *& omnis turba eorum, qui aderant, viſo terræmotu, & ijs quæ fiebant,* [b] *pœnitentia moti percutientes pectora ſua reuertebantur.* [c] *Expedit hoc loco exponere præclaram aliquam Chriſti Domini, è cruce*

tlaő nó, càm lưỡi đòú, mà đâm đức Chúa Ieſu, mở bên ſườn cụt: [r] thoắt chóuc thì máu và nước chảy ra, mà đên con mát coên đâm: [ſ] oú thánh Nazianzeno chép ràng: cŏên ếy tluờc n.ù con mát lám, đã hầu tối, [t] mà tức thì được ſáng và xác, và linh hồn: [u] vì chưng một chóuc có dìn đức Chúa Ieſu, mà lo láng gia giết, vì mình cầm lưỡi đòú đã đâm dữ làm bệy: [x] có cầu đức Chúa Ieſu tha, mà được tha, cho nên, đên ſau đã được nên thánh. [y] Cũ có oủ cai một tlam cŏên, khi nghe thấy đức Chúa Ieſu, đang tlút linh hồn ra, mà kêo cả tiếng, thì xưng ràng: [z] thạt người nầy là Con đức Chúa blời mà chớ. [a] Lại đàn người ta hết có đếy thây đọủ đết và ſự khác lạ, [b] thì ăn năn lại, mà đánh ngực về.

[c] đên nơi nầy thì phải lếy ảnh nào khéo đức Chúa Ieſu đáố đánh tlên cây Crux, mà đam ra cho người

penden-

*pendentis effigiem,* [d] *cum candelis & odoribus, ſi fieri poteſt,* [e] *& tunc ad præſentes loqui in hunc, aut ſimilem modum.*

[f] *Tu verò quiſquis corde ades, attolle mentis oculos,* [g] *& Ieſum Chriſtum Cruci affixum, & exanimẽ quaſi præſentem contemplare.* [h] *Hic eſt ille, quem Deus, obſeratas à primis parentibus olim paradiſi fores, reſeraturum promiſerat.* [i] *Hic ille, quem idem Deus antiquis Patriarchis, & Prophetis, humani generis Redemptorem venturum reuelarat:* [l] *hic ille, qui cum eſſet natura Deus impaſſibilis, ſic paſſibilis pro nobis homo fieri voluit,* [m] *qui cùm æternæ ſalutis viam oſtendiſſet,* [n] *maximiſque miraculis cæleſtem, quam prædicabat, doctrinam cõfirmaſſet;* [o] *proprij ſanguinis effuſione Patri pro noſtris ſatisfaciens delictis,*



ta xem, [d] có dĕọn cái nến, và cái hương, thì mới tốt, [e] mà khuyen người ta có đếy làm ꞗệy, hay là thế như ếy.

[f] Ai nếy có í đây, hãy ngửa con mát linh hồn lên, [g] mà ngẫm đức Chúa Ieſu, như bàng còn tlước mạt ta, đáố đánh tlên cây Crúx mà chịu tội chịu chết làm ꞗệy. [h] Nấy là người, đức Chúa blời đã phán nói hứa đời tlước, sẽ mở ra cửa thien đàng, tờ tú ta khŏŏ xưa đã đáố lại. [i] Nấy là người, đức Chúa blời đã truyền cho thánh đời xưa có chịu sấm truyền, ngày ſau đến kóu lŏài người ta. [l] Nấy là người, thạt là đức Chúa blời, tự nhyen chẳng chịu được đí gì, vì chúng tôi đã chọn làm Con người, mà chịu nạn làm ꞗệy. [m] khi đã mở đàng cho ta được ꞗui ꞗé vô cữ, [n] lại làm phép ſứt mlốn cho người ta tin thạt mlời mình giảng: [o] ſau thì đổ máu mình ra, mà đền tội chúng tôi cữ đức Cha,

*[p] ignomiſioſiſſimæ mortis tolerantia, ad æternam vitam nobis aditum reſerauit. [q] Hic vnicus hominũ Redemptor & Saluator, [r] ſine cuius ope, veram conſequi ſalutem animæ nemo poteſt, [ſ] ideò hunc ab omnibus agnoſci cupimus, [t] & gentibus omnibus, quantum vires ferunt, prædicamus. [u] Tu ergo ſi mente polles, & ea quæ huc vſque diximus non ſurdis auribus audiſti; [x] agnoſce immenſam Redemptoris tui benignitatem, [y] qui cùm nullis hominum bonis indigeret, [z] pro noſtra tamen ſalute tantopere laborauit, [a] qui cùm cæli terræque verus Dominus ſit, [b] vt nos ingratiſſimos ſeruos redimeret, tot dolores, tot cruciatus, tot ignominias, tam atrox ſupplicium ſubire voluit. [c] Intuere cæli Dominum Redemptorem tuũ, pro te in patibulo penden-*



[p] chịu chết rứt xấu hổ, mà, mở cửa cho ta được hàng ſóũ ȡệy: [q] ẽy là một Chúa chuộc kớu lŏài người ta, [r] mà ȡí bàng chẳng có giúp ſức cho ta, chẳng có ai chịu được rỗi that linh hồn: [ſ] vì ȡệy chúng toi ước cho thien hạ dìn lệy, [t] mà vì ſự ẽy chúng tôi giảng ra hết ſức, cho các nước hay. [u] ẽy ȡệy mà nếu bạu hay ſuy mlẽ, nếu có nghe mlời giảng, từ tlước đến nay, mà chẳng tai điếc; [x] thì nhìn lệy nhìn lành vô cũ đức Chúa Ieſu, kớu bạu, [y] dâu người chẳng có dả gì lŏài người ta, [z] ſáố le đã chịu khốn khó chừng ẽy, cho ta được rỗi. [a] dâu làm thật Chúa blời đết, [b] có chịu đau, chịu hình, chịu xấu hổ chừng ẽy, mà lại chịu đáố đanh khốn nạn lạm ȡệy cho ta, là tôi tá phàm hền, vô phet, chẳng hay ơn, mà chuộc chúng tôi. [c] Hãy xem đức Chúa blời chuộc tội cho bạu, mà bêo tlên cây Crux,

tem,

*tem. & membris omnibus*
*lacerum:* [d] *cerne manus* d
*innoxias miraculorum ope-*
*ratrices largo manantes*
*ſanguine:* [e] *vide Sanctiſ-* e
*ſimos pedes, te ad æternam*
*ſalutem quærendo defeſſos,*
*diris confixos clauis:* [f] *at-* f
*tende Diuinum latus cru-*
*deli perfoſſum lancea:* [g] g
*ſpecta totius elegantiæ vul-*
*tum, ſanguine ſputiſque*
*opertum;* [h] *& ſereniſſimã* h
*quondam frontem ſpineo*
*ſerto cruentatam.* [i] *Conſi-* i
*dera nobiliſſimum Princi-*
*pem in ipſo iuuentutis flo-*
*re, ceruice deflexa,* [l] *igno-* l
*miniosiſſimam pro te reſo-*
*lutum in mortem.* [m] *Et* m
*quando vicem tantis bene-*
*ficijs rependere non va-*
*les,* [n] *agnoſce ſaltem im-* n
*menſam illius erga te cha-*
*ritatem,* [o] *fuſiſque ex inti* o
*mo cordis ſenſu lacrymis,*
[p] *tuæ erga illum compaſ-* p
*ſionis, & grati animi ſi-*
*gnum exhibe.* [q] *En ipſi,* q
*qui Redemptorem tuum*

d cả và minh nát: [d] hãy
coi tay thánh, chẳng hay
làm ſự gì lỗy, mà hay
làm phép nhều, bây giờ
e chảy máu rào rào: [e] hãy
xem chên rứt thánh, khi
tìm bạu, cho được rồi
vô cữ, thì nhạoc, mà bây
giờ chịu đáo đanh khốn
f lám. [f] Hãy coi ſườn
g đức Chúa blời, có lưỡi
đòũ dữ đâm ꞗĕào: [g] hãy
ngăm mạt xưa gồm mọi
ſự tốt lành, mà bây giờ
h máu, cữ đàm giở thi che
hết: [h] và tlán xưa rứt
ꞗui, những gai thấu ꞗĕ-
ào, cho nên chảy máu ra.
i [i] Hãy ſuy, hãy xét Chúa
rứt ſang, rứt trạo, khi
đang thì nên người, côi
l có xướng đâu, [l] mà chịu
chết rứt xạu hở vì bạu.
m [m] Khi bạu chẳng hay blả
ơn cả làm ꞗệy cho nên,
n [n] ít là nhìn lấy lào đức
Chúa Iesu yêu bạu chẳng
o cữ, [o] mà khi bạu chảy
nước mắt, bởi lào lo
p lám, [p] thì làm dĕâu có
lào thương, và hay ơn
ꞗệy. [q] Ấy là kẻ dước đã hủy bàng đức Chúa Iesu, | q

*fuerant perſecuti; [r] in illius morte triſtantur, & pectora percutiunt; [s] ſurgunt ad compatiendum morienti Ieſu mortui, [t] & res ipſæ inanimes in Domini obitu inuſitatas doloris ſignificationes edunt: [u] & tu qui ratione polles, pro quo Saluator pendet in ligno, [x] tam durus eris ac ferreus, vt non ſoluaris totus in lacrymas? [y] non liqueſias in gemitus? non totus in tantæ charitatis amorem, & gratitudinem accendaris? [z] Sic igitur alloqueris pijſſimum Dominum [a] Saluatorem amantiſſimũ in Cruce pro te pendentem. [b] Aue Rex meus, & Saluator meus pijſſime, [c] tu tu ſolus meos es miſeratus errores, [d] æterno Patri obediens, vſque ad mortem, mortem autem Crucis; [e] gratias tibi ago, quas poſſum licet exiles, [f] pro tot*



chuộc tôi bạu, [r] khi đã thấy chết, thì lo láng mà đánh ngực. [s] Lại kẻ đã chết thì ſóũ lại, mà thương xót đức Chúa Ieſu chịu chết, [t] và lõài chẳng có hồn cũ làm nhều dẽấu lạ, như bàng thương xót đức Chúa Ieſu chịu chết làm ꞗệy. [u] mà bạu là kẻ biét mlẽ, mà đức Chúa Ieſu kóu bạu, ở bêu tlên cây. [x] Sao bạu kứnh lòõ bàng sắt ꞗệy, mà chẳng chảy nước mạt ròõ ròõ, [y] ſao chẳng kháoc láoc, mà thương xót, kính mến, cám ơn đức Chúa Ieſu hét lòõ hết ſức ꞗệy? [z] nhin vì ſự ấy bạu thì phải lấy mlời làm ꞗệy, mà cầu cũ đức Chúa Ieſu rứt nhin, [a] rứt yêu và kóu thế, ở bêu tlên Crux vì bạu.

[b] Tôi lại đức Chúa Ieſu, là ꞗua Chúa tôi, nhin lành mà kóu tôi, [c] có một đức Chúa Ieſu, lòõ thương tôi, [d] mà chịu lụy đức Cha, hàng có ꞗệy, cho đến chịu chết, mà chết tlên cây Crux: [e] tôi cám ơn đức Chúa Ieſu hết lòõ, dầu hèn, [f] vì đức Chúa Ieſu

*exantla-*

*exantlatis laboribus, ac doloribus pro ſalute mea,* [g] *doleo ex toto corde, quod hactenus infinitam Maieſtatem tuam, tam impiè ingratus offenderim,* [h] *doleo quod hactenus tibi, vt debebã, non ſeruierim,* [i] *& quod potius inimicis tuis obtẽperauerim intimè doleo,* [k] *Vtinam te nunquã offendiſſem Domine mi amãtiſſime;* [l] *vtinam ſemper mandatis tuis obtemperaſſem Pater ſuauiſſime.* [m] *ſed quia quæ iam ſunt præterita in mea poteſtate non ſunt;* [n] *firmiter ſtatuo in poſterum tibi ex toto corde ſeruire,* [o] *mandatiſque tuis ex totis viribus obedire, vſque ad vitæ huius exitum.* [p] *Abrenuntio itaque idolis vaniſſimis,* [q] *& ſectis omnibus diabolicis, quibus hactenus ſtultè adhæſi,* [r] *& te verum Deum meum, pro me in Cruce*



đã chịu bấy nhêu ſự khốn khó, cho tói được lành: [g] tói lo buẩn hết lào, vì tôi phàm hèn, chẳng hay nghĩa, từ thước đến nay, đã phạm tội lỗy cữ đức Chúa blời, trạo vô cữ: [h] tôi ăn năm ſầu não, vì tòi xưa nay chẳng có ꞗưng phép đức Chúa blời như phải mlẽ, [i] mà lại tôi đã nghe những ǒan gia đức Chúa blời, tòi càng lo buẩn tlao lào tói: [k] chớ gì tói chẳng có khi naò lỗi nghĩa cữ Chúa tói, là rứt nhin: [l] chớ gì toi có giữ lien mlời răn đức Chúa Ieſu, là Cha tói rứt lành: [m] ſao le vì ſự đã qua chẳng còn có ở mạc lào tci: [n] tói doục một lào, từ nẩy về ſau, phục đức Chúa Ieſu hết lào, [o] và ꞗưng mlời đức Chúa Ieſu răn, cho đến khi hết hơi. [p] vì ꞗêy tói bỏ hết bụt đi, là những khoũ dôi, [q] và mọi đạo quỷ, toi dại xưa nay đã theo: [r] mà tôi lại đức Chúa Ieſu, thật là đức Chúa blời, cữ là Chúa tói,

*paſſum,*

*paſſum, & mortuum adoro,* [f] *& benedico in ſæcula ſæculorum, Amen.*
[t] *Cùm Chriſtus Dominus in Cruce mortuus eſt,* [u] *nõ quidem vt Deus, ſed vt homo,* [x] *eius anima Sanctiſſima eſt à corpore ita ſeparata,* [y] *vt tamen tam anima, quàm corpus, ſemper fuerint vnita Diuinæ Perſonæ filij,* [z] *quod enim Filius Dei ſemel aſſumpſit, nunquam dimiſit.* [a] *Sed ſicuti ſi quis è vagina gladium educat, dextera gladium tenet, ſiniſtra vaginam:* [b] *ſic Diuina Chriſti perſona,* [c] *Sanctiſſimam ſuam animam educens è corpore,* [d] *cùm Sanctiſſimam animam, tùm corpus Sacratiſſimum, ſibi ſemper hypoſtaticè vnita retinuit, nec vnquam dimiſit:* [e] *ſed cùm Sanctiſſimum eius corpus adhùc in Cruce pendet mortuum,* [f] *Anima Beatiſſima in inſernum*

đã chịu tội, chịu chết tlên cây Crux vì tôi, [f] tôi ước đức Chúa Iesu cả ſáng đời đời đệy.
[t] Khi đức Chúa Iesu tlên cây Crux đã chịu chết, [u] chẳng phải tính đức Chúa blời chịu chết, that là tính người mà chớ, [x] vì rứt thánh linh hồn ra khỏi xác; [y] ſaõ le và linh hồn, và xác chẳnh có lìa ngôi thứ hai, là đức Con đức Chúa blời: [z] vì chưng đức Con đức Chúa blời, có lấy gì một lần, chẳng có bỏ nữa. [a] Như thể có ai rút gươm ra, tay mạt cầm gươm, tay tlái cầm đó gươm: [b] ngôi thứ hai đức Chúa blời, là ngôi đức Chúa Iesu cũ như đệy: [c] vì chưng khi đam rứt thánh linh hồn mình ra khỏi xác: [d] và cầm rứt thánh linh hồn, và rứt thánh xác, còn dính lấy làm một đôi ngôi thứ hai lien, mà chẳng có khi naò bỏ. [e] Saõ khi rứt thánh xác đức Chúa Iesu còn ở bêu tlên cây Crux chết đệy, [f] linh

fernum deſcendit; [g] at quatuor ſunt Inferorum loca. [h] Profundiſſimus omnium eſt diaboli, & eius angelorum locus, [i] ibi eſt ignis æternus, in quo plectuntur, tam dæmones, quam damnatorum animæ, cruciatibus æternis, [l] nam vermis eorum non moritur, [m] nec ignis extinguitur in æternum. [n] Supra illum locum ſunt purgatoriæ flammæ, [o] in quibus purgantur animæ iuſtorum, [p] qui nondum plenè pro peccatis remiſſis ſatisfecerunt, in hac vita. [q] Tertius eſt infantium carcer, [r] qui ſcilicet ex hac vita, cum peccato originali migrarunt, & in tenebris detinentur, [ſ] non tamen crucientur igne, aut aliis tormentis, [t] quia nullum habent peccatum. Actuale, quod nimirum ipſi cõmiſerint, [u] ſed ſolum originale peccatum, quod ab Adamo traxerunt. [x] Quartus denique locus eſt Sanctorum Patrum Limbus,



hồn rứt chui chẻ người thì xuẫng địa ngục. [g] Mà tlaố địa ngục thì có bốn chốn. [h] Nơi rứt ſâu, là ngục ma quỷ và các thien thần bạn nó, [i] đếy có lửa đời đời, phạt và các quỷ, và các linh hồn dữ, chịu hình lửả đời đời đếy, [l] vì cái sâu, cắn ruột chúng nó, chẳng hay chết, [m] và lửả đốt liên, chẳng hay tắt đời đời. [n] Tlên nơi ếy thì có lửả giẩy tội, [o] tlaố ếy có giẩy linh hồn người lành, [p] khi chứa có blả cho hết nợ tội mình, khi còn ſống ở thế nẫy, dâu đã chịu tha vạ vo cữ. [q] Nơi thứ ba là ngục con tlẻ nhỏ, [r] đã qua đời, khi hãy còn có tội tổ tú ta truyền cho, à ở chốn tối tam đếy, [ſ] ſaố le chẳng có phải chịu lửả hay là hình khác; [t] vì chẳng có tội gì mình làm, [u] ſaố có một tội ouẩ Adam truyền cho. [x] Nơi thứ bốn tlên hết, là chốn

y *& hic erat etiam carcer,* y
*in quo ſcilicet iuſtorum*
*omnium animæ detinebã-*
*tur,* z *ab orbe condito,* z
*vſque ad pretioſiſſimam*
*Chriſti Domini mortem,*
a *quamuis à peccatis im-* a
*munes, in eo tamen loco*
*ſubterraneo erant, tanquã*
*in cuſtodia,* b *donec Salua-* b
*tor noſter Chriſtus Dominus,*
c *per mortem ſuam pretio-* c
*ſiſſimam, & Diuinum ſan-*
*guinem,* d *pro peccatis om-* d
*nibus plenè ſatisfeciſſet.*
e *Igitur Sanctiſſima Criſti* e
*Anima,* f *ſtatim atque* f
*fuit à corpore ſeparata, in*
*hunc quartum, ideſt ſupre-*
*mum inferni locnm deſcen-*
*dit,* g *eòque Sanctorum An-* g
*gelorum copijs ſtipata ſe*
*contulit,* h *& quia Sanctiſ-* h
*ſima illa anima,* i *Diuini-* i
*tati, vt diximus, vnita*
*erat,* k *limbi locum ingre-* k
*diens, non ſolum illum cæ-*
*leſti luce, incredibilique*
*gaudio compleuit,* l *ſed etiã* l



các thánh đời xưa ở,
y gọi là limbo, y đấy cữ là
tù rạc, vì chưng tlaõ ấy
có cấm các linh hồn
z người thánh, z từ đầu
hết thế, cho đến đức
a Chúa Ieſu chịu chết: a dù
mà đã ſạch hết tội, ſaõ
le còn cấm tlaõ ấy dưới
đết, như tlaõ tù ꞗệy,
b b cho đến khi đức Chúa
Ieſu, là Chúa cứu chúng,
c tôi, c có chịu chết, mà
đổ máu thánh mình ra,
d d ꞗệy có chuộc chung
mà blả mọi tội cho hết.
e e ấy ꞗệy mà rứt thánh
linh hồn đức Chúa Ieſu,
f f đến khi ra khỏi xác,
thoắt chóuc có xuống
đia ngục thứ bốn nấy,
g là ngục tlên hết, g mà có
nhều chiéc đức thánh
h thien thần xuống cữ: h
ſaõ le vì rứt thánh linh
i hồn ấy, i như đã nói
tlước, chẳng co hà tính
k đức Chúa blời, k khi
bĕào nơi limbo, chẳng
lọ là làm cho ſáng như
tlên blời, và đầy những ſự ꞗui ꞗẻ đầy: l mà lại làm | l

iuſtos

*iuſtos omnes, qui ibi erant,*
*ad beatam Diuinitatis vi-*
*ſionem euehens, ex illa*
*hora paradiſi felicitate*
*& gloria beauit,* [m] *Sicuti* m
*& paulò poſt aduenientem*
*boni latronis animam* ,
[n] *iuxtà promiſſum in Cru-* n
*ce pendenti paulò ante fa-*
*ctum, à Domino Ieſu di-*
*cente:* [o] *hodie mecum eris* o
*in paradiſo:* [p] *nam ille in-* p
*ferni locus tunc incepit*
*fieri paradiſus.*
[q] *Interim Sanctiſſimum* q
*Ieſu Chriſti Corpus pende-*
*bat in Cruce,* [r] *ab Anima* r
*quidem ſeparatum, non*
*tamen à Diuinitate deſti-*
*tutum.* [ſ] *Cum autem ſerò* ſ
*factum eſſet, vnus ex di-*
*ſcipulis Ieſu Chriſti,* [t] *no-* t
*mine Ioſeph, nobilis de-*
*curio,* [u] *Sanctiſſimum il-* u
*lud Corpus à Pilàto impe-*
*trauit,* [x] *& cùm è Cruce* x
*depoſuiſſet, illud coram*
*Virgine Matre,* [y] *& alijs* y
*pijs matronis & vno aut*
*altero Chriſti Domini di-*



cho các thánh ở đẩy,
coi thấy mạt đức Chúa
blời tử ẩy, mà được
m thinh nhàn đời đời, [m]
cữ qua một thôi, có linh
hồn người gọi là kẻ
tlộm lành, đã được như
n ꞗệy, khi đến đẩy, [n] như
mlời đức Chúa Iesu, khi
ở tlên cây Crùx, đã phán
một gey tlước cữ, khi
o ràng; [o] mấy hôm nay ở
được cữ tao tlaố nơi
p ꞗui ꞗẻ: [p] vì chưng nơi
ngục ẩy, ra nơi ꞗui ꞗẻ
thinh nhàn ꞗệy.
q [q] Khi ẩy rứt thánh xác
đức Chúa Ieſu cồn ở
r bêu tlên cây Crux, [r] dù
linh hồn đã lià ra khỏi,
ſ ſaố le chẳng có liá tính
đức Chúa blời: [ſ] mà đến
khi đã tối, có một đẩy
t tớ đức Chúa Ieſu, [t] tên
là oũ Ioſeph ſang trạố,
u làm cai mười cŏên, [u] thì
xin được cữ Pilato, rứt
x thánh xác ẩy, [x] mà khi
đam xuống bởi tlên cây
y Crux, tlước mạt đức
Mẹ đồũ thân, [y] và tlước
mạt khác đẫn bà lành, cữ có một hai đẩy tớ

*ſcipulo*, [z] *inuoluit in Sindone*, *& poſuit in monumento ſuo nouo*, [a] *quod exciderat in petra*, *in quo nondum quiſquam poſitus fuerat*: [b] *& aduoluit ſaxum magnum ad oſtium monumenti*. [c] *Poſteà conuenerunt Scribæ & Phariſæi ad Pilatum dicentes*: [d] *Domine recordati ſumus*, *quia ſeductor ille* [e] *dixit adhuc viuens*, *poſt tres dies reſurgam*. [f] *Iube ergo cuſtodiri ſepulchrum vſque in diem tertium*, [g] *ne fortè veniant diſcipuli eius & furentur eum*, *& dicant plebi ſurrexit à mortuis*. [h] *Et dicente Pilato*, *habetis cuſtodiam*, *ite cuſtodite ſicut ſcitis*, [i] *illi abeuntes munierunt ſepulchrum ſignantes lapidem*, *cum cuſtodibus*.

[k] *In tertio autem die à Sanctiſſima Ieſu Chriſti morte* ([l] *quo die ſe reſurrecturum ſæpè ipſe Dominus prædixerat*) [m] *die vix illuceſcente*, *Sanctiſſima*



đức Chúa Ieſu, [z] thì bao lại tlaổ bức khan, mà để tlaổ mả mới, [a] đã mở tlaổ đá, mà tlaổ mả ấy chưa có để ai; [b] và lấy la đá mlớn đáổ cửả mả ấy. [c] Thôi đoạn ngững kẻ hay chữ nghĩa thì họp lại, mà đến cũ Pilato, ràng: [d] chúng tôi lạy oũ, chúng tôi đã nhớ, người nấy hay dối blả, [e] mà khi hãy còn ſoũ đã nói, từ chết đến ngày thứ ba tao lại ſoũ lại: [f] Vì ꞗệy oũ phải khiến giữ mả ấy, cho đến ngày thứ ba, [g] kẻo đấy tớ người ấy đến cát lấy tlộm, mà ràng cũ dên, đã ſoũ lại. [h] Khi ấy Pilato ràng: bay có cồên hay giữ, hãy đi mà giữ mạc ý bay: [i] bấy giờ nó đi, mà đánh ấn ở nơi mả ấy, lại để cồên quanh quẻ mà giữ ꞗệy.

[k] Từ đức Chúa Ieſu chịu chết, đến ngày thứ ba, [l] (là ngày đức Chúa Ieſu đã phán nhều lần được ſoũ lại,) [m] khi ngày

*ipſius*

*ipſius Anima,* [n] *circumdata iuſtorum animabus, è lymbi carcere eductis,* [o] *necnon Angelorum multitudine maxima,* [p] *ad ſepulchrum pergens, & Sanctiſſimo Corpori ſe iungens,* [q] *illud ſtatim impaſſibile, & glorioſiſſimum ſuſcitauit.* [r] *Qui enim alios ſolo verbo, & imperio ad vitam reuocarat,* [ſ] *quid ni eadem Diuina virtute ſeipſum ſuſcitaret?* [t] *& quidem tanta facilitate, vt è ſomno potius euigilare videretur;* [u] *Reſurgens autem, lapide qui erat ad oſtium monumenti immoto, & ſigillo infracto,* [x] *per ſummum miraculum egreſſus eſt è ſepulchro, fortè cuſtodibus ipſis videntibus, & miraculo attonitis.* [y] *Mox terræ motus factus eſt magnus: Angelus enim Domini,* [z] *cuius aſpectus ſicut fulgur de cælo deſcendit,* [a] *& Chriſtum Ieſum reſurre-*



ếy bằng tưng là hŏạ, rứt thánh linh hồn đức Chúa Ieſu, [n] ꞗói linh hồn các người thánh, đã khói tù lymbo, [o] và có nhều đức thánh thien thần đi cữ, [p] có lên nơi mả, mà nhệp ꞗĕaò tlaố rứt thánh xác minh làm một cữ; [q] thŏát choúc làm cho ſóú lại, rứt tốt, rứt lành, chẳng hay chịu khốn khó gì nữa. [r] Vì chưng đức Chúa Ieſu đã lam tlước cho kẻ khác ſóú lại, khi khiến một đều, [ſ] mà ſao chẳng dữ được phép mình, là phép đức Chúa blời, cho mình ſóú lại? [t] lại làm dể lám như thể ngủ mà thức dẹy. [u] Saŏ le khi đức Chúa Ieſu ſóú lại, dù còn la đá đáŏ cửa mả, lại ấn đánh đếy còn lành hết, [x] làm phép cả, ra khói mả: âu là cŏên giữ, cữ thấy phép lạ ếy, mà hãi. [y] thời đŏạn có đọú đết lám, vì đức Chúa blời ſai đức thánh thien thần, [z] bởi blời mà xuống, có mạt như ſấ chướp, [a] làm chứng đức Chúa Ieſu đã ſóú lại.

*xiſſe teſtatus eſt.* [b] *Præ timore autem eius, magis adhuc exterriti ſunt cuſtodes, & facti ſunt velut mortui.* [c] *tum quidam ex illis omnia quæ acciderant nunciauerunt Scribis,* [d] *& Phariſæis; Iudæos gubernantibus* [e] *hi conſilium ineuntes, pecuniam copioſam dederunt cuſtodibus,* [f] *incitantes eos, ac dicentes; dicete quia vobis dormientibus,* [g] *diſcipuli eius nocte venerunt, & furati ſunt eum.* [h] *& cuſtodum quidem aliqui accepta pecunia fecerunt ſicut erant edocti.* [i] *Longinus verò, quem præcipuè illa quæ in Chriſti Domini morte conſecuta miracula,* [k] *in ipſius Diuinitatis cognitionem duxerant,* [l] *& deinde miraculis etiam plena Reſurrectio in eadem fide magis confirmarat,* [m] *à Phariſæis ſeduci nequaquam potuit,* [n] *ſed vel illis reclamantibus, contradicentibus, & dura quæuis, etiam ipſam mortē mini-*



[b] Khi ấy những cŏên giữ càng ſợ hơn nữa, kinh khủng, mà ngã như đã chết ꞗệy. [c] thỏi đŏan có kẻ thì dẹy mà đi kể bấy nhêu ſự ấy cŭ kẻ hay chữ nghĩa, [d] và cŭ Phariſeo, là kẻ ſửa nước Iudea, [e] nó thì hộp lại mà tŏan cữ nhau đi lồ cŏên giữ ấy, [f] mà giục làm ꞗệy, ràng: bay hãy nói, khi bay ngủ, [g] có đầy tớ người đến ban đêm, mà lấy tlộm đi. [h] tlaŏ cŏên giữ ấy, có kẻ thì thộ lồ, mà nói ra như mlời baó ấy, [i] ſaŏ le oŭ Longino bởi đã thấy phép lạ khi đức Chúa Iesu đã chịu chết, [k] mà đã tin tlước, thật là đức Chúa blời, mà chớ, [l] lại thấy những phép lạ nữa, khi đức Chúa Iesu ſoŭ lại, mà càng bền tin thật hơn nữa, [m] Phariſæo dèở người, mà nói dối chẳng được, [n] dù nó cãi lại, mà đe làm khốn người, cho đến giết chẳng để,

[o] tanti-

*tantibus, [o] Chriſti Domini Reſurrectionem, Diuinitatemque prædicans, [p] multos ad Chriſtianam Fidem conuertit, [q] quam poſtremo ob cauſam, lubens, ac lætus mortem ſubijt, & martyrio coronatus eſt.*

*[r] Cùm autem Dominus Ieſus à mortuis ſurrexiſſet, [s] primum Virgini Matri, quæ de tam atroci vnici ac dilectiſſimi filij morte vltrà quam credi poteſt dolore conſternata mærebat, [t] glorioſiſſimus apparens, eam ſecundum multitudinem dolorum ipſius, cæleſti ſolatio recreauit. [u] mox miſit Angelos, qui ipſum, iuxtà ſuam prædictionem, verè iam reſurrexiſſe teſtarentur: [x] deinde ipſe quadraginta dierum ſpatio, [y] tum Apoſtolis, tum alijs diſcipulis, modo ſingulis, modo binis, modo denis, modo*

[o] vũ Longino thì một nối ra, mà giảng cho người ta hay, đức Chúa Ieſu đã ſóũ lại, và thật là đức Chúa blời, [p] cho nên nhêu người chịu lễy đạo thánh, mà tin; [q] đến ſau vì ſự ễy oũ thánh Longino đã muấn, và mấng, mà chịu chết vì đạo.

[r] Khi đức Chúa Ieſu bởi tlaổ kẻ chết mà lại ſóũ lại, [s] tlước hết thì hiện ra viếng đức Mẹ đòũ thân, có ſầu não thế naò vì thấy đức Con chịu chết làm ꞗệy, lo cháng đến, [t] mà đức Chúa Ieſu đến cũ rứt ſáng, thì làm cho đức Mẹ ꞗui ꞗé lão, bàng tlước có lo buẫn rứt mực. [u] đoăn thì đức Chúa Ieſu ſai khién đức thánh thien thần ra làm chứng, người đã phán tlước thế naò, đã ſóũ lại như ꞗệy. [x] ſau nữa đức Chúa Ieſu đang bốn mươi ngày, [y] hiện cho đầy tớ cả xem, và đầy tớ khác nữa, có khi thì một, khi hai, khi mười: cũ có khi thì

pluſ-

*pluſquam quingentis ſimul rediuiuus apparuit,* [z] *qui omnes oculati de Ieſu Chriſti Reſurrectione teſtes extiterunt,* [a] *maximæ ſanè atque irrefragabilis authoritatis:* [b] *tum quia moribus fuere ſanctiſſimi:* [c] *tum quia maximis ad hanc præcipuè de Chriſti Domini Reſurrectione fidem confirmandam miraculis, eorum à Deo confirmata eſt authoritas;* [d] *tum quia ferè omnes ſuſcepto pro hac veritate martyrio, illam ſanguinis chirographo confirmarunt:* [e] *his accedit teſtimonium Sanctorum, qui rediuiui de monumentis exeuntes,* [f] *poſt Chriſti Domini Reſurrectionem Hieroſolymæ multis apparuerunt,* [g] *& Redemptorem à mortuis verè ſurrexiſſe teſtati ſunt;* [h] *quæ omnia ad fidem faciendam ſatis ſuperque ſunt.*



hơn nam tlam người, coi thay đức Chúa Ieſu đã ſóú lại: [z] mà bấy nhêu người có làm chứng vì con mắt mình đã thấy đức Chúa Ieſu đã ſóú lại. [a] thạt là bấy nhêu chứng ấy, có phép cả cho người ta tin, mà chẳng hồ nghi ſốt, [b] vì chứng ấy những là người làm phúc, mà nên rứt thánh: [c] lại đức Chúa blời có làm phép mlớn, cho người ta tin được mlời người thánh ấy, nhit là mà tin ſự đức Chúa Ieſu ſóú lại: [d] mà lại âu bấy nhêu người thánh ấy, đã chịu chết vì đều thạt ấy, lấy máu mình như thể đánh, ấn mà làm chứng thạt đấy. [e] cũ có chứng khác đôi, là những người thánh ấy, đã ſóú lại, ra khỏi mả mình, [f] đến khi đức Chúa Iesu đã ſóú lại, người thành ấy hiệnđến cũ đều người ở tlaõ thành Ierusalem, [g] mà làm chứng nói ràng, thạt đức Chúa Ieſu đã ſóú lại: [h] bấy nhêu ſự nấy thì đua cũ thừa cho, mà tin đấy.

ⁱ Et

[i] *Et quamuis Chriſtus Dominus, cùm reſurrexiſſet à mortuis,* [k] *commiſſo ſibi à Patre, humanæ Redemptionis opere tam perfecto,* [l] *potuiſſet ſtatìm in cælum ad eumdem aſcendere:* [m] *quadraginta nihilominus dierum ſpatio morari voluit in terris;* [n] *tum vt ſolaretur Sanctiſſimam Matrem, Apoſtolos, alioſque diſcipulos,* [o] *de ipſius morte triſtatos, ſpatio circiter horarum quadraginta iuxtà Iudæorum computum* [p] *( tandiù enim ipſe mortuus extitit ) totidem dierum apparitione ſolaretur;* [q] *tum vt interim multa præſtaret, ad humani generis bonum,* [r] *ijs enim diebus fideles omnes in fide confirmauit;* [ſ] *Apoſtolos de multis inſtituit; multa ex ſacris libris recondita explanauit;* [t] *& præcipuè vt benè intelligerent, oportuiſſe Chriſtum pati mortem, & reſurgere à mortuis ter-*



[i] Mà dẫu đức Chúa Ieſu, khi đã ſoũ lại, [k] đã đŏạn việc kớu lŏài người ta, đức Cha đã phú cho, [l] mà lên được tlên blời bấy giờ, ở ꞗui ꞗẻ cũ đức Cha: [m] ſaố le có chọn ở lại hạ giái nẫy, bốn mươi ngày, [n] để và an ủy rứt thánh đức Mẹ, cũ đấy tớ cả, và đấy tớ khác, [o] khi đã lo buẩn vì đức Chúa Ieſu đã chịu chết, là bốn mươi giờ, kể thói nước Iudea, [p] ( vì đức Chúa Ieſu ở tlaố kẻ chết ngần ẽy, ) cũ ở lại bấy nhêu ngày, mà hiện ra an ủy hết: [q] lại làm nhều ſự, về ích lŏài người ta: [r] vì chưng bấy nhêu ngày ẽy, có làm cho kẻ đã tin, càng được làố tin bền hơn nữa, [ſ] có dạy dẽở đấy tớ cả, cũ có giảng ra dều ſự ſâu nhyệm, tlaố kinh đức Chúa blời, [t] nhít là cho hay tó tưẫng, đức Chúa Ieſu thì chọn chịu chết ꞗệy, mà đến ngày thứ ba bởi tlaố kẻ chết lại ſoũ,

tia

*tia die,*[u] *& prædicari in nomine eius pœnitentiam, remiſſionemque peccatorũ in omnes gentes.*[x] *Præterea Petrum, ſuum in terris Vicarium conſtituit,*[y] *eiuſque in Eccleſia ſucceſſorem (quem Papam vocamus)*[z] *ad conſummationem vſque ſæculi nunquam defuturum promiſit.*[a] *Denique multa quæ ad Eccleſiæ gubernationem, & ſacramentorum adminiſtrandi modum ſpectant, edocuit:*[b] *atque vt Euangelium in vniuerſo mundo propagarent, imperauit.*[c] *Data eſt, inquit, mihi omnis poteſtas, in cælo, & in terra.*[d] *Euntes ergo docete omnes gentes, baptizantes eos,*[e] *in nomine Patris, & Filij, & Spiritus ſancti.*[f] *docentes eos ſeruare omnia quæcunque mandaui vobis,*[g] *atque vt faciliùs, efficaciùſque hoc præſtare poſſent,*[h] *plurima miracula edendi facultatem illis impertiuit.*



[u] mà lẽy phép đức Chúa Ieſu rao cho các nước ăn năn tội, mà được tha tội ꞗệy.[x] Lại cho oũ thánh Pedro ở thế nầy thay mình,[y] mà lại người nào theo đòi tlaố Eccleſia có chức ẽy (gọi là oũ thánh Papa,)[z] đức Chúa Ieſu đã nói hứa, phán ràng: cho đến hết thế chẳng có thiếu chức ẽy.[a] ſau nữa thì dẽạy nhều ſự về trị nhậm Eccleſia, cũ phép dữ các Sacramento.[b] Và khiến đam tin lành, là giảng đạo thật cho kháp thien hạ,[c] phan ràng: tao đã chịu mọi phép blọn; và tlên blời, và dưới đẽt;[d] bay hãy đi dẽạy dẽờ kháp người thế, mà rửa tội,[e] khi lẽy một phép, và một danh đức Cha, cũ đức Con, cũ đức Spirito Sancto,[f] mà dẽạy nó giữ mọi ſự tao đã khiến bay giữ.[g] Lại cho việc ẽy ra nghỉ làm, và cho làm nhều việc,[h] thì cho làm phép lạ nhều, kể chẳng xiẽt.

i Cùm

[i] *Cùm verò ad cælos aſcendendi dies adueniſſet*, [k] *Apoſtolos, & reliquos de ſua abſentia triſtandos eſſe præſentiens*, [l] *eos amantiſſimè ſolatus, ſe è cælo proſpecturum*, [m] *& ſui ipſius loco doctorem & conſolatorem alium*, [n] *Spiritum videlieet ſanctum, non poſt multos dies venturum eſſe pollicitus eſt*. [o] *Cùm verò Hieroſolyma in montem Oliueti illos eduxiſſet*, [p] *verbis humaniſſimis, amantiſſimiſque, tum Virgine Matre, tum reliquis ſaluere iuſſis*, [q] *eleuatis manibus benedixit eis; tum ſpectantibus omnibus cæpit eleuari*, [r] *& comitantibus, tum Sanctorum è lymbo eductorum animabus, tum Angelorum copijs vniuerſis*, [ſ] *celeberrima pompa, ſolemniſſimoque triumpho ferebatur in cælum*. [t] *Tunc cælorum fores propter hominum peccata, ad eam*



[i] Mà khi đã đền ngày đức Chúa Ieſu định lên blời, [k] đã hay và đấy tớ cả, và kẻ khác thì phải lo láng, bởi váng mạt đức Chúa Ieſu, [l] có nói đều rứt lành an ủy hết: phán ràng: tao bởi tlên blời cứ coi ſóc cho bay, [m] mà thay mình cử cho ai dẹay, và an ủy bay, [n] là đức Spirito Sancto, chẳng có qua nhều ngày, mà đến cả. [o] Khi đức Chúa Ieſu đam ra đấy tớ cả ngoài thành Ieruſalem, tlên núi Olıueto, [p] thì có nói những đều rứt lành, những đều nhin nghĩa, mà giả đức Mẹ đồu thân, cả các hết, [q] đặt hai tay lên, mà cầu cho mọi ſự lành, và tlước mạt hết thì lên bệy: [r] các linh hồn người thánh ra khỏi lymbo, và các đức thánh thiên thần đi cữ, [ſ] mà bui bể lám, như khi đã đánh giạc mà về, có lên tlên blời. [t] Khi ấy kửa thien đàng, bẫy lâu đàõ lại, vì tội người ta, cho đến ngày

*vſque diem clauſæ,* [u] *vltrò apertæ ſunt Redemptori;* [x] *& ipſe ad ſupremum vſque cælum glorioſus aſcendens,* [y] *tanta cum omnium exultatione & iubilo,* [z] *tanta cum gloria & honore à Deo Patre in cæleſtem Curiam exceptus eſt,* [a] *quantam nec lingua explicare, nec humana mens concipere poteſt.* [b] *Interim Virgo Mater, & reliqui oculis cælo defixis, ſtupore pleni hærebant.* [c] *Et ecce duo Angeli ſteterunt iuxtà illos, humana ſpecie, veſtitu ſplendidiſſimo, qui dixerunt.* [d] *Viri galilæi quid ſtatis aſpicientes in cælum?* [e] *hic Ieſus qui aſſumptus eſt à vobis in cælum,* [f] *ſic veniet, quemadmodum vidiſtis eum euntem in cælum.*

[g] *Vt vero ſigna aliqua Dominicam Aſcenſionem atteſtantia ad nos etiam peruenirent;* [h] *diuino mi-*



ẽy, [u] thì mở ra tự nhien, cho đức Chúa Ieſu kốu thể, [x] mà có lên cho đến tlên mọi tầng blời, rứt ꞗui, rứt ſáng, [y] các hết đứng có mừng nhảy, ꞗui ꞗẻ thể naò, [z] và đức Cha là đức Chúa blời, có chứa lấy trạó đức Con, tlên nhà thien đàng nhưẫng naò, [a] mlời nói chẳng đến, lòõ người ta lo chẳng được. [b] Khi ẽy đức Mẹ đòú thân, và các hết đầy tớ, thì coi lên blời liên ꞗệy, những hãi, mà đứng lang đẽy. [c] Chóuc ẽy có đức thien thần, lấy hình người ta, mặc aó ſáng, mà đứng đẽy ꞗối, ràng: [d] hở người ta Galileo hỏi ſao có đứng coi lên tlên blời? [e] đức Chúa Ieſu nẫy bởi tlaõ bay, mà lên tlên blời, [f] ngẫy ſau có đến cữ thể ẽy, như bay đã thấy lên blời.

[g] Sꝍõ le cho có đều gì làm chứng, đến ta, ſự đức Chúa Ieſu đã lên blời; [h] có

*racula*

*raculo factum eſt, vt in*
*petra, quam Redemptor*
*noſter calcans, aſcendere*
i *cæpit,* [i] *ipſius veſtigia mi-*
*ro quodam modo impreſſa*
k *remanerent,* [k] *quam petrã*
*licet Chriſtiani, vt reli-*
*quiarum aliquid ſecum*
*ferant, iugiter radere con-*
l *ſueuerint;* [l] *ſacra tamen*
*veſtigia eodem ſemper mo-*
*do per tot ſæcula, ad hanc*
*vſque diem perſeuerant.*
m [m] *Qua in re illud etiam*
n *memorandum,* [n] *quod cùm*
*Chriſtiani olim, in Domi-*
*nicæ Aſcenſionis memo-*
*riam, circa ſacra veſtigia*
*fornicatam Eccleſiolam æ-*
o *dificarent;* [o] *reliquo qui-*
*dem ædificio facilè conſe-*
p *cto,* [p] *fornix tamen nulla*
*vi, aut induſtria claudi vn-*
q *quam potuit.* [q] *Nimirum*
*vt à ſacris veſtigijs ad cæ-*
r *lum,* [r] *quà Chriſtus aſcen-*
*derat via expedita ſemper*
ſ *permaneret.* [ſ] *Præterea*
*quo anni die Redemptoris*



phép đức Chúa blời
làm, vì tlên đá đức
Chúa Ieſu đứng, khi
i đĕọn lên blời, [i] hãy còn
có dĕấu chên người in
k ở đĕy cách lạ: [k] dẫu
kẻ có đạo thánh đức
Chúa blời có quen khảo
đá ĕy lien, mà lĕy đi
l làm dĕấu thánh: [l] ſaố
le thánh dĕấu chên ĕy,
đã qua mấy đời hãy còn
m ĉbệy cho đĕn rày. [m] Mà
tlaố ſự ĕy, lại có đĕu
n nĕy đáng nhớ, [n] khi kẻ
có đạo thánh xưa, có
làm nhà thánh nhỏ,
những đá ở nơi còn
thánh dĕấu chên đức
Chúa Ieſu, mà nhớ đĕy,
o [o] cả và nhà nghỉ làm
p lên, [p] ſaố le khi dĕọn
lợp nhà thánh ĕy tlên,
ſức naò, chước naò, làm
q thì chẳng được ſốt: [q] vì
từ nơi dĕấu thánh ĕy,
r cho đến tlên blời, [r] là
đàng đức Chúa Ieſu lên,
thì phải có đàng xaố li-
ſ ên. [ſ] Lạy ngày naò, kẻ
có đạo thánh, có làm lễ xưa, nhớ đức Chúa

*Aſcenſio à Chriſtianis quot annis celebrabatur,* [t] *eodem totus Olıueti mons eximia quadam luce noctù ſplendeſcere conſueuerat.* [u] *Cùm ergo Chriſtus Dominus in cælum aſcendiſſet,* [x] *Apoſtoli, alÿque Diſcipuli, vnà cum Virgine Matre,* [y] *& pÿs aliquot matronis, omnes fere centum viginti,* [z] *Hieroſolymam reuerſi, & cœnaculum, in quo vltimam Cœnam diſcipulis valedicturus fecerat Dominus, ingreſſi,* [a] *ibi ex Domini præcepto vnanimiter in Oratione perſeuerabant.* [b] *Cùm verò dies à Domini aſcenſu decimus, à Reſurrectione verò quinquageſimus aduenıſſet;* [c] *hora diei tertia, iuxtà hebræorum horologium, ideſt tribus circiter horis ante Meridiem,* [d] *factus eſt repentè de cælo ſonus tanquam aduenientis Spiritus vehementis,* [e] *& repleuit totam domum vbi erant ſedentes,* [f] *& apparuerunt illis diſperſitæ linguæ, tanquam ignis, ſeditque*



Iesu lên blời, [t] ngày ẽy đến ban đêm cả và núi Olıueto thì quen ſáng ra ꞗui làm. [u] Khi đức Chúa Iesu đã lên blời đoạn, [x] đầy tớ cả, cữ đầy tớ khác, thì đi cũ đức Mẹ đòu thân, [y] lại có đến bà khác hiền lành đi cữ, ma hộp lại hết, là một tlam hai mươi người đồ, [z] blở vẽ thành Ierusalem, ꞗẽào nhà đức Chúa Iesu làm Cœna, giã đầy tớ cả, [a] mà ở đẽy, làm một, cầu cữ đức Chúa blời, như mlời đức Chúa Iesu tlước đã dẽạy ꞗệy, [b] đến ngày thứ mười, từ đức Chúa Iesu lẽn blời, mà từ ſoú lại thứ nam mười, [c] hết giờ thìn ſang giờ tị, tlaõ nước Iudea, gọi là giờ thứ ba, [d] thŏat choúc có nghe thấy âm âm bởi blời, như khi gió bão đến, [e] mà đẽy hết nhà đầy tờ cả, cũ kẻ khác ngồi; [f] cữ thấy chia lư-

*ditque ſupra ſingulos eorum, [g] & repleti ſunt omnes Spiritu ſancto. [h] Quo miraculi pleno Spiritus ſancti aduentu, [i] Chriſtum Ieſum verè in cælis, quò aſcenderat reſidere, ſummaque poteſtate potiri confirmatum eſt, [k] & ſimul Apoſtoli, ac reliqui ad Chriſtianam legem propagandam in vniuerſo mundo [l] varijs, tum humanarum, diuinarumque doctrinarum donis, [m] tum eximia quadam ſanctimonia, alijſque ſpiritualibus ornamentis animæ perabundè ſunt inſtructi: Quarè ſimul ac Diuinum hunc Spiritum acceperunt, [n] ſtatim in populi conſpectum prodeuntes, Euangelizare cœperunt, [p] præcipuè Apoſtoli, & in frequentiſſima corona concionari varijs linguis, prout Spiritus ſanctus dabat eloqui illis. [q] Cum autem eſſent Hieroſolymæ Iudæi ex omni natione, quæ ſub cælo eſt;*



ơ̆i ra như hình lửa, mà ngồi tlên đầu mỗi một người, [g] chịu phép đức Chúa Spirito Sancto, đã đầy hết. [h] Mà phép đức Chúa Spirito Sancto đến làm ꞗậy, thật là phép lạ, [i] thì làm chứng thật, đức Chúa Ieſu, từ đã lên tlên blời, thì ngồi ở tòa cả tlên ꞓy, mà có phép cả: [k] lại cho đầy tớ cả, cũ kẻ khác, được mở đạo thánh kháp thien hạ, [l] có chịu hay biết ſự thế, và ſự đức Chúa blời, [m] cũ chịu nên thánh cả, và đầy nhìn đức khác nhều tlaõ linh hồn ꞗậy, [n] cho nên khi đã chịu phép ꞓy, bởi đức Chúa Spirito Sancto, [o] bấu chóuc thì rà tlước mạt thien hạ, mà giảng đạo, [p] nhít là đầy tớ cả, nơi có đoũ mạt người ta lam, giảng ra đều tiếng, như đức Chúa Spirito Sancto cho nói. [q] Mà khi ꞓy có người Iudeo, bởi mọi nước kháp thi-

*ſacta*

*[r] facta hac voce, conuenit
multitudo, & mente con-
fuſa eſt; [s] quoniam eodem
ſimul tempore, audiebat
vnuſquiſque lingua ſua il-
los loquentes magnalia
Dei. [t] Stans autem Petrus,
cum vndecim Apoſtolis, lo-
cutus eſt eis: [u] Viri Iudæi
hoc vobis notum ſit, nunc
impleri quod dictum eſt o-
lim per Prophetam Ioel à
Deo: [x] Effundam de Spiri-
tu meo ſuper omnem car-
nem, [y] & prophetabunt
filij veſtri, & filiæ veſtræ,
[z] & iuuenes veſtri viſiones
videbunt, & ſeniores ve-
ſtri ſomnia ſomniabunt.
[a] Viri Iſraelitæ audite ver-
ba hæc. [b] Ieſum Nazare-
num virum approbatum à
Deo in vobis, [c] virtutibus,
& prodigijs, & ſignis,
quæ fecit Deus per illum
in medio veſtri, ſicut vos
ſcitis. [d] hunc traditum per
manus iniquorum intere-*



en hạ ở tlaố thành Ie-
ruſalem, [r] đến khi ra
tiếng ấy, thì đoú mạt
người ta, mà hãi; [s] vì cŭ
một khi ấy ai nấy có nghe
tiếng mình, đấy tớ cả
nói ra ſự đức Chua blời
cả ſáng. [t] Oũ thánh Pe-
dro thì đứng đối các
đãi tớ cả, là mười một
người, mà nói ràng:
[u] hỡ người Iudeo hỡi,
thì phải hay đều nấy, bây
giờ đã đến đều oủ Ioel
chịu ſâm truyền đã noi
ra xưa, bởi đức Chúa
blời, phán ràng: [x] tao
đở ra phén Spirito tao
tlên mọi thịt, [y] mà con
blai và con gái bay sẽ
chịu sấm truyền, [z] và kẻ
cồn tlẻ tlaố bay thì thấy
ſự hiện ra, mà kẻ già
thì xem chiem bao. [a] hỡ
người ta Iſrael hỡi, hãy
nghe đều nấy. [b] ấy đức
Chúa Ieſu Nazareno, là
người đức Chúa blời
lấy làm yêu tlaố bay,
[c] mà lấy người làm nhều phép lạ, tlước mạt bay,
như bay đã hay. [d] Bay có dữ tay kẻ gian dữ,

*miſſis*

*miſſis, [e] quem Deus iuxtà Prophetarum oracula ſuſcitauit à mortuis, cuius rei nos omnes teſtes ſumus. [f] Dextera igitur Dei ad cælos exaltatus, [g] & promiſſione Spiritus ſancti accepta à Patre Deo, [h] effudit hunc quem vos videtis & auditis. [i] his aliiſque ex Petri ore auditis, compuncti ſunt corde, [k] & ab eodem aliiſque Apoſtolis inſtructi, & ipſo die baptizati ſunt homines ad tria millia.*

*[l] Exinde Apoſtoli, & reliqui diſcipuli Chriſtianam religionem, [m] non ſolum Hieroſolymæ & in Iudææ regno; [n] ſed in præcipuas orbis terræ partes digreſſi, vbique propagare cæperūt, [o] Domino cooperante, & iuxtà ipſius promiſſa, ipſorum prædicationem confirmante, ſequentibus ſignis. [p] Quibus rebus paulatim creuebatur Chriſti*



mà giet người; [e] ſaõ le đức Chúa blời đã cho người ſóu lại như mlời người ta chịu ſấm truyên đã nói, mà hết ta làm chứng ſự ếy, [f] bếy người đã lên blời ở tay hữu đức Chúa blời, [g] chịu lếy mlời đức Cha, là đức Chúa blời, khién cho phép Spirito Sancto, [h] mà đổ ra phép nấy, bay cói thấy, và nghe. [i] Khi dên Iudeo nghe oũ thánh Pedro nói ra mlời nấy, và mlời khác, thì lo ăn năn tlaõ laõ, [k] mà ngày ếy, và oũ thánh Pedro, vã khác đấy tớ cả, thì giảng cho, và rửa tội, được ba nghìn người.

[l] Từ ếy đấy tớ cả, cữ đấy tớ khác đức Chúa Ieſu, có ra giảng đạo thánh, [m] chẳng những tlaõ thành Ieruſalem, và tlaõ nước Iudea, [n] mà lại có ra ngoái cả thien hạ, giảng đạo mọi nơi, [o] có đức Chúa blời giúp ſức cho, cữ làm phép lạ, theo mlời giảng, làm cho tin bền, như mlời đức Chúa Ieſu đã phán nói hứa tlước. [p] Bấy nhêu ſự ếy

Domi-

*Domini Paſſionis effectus,* [q] *& ſimul Diuina elucebat virtus, quæ per infirma mundi,* [r] *nimirum dolores, ignominias, mortemque ipſam, quam Chriſtus Dominus ſubierat,* [ſ] *de ſuis hoſtibus, de peccato & de diabolo glorioſiſſimè triumphabat.* [t] *Nos quoq; minimi ſerui Ieſu Chriſti hùc aduenimus in regnum Annam,* [u] *Euangelium prædicantes & Fidem in Dominum noſtrum ſuadentes omnibus,* [x] *vt remiſſionem peccatorum ſuorum valeant percipere,* [y] *donec Miſericordiæ Dei tempus eſt,* [z] *antequam veniat Iuſtitiæ & vindictæ dies acerbiſſimus ſicut etiam Iudæis accidit.* [a] *Quamuis enim Redemptor Noſter Iudæorum manibus ſpontè ſe obtulit,* [b] *vt noſtræ redemptionis opus perficeret;* [c] *& lubens ac volens, vt ait S.Leo, admiſit impiorum manus, quæ dum pro-*



làm cho phúc đức Chúa Ieſu chịu tội, tỏ ra ſẽ ſẽ, [q] và làm cho phép đức Chúa blời ſáng ra, khì lấy ſự hèn thước mạt thế gian, [r] là đau đớn, xỉ vả, xấu hổ, cũ là chết, đức Chúa Ieſu đã chịu, [ſ] mà làm bệy được hết oan gia minh, là tội vạ cú ma quỉ, mà ra cả ſáng bệy. [t] Chúng tội cữ là đầy tớ đức Chúa Ieſu rốt hết, mà đã đến nước An nam nầy, [u] giảng đạo lành, khuyen hết người ta tin lấy mlời đức Chúa Ieſu, [x] cho được chịu tha tội, [y] khi hãy còn rồi, đức Chúa blời thương, còn tha vạ cho, [z] mà khi chưa có đến ngày phán xét, bát tội rứt khốn, như đên Iudêo đã phải chịu. [a] Vì chưng dầu đức Chúa Ieſu kớu chúng tôi, có í phú mình tay cōên Iudeo, [b] mà làm việc chuộc chúng tôi cho blọn, [c] lại muấn, và ước chịu tlên mình tay kẻ dữ, khi đang làm ſự

prio

*prio incumbunt ſceleri, famulatæ ſunt Redemptori.* [d] *Quia tamen hoc Iudæorum ſcelus fuit omnium ab orbe condito atrociſſimum,* [e] *ſine ſuo, in hac etiam vita, ſupplicio præterire non debuit;* [f] *vt Deus per Danielem olim prædixerat.* [g] *cùm enim Chriſtum à Iudæis occidendum prædixiſſet, mox addidit:* [h] *& non erit eius populus, qui eum negaturus eſt;* [i] *& finis eius vaſtitas, & poſt finem belli, ſtatuta deſolatio.* [k] *Chriſtus etiam Dominus, cùm paulò ante Paſſionem Hieroſolymam aſcenderet,* [l] *ſe in illa per ſummum Iudæorum ſcelus crucifigendum præuidens, fleuit ſuper illam, dicens:* [m] *venient dies in te, & circumdabunt te inimici tui vallo,* [n] *& coanguſtabunt te vndique, & ad terram proſternent te,* [o] *& filios qui*



lỗy, thì giúp việc đức Chúa Ieſu chuậc tội chúng tôi, như mlời oũ thánh leam nói đệy. [d] Saõ lẽ vì tội vạ ẽy, cỗên Iudeo đã phạm, là tội cả kực traõ, kực dữ, hơn mọi tội vạ, từ có thể giải nẫy; [e] chẳng khá qua, mà chẳng chịu phạt, ở đời nẫy nữa: [f] như đời xưa đức Chúa blời đã phán tlước dữ oũ Daniel mà truyền cho: [g] vì chưng khi oũ ẽy kẽ sấm truyền, sự cỗên Iudeo giết đức Chúa Ieſu, thì bấy giờ thêm ràng: [h] mà kẻ đã chối đi, chẳng nên dên người, [i] ſau hết thì chịu phá, đên khi chịu giặc đõạn, thì định tan đi. [k] Lại khi đức Chúa Ieſu dẽọn chịu tội mà lên thành Ieruſalem, [l] vì đã hay đã gần ngày cỗên Iudeo đáõ đanh mình tlên cây Crux, ở tlaõ thành ẽy, thì khaóc thương nó, phán ràng: [m] có đến ngày khi ỏan gia mầy xẹy tháp quanh quê mầy, [n] mà làm cho mầy chệt hẹp quanh quê đệy, lại bắt mầy ngã xuẫng đệt, [o] và con

*in te ſunt, & non relinquent in te lapidem ſuper lapidem:* [p] *eò quòd non cognoueris tempus viſitat. onis tuæ.* [q] *Verum quia cum Ieſus Chriſtus crucifigeretur,* [r] *Deum Patrem pro Iudæis, ſe crudeliſſimè perſequentibus orauit,* [ſ] *vt ſanctiſſimæ huius orationis fructum quiuis percipere poſſet,* [t] *ac tanti ſceleris pœnitentiam agens, ad Deum conuerti,* [u] *vt verè plurimi ſunt conuerſi, quadraginta ad pœnitentiam annis illos expectauit. quibus elapſis, cùm Diuinæ vltionis tempus aduenìſſet;* [y] *Hieroſolyma bello à Romanis capta, &, vt Saluator prædixerat, funditus diruta eſt.* [a] *hanc Hieroſolymæ ruinam, & totam belli hiſtoriam libris ſeptem complexus eſt Ioſephus, qui vnus erat ex præcipuis Iudæorum ducibus aduerſus*



cái ở tlaő mày, mà ở nơi mầy chẳng có để đá nào tlên đá khác, [p] vì chưng mày chẳng nhìn, chẳng biét khi tao đến viếng, mà chữa mầy. [q] Saő le vì khi đức Chúa Ieſu đang chịu tlên cây Crux, [r] có cầu cữ đức Chúa blời, là đức Cha, cho kẻ rứt dữ tợn, mà hủy báng mình thế ẻy: [ſ] cho nên ai nấy chịu được phép rứt thánh mlời cầu nẩy, [t] mà ăn năn tội kực traő ẻy, blở lại cữ đức Chúa blời, [u] như thạt nhều lám có blở lại, thì có đợi nó bốn mươi năm, cho nó ăn năn tội. [x] Qua bẩy nhêu nam ẻy, khi đã đến mùa đức Chúa blời phạt, [y] có cöên nước Roma đến thành Ieruſalem, mà ꞗĕào phá hết, [z] chẳng có để đá naò tlên đá khác, như mlời đức Chúa Ieſu đã phán truyền tlước: [a] Có

oũ Ioſephô là người Iudeo, mà làm cai tlaő kẻ cả, giữ giạc keó cöên Roma ꞗĕào, có chép bảy con sách, kể

Roma-

*Romanos. [b] Is inter alia multa mala, Hieroſolymitanæ obſidionis tempore, [c] famem ita ſæuiiſſe ſcribit, [d] vt præter plurimos, qui ſolo illo tempore paſſim moriebantur, [e] paucos intra dies mortui ſint homines ad duodecim millia: [f] Omnia, inquit, dentibus neceſſitas ſubigebat, [g] & ea colligentes, quæ nullum, quamuis ſordidiſſimum brutorum animalium non horreret, comedebant. [h] factum autem dictu quidem horrendum, auditu verò incredibile accidit; [i] vt mater famelica filium, quem lactentem habebat, propria manu occideret, coctumque comederet. [k] Idem etiam Ioſephus refert Iudæorum bello cæſorum tantam fuiſſe multitudinem, [l] vt tam cæſorum quam aliter mortuorum numerus, ad vndecies centena millia perueniret: [m] captiuorum verò in bello il-*



truyền những giặc ấy: [b] thì kể trong sự khốn nạn khác khi quân ấy đang vây thành Ierusalem, [c] người có ràng, trong thành người ta có chịu đói chừng ấy, [d] cho nên là, chẳng những đều khi ấy chết đói liền, [e] mà chẳng bao nhêu ngày một muân hai nghìn người chết đói: [f] lại ràng, có đí gì đí gì, khi đói lám cũ bỏ vào miệng, [g] dầu của gì dơ dáy, muâng naò rứt hèn cũ chê, mà chẳng chịu ăn, nó thì rứt đói cữ ăn vậy. [h] Lại có đều nói thì gớm ghiéc, mà nghe thì có ai tin là hỏạ, [i] có mẹ naò khi đói rứt mực, tay nó đánh chết con mình đẻ, còn bú, mà nấu nướng ăn. [k] Cữ một oú Iosepho ấy kể người ta chết trong nước Iudeo khi thua giác ấy, [l] có phải chém, hay là chết chừng khác, đã đến mười một vàn người ta, [m] mà kẻ bắt đi làm tôi, khi giặc được thành

*lo Hieroſolymitano fuere hominum nonaginta ſeptem millia.*

*[n] Tantam vero calamitatem idem Ioſephus diuerſis prodigijs ſignificatam eſſe narrat; [o] eamque Diuinam in malos Iudæos vltionem fuiſſe teſtatur: [p] quod vel ex eo patet, quia qui Chriſtianam inter eos legem ſuſceperant, [q] ij Dei monitu in oppidũ Pellam fugientes, [r] immunes à tantis malis euaſerunt. [ſ] Sic etiam qui modo inter vos, Diuinæ bonitatis conſilijs acquieſcentes, [t] fidem ſuſcipiunt, Deique legi ſe ſubijciunt, [u] à ventura ira futuræ cladis æternæ fugientes, in tutò res ſuas ponunt. [x] At contra qui contradicunt Euangelio, vel Diuina ſpernentes monita, [y] ſuauem Dei legem recipere nolunt, [z] venient dies amariſſimi mortis & iudicij, [a] quos poſteà ſequetur*



Ierusalem thì kể chín muân bảy nghìn đứa.

[n] Mà ſự rứt khốn nạn chừng ấy, oũ Ioſepho ràng, có nhều ſứ lạ, đã thấy tlước, như thể bảo ſự khốn làm ꞗệy, [o] lại ràng, ſự làm ꞗệy cò đến, vì đức Chúa blời bắt tội kẻ gian dữ tlaố dến Iudeo: [p] ſự ấy cĩ tỏ ra, vì kẻ tlaố Iudeo đã chịu đạo thánh, [q] có mlời đức Chúa blời bảo, mà tlốn đi đến làng Pella, [r] khỏi bấy nhêu ſự rứt khốn nạn ấy. [ſ] Như thể ai bây giờ tlaố nước nầy ꞗưng phép đức Chúa blời, [t] chịu mlới tin, mà phục đạo thánh, [u] thì tlánh khỏi ſự khốn nạn vô cữ đời ſau, mà giữ mình như thể nơi kín. [x] Lại kẻ hủy báng đạo lành, hay là che mlời đức Chúa blời bảo, [y] chẳng khứng chịu đạo thánh đức Chúa blời, là đạo lành ſướng lảố, [z] có đến ngày chết, và ngày phán xét thì rứt khốn, [a] vì chết vô

*æterna*

*Æterna mors*, [b] *Iudæorum clade longè amariſſima*, *de qua dicemus in ſequentibus*. [c] *Nunc adoremus Dominum Ieſum*, *in ſublimi cælorum throno ſedentem*, [d] *à quo veniam petamus præterita vitæ*, *in iniquitatibus tranſactæ*, [e] *ſimulque gratiam*, *vt in poſterum ei ex toto corde ſeruiamus*, [f] *omnibus abiectis ſuperſtitionibus*, *aliiſque præterita vitæ peccatis*.

[g] *Hic oſtendenda eſt præclara Chriſti Domini effigies*, *mundi globum in manibus habens*, [h] *vt Dominus Ieſus tanquam verus cæli ac terræ Dominus*, *& Rex ſupremus ab omnibus adoretur*.



cữ, mà chẳng hết chết thì theo ſau, [b] càng kực, càng khốn hơn tai nạn đên Iudeo nữa, đến ſau ta sẽ giảng. [c] Bây giờ ta lạy đức Chúa Ieſu có ngồi ở tŏa tlên blời rứt cao, [d] mà cầu tha tội tha vạ, đã phạm ngày tlước đã nhều: [e] lại cầu gratia, là giúp ſức cho ta, từ nầy về ſau phục thờ đức Chúa blời hết lảŏ, [f] mà bỏ hết ſự gian đạo vạy, và chừa mọi tội ngày tlước.

[g] đến đây thì phải lấy ảnh naò khéo đức Chúa Ieſu cầm blời đềt, mà đam ra, [h] cho người ta hết lạy đức Chúa Ieſu, như thật Chúa blời đềt, và ꞗua Chúa cả rứt rao.

Dies

## Dies octauus.

*Qvamuis ſimul atque quis moritur, ſtatim à Deo de ipſius ſtatu feratur ſententia,* [b] *atque eorum animæ, qui nullo peccati reatu detinentur,* [c] *ſtatim in æternam beatitudinem admittantur;* [d] *& contra qui peccato aliquo graui, ſeu mortali oneratus decedit,* [e] *ſtatim eius anima in infernum detrudatur,* [f] *æternis cruciandæ flammis.* [g] *Tamen ſuo tempore, quod ſolus Deus nouit, quando futurum ſit,* [h] *vniuerſale de omnibus hominibus futurum eſſe iudicium,* [i] *Deus antiquis Prophetis reuelauit,* [k] *& Chriſtus Dominus, ſe huius iudicij Iudicem futurum eſſe, ſæpè prædixit.* [l] *Rationes autem, cur Deus iudicium hoc faciendum eſſe iudicauit, plurimæ ſunt.* [m] *Primò quia ad Diuinam gloriam, & præcipuè ad ipſius*

## Ngày thứ tám.

[a] Dù mà khi ai chết, tức thì có chịu bởi đức Chúa blời phán xét, [b] mà linh hồn kẻ chẳng có mạc tội vạ gì, [c] thõát chóuc có ꞗeào nơi ꞗui ꞗể đời đời: [d] mà lại kẻ mạc tội gì trạõ, khi phải chết, [e] thõát chóuc, linh hồn nó chịu đày xuẫng tlaõ địa ngouc, [f] phải hình lửả khốn nạn đời đời ꞗệy. [g] Saõ le ngày ſau, đến bao giờ, có mộ đức Chúa blời hay, [h] mà thạt có đến ngày cả và lõài người ta có chịu phán xét chung, [i] và đức Chúa blời đã truyền cho thánh đời xưa, [k] và đức Chúa Ieſu đã phán tlướć nhều lần, mình có chịu ngày ſau chức phán xét ẽy. [l] Lại có nhều mlẽ, vì ſao đức Chúa blời đã định phán xét chung làm ꞗệy. [m] thứ nhít thì nên cho danh

*Iu-*

*Iuſtitiæ & prouidentiæ oſtenſionem ità expedit.* [n] *Cùm enim ſæpè contingat, viros probos paupertate, rebusque aduerſis premi,* [o] *contemni & vexari à multis, morbis aliiſque incommodis afflictari;* [p] *contrà verò improbos frui diuitiis, honoribus, voluptatibus, & plurima in hoc ſeculo illis ſecunda contingere:* [q] *qui ſublimem abditamque Diuinæ prouidentiæ rationem ignorant, nec Dei arcana penetrant,* [r] *hæc videntes, mirari ſæpè ſolent:* [s] *nec deerit etiam qui tenuiſſimi iudicii ſui immemor,* [t] *iuſtiſſimam Dei Prouidentiam temeraria audacia arguere non vereatur.* [u] *Quare vt tota Diuinæ, in humano genere gubernando, prouidentiæ ratio innoteſcat;* [x] *hominum vniuerſorum opera omnia, in vniuerſali coram omnibus iudicio denudabuntur:* [y] *ſicque conſta-*



đức Chúa blời cả ſáng, nhít là chi linh chi coú đức Chúa blời, ſửa mọi ſự cho phải mlẽ, mà tỏ ra, [n] vì chưng có nhều lần, kẻ lành thì phải khó khan, khốn nạn: [o] cũ chịu người ta chê, và làm khốn, cũ có phải đâu náng, và tai vạ khác: [p] mà lại kẻ dữ có khi thì giầu có, mà người ta kính, chịu ꞗui ở thế nầy, cữ đều ſự lành: [q] kẻ chẳnh hay việc đức Chúa blời trị, là ſâu nhiệm, và chẳng thoú ſự kín đức Chúa blời, [r] khi thấy làm ꞗệy, đều lần thì hãi, [s] âu là cữ chẳng thiếu gì, kẻ chẳng nhớ, ſự trí mình yếu ſức thế naò, [t] mà kiêu ngạo, có dĕám trách đức trị vô cữ đức Chúa blời, chi linh chi coú: [u] ꞗệy cho cả phép, và trị đức Chúa blời, ſửa lŏài người ta, mà có mlẽ cả, tỏ ra: [x] hễ là việc các người ta, khi phải phán xét chung, đước mạt thiên hạ thì tỏ ra hết, [y] mà ꞗệy

bis

*bit omnibus, quàm iuſtè, & quam vnuſcuiuſque operibus accommodatè, Deus vniuerſa diſpoſuerit. [z] Cùm enim ex vna parte, impiorum iniquitatibus æterni cruciatus inferorum debeantur: [a] ex alia verò nullus adeò malus ſit, qui interdum aliquid boni moralis non agat, [b] horum verò bonorum retributioni locus futurus non ſit in inferno, [c] vbi ſolatium nullum erit: [d] ideò ne quid boni ſine ſuo præmio præteriret; [e] ſumma Dei prouidentia iniquorum paucula bona opera rebus proſperis in hac vita compenſat. [f] Contra verò quia in hac vita boni viri, etiam ſancti, leuia ſaltem admittunt peccata, [g] quibus temporalem pœnam in hac vita, rebus aduerſis immiſſis, Deus infligit, [h] vt nimirum puriores decedant, citiùſque in cæleſtem gloriam admittantur:*

thì hay biét hết tó tưẩng, đức Chúa blời có ſửa mọi ſự chi linh, chi coũ, mà phải mlẽ, bàng việc ai nẩy có làm, thì có chịu: [z] Vì chưng một bên, ké dữ vì tội mình thì đáng chịu gia hình địa ngục đời đời: [a] mà lại bên khác, chẳng có đứa naò dẫu rứt dữ, mà chẳng có làm khi naò việc tiểu gì lành: [b] ſự lành tiểu ếy, thì chẳng có nơi chịu thứẩng tlaõ địa ngục, [c] vì tlaõ ếy chẳng có ſự gì ꞗui ſưẩng: [d] vì ꞗệy, cho kẻo có ſự gì lành, mà chẳng có thưẩng, [e] ſửa trị rứt cao Chúa blời, ſự lành tiểu ít kẻ dữ làm, thì thứẩng ở thể nẩy mà cho nó ſự ꞗui thế gian. [f] Mà lại vì kẻ lành, dẫu nên thánh, có khi thì phạm tội mọn, [g] cho nên đức Chúa blời phạt ở thể nẩy, mà làm cho chịu khốn khó tai nạn, [h] ꞗệy thì qua đời ſạch hơn, và càng cháõ ꞗẽào được chịu phúc ꞗui ꞗé tlên thien đàng:

i &

[i] *& prætereà vt per rerum aduerſarum tolerantiam, plurimam ſibi meritorum ſegetem, ad maiorem felicitatis poſtea cumulum, comparare poſſint.* [k] *hæc & alia multa, vt ſapientiſſimè à Deo prouiſa eſſe omnibus conſtet,* [l] *in vniuerſali iudicio omnia hominum opera manifeſtabuntur,* [m] *& tota hæc Diuinæ prouidentiæ ratio, coram vniuerſo hominum genere, detegetur.*

[n] *Secundò, quia Chriſtus Dominus humiliauit ſemetipſum vſque ad mortem, mortem autem Crucis:* [o] *propterea Deus Pater exaltauit illum,* [p] *conſtituendo ipſum vniuerſorum Dominum, ac Iudicem;* [q] *vt qui iniquiſſimè iudicatus eſt ab hominibus,* [r] *ſupremum in omnes homines iudicium exerceat:* [ſ] *eumque vniuerſi, vel ſpontè venerentur, vel inuiti timeant.*



[i] cũ khi chịu ſự khốn khó thì thêm phúc đức nhều, mà ngày ſau chịu đước càng ꞗui ꞗé đời đời. [k] Sự nầy, cũ ſự khác nhều, cho tó ra, cũ các hét, đức Chúa blời hay biét vô cữ, có định thế nào; [l] khi phán xét chung, thì mớ ra hết việc người ta, [m] ꞗệy mlẽ ſâu nhiệm đức Chúa blời ſửa trị thien hạ, thì tó ra hết, tlước mạt cả và lŏài người ta.

[n] Thứ hai, vì đức Chúa Ieſu có hạ mình xuấng, cho đến chết tlên cây Crux: [o] nhin vì ſự ẽy đức Chúa Deus Cha thì đam lên chức cao, [p] phú làm Chúa tlên hết mọi ſự, cũ cho chức phán xét, [q] vì đức Chúa Ieſu có chịu người ta phán xét mình, kức tlái mlẽ, [r] lại được chức cả, phán xét cả và lŏài người ta. [ſ] mà hết thay thải, hay là dấu lào kính, hay là dấu chẳng khứng, thì cũ dái.



Tertiò

[t] *Tertiò, ſæpè homines, licet peccandi voluntate incenſi, [u] ſi aduertant ſe tunc ab alijs videri, vel peccatum diù latere non poſſe; [x] hac verecundia à peccato retrahuntur. [y] Quocirca Dominus Deus vniuerſalis iudicij diem ſtatuit, [z] eumque futurum hominibus declarauit: [a] vt qui timore Dei à peccatis minimè retrahuntur, [b] ſaltem verecundia cohibeantur; [c] dum intelligunt peccata ſua omnia, quantumuis occulta, coram omnibus eſſe reuelanda. [d] Aliæ præterea multæ rationes ſunt, propter quas iudicium vniuerſale futurum eſt, [e] has enumeraſſe nunc ſufficiat.*

[f] *Tempus autem quo faciendum eſt, nobis Deus incertum reliquit, [g] ſicut incertum eſt quamdiù durabit hic mundus. [h] certum tamen eſt, iudicium vniuerſale futurum, in fine ſæculi huius. [i] Certum enim eſt mundum hunc ha-*



[t] Thứ ba, nhều lần có người ta, dẫu hãm phạm tội, [u] nếu thấy kẻ khác có xem, hay là giấu tội lâu chẳng được; [x] bởi hổ người làm ꞗệy, mà tlánh tội: [y] nhin vì ſự ễy đức Chúa blời có định ngày phán xét chung, [z] má nói ra cữ người ta, ngày ſau có phan xét chung ễy: [a] cho kẻ chẳng tlánh tội, vì phải kính dái đức Chúa blời, [b] ít là cới tội, vì dái xấu hổ, [c] khi đã hay các tội mình, dầu kín, ngày ſau thì tỏ ra tlước mạt cả và thien hạ. [d] Cữ có đều mlẽ khác nữa, cho nên ngày ſau có phán xét chung, [e] bây giờ có kể bấy nhêu thì thôi.

[f] Mà khi naò có đến ngày phàn xét chung ễy, đức Chúa blời chẳng cho chúng tôi hay, [g] như cữ chẳng cho hay thế giái nẫy được bao lâu, [h] ſaố le đã thật, khi hết thế nẫy, thì có phán xét chụng. [i] Vì chưng đã

*bitu-*

*biturum finem, [k] ſaltem quoad ſucceſſionem rerum, eo modo quo nunc eſt: [l] nam omnes homines morientur, & rerum generatio ceſſabit; [m] vt Deus ſæpè in Diuina ſcriptura teſtatur; [n] Nouos enim cælos, & nouam terram ſecundum promiſſa ipſius expectamus, vt ait S.Petrus. [o] Cuius rei ratio non aliundè petenda eſt, quam ex Diuina voluntate, [p] à qua ſola mundi duratio, & conſeruatio pendet. [q] Id verò iudicij tempus Deus hominibus declarare noluit, vt cautiùs viuant, [r] quippe qui quanto poſt tempore ante Diuinum tribunal ſiſtendi ſint, ignorant. [ſ] Eſtote, ait Chriſtus Dominus, parati, [t] quia qua hora non putatis filius hominis veniet. [u] Aliqua tamen ante iudicij tempus futura Saluator Noſter declarauit: [x] nimirum fore vt priùs Chriſtiana lex per*



thật ngày ſau thế nẩy có hết, [k] ít là ſự ſinh, ſự tử, như bằng có bây giờ: [l] vì chưng người ta thì chết hết, mà ſinh đẻ thì thôi, [m] như tlaő kinh đức Chúa blời phán nhều lần: [n] vì có mlời đức Chúa blời nói hứa, mà khiến ta tloũ blời mới, và đết mới, như oũ thánh Pedro bảo. [o] Mà ſự ẽy ta chẳng khá kiếm mlẽ khác, có một í đức Chúa blời, [p] làm cho thế giái còn bấy lâu mà có giữ đẽy. [q] Saő le ngày naò có đến phán xét, đức Chúa blời chẳng cho người ta hay, cho càng giữ phép, [r] vì chẳng hay cón bao lâu, mà phải đến tlước mạt đức Chúa blời phán xét. [ſ] Có mlời đức Chúa Ieſu phán ràng: bay hãy ở cho ſắn, [t] vì bay chẳng hay, Con người có đến giờ naò. [u] Saő le cữ có ſự đức Chúa Ieſu đã phán, có đến tlước, khi chưa có đến ngày phán xét, [x] cả và thien

*mundum vniuerſum propagetur, vt paulatim nunc fit.* [y] *Tunc ſigna multa præceſſura docuit;* [z] *conſurget, inquit, gens in gentem, & regnum in regnum,* [a] *& erunt peſtilentia, & fames, & terræ motus per loca,* [b] *hæc autem omnia initia ſunt dolorum,* [c] *& ſtatim poſt tribulationem dierum illorum, ſol obſcurabitur,* [d] *& luna non dabit lumen ſuum, & ſtellæ cadent de cælo,* [e] *& virtutes cælorum commouebuntur, & tunc plangent omnes tribus terræ.* [f] *Poſt hæc omnia, ignis de cælo cadens totam terræ ſuperficiem comburet,* [g] *nulluſque ampliùs ſuperſtes erit.*

[h] *Tunc homines, quotquot ab Adamo, ad conſummationem vſque ſæculi, aliquando fuerunt,* [i] *omnes vno die, cum ſuo quiſque corpore, ſuſcitabuntur;* [k] *quod quidem Deo æquè facilè eſt, atque hominem*



hạ thì chịu đạo thánh đức Chúa blời, như bay giờ sẽ sẽ có chịu. [y] Cữ có phán khi ẽy có thấy nhều dẽấu tlước, [z] phán ràng: dên nẩy đánh dên khác, nước nẩy phá nước kia, [a] lại có tật bạnh cữ đại hạn, và đọú địa nơi nẩy, nơi nọ, [b] mà bấy nhều ſự ẽy, là đầu hết ſự khôn, [c] đên khi khói ngày ſự khốn ẽy, thoắt chóuc mạt blời thì tối ra, [d] và mạt blang chẳng có ſáng ra, lại cái ſao bởi blời thì tế xuấng, [e] mà phép tlên blời thì đọú, cho nên khi ẽy mọi lŏài người ta khaóc laóc. [f] đŏạn mọi ſự ẽy, lửa bởi blời tế xuấng, thì đốt ra hết cả và mạt đết, [g] mà chẳng còn có đễ ai ſóú nữa.

[h] Khi ẽy hễ là người tã, từ oú Adam cho đến hết thế, có ſóú khi naò, [i] hết thay thải ai nễy được xác mình, mà ſóú lại cữ một ngày: [k] ſự nẩy đức Chúa blời lễy làm

à ſom-

à ſomno ſuſcitare, cum ſit omnipotens. [l] Et certè cum vniuerſale hoc iudicium, præcipuè ad Diuinæ, vt diximus, iuſtitiæ, & prouidentiæ oſtenſionem ſit faciendum: [m] ad eamdem pertinet prouidere, vt reſurgant corpora, quorum actus iudicandi ſunt: [n] faciendum enim eſt iudicium, vt reddat vnuſquiſque rationem de ijs quæ geſſit in corpore, ſiue bonum, ſiue malum.

[p] Vnde impiorum corpora reſurgent fœda, & fœtida, & vndecumque miſerrima. [q] Iuſtorum autem corpora erunt pulcherrima, elegantiſſimaque forma prædita, [r] integerrima, & numeris omnibus abſoluta, in menſuram ætatis plenitudinis Chriſti; [ſ] erunt ſubtiliſſima, vt quoduis corpus penetrare queant; [t] lucidiſſima, & Soli ipſi claritate ſimilia, [u] quæ tamen lux oculos non offendet, ſed delectabit: [x] impaſſibilia, vt non ſolum



để, bàng đánh thức người, khi ngủ, vì có phép vô cữ. [l] Thạt vì phán xét chung nấy đức Chúa blời có làm, nhìt mà tỏ ra sự mình ſửa trị, chi coũ, [m] thì đức Chúa blời phải làm cho xác ſóũ lại, vì cữ có phán xét việc xác làm: [n] vì chưng có phép phán xét nầy, cho ai nếy thì ra mlẽ naò, có làm việc gì, khi còn ở tlaõ xác, [o] hay là việc lành, hay là việc dữ ꞗệy.

[p] Vì ꞗệy xác kẻ dữ, khi ſóũ lại, thì ra xấu xa, hôi hám, và mọi bề kực khốn nạn, [q] mà xác kẻ lành thì ra rứt tốt, có hình rứt khéo, rứt lành, [r] mọi bề thì được blọn, như hình đến blọn tuềy đức Chúa Ieſu: [ſ] ꞗệy thì có phép mảõ, cho nên chẳng có mạc được xác naò, mà chẳng ꞗẽào đâu đâu, mạc laõ, [t] lại được rứt ſáng, cũ bàng mạt blời, [u] ſaõ le ſáng ếy chẳng có chói lói con mắt, mà lại làm cho ſướng: [x] cũ chẳng

vltrà

*vltrà mori non poſſint, [y] ſed nec vlli dolori, aut neceſſitati ſubiacere; [z] agiliſſima, vt breuiſſimo tempore poſſint peruenire quo voluerint, ad inſtar ſpirituum.* y z

*[a] Omnium hominum reſurrectione peracta apparebit in cælo ſacratiſſima Crux, in qua Saluator pro nobis pependit. [b] hæc autem ſanctiſſimæ Crucis oſtenſio erit, tum vt Iudæi agnoſcant conſilium iniquitatis ſuæ, [c] qui Dominum Maieſtatis crucifixerunt, [d] & ipſo ligno arguente, cognoſcant peccatum ſuum: [e] tum vt peccatores omnes confundantur, quod ſuæ redemptionis fructum per Crucem; ſua culpa minimè perceperunt: [f] tum vt ſalutaris ligni aſpectu iuſti omnes recreentur. [g] Tunc Dominus Noſter Ieſus Chriſtus, Angelicis legionibus, & animabus Sanctorum ſtipatus, [h] comitante Au-* a b c d e f g h



có chịu được khốn gì, cho nên chẳng lọ là chết y chẳng được nữa, [y] mà lại chịu một chút gì khó, z cữ chẳng được: [z] lại đi đâu mạc lào, mà cháố đến, bàng linh thiêng:

a [a] Khi các hết người ta ſóũ lại rồi, tlên blời thì coi thấy rứt thánh Crux, đức Chúa Ieſu đã chịu bêo đềy vì chúng b tôi, [b] đức Chúa blời cho thấy Crux làm đệy, và cho dến Iudeo hay, đã lo tŏan quéi quá thể c naò, [c] khi đã đáố đanh đức Chúa Ieſu, là Chúa d kực traố, tlên cây ềy, [d] mà bối cây cho nên biét e tội mình kực traố. [e] Lại cho kẻ có tội hết xấu hổ, khi thấy bởi tội mình, mà chẳng chịu coũ, ſự choâc tội bởi cây Crux. f [f] Mà lại cho kẻ lành ſướng hết mầng làố, khi thấy cây nầy, là cội rễ g mọi ſự lành. [g] Chóuc ềy đức Chúa Ieſu, có quanh qué mình các đức thánh thien thấnh, cữ các người thánh, [h] cữ có rứt thánh | h

*guſtiſſi-*

*guſtiſſima Virgine Matre,*
*[i] veniet cum virtute & i*
*maieſtate maxima, qualis*
*nunquam viſa inter homi-*
*nes eſt, [k] nec fingi humana k*
*mente poteſt.*
*[l] Iudicium hoc vniuerſale l*
*faciendum eſt in valle Io-*
*ſaphat, propè Hieroſoly-*
*mam, [m] vbi Saluator pro m*
*humano genere iniquiſſima*
*ſententia iudicatus, Cruci-*
*fixus eſt: [n] ideò ſupra hanc n*
*vallem in ſublime conſi-*
*ſtet, ſedens in nubibus, in*
*ſolio auguſtiſſimo, & ſplen-*
*didiſſimo. [o] Diuini Iudicis o*
*Aſſeſſores erunt, tum Apo-*
*ſtoli, quibus ipſe pollicitus*
*eſt. [p] Amen dico vobis, p*
*quod vos qui ſecuti eſtis*
*me, [q] cum ſederit filius ho- q*
*minis in ſede Maieſtatis*
*ſuæ, ſedebitis & vos ſuper*
*ſedes duodecim, [r] iudican- r*
*tes duodecim tribus Iſrael:*
*[ſ] tum alij etiam viri ſan- ſ*
*cti, qui præcipuo perfectio-*
*nis ſtudio Chriſti Domini*
*exempla ſunt ſecuti. [t] t*
*Tunc Angelorum multi à*
*Chriſto Iudice, per vniuer-*



đức Mẹ đòũ thân đến
i cũ, [i] lại rứt trạõ vạõ
người ta chưa thấy ſự
k trạõ làm ꞗệy, [k] mà lại
làõ người ta lo chẳng
đến.
l [l] Phán xét chung nẩy
phải làm ở nơi thủng,
ten là Ioſaphat, ở gần
m thành Ieruſalem, [m] là nơi
đức Chúa Ieſu có chịu
phán xét rứt tlải mlẽ,
mà chịu đáõ đanh tlên
n cây Crux: [n] vì ꞗệy khi
ẽy sẽ ngồi tlên chốn ẽy,
ở nơi mây, có tŏạ kức
o trạõ, kức ſáng. [o] Cũ có
đấy tớ cả phán xét cũ
đức Chúa Ieſu, vì có
mlờ̀i hứa, phán ràng:
p [p] tao nói thạt cũ bay, vì
q bay có theo tao, [q] khi
tao ngồi ở tŏạ cả phán
xét, bay cũ ngồi ở mười hai tŏạ, [r] mà phán
xét mười hai dàõ nước
ſ Iſrael: [ſ] cũ có người
thánh khác ngồi phán
xét, khi đã hết làõ theo
nhin đức, bắt chước
t đức Chúa Ieſu. [t] Khi ẽy
đức Chúa Ieſu cả phán

*ſum miſſi, [u] gentes omnes à quatuor ventis ante Iudicem in ictu oculi congregabunt, [x] eoſque in duas claſſes ſegregantes, iuſtos quidem ad Iudicis dexteram, [y] impios verò ad ſiniſtram collocabunt.*

*[z] Tunc Diuina virtute fiet, non ſolum vt vnuſquiſque, quicquid in vita decurſu egit, [a] ſiue boni, ſiue mali quaſi præſens intueatur: [b] ſed etiam vt ſinguli ſingulorum facta omnia, quaſi in vniuſcuiuſque fronte deſcripta conſpiciant. [c] Quanta tunc erit iuſtorum lætitia de benefactis, & de Diuina lege benè cuſtodita? [d] quanta contra reproborum, de malefactis pœnitentia? [e] quantus dolor, ſed iam inutilis, quod legi Dei ſubijci noluerint? [f] Quantus rubor, dum ſua ſcelera omnia coram tot millibus populorum denudari videbunt?*



xét, cữ ſai đức thánh thien thần nhều, đi kháp thien hạ, [u] mà hộp lại người ta bốn bể, tức thì đến tlước mạt đức Chúa Ieſu phán xét: [x] lại chia ra làm hai dàố: mà kẻ lành thì cho ở bên tay mạt đức Chúa Ieſu phán xét, [y] lại bắt kẻ dữ ở bên tay tlái.

[z] Khi ấy có phép đức Chúa blời, làm cho ai nấy, chẳng lọ là thấy đí gì đí gì mình làm, khi đang ſóũ ở thế nầy, [a] hay là lành, hay là dữ, mà thấy như thể tlước mạt ꞗệy: [b] lại cho xem mọi việc kẻ khác, như thể có chép tlên tlán ai nấy ꞗệy. [c] Mà kẻ lành, vì đã làm ſự lành, đã giữ blọn đạo đức Chúa blời, có mầng thể naò? [d] mà lại kẻ dữ, vì đã làm ſự lỗy, có lo buẩn ſầu não làm ſao? [e] vì chẳng khứng giữ phép đạo thánh đức Chúa blời thì ăn năn, mà naò có ích gi? [f] có xấu hổ chừng naò, khi thấy tội lỗi mình mở ra tlước mạt muân vàn người ta?

*[g] Singulorum factis, tum bonis, tum malis, ab omnibus hominibus, & Angelis clarè perſpectis, [h] Iudex Chriſtus ſtatuet iuſtis, pro meritorum numero, & magnitudine, condignos beatitudinis, & gloriæ gradus: [i] improbis autem, pro peccatorum numero, & grauitate, cruciatuum magnitudinem decernet: [k] idque tanta cum ſapientia & iuſtitia, [l] vt omnes nihil meliùs, nihil iuſtiùs conſtitui poſſe perſpiciant. [m] Tum Iudex conuerſus ad iuſtos, qui ad dexteram erunt, lætiſſima fronte, [n] atque amantiſſimis verbis dicet. Venite benedicti Patris mei: [o] poſſidete paratum vobis regnum à conſtitutione mundi. [p] Deinde iniquis qui ad ſiniſtram erunt ſeueriſſimo vultu, [q] & verbis tuſtiſſima indignatione plenis, dicet: [r] Diſcedite à me maledicti*



[g] đến khi các người ta, cữ thien thần đã thấy tỏ tưẩng mọi việc lành dữ đoạn, [h] đức Chúa Iesu thì định cho kẻ lành ſự ꞗui ꞗể thanh nhàn, bàng phúc đức mình, mlớn, nhều ꞗệy: [i] mà lại cho kẻ dữ, cữ định, hình chịu bạo dều, bàng tội vạ nó phạm nhều, trạo ꞗệy: [k] mà mọi ſự định ấy, thậm phải mlẽ, và coũ bàng, [l] cho nên hết thay thải có xem, chẳng có gì tŏan được hơn: [m] thôi đoạn thì đức Chúa Iesu blở mạt rứt ꞗui, rứt tốt cữ kẻ lành, ở tay mạt, [n] mà nói ra đều rứt lành phán ràng: đức Cha tao khiến bay được mọi ſự lành, hãy đến cữ tao, [o] mà chịu lấy phúc, trị nước đã dọn cho bay, từ tạo thien lợp địa. [p] đoạn thì blở mạt rứt trạo, máng cho kẻ dữ, ở tay tlái, [q] mà nói đều trạch xỉ vả, rứt coũ bàng, phán ra: [r] bay những kẻ được mọi ſự dữ, hãy đi cho khỏi mạt tao, mà ſa xuống tlaõ lửa

*in ignem æternum*, [f] *qui paratus eſt diabolo, & Angeli eius.*

[t] *Iuſtiſſima & irreuocabili à Chriſto ſupremo Iudice lata ſententia*, [u] *ſtatim Angeli cum ſacratiſſima Cruce aſcendere incipient*, [x] *eodem quo è Cælo deſcenderant ordine*; [y] *ſequentur cum incredibili iubilo cæleſtes omnes legiones*; [z] *& Chriſtus Dominus, cum Virgine Matre, & immenſa Sanctorum multitudine*, [a] *ſolemniſſima pompa, atque auguſtiſſimo, & planè Diuino triumpho cælos penetrabunt.* [b] *Interim terra ad imum vſque inferni in vaſtam voraginem dehiſcente*, [c] *qui ad æternos cruciatus damnati fuerint, deſcendere cogentur*, [d] *& reluctantes à dæmonibus impellentur.* [e] *conuertent ſubinde oculos, vt iuſtorum videant triumphum*, [f] *ſed nimia eorum*



vô cũ, [f] đã ſám ſửa, cho ma quỷ, và cho thien thần làm bạn nó.

[t] đến khi đức Chúa Ieſu cả phán xét, nói mlời phán làm ꞗệy, mà chẳng có ai cãi được, [u] đoạn thì thoắt chóuc đức thánh thien thần cầm cây rứt thánh Crux có lên tlên blời; [x] cũ bằng phép khí tlước, bởi blời mà xuống: [y] các đức thánh thien thần mầng bội phần, lo chẳng đến, mà theo ꞗệy: [z] lại đức Chúa Ieſu, ꞗối đức Mẹ đòu thân, và người thánh kể chẳng xiét, [a] như đánh được mọi giạc đoạn, thì trạo vạo rứt mực, như phép đức Chúa blời, ꞗẽào nhà thien đàng. [b] Khi ấy đết thì mở ra làm lỗ rou thay, cho đến dưới đia ngục: [c] mà kẻ phải hính đời đời, thì ép xuống, [d] ví bàng có ai chẳng khứng, thì ma quỷ đuổi đi, [e] cũ có khi ngửa mạt lên, mà xem kẻ lành, rứt ꞗui ꞗẻ làm ꞗệy, [f] ſaó le ſáng láng chùng ấy, mà

per-

*perculſi luce cæcutient ;* [g] *conſiderantes verò alijs ad æternam fælicitatem aſcendentibus ,* [h] *ſe ad perpetuos inferorum cruciatus ſua culpa detrudi ,* [i] *quos facilè potuerant effugere , ſi Diuinæ ſe legi ſubdere voluiſſent , rectam ſequentes rationem ,* [k] *amariſſimè flebunt , ingemiſcent , lamentabuntur , & præ inuidia , & rabie diſrumpentur .* [l] *Omnibus introgreſſis claudetur terræ hiatus ,* [m] *& miſeri teterrimo , infeliciſſimoque carcere in omnem coërcebuntur æternitatem ,* [n] *& in igne torquebuntur æterno , cum diabolo & angelis eius ,* [o] *abſque vlla ſpe vnquam exeundi in æternum .*

[p] *At verò cùm primum ſapientiſſimus , iuſtiſſimus , ac potẽtiſſimus Iudex Chriſtus Ieſus ,* [q] *verus Rex Regum , & Dominus Dominantium ,* [r] *cum ſuis Angelis , & Sanctis , ad cæle-*



chọuc con mạt nó : [g] đến khi lo lại , kẻ khác có lên , chịu ꞗui ꞗẻ đời đời , [h] mà mình phải ſa dưới địa ngục , chịu hình phạm tội , [i] cữ nghỉ xưa khỏi được , nếu chịu ꞗưng mlời đức Chúa blời răn , mà theo ſự phải mlẽ , [k] thì khaóc , laóc than thở , cứ phàn nàn mà gẹn trách mình , cho nên lo buần như xé rượt ra : [l] khi đã giục , mà ꞗẽào hết , lỗ mlớn đất thì lớp lại , [m] mà những thằng dữ ẽy , thì cầm ở tlaó tù rạc , khốn nạn làm ꞗệy đời đời , [n] cữ hằng chịu hình lửa vô cữ ꞗối ma quỉ , và ꞗối những thien thần dữ làm bạn nó , [o] mà chẳng có tloú được ra baò giờ cho đến đời đời ꞗệy .

[p] Saố le đức Chúa Iesu rứt hay biết , rứt coú bằng , và có rứt phép phán xét , [q] làm ꞗua tlên mọi ꞗua , và Chúa tlên mọi Chúa , [r] khi blở tlên

thien đàng có đức thánh thien thần cữ các thánh

*ſtem patriam reuerſus ,* [s] *ante Omnipotentis Patris conſpectum glorioſam Sanctorum multitudinem, cum ſuo quemque corpore rediuiuum præſentauerit ;* [t] *ſtatim eiuſdem Dei Patris iuſſu , iuxtà ſingulorum merita ;* [u] *& latam paulò ante à iuſtiſſimo Iudice Chriſto de vnoquoque ſententiam ,* [x] *ſuas cuique ſedes , dignitatis inſignia , & gloriæ gradus iuſtiſſima proportione diſtribuet .* [y] *Vniuersè autem Beati omnes , tum in anima , tum in corpore , tot tantorumque gaudiorum affluentia redundabunt ,* [z] *vt nihil omninò deſiderandum ſuperſit :* [a] *eaque gloria perfruentur in omnem æternitatem ,* [b] *abſque periculo , aut timore vllo , illam beatitudinem inenarrabilem vnquam amittendi .* [c] *Vniuſcuiuſque autem Beati , vel infimi omnium , tanta erit Maieſtas , & opulentia ;* [d] *vt etiamſi omnes ſimul Reges terræ , cum om-*



ꞗối , [s] tlước mạt đức Cha , có phép vo cữ , đam các người thánh , mà ai nẽy có xác ſóũ lại ꞗối ; [t] thức thì có lệnh đức Chúa blời , là đức Cha , ai nẽy bàng phúc mình , [u] và bàng đức Chúa Ieſu coũ bàng , đã phán xét khi tlước , mà định đã thậm phái , [x] thì cho mỗi một ngồi ở tŏa bàng coũ mình , và phủ chức có dẽấu , lại cho ꞗui ꞗé ai nẽy báng phúc làm , chi linh chi coũ . [y] Saŏ le chung hết người thánh có chịu nhều ſự ꞗui ꞗé đẽy và tlaŏ linh hồn , và tlaŏ xác , [z] cho nên chẳng còn có muấn được đí gì nữa . [a] mà chịu hàng thanh nhàn làm ꞗệy đời đời , [b] chẳng còn liệu , hay là dái ſợt , khi naò mất được ſự hàng ꞗui ꞗé thanh nhàn ẽy , đời đời ꞗệy . [c] Lại mỗi một người thánh dấu dưới hết , có traŏ , và giầu chừng ẽy ; [d] cho nên dù mà hết

nibus

*nibus ſuis diuitijs conuenirent ad perficiendum aliquem thronum,* [e] *ad infimi Beatorum throni excellentiam, & Maieſtatem pertingere non poſſent.*

[f] *Hùc ego iuſſu Regis Regum Ieſu Chriſti adueni,* [g] *vt bonum vobis nuncium afferrem, ipſiuſque nomine vos omnes ad ſuprema illa beatorum gaudia inuitarem,* [h] *viamque demonſtrarem, quam ſi volueritis tenere,* [i] *& infelicitatis æternæ cruciatus inæſtimabiles poſſitis euadere,* [k] *quibus damnati cruciabuntur in inferno, cum diabolo in æternum:* [l] *& beatitudinis inenarrabilis gaudia poſſideatis in perpetuas æternitates:* [m] *alterum enim è duobus neceſſariò vnicuique noſtrum euenturum eſt,* [n] *id atteſtante ſuprema, & infallibili veritate Dei;* [o] *eligite igitur, dum tempus habetis, ex beni-*



ꞗua Chúa thien hạ hộp lại làm một, mà dữ hết của mình, làm một tŏạ cho trạố, [e] cữ chẳng đến tŏạ trạố, và tốt lành, người thánh naò, dưới hết các thánh.

[f] Thày ꞗưng lệnh đức Chúa Ieſu, là ꞗua Chúa tlên hết mọi ꞗua Chúa, mà đến đấy, [g] đam tin lành cho bay, mà thay vì đức Chúa Ieſu, mời bay cho được chịu ꞗui ꞗẻ cả ẽy, cữ các thánh, [h] và đam đàng cho, ví bàng có tŏan noi giữ đàng ẽy, [i] và khỏi được hình khốn nạn vô cứ, ſo chẳng đến, [k] nhưng hình địa ngục, kẻ dữ thì phải chịu, cữ ma quỉ đời đời: [l] mà lại chịu được ꞗui ꞗẻ thanh nhàn, vo cữ đời đời, mlời nói chẳng hết: [m] vì chưng tlaố hai ſự nẫy, thạt mỗi một ta, ai là ai chẳng khỏi được một, [n] vì có mlời đức Chúa blời, thạt thà vô cữ, chẳng ſai, có phán làm ꞗệy: [o] bây giờ khi đức Chúa blời, là Chúa cả

*gnitate*

*gnitate ſupremi Numinis, viam bonam & rectam, [p] ſcilicet dum vitæ præſentis tempus ſupereſt, cuius diem craſtinum nobis polliceri non poſſumus. [q] Ergo ſi ſapitis, ſtatim accipite ſcalam Diuinam, quam demonſtrabo vobis, [r] per quam aſcendentes, ad æterna cœli gaudia procul dubio, Deo ſic promittente, peruenietis, [ſ] euadetiſque æternos inferni cruciatus. [t] Quis enim habitare poterit de vobis cum ardoribus ſempiternis?*

*[u] Via hæc planiſſima eſt Diuina lex, [x] quam ab initio Deus Adamum docuit, & cum illo totum genus humanum, & rationalem creaturam, [y] per quam duobus pedibus incedere docemur ab ipſo Deo. Declina à malo, & fac bonum, [z] vt nimirum, quæ ſunt rationi conſona, ſectemur, [a] quæ verò à rectæ*



nhin lành vô cữ, có cho rồi, thì hãy chọn lẩy đàng lành, và ngày, cho kịp, [p] khi hãy còn ſóú ở thế nẩy, mà ta chẳng biét được, mai ta còn ſóú, hay là chang: [q] vì ꞗệy nếu có khôn, thì cầm lẩy, ta dến cho thăng thiêng đức Chúa blời, [r] mà lên thăng nẩy, thạt có đến tlên blời nơi ꞗui ꞗé vô cữ, vì có mlời đức Chúa blời, phán hứa ꞗệy, [ſ] mà khói hình khốn vô cữ ở tlaố địa ngục. [t] Ai tlaố bay có chịu được hình, ở tlaố lửa đời đời ꞗệy ru?

[u] đàng nẩy rứt phẳng lạ đạo thánh đức Chúa blời, [x] dĕạy oú Adam từ đầu hết, cữ cả và lŏài người ta, lŏài hay biét ſuy mlẽ, [y] mà đức Chúa blời dĕạy ta, có hai chên đi đàng nẩy, là tlánh ſự lŏy, mà làm ſự lành: [z] cho nên ta thẩy ſự gì phải mlẽ, thì ta theo, [a] mà ta xem việc gì tlái mlẽ, thì

*ratio-*

*rationis tramite diſſonant,*
*fugiamus.* [b] *Sed quamuis* b
*hoc Diuini vultus lumen*
*ſignatum ſit ſuper nos:* [c] c
*Quia tamen per peccata*
*nimium fuerat offuſca-*
*tum,* [d] *ideò benigniſſimus* d
*Dominus poſt bis mille, &*
*amplius annos, ab homi-*
*num propagine,* [e] *in duabus* e
*lapideis tabulis legem ſuam*
*conſcribere dignatus eſt,*
*quæ decem præceptis conti-*
*netur:* [f] *& illam Moyſi* f
*ſeruo ſuo tradere, vt illam*
*ipſe Moyſes Iudæorum po-*
*pulum doceret, qui tunc*
*erat populus Dei.* [g] *Atta-* g
*men quia populus ille car-*
*nalis Diuinam legem iam*
*non cuſtodiebat, vt dece-*
*bat,* [h] *miſit ipſe Deus fi-* h
*lium ſuum Ieſum Chri-*
*ſtum, qui & Diuinam do-*
*ceret legem,* [i] *& ad illam* i
*ſeruandam nobis per gra-*
*tiam ſuam vires etiam*
*largiretur.* [k] *non enim ve-* k
*nit Dominus Ieſus legem*
*ſoluere, ſed adimplere,*
[l] *vt ſuo nos etiam Diuino* l
*exemplo doceret illam ad-*



b ta tlánh. [b] Saŏ le dấu
ſáng nẩy, bở·i mạt đức
Chúa blờ·i, mà in bĕão
c tlaŏ lăŏ ta: [c] bở·i ta có
tội, ſáng nẩy đã hàu tôi,
d mà hư đi lám, [d] nhin
vì ſự ĕy đức Chúa blờ·i
rứt nhin lành, từ ſinh
lŏài người, qua hai nghìn
e dư năm, [e] có chịu lĕy
hai la đá, mà ghi lại đạo
thánh mình, có hết tlaŏ
f mười điĕu răn: [f] mà
tlao cho oũ Moyſe, làm
tôi mình, lại khien oũ
Moiſe dĕạy dên Iudeo,
khi ĕy là dên đức Chúa
g blờ·i. [g] Sao le vì dên ĕy
những yêu xác, mà đến
ſau chẳng còn có giữ đạo
đức Chúa blờ·i cho nên,
h [h] thạt đức Chúa blờ·i có
ſai đức Con mình, là
đức Chúa Ieſu, mà dĕạy
i đạo thánh, [i] lại cho
chúng tôi gratia, là thêm
ſức cho chúng tôi giữ
k đữợc đạo: [k] vì chưng
đức Chúa Ieſu chẳng
phải đến mà phá đạo,
thạt đến mà giữ blọn,
l [l] lại làm cho chúng toi

*imple-*

*implere.* [m] *Decem igitur ſunt Dei præcepta, quæ à nobis ſeruata,* [n] *ſunt ſcala tutiſſima nobis, ad æternam beatitudinem conſequendam in cæleſti regno.* [o] *Diuinorum autem præceptorum datæ ſunt à Deo duæ tabulæ:* [p] *prima tabula nos docet quomodo ipſum Deum colere debeamus,* [q] *tum corde, tum verbo, tum opere:* [r] *atque ideò tria ſunt primæ tabulæ præcepta tantum.*

[ſ] *Primum eſt quo iubemur vnum colere Deum,* [t] *quod fit initio credendo in ipſum, accedentem enim ad Deum oportet credere,* [u] *quia ſine fide impoſſibile eſt placere Deo:* [x] *credere igitur debemus omnibus quæ Deus reuelauit,* [y] *& per Eccleſiam Catholicam credenda propoſuit:* [z] *nam ipſe Deus Prima Veritas eſt,* [a] *qui nec falli poteſt, quia omnia nouit, etiam*



bắt chước nhin đức người, mà giữ đạo cho blọn. [m] ĕy ꞓbĕy mà có mười ſự đức Chúa blời răn, ta noi giữ đĕy, [n] thật là thăng chính, mà cho ta lên được tlên thien đàng, chịu ꞓbui ꞓbé đời đời. [o] Mà đức Chúa blời có cho mlời răn tlaő hai la đá: [p] tlaő một la đá có dĕạy ta thờ phượng đức Chúa blời thế naò, [q] và tlaő lòng, và miệng nói, và mình làm, [r] vì ꞓbĕy la đá thứ nhít có ba mlời răn, mà thoi.

[ſ] Mlời răn thứ nhít thì khién ta thờ một đức Chúa blời, [t] tlước hết thì phải tin kính đĕy, vì chưng ai đến cũ đức Chúa blời thì phải tin, [u] mà ai chẳng có lòng tin, thì đẹp lòng đức Chúa blời chẳng được: [x] vì ꞓbĕy ta phải tin mọi mlời đức Chúa blời truyền ra; [y] và tlaő cho Ecclesia Catholica, là các người ở tlaő đạo, làm một: [z] vì chưng đức Chúa blời là thật nhít, [a] mà chẳng có ai

*ante-*

*antequam fiant,*[b] *nec fallere quemquam poteſt, quia ſumma bonitas eſt.* [c] *Contra credere minimè debemus falſis ſectis,*[d] *vt pote dæmonum inuentis, ad perdendos homines.*[e] *Hinc fit vt Deum ſuper omnia timere debeamus,* [f] *vt nimirum quem credimus animam & corpus perdere poſſe in gehennam:* [g] *quamuis enim Reges, & Principes viros, eorumque Gubernatores timere debeamus, & revereri, vt paulò poſt dicemus;*[h] *Deum tamen ſuper omnes, & pluſquam omnes revereri, & timere debemus,* [i] *tanquam ſupremum rerum, etiam hominum omnium Dominum,*[k] *à quo pendet omne bonum noſtrum, tam temporale, quam æternum.* [l] *Qui verò Deum ita ſuper omnia timet, non debet timere idola, vel dæ-*



dối được đêy, vì đã biét hết, dù mà chửa có: [b] lại đức Chúa blời dối ai chẳng được, vì là rứt lành. [c] Mà lại chẳng nên tin giaó dối, vì chưng giaó êy,[d] những là chước ma quỉ, bày đạt, mà hại người ta. [e] Bởi lẽ tin, thì mới ta lẽ kính dái đức Chúa blời, tlên hết mọi ſự, [f] vì đã tin, đức Chúa blời bắt được, và linh hồn, và xác tlaố lửa địa ngục đời đời: [g] vì chưng dẫu ta nên kính dái ꞗua Chúa, và quan cuyèn trị nước thay, như mlời ít nữa ta giảng ra: [h] Saố le ſự đức Chúa blời ta phải kính dái tlên hết mọi người, [i] như Chúa cả, tlên hết mọi ſự, tlên hết mọi người, [k] vì chưng mọi ſự lành chúng tôi, và đời nãy có cữ, và đời ſau chẳng cữ, bởi đức Chúa blời mà có. [l] Ai kính dái đức Chúa blời làm ꞗêy chẳng còn có mlẽ gì, mà dái bụt, hay

*mones qui in ijs ſunt,* [m] *quia hi omnes, niſi permittente, aut iubente Deo,* [n] *nihil omninò poſſunt nocere, & ne capillum quidem à nobis auferre.*

[o] *Quare in Deo etiam ſuper omnia ſperare debemus,* [p] *tum quia Omnipotens eſt, tum quia Pater eſt Noſter amantiſſimus,* [q] *qui ſic dilexit nos, vt proprium filium nobis dederit in mortem,* [r] *ad remedium, & in remiſſionem peccatorum noſtrorum:* [s] *ſi enim proprio filio non pepercit, ſed pro nobis tradidit ipſum, cum inimici eſſemus;* [t] *quantò magis reconciliati, ſalui erimus ab ira per ipſum.* [u] *Ergo primo loco ſperare debemus à Diuina bonitate remiſſionem peccatorum infallibilem,* [x] *ſi adhibuerimus ea remedia, & eo modo, quo ipſe nobis præcipit Deus.* [y] *Præterea remiſſione peccatorum per-*

[m] là mà quỉ ở tlaố nó, [m] vì chưng mọi vật ếy, nếu đức Chúa blời chẳng khiến, [n] nó chẳng làm chi được ta, dầu một cái taóc ta, lếy chẳng được.

[o] Vì ꞗệy ta cử phải tloú cạy đức Chúa blời, tlên hết mọi ſự, [p] vì chưng có phép vô cử, mà lại làm đức Cha rứt lành chúng tôi, [q] có yêu chúng tôi chừng ếy, cho đến tlao Con mình chịu chết, [r] mà chữa chúng tôi, và chuộc tội cho chúng tôi: [s] vì chưng nếu chẳng tha đức Con mình, mà tlao vì chúng tôi, khi chúng tôi hãy còn ǒan gia cử: [t] hoống lọ khi đã két nghĩa cử, khói laố gện đức Chúa blời, vì đức Con: [u] vì ꞗệy đầu hết ta phải tloú cạy đức Chúa blời nhin lành, thạt có tha tội cho chúng tôi, [x] nếu có dữ việc, đức Chúa blời khiến dữ, lại dữ thể naò đức Chúa blời khiến dữ thì mới được tha tội, [y] mà lại khi đã chịu tha tội, ta phải

*cepta,*

*cepta, perſeuerantiam finalem à Diuina Miſericordia ſperare debemus,*
z [z] *per quam nobis pateat introitus in æternam beatitudinem,*
a [a] *quam per merita quidem noſtra, ſed ex gratia Dei,*
b [b] *quæ nos præueniat, & ſequatur, & bonis operibus faciat eſſe intentos,*
c [c] *ſperare debemus etiam ex miſericordia Dei.*
d [d] *Deinde bona quoque temporalia, vitam, ſanitatem, & reliqua huius mundi bona,*
e [e] *in quantum nobis ſunt neceſſaria, & vtilia, ad ſempiternam vitam in futuro ſæculo poſſidendam.*
f [f] *Quód tamen imprimis hoc præcepto nobis iniungitur,*
g [g] *eſt amor ſincerus Diuinæ Boniiatis, quam ex toto corde ſuper omnia diligamus;*
h [h] *quia omni amore digniſſima eſt propter ſeipſam,*
i [i] *& quia prior dilexit nos, tantiſque cumulauit beneficijs, etiam immeritos:*
k [k] *atque ideò*



tloũ cạy đức Chúa blời nhin lành, giúp ſức cho ta giữ blọn, cho đến hết hơi,
z [z] mà ꞗệy ta ꞗĕào được nơi ꞗui ꞗé đời đời,
a [a] thật bởi ta có coũ, ſaõ le vì đức Chúa blời cho ta gratia, là giúp ſức,
b [b] và tlước mở đàng cho ta, và ſau theo ta, lại ở cữ liên, giúp ta, thì mới có coũ.
c [c] mà ta phải tloũ gratia, ếy, bởi đức Chúa blời nhin lành ꞗệy:
d [d] ta lại cạy đức Chúa blời cho ta ſự thể nẫy, ſoũ lâu, ſức chŏẽ, cữ các kì ſự ta dữ,
e [e] mà giúp cho ta đời ſau được hàng ſoũ, ꞗui ꞗé ꞗệy.
f [f] Saõ le tlaõ mlời răn nẫy nhít là khién ta,
g [g] kính mến thật đức Chúa blời, hết lòõ tlên hết mọi ſự:
h [h] vì chưng đức Chúa blời lòõ lành vô cữ, tự nhièn đã đáng mọi ſức kính mến:
i [i] mà lại vì đức Chúa blời đã mến ta tlước, mà cho ta nhều ſự, kể chẳng xiết, dẫu ta chẳng đáng:
k [k] vì ꞗệy ta phải

*Deum Optimum Maximum diligere debemus pluſquam nos ipſos, [l] pluſquam parentes, aut filios, pluſquam vitam propriam: [m] ita vt parati ſimus amittere omnia, vt eius amicitiam, & beneuolentiam conſeruemus, [n] ipſiuſque offenſam vt vitemus, omnia patiamur. [o] Et quãuis præcipuus Diuinæ Maieſtatis cultus in corde, & anima conſiſtat: [p] Cùm namque Deus ſupremus, & infinitus ſit Spiritus, [q] vt nos docuit verus Magiſter, & Dominus Ieſus Chriſtus, [r] eos qui Deum adorant, in Spiritu, & veritate adorare oportet: [ſ] attamen quia corpus etiam ab ipſo habemus, [t] exteriorem quoque cultum illi debemus, [u] templa nimirum, & altaria erigendo, [x] in quibus illum colamus, & adoremus.*

*[y] Sunt qui dicant, eſto Deum ſuper omnia colere*



yêu mến đức Chúa blời rứt lành, rứt cả hơn ta, [l] hơn cha mẹ, hơn con cái, hơn linh hồn cho ta ſóũ; [m] cho nên ta chịu mất hết, mà ta chẳng chịu mất nghĩa cữ đức Chúa blời, [n] lại ta chịu mọi ſự, cho ta khỏi mất lảõ đức Chúa blời. [o] Mà dẫu phép thứ nhít thờ phượng đức Chúa blời ở tlaõ lảõ, và tlaõ linh hồn, [p] vì chưng đức Chúa blời là tính thieng liêng cả, chẳng hay cữ, [q] có mlời đức Chúa Ieſu là thày thật phán ràng: [r] ai kính lạy đức Chúa blời, thì phải kính lạy tlaõ linh hồn, mà thật thà: [ſ] ſaõ le vì đức Chúa blời cữ ſinh ra xác ta, [t] cữ phải thờ phượng đức Chúa blời bề ngoài, [u] đệy thì phải dựng đền tháng, và nơi thờ, [x] để mà kính lạy thờ phượng đức Chúa blời.

[y] Có kẻ thì ràng, thờ phượng đức Chúa blời tlên hết mọi ſự thì phải

*debea-*

*debeamus :* [z] *ſed ſub ipſo Deo, cur non erit etiam licitum idolis cultum exhibere ?* [a] *ſicuti quamuis Regem, aut ſupremum quemlibet Monarcham, præ omnibus in quolibet Regno veneremur ;* [b] *alios tamen ſub ipſo, duces, & Magiſtratus veneramur,* [c] *non repugnante, imò iubente ipſo Rege.* [d] *Hoc ſanè probat, non ſolum Deum eſſe colendum ſupremo cultu, qui latria dicitur :* [e] *ſed etiam ſanctos inferiori quodam cultu, qui dulia dicitur, eſſe colendos,* [f] *tanquam Dei amicos, per quos etiam Diuina impetremus dona,* [g] *& præcipuè Deiparam Virginem, quam ſub ipſo Deo,* [h] *pluſquam omnes ſanctos cultu qui hyperdulia dicitur, venerari debemus.* [i] *quia ſcilicet per eius ſanctiſſimam interceſſionem, & aliorum etiam Sanctorum,* [k] *multa debe-*



rẩy: [z] mà dưới đức Chúa blời, ſao chẳng nên thờ bụt? [a] như thể dẫu nước nào, có thờ ꞗua Chúa, hay là Quan cả naò tlên hết: [b] ſaõ le bề dưới, cữ kính quan cuyèn, [c] mà ꞗua Chúa chẳng những là chẳng có cấm việc ẻy, mà lạy có khién làm ꞗệy. [d] bởi mlẽ nầy cho nên ta hay, ta phải thờ đức Chúa blời, mà lẻy phép thờ nhít, gọi là, latria, là phép thờ một đức Chúa blời: [e] ſaõ le dưới đức Chúa blời, cữ nên thờ các thánh, lẻy phép hạ mà thờ, gọi là dulia, [f] vì các thánh có nghĩa cữ đức Chúa blời, mà cầu cho ta chịu ơn đức Chúa blời, [g] nhít là đức Mẹ đòũ thân, ta phải thờ dưới đức Chúa blời, [h] mà phép thờ người gọi là, hyperdulia, là phép thờ tlên các thánh: [i] vì chưng đức Chúa Bà có dữ rứt thánh phép, cầu cho chúng tôi, ꞗối oũ thánh khác, [k] thì ta phải tloú nhều

*mus*

*mus à Diuina Bonitate ſperare beneficia; [l] quibus meritò propter demerita, & peccata noſtra priuaremur; [m] ſed ob Sanctorum merita, vt pote intimorum Diuinæ bonitatis amicorum, [n] placatus Deus, ea nobis largitur miſericorditer.*

*[o] Sed quia idola nihil aliud ſunt, quam dæmones, Diuinæ Maieſtati rebelles, & infenſi: [p] dij enim gentium dæmonia, vel certè dæmonum figmenta, [q] quæ Deũ nobis placare non poſſunt, [r] ſed potius ad iuſtam in nos vindictam impellunt, [ſ] ideò illa omnia figmenta, & mendacia, omninò abijcere debemus, [t] vt Deum rectè poſſimus colere, atque habere nobis propitium. [u] Sicuti ſi quis rebellem aliquem à Rege, atque deſertorem veneraretur, [x] procul dubiò Regem haberet infenſum. [y] Quare ſuperſtitioſum omnem cul-*



ơn, bới lão lành vô cŭ đức Chúa blời, [l] ví bàng coi đến tội va chúng tôi, thì thậm đáng mất ơn ấy: [m] ſaõ le vì có coũ các thánh, có nghĩa lám cŭ đức Chúa blời, lão nhin lành, [n] thì đừng gện, lại thưâng, mà cho ta nhều ơn.

[o] Saõ le vì bụt thật là ma quỉ, đức Chúa blời ghét nó vì có ngịch cŭ đức Chúa blời; [p] vì chưng hễ là bụt người ta thờ, là ma quỉ, hay là đều dối, ma quỉ bày đặt, [q] mà chữa cho đức Chúa blời làm lành cú chúng tôi thì chẳng được, [r] mà lại giục đức Chúa blời, coũ bàng, phạt chúng tôi: [ſ] vì ꞗệy ta phải bỏ, hết mọi ſự dối blá ấy, [t] mới thờ đức Chúa blời được cho nên, cŭ được đức Chúa blời làm lành cŭ chúng tôi. [u] Như thể ví bàng có ai thờ thàng ngụy naò, nghịch cŭ ꞗua Chúa, [x] thật là mạt lão và nghịch cŭ ꞗua Chúa mà chớ. [y] Vì ꞗệy ta phải

*tum*

*tum omninò debemus abÿ-*
*cere, [z] atque vnum verum* z
*Deum, ex toto corde, &*
*ex tota anima, & ex om-*
*nibus viribus noſtris vene-*
*rari, & colere, [a] & hoc eſt* a
*primum mandatum Dei.*
*[b] Secundum eſt quo Deum* b
*præcipimur ore non offen-*
*dere, [c] non temerè iuran-* c
*do per ipſum, [d] vt enim* d
*iuramentum, per Deum,*
*vel per res Diuinas non*
*ſit peccatum, [e] tria ſunt* e
*requiſita, nempè veritas,*
*iuſtitia, & neceſſitas: [f]* f
*nam falſum iurare, ſem-*
*per eſt peccatum mortife-*
*rum: [g] magna enim eſt Di-* g
*uinæ Maieſtatis offenſa,*
*ſi in re falſa, quamuis nul-*
*lius momenti, vocemus il-*
*lam in teſtem; [h] hoc nam-* h
*que eſt facere Deum men-*
*dacem, vel mendaciÿ fau-*
*torem, [i] quod procul dubio* i
*grauis offenſa eſt. [l] ſi etiam* l
*contra iuſtitiam iuramen-*
*tum fiat, in re quidem*
*graui, graue quoque pec-*
*catum erit, [m] in re verò le-* m
*ui, communiter non erit*



bỏ hết mọi phép giả đạo
z dối, [z] mà thờ phượng
một đức Chúa blời hết
laổ, hết linh hồn, hết
a ſực, [a] ếy là mlời thứ
nhít đức Chúa blời răn.
b [b] Thứ hai mlời răn, thì
khiến giữ miệng, keó
lỗy nghĩa cữ đức Chúa
c blời, [c] chớ lếy tên đức
Chúa blời mà thề quéi
d quá ꞗệy, [d] vi cho keỗ
phạm tội khi lếy tên, hay
là ſự khác về đức Chúa
e blời, [e] thì phải giữ ba ſự
một là ſự thật, hai là ſự
f coũ bàng, ba là ſự cẩn: [f] vì
chưng hễ là thề dối hàng
g có tội traỗ, [g] vì gọi đức
Chúa blời làm chứng ſự
dối, dù mà ſự ꞗạt, thật
là lỗy nghĩa cữ đức
h Chúa blời lám: [h] vì
chưng ſự ếy, bàng làm
đức Chúa blời gian, hay
i là yêu ſự gian, [i] thật là
lỗy cữ đức Chúa blời
l lám: [l] nếu có thề ſự gì;
chẳng phải coũ bàng,
mà ſự traỗ, thi cữ có tội
m traỗ; [m] ví bàng, mà ſự
hèn, nhều lẽn chẳng phải

*pecca-*

*peccatum graue :* ⁿ *ſic ſi ſola neceſſitas deſit, modò adſit veritas, & iuſtitia, vt plurimum erit peccatum leue.* ° *Vota verò quæ Deo fiunt, fideliter perſoluere debemus,* ᵖ *ne in Diuinæ Maieſtatis offenſam incurramus :* q *melius ergo eſt non vouere, quam vota non reddere :* r *idem dic de promiſſione cuicunque facta, ſed iuramento firmata,* ſ *illam enim non exequi, eſt in Diuinæ Maieſtatis contemptum.* t *At iurare per idola, vel per dæmones Diuinæ Maieſtati rebelles, grauis eſt offenſa Dei;* u *ſic & iiſdem aliquid vouere, aut promittere, in honorem ipſorum, eſt graue peccatum.* x *Debemus igitur ethnicis perſuadere, vt quandoquidem ipſi per ſuos falſos Deos iurant, quos timent :* y *nos permittant iurare per verum Deum,* z *vt pote quem nouimus Domi-*



tội trạő. ⁿ Ví bàng chẳng có ſự cần gì, ſaő le ſự thạt, và ſự coű bàng, quen nên tội hèn mà chớ. ° Saő le mlời khán, nói hứa cũ đức Chúa blời, thì phải giữ thạt, ᵖ keó mất lảő lẽy nghĩa cũ đức Chúa blời. q Vì ꞗệy đừng làm mlời khán, thì hơn chẳng đền mlời đã khán cũ đức Chúa blời : r mà có nói mlời hứa cũ ai, ſaő le có thêm mlời thề cho bền, thì cũ ꞗệy, ſ vì chưng chẳng đền mlời hứa ẽy, là vô phép cũ đức Chúa blời. t Saő le có lẽy tên bụt, hay là tên ma quỉ, mà thề, những thàng nguỵ cũ đức Chúa blời, thì có tội trạő, u mà có mlời khán cũ chúng nó, hay là nói mlời hứa gì chờ chúng nó, thì cũ có tội mlớn. x Vì ꞗệy ta phải dẽờ kẻ vô đạo; ví bàng nó lẽy tên bụt nó, mà thề, vì nó dái bụt, y thì phải cho ta lẽy tên đức Chúa blời thạt mà thề, z vì chưng ta đã hay, ſóũ

num

*num vitæ, & mortis.* [a] *Quodlibet tamen damnium potiùs ferre debemus,* [b] *ſiue in fortunis, ſiue in propria vita,* [c] *quam iuramentum emittere, quo falſos Deos inuocare videamur;* [d] *vel illos vitæ, aut mortis Dominos videamur agnoſcere.*

[e] *Sic etiam quælibet grauia potius pati debemus, etiam ipſam mortem,* [f] *quam Deum negare, vel fidem Chriſtianam, etiam ore tenus:* [g] *Saluator enim Noſter ſic pronunciat,* [h] *qui me confeſſus fuerit coram hominibus, confitebor & ego eum coram Patre meo;* [i] *& qui me negauerit coram hominibus,* [k] *& ego negabo eum coram Angelis Dei.*

[l] *Tertium denique præceptum, ſeu vltimum primæ tabulæ, quod ſpectat honorem Dei,* [m] *nobis iniungit, vt Dies feſtos ſanctificemus:* [n] *hoc eſt vt illis die-*



chết ở một đức Chúa blời, là Chúa cả. [a] Saõ le dẫu ta phải chịu hại thiệt đí gì; [b] hay là về mất của, hay là về mất ſóũ mình, [c] mà chẳng chịu thề, cho nên kẻ khác ngờ ta khán bụt, [d] hay là ai ngờ ta lấy nó như làm Chúa, mà ſóũ chết ở tay nó.

[e] Lại ta phải chịu mọi ſự khốn khó; dẫu đến chịu chết, [f] mà chớ chịu chối đức Chúa blời, hay là đạo thánh đêy, dẫu những miệng nói: [g] vì chưng đức Chúa Ieſu kóu chúng tôi, đã phán ꞗệy, ràng: [h] ai xưng tao tlước mặt người ta, thì tao cữ xưng nó tlước đức Cha tao; [i] mà ai chối tao tlước mặt người tá, [k] thì tao cữ chối nó tlước mặt thien thần đức Chúa blời.

[l] Sau thì răn thứ ba, hay là răn ſau hết ở la đá tlước, vè việc kính đức Chúa blời, thì [m] khién ta giữ ngày lễ lạy, là ngày êy, ta gọi lễ lạy ꞗệy, [n] thì ta

*bus, quos feſtos dicimus, in cultu, & veneratione Dei ſpecialiter occupemur: [o] ipſo namque lumine naturæ perſpicuum eſt, aliquos dies feſtos à nobis eſſe celebrandos; [p] in quibus tot, & tanta Diuinæ Bonitatis beneficia, nobis collata, ſpecialiùs recolamus; [q] atque ideò illis diebus ab opere ſeruili abſtinere debemus, quod ad corpus hoc corruptibile ſpectat, [r] vt ad negotia, quæ ſpectant cultum Dei, & animam noſtram, liberiùs & intenſiùs attendamus. [s] Quare Sancta Mater Eccleſia, ſiue illius ſupremi paſtores, [t] qui nobis inuigilant, aliquos dies huiuſmodi feſtos iniunxerunt, [u] præcipuè diem Dominicum: [x] ſi enim ſex dies corpori tribuimus, & negotijs ad corpus ſpectantibus, [y] in quibus tamen ſemper aliquid Deo, & animæ tribuendum eſt, [z] ſaltem primo mane, an-*



phải dữ việc thờ phượng đức Chúa blời, cho nên: [o] vì chưng tự nhiên có ſáng ở laő ta, dạy ta, có ngày lễ lạy, mà giữ, [p] cho ngày ếy ta dớ mà cám ơn mlớn, vá nhều, đức Chúa blời laő lành vô cữ, đã phú cho ta: [q] vì ꞗệy hễ là ngày ếy ta chẳng nên làm việc nhạọc, gọi là việc tói tá, là việc về xác nẩy hay nát, [r] cho làm ꞗệy ta có rồi lo việc về thờ phượng đức Chúa blời, và lo việc về linh hồn ta, hết laő, hết ſức. [s] Vì ꞗệy thánh Ecclesia: hay là ké cả tlaő Ecclesia, [t] mà coi ſóc cho ta, đã có định ngày lễ lạy ếy, [u] nhít là ngày Dominh, thật là ngày đức Chúa blời: [x] vì chưng ta có cho ſáu ngày lo ſự xác, và làm việc nọ, việc kia, về xác [y] dầu tlaő ſáu ngày cữ phải lếy một chút, mà làm việc đức Chúa blời, lo ſự linh hồn, [z] ít là ſớm mai ſớm, khi chưa có ta làm việc xác, và ban‿

*tequam ad opera exeamus, & veſperi cum ab illis redimus :* [a] *meritò vnum diem quem Dominicum vocamus, Deo ſpecialiter tribuimus,* [b] *vt in eo Diuinam Maieſtatem ſpecialius colamus,* [c] *& beneficia ab eius Bonitate nobis collata, cum grati animi ſignificatione recolamus;* [d] *hoc enim eſt iuſtiſſimum. Et* [e] *quemadmodum ſupremus rerum Conditor Deus, ſex diebus vniuerſam condidit creaturam,* [f] *& requieuit ſeptimo die ab vniuerſo opere :* [g] *ſic & nos ſex diebus intendamus operi; nec patiamur otium, quod omnium malorum origo eſt, nobis dominari;* [h] *ſeptimo tamen die vel potius primo* [i] *(quia mutatus eſt dies ſeptimus, qui olim erat feſtiuus,* [k] *in primum, qui nunc obſeruatur à Chriſtianis, tanquam feſtiuus,* [l] *quandoquidem is eſt dies*



tối khi bởi làm việc ấy mà về, [a] lại phải mlẽ lấy một ngày, ta gọi là ngày đức Chúa blời, thật là ta cho đức Chúa blời riêng, [b] mà ngày ấy ta thờ đức Chúa blời, hơn ngày khác, [c] mà ta dốc cám ơn đức Chúa blời, và người khen đấy, vì ta đã chịu ơn nhều, bởi lào lành đức Chúa blời, [d] mà việc cám ơn làm bệy thì thậm phải, [e] như thể đức Chúa blời hoá ra mọi ſự, có ſáu ngày, mà làm nên mọi loài, [f] đến ngày thứ bảy thì có nghỉ, mà chẳng có làm việc mới: [g] ta cũ như bệy, ſáu ngày thì ta làm việc vàn, mà chớ chịu ở dưng phũ lu, la cân nguồn mọi ſự dữ: [h] ſaố le đến ngày thứ bảy, mà nói hơn, thì đến ngày thứ nhít [i] (vì chưng ngày thứ bảy đời xưa lễ lạy, thì đã đổi, [k] mà lấy ngày thứ nhít, kẻ có đạo, bây giờ thì có giữ làm lễ lạy, [l] vì chưng ngày thứ nhít đức

*Dominicus, in quo Dominus Ieſus reſurrexit)* [m] *relictis operibus ad corpus pertinentibus, Diuino cultui, & animarum noſtrarum ſaluti impenſius vacemus.* [n] *idemque intelligendum de alijs diebus feſtis, quæ in calendario iuxtà præceptum Eccleſiæ continentur.*

[o] *Secunda Diuinæ legis tabula, quæ nos informat,* [p] *qua ratione nos erga proximum ideſt, erga omnes homines gerere debeamus;* [q] *ſeptem præcepta continet, quæ vnico hoc præcepto comprehenduntur,* [r] *charitatis erga proximum, diliges proximum tuum ſicut teipſum,* [ſ] *ideſt vt quæ volumus vt faciant nobis homines, & nos faciamus eis:* [t] *& quod tibi fieri non vis alteri ne feceris.* [u] *debemus enim proximo velle bonum, illumque diligere,* [x] *non verbo tantum, ſed opere, & veritate,* [y] *& nullo modo nocere illi, nec in propria perſona,* [z] *nec in*



Chúa Ieſu đã ſóũ lại,) [m] ta đừng viẹc về xác, mà làm viẹc thờ đức Chúa blời, và viẹc về linh dồn ta cho lành, hết lòố hết ſức. [n] Mà ngày khác cũ là lễ lạy tlaố lịch, vì có mlời răn thánh Ecclesia, cũ phải giữ như ꞗệy.

[o] La đá thứ hai đạo thánh đức Chúa blời, dẽạy ta, [p] cách naò ở cũ các anh em, là các người ta, [q] có bảy mlời răn, mà gộp lại tlaố một đều răn, [r] khién ta yêu người ta như ꞗệy: [ſ] cho nên ſự gì ta muàn người tà làm cho ta, lại ta làm cho người ta ꞗệy: [t] cũ mầy chẳng khứng ai làm đều gì cho mầy, lại mầy chớ làm đều ếy cho ai. [u] vì chưng ta phải muấn lành cho người, mà yêu người, [x] chẳng những là có mlời nói, lại có viẹc làm, mà thạt thà. [y] Và chẳng khá làm hại người thế naò, dấu về mềnh người, [z] dấu về danh,

*bono-*

*honore, nec in fortuna bonis,* [a] *illudque nec facto, nec verbo, nec etiam voluntate interna,* [b] *quamuis non exeat ad actum; quæ omnia ſeptem illis præceptis ſecundæ tabulæ continentur.*

[c] *Quartum itaque præceptum, quod in ſacra pagina primum in promiſſione vocatur,* [d] *docet nos honorem parentibus debitum exhibere,* [e] *nomine autem parentum omnes ſuperiores intelliguntur:* [f] *honoris autem nomine quatuor potiſſimum intelligenda:* [g] *amor, reuerentia, obedientia, ſubſidium.* [h] *Amor vt non illis malum,* [i] *ſed bona omnia cupiamus, & à Deo precemur.* [k] *Reuerentia, vt nos illis ſubijciamur; eoſque nec opere, nec verbo offendamus.* [l] *Obedientia, vt quæ licitè præcipiunt opere impleamus,* [m] *& multo magis ſi ea ſint ad æternam ſalutem vtilia:* [n] *ſub-*



dẫu về của cải người; [a] ma ſự ẽy hay là mình làm, hay là miệng nói, hay là tlaõ lòng muấn, [b] dẫu chẳng ra bề ngŏài, mà mọi ſự có răn tlaõ bảy mlời răn ở la đá thứ hai:

[c] ẽy đbệy mà mlời răn thứ bốn, tlaõ kinh đức Chúa blời, gọi la răn thứ nhít, tlaõ mlời hứa, [d] thì dêạy ta thaó kính cha mẹ cho nên, [e] mà hễ là kẻ bề tlên, cữ gọi là cha mẹ: [f] lại ſự thảo kính thì hàng có bốn phần, [g] là yêu mến, kính dái, chịu lụy, giúp cho mọi ſự. [h] yêu mến, là chớ ghét, chớ muấn ſự dữ cho người, [i] lại ước mọi ſự lành cho, mà cầu đbệy cữ đức Chúa blời. [k] Kính dái là ở khiem nhường cữ, mà chớ mất lòng người, dẫu mình làm, dẫu miệng nói. [l] Chịu lụy là đbưng phép người, mọi viec khiến ta, mà phải mlẽ, [m] huống lọ khi khiến ta ſự, về ích cho ta lành đời đời: [n] mà giúp

*ſidium*

*ſidium, in omnibus quibus indigent impendendum eſt, [o] præcipuè ſi ſenio aut ægritudine laborant. [p] ſi verò ſpirituali etiam ſubſidio egent, [q] (quod Deum nondum agnoſcant, vel ab æternæ ſalutis tramite deuient) [r] id tantò ſtudioſius impendendum, quantò animæ ſalus, quam corporis, maioris eſt momenti.*

*[ſ] Ad hoc etiam præceptum pertinet honor, reuerentia, & obedientia quæ debetur Regibus, [t] Principibus, moderatoribus, magiſtris, & maioribus omnibus, pro ſuo cuique gradu. [u] Quibus perſonis non parere in ijs quæ præcipiunt iuxtà rectam rationem [x] vel eas offendere, peccatum eſt, contra Diuinam legem: [y] grauiſſimum verò crimen contra eamdem eſt, à proprio Domino rebellare. [z] Ratio autem cur Superioribus tenemur obedire, [a] non ſolum eſt vt eorum beneficijs, & curæ quam de nobis gerunt, nos gratos exhibeamus:*



cho mọi ſự người có đã thể naò, thì phải giúp, [o] nhít là khi đã già cả, hay là phải đau náng. [p] ví bàng người còn thiếu ſự về linh hồn cho lành, [q] (như thể khi chà mẹ chưa biét đức Chúa blời, hay là có lạc đàng về, cho được lành đời đời) [r] khi ấy càng phải giúp hết ſức, càng việc về linh hồn, cho lành, thì traố hơn việc về xác.

[ſ] Giái nấy cữ khién ſự thaó kính, và chịu lụy ꞗua Chúa, [t] quan cuyèn, thày, cữ các người bề tlên, bàng chức ai nấy đòi. [u] Mà chẳng ꞗưng phép bấy nhêu chức ấy, khi khién việc gì phải mlẽ, [x] hay là lấy nghĩa đấy, thì có tội, phạm đạo đức Chúa blời: [y] ſaố le blở lào làm ngụy cữ ꞗua Chúa mình, thạt là có tội kức traố, lấy đạo thánh lám. [z] Mà mlẽ khién ta ꞗưng phép kẻ bề tlên, [a] cháng những vì phải blả ơn người,

*[b] ſed etiam vt in eorum persona obſequamur Deo, [c] à quo, tanquam ab omnis dominatus fonte, poteſtas omnis deriuatur. [d] Quare obedire debemus ex animo, propter Deum, [e] à quo huius obedientiæ premium expectamus, [f] & inobedientiæ ſupplicium timemus.*

*[g] Sciendum autem eſt parentibus & alijs ſuperioribus obediendum quidem eſſe in omnibus alijs: [h] ſed non in illis quæ Diuinis præceptis aduerſantur: [i] obediendum enim magis eſt Deo, quam hominibus. [k] Primo quia Diuina Maieſtas longiſſimè maior eſt, & venerabilior. [l] Secundo quia Dei vindicta timenda eſt magis quam hominum, [m] qui nos tantum punire poſſunt, vel ſpoliatione bonorum, vel priuatione vitæ: [n] Deus autem præter iſta, æternis etiam poteſt*



khi có lo coi ſóc cho ta lành: [b] mà lại cho ta, khi nghe mlời người, thì ꞗưng phép đức Chúa blời, [c] là côi rễ mọi quản trị, mọi phép bề tlên bởi đấy mà ra. [d] Vì ꞗệy thì phải ꞗưng phép ấy hết lào, vì đức Chúa blời; [e] mà bởi đấy ta tlaú chịu phúc ſự chịu lụy, [f] lại dái, khi chẳng có ꞗưng phép ꞗề tlên, đức Chúa blời có bắt tội.

[g] ấy ꞗệy mà ta phải hay, ta nên ꞗưng mlời cha mẹ, và phép các kẻ bề tlên, ſự phải mlẽ; [h] ſaố le ſự gì lỗy đạo đức Chúa blời thật lả chẳng phải mlẽ: [i] vì chưng tlước thì ta phải ꞗưng lệnh đức Chúa blời ſau thì ꞗưng phép người ta: [k] nhít là vì đức Chúa blời rứt bề tlên, và rứt trọố: [l] hai là vì ta phải dái phạt bởi đức Chúa blời, hơn phạt bởi người ta: [m] vì chưng người ta phạt được cất của, và phạt chết; [n] ſaố le đức Chúa blời, và phạt được

man-

*mancipare ſupplicÿs. ° Tertio quia licet parentibus & Dominis plurimum debeamus, ᵖ longè tamen plus debemus ſummo omnium parenti, ac Dominorum Domino, ᑫ ſine quo iſti nihil nobis conferre poſſunt ʳ Dei vero beneficia ſunt, & numero infinita, & magnitudine immenſa: ſ præcipuè cum Diuina illa Maieſtas, ᵗ pro nobis (quod nullus hominum fecit) tot probra, tot cruciatus tulerit, ᵘ & inæſtimabilis pretÿ pro nobis ſanguinem vitamque profuderit. ˣ Præterea notandum eſt, ſicut hoc præcepto filÿ, & ſubditi iubentur obedire parentibus, & Dominis; ʸ ita iſtis viciſſim præcipi, vt filÿs & ſubditis pro ſuo quique gradu conſulant, ᶻ eorumque curam gerant, vitia reſecent: vt Domini*

bấy nhêu ſự ấy, mà lại phạt đươc bắt chịu hình đời đời chết vô cũ. ° Ba là vì dầu ta chịu ơn nhều bởi cha mẹ, cũ bởi kẻ bề tlên: ᵖ ſaó le ơn ta đã chịu bởi đức Chúa blời là Cha cả, cũ Chúa cả, tlên hết mọi chúa, thì khác xa, ᑫ vì chưng, hễ là ơn nào ta chịu bởi kẻ khác, thật là bởi đức Chúa blời ra hết, mà đức Chúa blời chẳng cho, thì ai nấy cho đí gì chẳng đươc. ʳ Mà lại ơn đức Chúa blời cho ta nhều kể chẳng xiết, cũ rứt mlớn vô cũ; ſ nhít là khi đức Chúa blời rứt cả rứt trạố, ᵗ vì chúng tôi (chẳng có người nào làm ſự ấy) có chịu xỉ vả, chịu nạn chừng ấy, ᵘ cho nên đổ hết máu thánh mình ra, có giá vô cũ, mà chịu chết vì chúng tôi. ˣ Lại phải hay, như giái nẫy khiến con cái, và kẻ bề dưới, chưng mlời cha mẹ, và kẻ bề tlên: ʸ lại cũ khiến cha mẹ, và kẻ bề tlên, lo mà giữ con cái, và kẻ bề dưới, ai nấy bàng chức mình, ᶻ coi ſóc mà cấm ſự lỗy:

*commu-*

*communem omnium pacem, & iura tueantur;*
*[a] vt parentes filios bonis* a
*moribus, & præcipuè ijs,*
*quæ ad æternam pertinent*
*ſalutem, inſtituant. [b] De-* b
*nique hoc præcepto inclu-*
*duntur omnes proximi,*
*[c] vt nimirum omnibus be-* c
*nefaciamus, & ſubueniamus,*
*[d] in eorum neceſſitati-* d
*bus, ſiue ſpiritualibus, ſi-*
*ue corporalibus, ſicuti no-*
*bis ſubueniri volumus, [e]* e
*& in extremi iudicij die,*
*ſpeciatim de ijs exigetur à*
*nobis ratio; [f] quia quod* f
*proximis benefaciamus,*
*tanquam ſibi factum Do-*
*minus Ieſus remuneratu-*
*rus eſt; [g] & quod illis in* g
*eorum neceſſitatibus nega-*
*mus, [h] tanquam ſibi nega-* h
*tum Dominus vlturus eſt:*
*[i] Quinto præcepto, Non* i
*occides, prohibetur homi-*
*cidium: non autem occiſio*
*aliorum animalium. [k]* k
*Quia Dominus Deus reli-*
*qua viuentia, & alias res*



kẻ làm quan thì lo cho
đện hŏà thŏận, mà ớ cho
a ngay cũ nhau: [a] cha mẹ
thì coi ſóc cho con cái
haọc ſự lành, nhít là ſự
vẽ cho đựơc lành đời
b đời. [b] ſau nữa giái nấy
gọp lại các người ta,
c [c] khíen ta làm lành cũ
d hết, và giúp hết, [d] khi
có thiếu gì, hay là vẽ
linh hồn, hay là vẽ xác
người, như thể ta mu-
ấn cho người giúp ta,
e [e] mà đến ngẫy đức Chúa
Ieſu phán xét chung, sẽ
hói ta rieng ſự ẽy mlẽ
f naò: [f] vì chưng ta làm
ſự gì lành cho anh em
tlaố đạo, đức Chúa Ieſu
sẽ blả coũ ẽy cho, như
thể làm cho đức Chúa
g Ieſu: [g] mà ſự gì ta chẳng
khứng giúp, khi anh em
h ẽy phải thiếu, [h] đức Chúa
Ieſu thì phạt, như chối
làm cho đức Chúa Ieſu.
i [i] Giái thứ nam, chớ giết,
thì cấm giết người, mà
chẳng có cấm giết mu-
k ấng chim, [k] vì chưng
đức Chúa blời hŏá ra lŏài khác ſóũ, cũ ſự khác

*corporales creauit: propter hominem, [l] eique dedit facultatem animantia in ſuum vſum conuertendi, [m] ideò iſta occidere non eſt peccatum [n] (niſi fortè habeant dominum: tunc enim eo inuito, [o] illa occidere eſſet contra ſeptimum præceptum, de quo mox dicemus) [p] contra verò quia Dominus Deus non fecit hominem propter hominem, [q] ſed propter ſeipſum, & ad ſuam imaginem, ac ſimilitudinem: [r] ideò homicidium peccatum eſt grauiſſimum contra ipſum Deum: [ſ] ſicut ſi quis Principis famulum interimeret, Principem ipſum grauiter offendere cenſeretur; [t] hoc eodem præcepto prohibetur etiam mutilatio, [u] verberatio, & quæuis læſio corporis proximi. [x] Sicut enim hominem, quod Dei famulus ſit, occidere non licet, [y] ita eamdem ob cau-*



có xác vì người ta, [l] mà cho người ta dữ lŏai muáng chim khi có việc: [m] vì ꞗệy giết lŏài ểy chẳng có tội gì, ([n] ví bằng giốũ ểy có chúa, mà chúa nó chẳng cho giết, [o] khi ểy giết nó, thì lỗy giái thứ bảy, ít nữa sẽ giảng giái ểy) [p] mà lại đức Chúa blời chẳng phải ſinh người vì người, [q] thật ſinh người vì đức Chúa blời, mà cho người làm hình tượng thiêng đức Chúa blời, [r] vì ꞗệy giết người là tội kực trọ́, lỗy nghĩa cữ đức Chúa blời: [ſ] như thể ví bằng có ai giết đầy tớ quan, thì lỗy nghĩa quan ểy lắm. [t] Lại giái nầy răn chớ có chặt tay người, [u] chớ có đánh đòn người, cữ chớ làm hại thể nào mình xác người: [x] vì chưng bởi người làm tôi đức Chúa blời, thì chẳng khá giết người, [y] cữ vì sự ểy có cấm, chớ làm hại mình người

*ſam, quodcunque illi malum inferre probibemur. [z] hæc tamen non obſtant, quin Principes, moderatores, & iudices, [a] in delinquentes animaduertere, iuſtòque eos afficere poſſint ſupplicio: [b] Quia enim omnis poteſtas à Deo eſt; [c] ab eodem poteſtatem iuſtam habentibus, data cenſetur facultas malos iuſtè puniendi vſque ad internecionem eorum; [d] tum ne eorum longiùs progrediatur iniquitas, [e] tum vt illorum ſupplicio, alij à criminibus patrandis abſterreantur.*

*[f] Sextum præceptum probibet omnem actum venereum extra legitimum coniugium. [g] Cùm enim huiuſmodi actus inſtituti ſint propter prolem, eamque legitimè educandam; [h] licitus non eſt niſi actus, is vnde legitima proles poſſit ſequi, [i] & multò minus licebit actus, vnde proles ſequi nullo modo queat. [k] legitimum verò coniugium eſt vnius cum vna,*

thể nào: [z] Saō le giứi nầy chẳng có cấm qua Chúa, quan cuyền, [a] cő phép ſửa kẻ có lỗy, mà phạt bàng tội nó. [b] Vì chưng khi mọi phép thật bởi đức Chúa blời mà ra, [c] ai có phép ngay ếy bởi đức Chúa blời, cữ có phép mà ſửa ngay kẻ có lỗy, cho đến giết nó, [d] và cho keỏ tội nó càng lâu càng nhều, [e] và khi phạt nó, kẻ khác thì dãi phạm tội, mà khốn bệy.

[f] Giái thứ ſáu thì cấm mọi việc tà dâm, khi chẳng phải việc ngay, tlaố một bợ một chaồ: [g] vì chưng khi đức Chúa blời định việc ếy, cho người ta được con cái, mà nuei nấng cho nên, [h] việc ếy thì khá, khi có dữ cho được con cái chính, mà thôi: [i] việc naò tà dâm làm ra con cái naò chẳng được, thì càng lỗy: [k] mà ſự giao cám cho ngay, thì phải có một bợ một chaồ,

[l] *ita vt viuente coniuge, nullus poſſit aliam ducere:* [m] *quare tàm poligamia, quàm repudium, lege Diuina ſunt prohibita;* [n] *ab initio enim non fuit ſic, vt Diuino ſuo nos docuit ore Dominus Ieſus.* [o] *nam ab initio vnicam vxorem Dominus Euam dedit Adamo,* [p] *& is cum illa permanſit vſque ad mortem, nongentis ſcilicet & triginta annis.*

[q] *Septimo præcepto prohibetur quæuis rerum alienarum vſurpatio inuito Domino;* [r] *vt ſunt furtum quod fit Domino inſcio; rapina, quæ fit per vim,* [ſ] *fraus quæ fit in mercimonijs & contractibus:* [t] *denique quæcumque illatio damni,* [u] *vt ſi quis alienum bouem, equumue occidat;* [x] *vel domum alienam incendat, & ſimilia, ſunt contra hoc præceptum.*

[y] *Illud etiam ſciendum non ſolum peccari, cum*



[l] cho nên khi bạn còn ſóũ, ai là ai chẳng nên lấy bạn khác: [m] vì ɓệy đạo thánh đức Chúa blờ̆i cấm, dầu lấy nhều ɓợ, dầu rảy bợ mình, [n] vì chưng đầu hết chẳng có thói ấy, như miệng thánh đức Chúa Ieſu đã dạy chúng tôi: [o] vì chưng đức Chúa blờ̆i đầu hết tlao cho oũ Adam, có một bà Eua, làm bạn, [p] mà oũ Adam ở cữ bà ấy, cho đến chết, là chín tlam ba mươi năm.

[q] Giái thứ bảy thì cấm lấy của gì người, khi chúa nó chẳng cho lấy, [r] như thể lấy tlộm của người, khi người chẳng hay: hay là lấy tlước mạt, khi ép người: [ſ] hay là khi buán bán, cũ khi giao đi gì mà gian; [t] ſau nữa, hễ là làm hại của người thể nào, [u] như thể giết bò, hay là ngựa người, [x] hay là đốt nhà người, cũ làm hại ſự khác, thì lỗy giái nấy ɓệy. [y] Cũ phải háy có phạm giái nấy, chẳng lọ khi

*res aliena, aliquo ex dictis modis aufertur,* [z] *ſed etiam quamdiù iniuſtè retinetur inuito Domino, vel eo inſcio* [a] *(quod detentio illa ſit eiuſdem furti continuatio)* [b] *ita vt eiuſmodi peccata, quandiù illatum damnum non pro viribus reſarcitur, minimè deleantur.*

[c] *Octauo præcepto; Non loqueris contra proximum tuum falſum teſtimonium:* [d] *alienæ famæ, & bonæ exiſtimationis detractio prohibetur.* [e] *Alienæ autem famæ detrahi triplici ferè modo contingit.* [f] *Primò cum in iudicio contra proximum falſum profertur teſtimonium quod eſt peccatum grauiſſimum,* [g] *quippe quod iuſtitiæ, charitati, & Reipublicæ bono aduerſatur.* [h] *Secundò cum falſum crimen extra iuditium imponitur;* [i] *quod etiam graue peccatum eſt, pro criminis, quod imponitur grauitate, & perſonæ cui im-*



lẽy của người thẽ ẽy, [z] mà lại khi gian, để của gì ở nơi mình, mà người chẳng khứng, hay là chẳng hay, ([a] vì chưng cầm lại của người làm vậy, cũ như lẽy liền của người,) [b] cho nên khi được, mà chưa có ſửa lại ſự làm hại của người, cũ chẳng có khỏi tội ẽy.

[c] Giái thứ tám chớ nói chứng dối báng người: [d] thì cấm nói hành người, khi làm hại tiếng người. [e] Saõ le ſự nói hành người, buẩn thì có ba gióũ. [f] thứ nhít khi tlước mặt quan cớ nói chứng dối báng người, mà có tội kực tráõ, [g] vì chưng có báng ſự ngay, và lõy nghĩa cũ người, lại lõy phép chung người ta. [h] Thứ hai khi bỏ vạ cho người, dẫu chẳng phải tlước mặt quan, [i] mà tội ẽy cũ trạõ hèn bằng vạ bỏ là ſự trạõ, hèn, hay là người chịu

ponitur qualitate. [k] Tertiò cum crimen occultum detegitur; nemo enim eſt qui ſua velit probra diuulgari. [l] Præterea huius præcepti virtute prohibetur, ne qua contumelia verbo, aut alio modo proximis inferatur. [m] Denique ſciendum eſt, eum qui alienæ famæ detraxit, [n] reſarcire teneri, ſicut qui alienas abſtulit facultates, [o] ſolent enim homines, præcipuè nobiles, iniquiùs ferre famæ iacturam, quam opum. [p] Quod ſi quis in iudicio contra proximum falſum dixit teſtimonium, vnde illi ſecutum ſit damnum, [q] præter famæ reſtitutionem, debet damnum etiam illud reſarcire.

[r] De vltimis duobus præceptis (Non concupiſces vxorem proximi tui, Non deſiderabis rem alienam) aliquid dicturi, [ſ] illud prius aduertimus; Quoties Diuina lege opus aliquod prohibetur, [t] prohiberi etiã eiuſdem operis voluntatẽ: [u] vt



bỏ vạ ẽy là người traõ hèn ꞗệy. [k] thứ ba khi tỏ ra tội còn kín, vì chẳng có ai khứng ſự mình lẽy còn kín, tỏ ra. [l] Lại giái nầy cấm chưởi rủa người, hay là lẽy phép kính người, dẫu miệng nói, dẫu mình làm. [m] Sau nữa thì phải hay, ai đã làm hai tiếng người, [n] thì phải ſửa lại cho lành, như bàng khi ai đã lẽy của người, [o] vì chưng thói người ta, nhít là kẻ traõ, thì lọ mất tiếng hơn mất của. [p] Ví bàng có ai bỏ vạ cho người, tlước mạt quan, cho nên người phải thiệt của, [q] chẳng lọ là phải ſửa tiếng, mà lại phải đền của thiệt ꞗối.

[r] Cho ta giảng hai giái ſau (chớ muấn ꞗợ người, chớ tham của người) [ſ] tlược thì ta bảo: hễ là khi đạo thánh đức Chúa blời có cấm việc gì, [t] thì cữ cấm lào muấn việc ẽy; [u] như thể

quia peierare non licet, nec animo ſtatuere ſe peieraturum licebit. [x] Nam radix peccati eſt in voluntate, [y] ita vt ſi libera voluntas operi alioqui Dei lege probibito, nullo modo conſentiat, peccatum non admittatur; [z] vt patet in amente, qui quia libera voluntate non vtitur, [a] etiamſi quid contra Dei præcepta faciat, minimè peccat. [b] Contra verò qui iudicio pollens alium, exempli gratia, occidere ſtatuit; [c] etiamſi actu non occidat, iam violauit præceptum Dei, [d] qui intimas etiam cordis cogitationes videt, & peccandi etiam voluntatem probibet.

[e] His poſitis, licet voluntas contra quodcunque præceptum faciendi ſit peccatum; [f] præcipuè tamen cupiditas alienæ, tum coniugis, tum rei, [g] ſpeciali præcepto probibetur; [h] quia ad hæc duo, vitiata hominis natura propendet magis, quam ad alia peccata.



vì chẳng nên thề dối, cũ chẳng nên dĕọuc lòng thề dối. [x] Vì chưng cội rễ mọi tội ở tlaõ lòng, [y] cho nên khi ai làm việc gì, dầu cấm thaõ mlời đức Chúa blời răn, mà khi làm việc ấy chẳng có chúa í, cũ chẳng có tội: [z] ſự nấy khi ai dại thì tỏ, vì chưng khi nó làm ſự gì, [a] dầu phạm đạo đức Chúa blời, cũ chẳng có tội, vì nó chẳng có chúa í mình; [b] mà lại khi ai có Chúa í, ví bằng có dĕọuc lòng giết người, [c] dầu mà chẳng có phải giết, đã có tội, lỗy đạo đức Chúa blời, [d] coi thấy lòng đọũ thể nào, mà cấm hết bloũ lòng phạm tội:

[e] Sự thật làm bệy, dầu lòng muấn làm ſự gì lỗy mlời naò răn, thì có tội: [f] Saõ le nhít là muấn bọ, hay la của người, [g] thì có giái riêng mà cấm: [h] vì chưng lŏài người ta, đã quen ſự lỗy, thì lễn mê hai tội

[i] *Nul-*

[i] *Nullus enim, aut rarus eſt, qui amore homicidij quemquam occidat, aut amore periurij perieret.* [k] *Contra verò quia homines ab ipſa alienæ rei, vel coniugis cupiditate,* [l] *ad furtum, vel adulterium incitantur,* [m] *ideò ſpeciali præcepto vtraque iſta cupiditas fuit prohibenda.* [n] *Quãuis autẽ nono præcepto cupiditas quæcunque venerea prohibita cenſeatur;* [o] *appoſita præcipuè eſt cupiditas alienæ coniugis,* [p] *quod per adulterium, præter libidinis peccatum, alteri coniugi grauis inferatur iniuria.* [q] *Decimo præcepto prohibetur concupiſcentia alienarum facultatum,* [r] *quas duplici modo concupiſcere contingit.* [ſ] *Primò cùm quis eas cupit auferre.* [t] *Secundò cum quis ſimplici tantum voluntate illas, vel ſimiles cupit habere.* [u] *Prior cupiditas eſt quæ propriè hoc præcepto prohibetur;* [x] *ſed poſteriorem etiam fugere debemus;*



[i] ấy hơn tội khác. [l] Vì chưng có ai giết người, bởi yêu ſự giết là hĕa. thề dối, vì yêu ſự thề dối cữ là hĕạ. [k] Saố le vì bởn người ta bởi muấn của người, hay là ꞗợ người, [l] thì lên mê ăn tlộm, hay là tà dâm, [m] vì ꞗệy thì phải cấm lào muấn hai ſự lỗy ấy, mà có giái riêng ꞗệy. [n] Lại dấu giái thứ chín thì cấm các lào ước ſự tà dâm, [o] ſaố le nhít có cấm ſự muấn ꞗợ người, [p] vì chưng ai phạm lấy ꞗợ người, chẳng lọ là có ſự tà dâm, mà lại có lỗy nghĩa cữ bạn khác ꞗối.

[q] Giái thứ mười thì cấm ſự tham của người, [r] mà ſự tham nẫy có hai gióu. [ſ] Một là khi ai muấn cất lấy của người. [t] Hai là khi ai những muấn khoú, hay là của ấy, hay là của khác, bằng của ấy. [u] Giái nẫy nhít thì cấm gióu thạm tlược ấy: [x] ſaố le ta cữ phải

[y] quod ex nimia facultates poſſidendi cupiditate, mala plurima oriantur.

[z] Hæc ſunt decem præcepta Diuinæ legis, [a] ſiue decem gradus, quibus ad æternam cælorum beatitudinem infallibiliter aſcenditur: [b] quod ſi quis vel vnum ex his gradibus fregerit, [c] in æternam procul dubio perniciem corruet, niſi maturè reſipiſcat. [d] hæc autem decem præcepta omnia duobus comprehenduntur: [e] Primum eſt, Diliges Dominum Deum tuum ex toto corde ſuo, & ex tota anima tua, & ex omnibus viribus tuis. [f] Secundum, Diliges proximum tuum ſicut teipſum: [g] in his duobus mandatis tota lex Diuina comprehenditur; [h] qui hanc cuſtodierit, viuet in æternum; [i] qui neglexerit æterna morte plectetur.

[k] Qui totum huc vſque catechiſmum audiuit, [l] & aliquid habet dubij, po-



[y] tlánh ſự tham ſàu nữa, [z] vì chưng bởi người ta hãm cho được của nhều, thì ra nhều ſự lỗy.

[z] Nấy là mười ſự rắn đạo đức Chúa blời; [a] hay là mười bực thang mà lên thật tlên thien đàng, cho được ꞗui ꞗẻ đời đời; [b] ví bằng ai phạm dầu một bực tlaố mười ếy, [c] mà chẳng chữa cho kịp, thật thì phải ſa xuấng khốn nạn vô cữ. [d] Mà mười giái nấy hết tóm về hai ếy mà chớ: [e] nhít là kính mến đức Chúa blời, là Chúa chúng tội, hết lào, hết linh bồn, hết ſực. [f] Hai là yêu người, như ta ꞗệy: [g] hai giái nầy thì bao lại blọn đạo thánh đức Chúa blời: [h] ai giữ đếy, thì được hàng ſóũ ꞗệy: [i] ai tlễ nải mà chẹ đếy thì phải phạt chết vô cứ.

[k] Ai nếy đã nghe blót mlời giảng từ đầu hết cho đến bây giờ, [l] mà

*teſt illud proponere, [m] vel* m
*publicè, vel priuatim, pro-*
*ut magis ipſi placuerit:*
*[n] ſi tamen dubium fuerit* n
*circa vxorem, vel vxores,*
*[o] ſatiùs eſt vt priuatim* o
*audiatur, & ſtatuatur*
*cum ipſo quid agendum,*
*[p] differaturque baptiſmus,* p
*donec quod ſtatutum eſt de*
*facto compleuerit: [q] expe-* q
*rientia enim docuit promiſ-*
*ſionibus iſtis, [r] niſi ante* r
*Baptiſmũ executioni man-*
*dentur, [ſ] poſt Baptiſmum* ſ
*magnam ineſſe difficulta-*
*tem, vt vincula iſta dia-*
*boli diſrumpantur.*
*[t] Poſtquam ſua vniuſquiſ-* t
*que dubia propoſuerit, [u]* u
*ad Baptiſmum ſuſcipien-*
*dum per ſequentes actus di-* [illegible]
*ſponendi ſunt, [x] qui quo-* x
*niam debent eſſe superna-*
*turales, [y] à Diuina boni-* y
*tate petendi ſunt flexis ge-*
*nibus per Orationem Do-*
*minicam; [z] & per ſaluta-* z
*tionem Angelicam, inter-*
*ceſſio Beatiſſimæ Virginis*



còn có đều gì hồ nghi, thì
m nện hỏi, [m] hay là chung,
tlước mạt người ta, hay
n là riếng, mạc người: [n] vì
bàng có hồ nghi ſự một
o ꞗợ, hay là dều ꞗợ, [o] hỏi
riếng thì hơn, mà tŏan
p cữ, làm thế naò, [p] ſự
phép rửa tội thì phải
dượm đã, cho người
q làm rồi ſự đã tŏan: [q] vì
chưng đã quen thấy,
r mlời hứa làm ꞗệy, [r] nếu
chẳng lạm khi ai chửa có
ſ chịụ phét rửa tội, [ſ] đến
khi đã rửa tội rồi, mớ
đòi tói ếy, bởi ma quỉ
đã đáổ lại, thì khó lắm.
t [t] đến khi ai nếy đã hỏi
đều mình hồ nghi rồi,
u [u] thì phải dĕọn mình
chịụ phép rửa tội, mà
làm việc nhin đức về
x ſau: [x] ſaố le vì bấy nhêu
[illegible] việc ếy khỏi ſức mình,
y [y] thì phải cầu cữ đức
[illegible] Chúa blời nhin lành, mà
qùi gối nguyèn một kinh
z Chúa. [z] Lại nguyèn một
kinh, Aue, xin cữ rứt
thánh đòú thần Maria
là đức Mẹ đức Chúa blời, cầu cho chúng tôi

*Mariæ*

*Mariæ Dei Genitricis eſt*
*petenda, vt ritè exercean-*
*tur; [a] ad hoc vt Catecu-* a
*meni ad Baptiſmi gratiam*
*recipiendam diſponantur.*
*[b] Singuli autem reſpon-* b
*deant ad interrogata, tum*
*ore, tum corde: [c] ſignum-* c
*que dent, præter modeſtam*
*oris reſponſionem, decuſſa-*
*tis ante pectus brachijs, ſe*
*ita habere in corde.*
*[d] Primus eſt actus fidei,* d
*quo credant infallibili Dei*
*veritati, [e] quæ nec falli,* e
*nec fallere poteſt, hæc re-*
*uelanti, & per Eccleſiam*
*proponenti: [f] primò quod* f
*Deus eſt res ſpiritualis, in-*
*finita, æterna, [g] immenſa,* g
*ſapientiſſima, potentiſſi-*
*ma, optima, qua nihil*
*melius cogitari poteſt; [h] vt* h
*pote primum rerum om-*
*nium principium, atque*
*vltimus finis, [i] eſtque* i
*vnus Deus in eſſentia, &*
*trinus in perſonis, [k] Pater,* k
*& Filius, & Spiritus ſan-*



làm việc ấy cho nên lẽ,
a [a] mà ꞗệy kẻ muấn chịu
đạo, dọn mình cho đư-
ợc chịu gratia, là nghĩa
cũ đức Chúa blời tlaố
b phép rửa tội. [b] Khi hỏi
mỗi một người thì thưa,
và ngoài miệng, và tlaố
c lòng: [c] mà lại khi miệng
thưa, cho có phép, cũ
quàng hai cánh tay tlư-
ớc ngực, làm dấu tlaố
lòng có như ꞗệy.
d [d] Thứ nhít là việc tin,
vì phải tin đức Chúa
e blời là nhít thật, [e] chẳng
có ai dối được mình,
cũ chẳng có dối được
ai, truyền bay nhều mlời,
mà tlao cho Ecclesia,
f dạy ta; [f] tlước ſự đức
Chúa blời, là tính thiêng
liêng vô cũ, hằng có ꞗệy,
g [g] mọi nơi mọi có, hay
biết vô cũ, có phép vô
cũ, lòng lành vô cũ, chẳng
có lo đến được ſự gì
h lành hơn; [h] vì chưng là
cội rễ đầu mọi ſự, mà
lại như bia mọi ſự nữa,
[i] mà có một tính đức Chúa blời, ſaố le có ba | i
ngôi, [k] là đức Cha, và đức Con, và đức Spirito Santo: | k

*ctus, [l] ita vt Pater ſit verus Deus, & Filius ſit verus Deus, & Spiritus ſanctus ſit verus Deus. [m] non tamen ſunt tres Dij, ſed omnes tres perſonæ ſunt vnus verus Deus, [n] Omnipotens, Creator cæli & terræ, rerumque omnium Creatarum, tam viſibilium, quam inuiſibilium. [o] Pater autem à nullo procedens eſt verus Deus, & eſt verus Pater, [p] quia ab æterno ipſe ſolus, ſine alterius conſortio, generat filium, [q] cui totam ſuam Diuinam eſſentiam, per veram, & ineffabilem generationem communicat: [r] Filius etiam eſt verus Deus, & verus filius, [ſ] à Patre æterno per veram generationem, ſine matre genitus, [t] conſubſtantialis, coæqualis, & coæternus Patri. [u] Spiritus quoque Sanctus eſt verus Deus, & verus amor æternus, à Pa-*



[l] mà đức Cha thạt là đức Chúa blời, đức Con cữ thạt là đức Chúa blời, đức Spirito Santo cữ là đức Chúa blời bệy; [m] ſaõ le chẳng phải ba đức Chúa blời, thạt cả và ba ngôi, cữ một đức Chúa blời thạt, [n] có phép vô cữ, hoá nên blời đết cữ mọi ſự ſinh ra, dầu ta thấy được, dầu thấy chẳng được. [o] Mà đức Cha chẳng phải bởi ai, thạt là đức Chúa blời, cữ thạt là đức Cha, [p] vì chưng đời tlước vô cữ, một mính, chẳng có bạn naò, mà ſinh đức Con, [q] tlao blót tính đức Chúa blời cho, vì thạt có ſinh đức Con, mà thể naò, mlời nói chẳng đến. [r] đức Con cữ thạt là đức Chúa blời, và thạt đức Con, [ſ] vì bởi đức Cha thạt ſinh đẻ ra, mà chẳng có me, [t] cữ một tính cữ đức Cha, cữ mọi ſự bàng đức Cha, bàng có bệy cữ đức Cha. [u] Lại đức Spirito Santo thạt là đức Chúa blời, cữ thạt là yêu vô cữ, bởi đức Cha,

*tre*

*tre filioque procedens, [x] quo nimirum Pater & Filius ſe inuicem ab æterno ineffabiliter amant, [y] totamque ſuam Diuinam eſſentiam Spiritui ſancto ab æterno communicant: [z] tres igitur ſunt Diuinæ Perſonæ realiter diſtinctæ, [a] ſed hæ tres perſonæ non ſunt tres Dij, ſed vnus verus Deus; [b] quod etſi captum intellectus noſtri ſuperet, id tamen firmiter credere debemus, [c] quia Deus ſic nobis de ſe reuelauit. [d] Creditis ne ex toto corde? Vnuſquiſque debet reſpondere verè, ac dicere. [e] Ego verè ita Credo.*

*[f] Itẽ credere debemus hunc vnum verum Deũ in eſſentia, & trinum in perſonis, [g] eſſe primum pr.ncipium, & vltimum finem noſtrũ, [h] qui ſicuti præmia æterna largitur bonis, [i] ſic æterna ſupplicia decernit malis. Creditis nè?*



và bởi đức Con mà ra, [x] là yêu, vì đức Cha, và đức Con có yêu nhâu, từ đời tlước vô cữ, mlời nói chẳng đến, [y] mà đức Cha, và đức Con thoũ ra blót tính mình, là tính đức Chúa blời, từ đời tlước vô cữ, cho đức Spirito Santo: [z] vì ꞗệy đức Chúa blời là ba ngôi, thật ngôi khác nhau, [a] ſaõ le ba ngôi nầy, chẳng phải ba Chúa blời, thật là một đức Chúa blời mà chớ: [b] Sự nầy dầu khỏi ſức hay biết ta, ſaõ le ta phải tin thật ꞗệy, [c] vì đức Chúa blời đã truyền ſự mình cho ta làm ꞗệy. [d] Bay có tin hết lòõ chang? Ai nấy thì phải thưa thật mà nói đi. [e] Tôi tin thật như ꞗệy.

[f] Lại ta phải tin thật đức Chúa blời có một tính, mà có ba ngôi, [g] là cội rễ đầu, cữ là như bia lòõ chúng tôi, [h] mà như thể có thưởng kẻ lành, cho chịu phúc vo cữ, [i] Lại cữ phạt kẻ dữ, bắt chịu hình vô cữ. Có tin thật chang?

[k] *℟. Credo verè ita eſſe.*
[l] *Prætereà credere debemus vnicum & verum Dei Filium,* [m] *Dominum Noſtrum Ieſum Chriſtum,* [n] *propter noſtram ſalutem æternam, humanam aſſumpſiſſe naturam,* [o] *& factum fuiſſe verum hominem, per virtutem Spiritus ſancti,* [p] *& verè conceptum, & natum ex Beatiſſima Virgine Maria;* [q] *quæ Virgo fuit ante partum, Virgo in partu, & Virgo poſt partum:* [r] *ita ut Dominus Ieſus ſit verus Deus, ex Deo Patre natus ante ſæcula ſine matre:* [ſ] *& verus homo, in tempore natus ex Maria Virgine, ſine patre.* [t] *Creditis ne ſic verè eſſe?*
[u] *℟. Ego ſic firmiter credo.*
[x] *Deinde credere debemus eundem Dominum Noſtrũ Ieſum Chriſtum,* [y] *verum Deum, & verum hominẽ, qui peccatum non fecit,*



[k] Thưa ràng. Tôi tin thật như ꞗệy.
[l] Ta lại phải tin một Con thật đức Chúa blời, [m] là đức Chúa Ieſu Chriſto Chúa chúng tôi [n] cho chúng tôi được lành chẳng cử; lấy xác, lấy linh hồn người, [o] mà làm người thật, bởi phép Spirito Santo, [p] có thật xuống thai, mà ſinh bởi rứt thánh Maria đòu thân, [q] người khi chưa có đẻ thì đòu thân, khi đang đẻ cữ đòu thân, mà khi đẻ đoạn cữ còn đòu thân. [r] Cho nên đức Chúa Ieſu thật là đức Chúa blời ſinh bởi đức Chúa blời là đức Cha đời tlước vô cữ; mà vô mẫu: [ſ] lại là người thật, có ſinh ở thế bởi Maria đòu thân, mà vô phụ. [t] Có tin thật làm ꞗệy chăng?
[u] Thưa ràng. Tôi tin thật như ꞗệy.

[x] Sau ta phải tin, cũ một đức Chúa Ieſu, là Chúa chúng tôi, [y] thật là đức Chúa blời, cũ là người thật, mà chẳng có tội gì được ſốt,

[z] *pro-*

[z] *propter peccata noſtra fuiſſe Crucifixum, & mortuum in Cruce,* [a] *vt nos à peccatis, & à morte æterna liberaret;* [b] *quamuis enim in forma Dei eſſet impaſſibilis, & immortalis;* [c] *in forma hominis verè paſſus; & mortuus eſt pro nobis.* [d] *Creditis ne verè ita eſſe?*

[e] R. *Credo firmiter ita eſſe.*

[f] *Inſuper credere debemus, eundem Dominum Noſtrũ Ieſum Chriſtum,* [g] *ſicuti propria voluntate animam ſuam poſuerat, & verè mortuus erat:* [h] *ſic tertia die propria virtute reſurrexiſſe à mortuis,* [i] *& poſt varias apparitiones diſcipulis factas,* [k] *quadrageſimo die à reſurrectione admirabiliter in cælum aſcendiſſe, in oculis diſcipulorum ſuorum,* [l] *& iam regnare viuum in cælis, ac omnem habere poteſtatem in cælo & in terra:* [m] *& in fine*

[z] vì tội chúng tôi, đã chịu đáố đanh, mà chết tlên cây Crux, [a] ꞗệy kóu chúng tôi, cho được khói tội, khói chết vô cữ: [b] vì chưng dẫu đức Chúa Ieſu, ta lüân có tính đức Chúa blời, chẳng chịu đí gì khôn được, cữ chẳng có chết được; [c] mà ta lüân tính người, thạt là đã chịu nạn, và chịu chết vì chúng tôi. [d] Có tin thạt làm ꞗệy chăng?

[e] Thưa ràng: tôi tin thạt như ꞗệy.

[f] Sau nữa ta phải tin, cữ một đức Chúa Ieſu; là Chúa chúng tôi, [g] như mạc ſ mình, đã cho linh hồn mình ra khói xác, mà thạt mình đã chịu chết, [h] cữ đến ngáy thứ ba, dữ ſức mình, đã lại ſóũ lại, bởi tlaố kẻ chết, [i] mà hiện ra nhều lần cữ đấi tớ đŏạn, [k] từ ſóũ lại đến bốn mươi ngày, tlước mạt đấi tớ, ſự lạ, thì lên blời, [l] chịu chức làm ꞗua Chúa tlên blời tay mình có mọi phép, dẫu tlên blời, dẫu dưới đết: [m] đến

*mun-*

*mundi venturum eſſe cum gloria iudicare viuos, & mortuos: [p] tunc enim daturus eſt præmia æterna bonis, [o] corpus, & animam illorum in æternam beando; [p] & malis ſimiliter irrogaturus eſt ſupplicia æterna, [q] corpora ſimul, & animas eorum æternis inferni ignibus addicendo.*
*[r] Creditis ne verè ita eſſe?*
*[s] ℟. Credo firmiter ita eſſe.*
*[t] Deniquè credendum quicquid credit Sancta Catholica & Apoſtolica Eccleſia, [u] quæ eſt congregatio fidelium omnium Chriſtianorum; [x] ſub vno Summo Pontifice Romano, Ieſu Chriſti Domini Noſtri ſupremi paſtoris Vicario, & Beati Petri ſucceſſore, toto orbe diffuſa. [y] Creditis ne verè ita eſſe?*
*[z] ℟. Credo verè ita eſſe.*
*[a] Secundus eſt actus timoris Dei, & Domini Noſtri Ieſu Chriſti; [b] quem timere*



khi hết thế lại xuống ſáng láng, phán xét kẻ ſốũ, và kẻ chết: [n] vì chưng khi ẽy có thưởng kẻ lành chịu phúc vô cữ, [o] cho và xác, và linh hồn kẻ lành ꞗui ꞗẻ đời đời; [p] mà lại phạt kẻ dữ chịu hình vô cữ, [q] bắt và xác, và linh hồn nó ở tlaõ lửa địa ngục đời đời ꞗệy.
[r] Có tin thật làm ꞗệy chăng?
[s] Thưa rằng: tôi tin thật như ꞗệy.
[t] Sau hết thì phải tin mọi mlời truyền ra bởi thánh Eccleſia Catholica Apoſtolica, [u] là các bổn đạo đức Chúa blời, ở kháp thien hạ, [x] hộp làm một dưới ouũ thánh Papa ở nước Roma, làm thầy cả tlên, thay vì đức Chúa Ieſu, theo đòi ouũ thánh Pedro như ꞗệy. [y] Có tin thật làm ꞗệy chăng?
[z] Thưa rằng: tôi tin thật như ꞗệy.

[a] Việc thứ hai, là kính dái đức Chúa blời, cũ đức Chúa Ieſu là Chúa chúng tôi, [b] mà ta phải dái đẽy

*debe-*

*debemus ſuper omnia, [c] qui non ſolum habet poteſtatem vitæ & mortis huius ſæculi, [d] ſed etiam poſtquam occiderit, poteſt animam, & corpus perdere in gehennam, [e] æternis inferni ignibus rebelles, & inobedientes addicendo, [f] & combuſtioni, ac cruciatibus æternis. [g] Timetis ne ſic Dominum Ieſum ſuper omnia.*

[h] ℞. *Timeo ſic ſuper omnia.*

[i] *Tertius eſt actus ſpei, quo per merita Domini & Saluatoris Noſtri Ieſu Chriſti, [k] ſperamus à Diuina miſericordia, nobis promittente, remiſſionem peccatorum omnium, [l] ſi ea media; quæ ipſe nobis ex gratia ſua miſericorditer largitur, adhibuerimus, [m] nempe veram pœnitentiam, & receptionem, ſacramentorum, [n] quæ Dominus Ieſus præcipit, & ſunt in poteſtate noſtra, maturè recipere. [o] Sperati is ne hoc modo à Deo re-*



hơn mọi ſự, [c] vì chưng chẳng lọ là ſóũ chết đời nầy ở tay người: [d] mà lại khi đã giết rồi, thì bắt được ở tlaõ tù rạc địa ngục và xác, và linh hồn, [e] ꞗệy khiến kẻ nghịch ở tlaõ lửa am phủ; [f] mà chịu đốt, và hình khác nữa đời đời ꞗệy; [g] Có kính dái làm ꞗệy đức Chúa Ieſu tlên hết mọi ſự chăng?

[h] Thưa rằng: tôi kính dái đức Chúa Iesu làm ꞗệy, tlên hết mọi ſự.

[i] Việc thứ ba là tloũ cậy: vì có coũ đức Chúa Ieſu; là Chúa cứu chúng tôi, [k] thì phải cậy đức Chúa blời nhin lành, có khiến tha mọi tội vạ chúng tôi, [l] nếu chúng tôi có dữ việc đức Chúa blời thường, và giúp ſức cho chúng tôi dữ; [m] là việc chính ăn năn tội, mà chịu phép Sacramento, [n] là phép đức Chúa Ieſu phán chịu, và ở ta chịu được, mà chịu cho lớp. [o] Có

*miſſionem peccatorum?*

[p] ℟. *Spero hoc modo.*

[q] *Præterea ſperare debemus à Diuina miſericordia vitam æternam in cælis,* [r] *per merita Ieſu Chriſti Saluatoris Noſtri,* [ſ] *& nobis dandam, ex gratia & promiſſione Dei, ſi tamen nos Diuinæ gratiæ cooperauerimus.* [t] *Speratis ne vitam æternam eo modo à Diuina miſericordia vobis dandam?*

[u] ℟. *Spero vitam æternam eo modo dandam.*

[x] *Denique ſperare debemus omnia temporalia nobis neceſſaria ad vitam hanc tranſigendam;* [y] *vt deinde vitam conſequamur æternam, à Diuina etiam Bonitate, quia ſic promiſit:* [z] *ſed præcipuè auxilia Diuinæ gratiæ per merita Chriſti, vt Diuinam legem cuſtodire poſſimus vſque ad finem vitæ, ſunt nobis à miſericordia Dei ſperanda.* [a] *Speratiſne*

tloũ cậy tha tội, bởi đức Chúa blời ꞗệy chang?

[p] Thưa ràng: Tội tloũ cậy như ꞗệy.

[q] Lại ta phải cậy đức Chúa blời nhin lành, cho chúng tôi hàng ſóũ ꞗệy tlên blời, [r] vì có coũ đức Chúa Ieſu đã kóu chúng tôi, [ſ] mà lại có mlời đức Chúa blời cho ta chịu ơn giúp ſức cho chúng tôi, nếu ta có dữ ſức mình ꞗói. [t] Có hàng ſóũ ꞗệy, bởi đức Chúa blời cho chúng tôi làm ꞗệy; Có tloũ cậy thể ấy chang?

[u] Thưa rằng: Tôi tloũ cậy háng ſóũ làm ꞗệy.

[x] Sau hết thì phải tloũ cậy mọi ſự thế nầy ta dữ khi hãy còn ſóũ, [y] cho thế ſau ta đến hàng ſóũ ꞗệy, bởi lão lành đức Chúa blời, vì khién cho ꞗệy: [z] nhít là tloũ cậy đức Chúa blời nhin lành, cho gratia, là ſức cho chúng tôi được giữ đạo thánh đức Chúa blời, cho đến blọn đời, vì có coũ đức Chúa Ieſu. [a] Có tloũ cậy bấy nhêu ſự

*hac omnia à Diuina miſericordia?*

[b] ℞. *Spero & confido eo modo.*

[c] *Quartus actus eſt amoris Dei ſuper omnia:* [d] *Quia ſcilicet Deus eſt infinitè perfectus,* [e] *& bonus, omnem bonitatem in ſe vno perfectiſſimè continens,* [f] *atque ideò omni amore digniſſimus.* [g] *Amatis ne Deum ſummè bonum, ſuper omnia amabilia?*

[h] ℞. *Amo Deum eo modo.*

[i] *Quia tamen verus amor non in verbis, ſed in operibus conſiſtit;* [k] *& ipſe Dominus Ieſus aſſerit; ſi quis diligit me mandata mea ſeruabit;* [l] *ideò probatio dilectionis, exhibitio eſt operis,* [m] *debemus ergo ſi Deum verè diligimus, firmum habere animum ſeruandi omnia mandata Dei cum eius gratia vſque ad finem vitæ.* [n] *Habetis*



nẩy bởi lòĕ lành đức Chúa blời chăng?

[b] Thưa ràng: Tôi tlouĕ cậy như ꞗậy.

[c] Việc thứ bốn, là lòĕ kính mến đức Chúa blời tlên hết mọi ſự, [d] vì chưng đức Chúa blời blọn vô cữ, và lành vô cữ, [e] tlaŏ một mình gồm hết ſự lành, rứt blọn: [f] vì ꞗậy đức Chúa blời đang chịu mọi lòĕ hết ſức kính mến đức Chúa blời. [g] Có kính mến đức Chúa blời rứt lành tlên hết mọi ſự lành chăng?

[h] Thưa ràng: Tôi kính mến đức Chúa blời như ꞗậy.

[i] Saŏ le vì mến thật chẳng phải là mlời nói, thật là việc làm mà chớ: [k] lại có mlời đức Chúa Jeſu phán ràng: ai mến tao, thì giữ mlời tao răn: [l] vì ꞗậy cho ra thật lòĕ mến thì phải có việc làm.

[m] Nhin vì ſự ấy, nếu ta kính mến đức Chúa blời cho thật, thì phải dọuc lòĕ giữ hết mlời răn, đức Chúa blời giúp ſức, cho đến chết. [n] Có dọuc lòĕ

*ne huiuſmodi animum?*

[o] ℟. *Habeo huiuſmodi animum.*

[p] *Quintus denique actus eſt dolor intimus de peccatis, & deteſtatio ſuper omnia deteſtabilia,* [q] *quia ſunt offenſa Dei ſuper omnia dilecti,* [r] *quem tot titulis ſuper omnia diligere debueramus,* [ſ] *à quo tot, & tanta beneficia ſine numero accepimus:* [t] *præcipuè quia ipſe Deus pro nobis homo factus, tam dira tulit in Cruce vſque ad mortem, propter peccata noſtra.* [u] *Igitur ex toto corde conteri & dolore debemus,* [x] *quia tam atrociter peccatis noſtris Diuinam læſimus bonitatem, quam colere debueramus.* [y] *hic iterum exhibenda eſt imago Ieſu Chriſti Saluatoris noſtri è Cruce pendentis;* [z] *vt vnuſquiſque intimum quem de peccatis ſuis dolorem concepit, intimis ſenſibus aperiat,* [a] *proferens quæcunque*



làm ꞗệy chang?

[o] Thưa ràng: Có dĕọuc làő ſàm ꞗệy.

[p] Việc thứ nam ſau hết là lo buẩn tlaő làő vì đã phạm tội, mà ghét nó, tlên hết mọi ſự phải ghét, [q] vì tội là lỗy nghĩa cữ đức Chúa blờі, ta kính mến tlên hết mọi ſự, [r] mà có nhều mlẽ ép ta kính mến làm ꞗệy, [ſ] như thể ta là kẻ đã chịu ơn nhều bởi đức Chúa blời kể chẳng xiết; [t] nhít là vì đức Chúa blời ra đời làm Con người, mà đã chịu nạn chừng ấy, tlên cây Crux, cho đến chết, vì tội chúng tôi. [u] Vì ꞗệy ta phải ăn năn ſầu não hết làő, [x] vì ta đã phạm lỗy gia giết cữ làő lành đức Chúa blời, thay vì phải thờ phượng đức Chúa cả. [y] đây thì phải lấy ra lại ảnh đức Chúa Ieſu chữa chúng tôi, đáo đanh tlên cây Crux, [z] mà ai nấy ăn năn tội tlaő làő thể nào, thì tỏ ra hết ſức, [a] mà có ſầu não ăn năn tlaő làő thể nào,

*ſugge-*

*ſuggeret mens, & affectus.*
b *Interrogandi poſtea ſunt omnes, an verè ita doleant ſuper omnia, quod Diuinam Bonitatem infinitam offenderint?*
c ℟. *Doleo illo modo.*
d *Sed quia vera pœnitentia, non ſolum præterita peccata plangit;* e *ſed etiam plangenda non reiterat:* f *ideò ſtatuere debemus, grauia quæuis, & aduerſa potius pati, etiam ipſam mortem,* g *quam amplius Diuinam Bonitatem infinitam offendere.* h *habetis ne firmum huiuſmodi animum?*
i ℟. *Habeo firmum huiuſmodi propoſitum.*
k *Dimittendi tunc ſunt omnes, vt priuatim vnuſquiſque ſua peccata plangat, ſaltem per vnam noctem,* l *veniamque ſuorum peccatorum à Diuinâ Bonitate humiliter petat,* m *per merita Paſſionis & mortis*

cũ nguyen bể ngoài như ꞗệy. b Sau thì phải hỏi hết, thật có lo buẫn ăn năn tlên hết mọi sự lo, vì đã lỗy nghĩa cũ đức Chúa blời lão lành vô cũ, thật có lo làm ꞗệy chăng?
c Thưa ràng: Tôi lo buẫn ăn năn như ꞗệy.
d Sao le vì ăn năn thật chẳng những là lo buẫn khaóc laóc vì tội đã phạm tlước, e mà lại chẳng có phạm nữa đều nên khaóc laóc thể ếy: f vì ꞗệy ta phải dĕọuc một lão, chịu đí gì đí gì khốn nạn, dầu đến chết, g mà chẳng chịu nữa lỗy nghĩa cũ đức Chúa blời lão lành vô cũ. h Có dĕọuc thật lão làm ꞗệy chăng?
i Thưa ràng: Tôi dĕọuc thật lão như ꞗệy.
k Đoạn mọi việc ếy, thì cho về hết, mà ai nếy thì khaóc laóc, ăn năn tội mình riêng, ít là một đem, l mà khiêm nhường cầu cũ đức Chúa blời nhân lành tha tội cho, m vì có coũ đức Chúa Iesu, đã chịu

*ſacra-*

*ſacratiſſimæ Saluatoris Noſtri Ieſu Chriſti;* [n] *& per Interceſſionem Beatiſſimæ Virginis Mariæ Dei Genitricis, & omnium Sanctorum,* [o] *ieiunantes, & orantes, vt ſequenti die paratiores,* [p] *ad ſacrum Baptiſmi lauacrum accedant, qui nullo detinentur impedimento;* [q] *ideſt qui iam idola omnia non ſolum à corde, ſed etiam domo abiecerunt, qui domus ſunt Domini.* [r] *Qui nullum proximis malum volunt, nec rixas in corde fouent,* [s] *ſed potius inimicis omnibus & pepercerunt, & ſatisfecerunt iniurijs iniuſtè illatis.* [t] *Qui vnam tantum vxorem habent, quæ verè ſit legitima vxor: vel ſi ſunt mulieres coniugatæ, an ſint veræ vxores, alioquin antè Baptiſmum petere debent libellum repudij.* [u] *Denique ſi non tenentur ære alieno, quod ſtatim*



nan, chịu chết, kớứ chúng tôi: [n] lại xin cả rức thánh đòu thân đức, Chúa bà Maria, là đức Mẹ đức Chúa bl'ời, và lại xin cử các thành cầu cho; [o] cử ăn chay, và nguyền, cho mai ſau đã dọn mình nên hơn, [p] mà chịu phép thánh rửa tội, là kẻ chẳng có đều gì trở việc thánh ấy: [q] vì đã bỏ hết bụt đi, chẳng lọ bởi lòng, mà lại kẻ làm chúa nhà, cử đã phá đi bởi nhà mình ꞗồi: [r] cử chẳng còn có ước ſự gì dữ cho ai, và chẳng còn có tlao lao gen giủy gì ai, [s] mà lại đã tha cho hết oan gia, và có làm ſự gì lỗy nghĩa cử ai, đã đền bàng, mà đã làm lành cử; [t] lại có một ꞗợ chính mà thôi: ví bàng là đàn bà có chồng, cho nên ꞗợ thật chồng ấy, nếu chẳng phải ꞗợ thật, thì phải xin chử để tlước, khi

chưa có chịu phép rửa tội. [u] Sau hết cử chẳng có mạc

perſol-

*perſoluere poſſint .* [x] *hæc enim quatuor hominum genera regulariter non ſunt ad Baptiſmum admittenda , donec impleant quæ pollicentur :* [y] *experientia enim me docuit in illis Ethnicorum terris, Cathecumenos ex Baptiſmi deſiderio multa polliceri,* [z] *quæ niſi ante Baptiſmum fiant , poſt Baptiſmum receptum , executioni minimè mandant ; præſertim quod ad concubinas ſpectat .* [a] *hæc ante Baptiſmum ordinariè docenda videntur , ad maiorem Dei gloriam .*



nơ gì ai, mà ꞗlả được bấy giờ . [x] Vì chưng bốn gióu nầy , buản chẳng khá cho chịu phép rửa tôi, cho đến khi đã làm rồi mlời ấy nói hứa : [y] vì chưng ta thấy, nước chưa có đạo ấy, kẻ đã nghe giảng, mà dẹon chịu đạo, có nói hứa nhều ſự, khi muấn chịu phép rửa tội , [z] ví báng chẳng làm khi chưa có chịu phép ấy, đến khi đã chịu rửa tội rồi, chẳng có làm việc ấy, nhít là kẻ mạc bọ mọn . [a] bấy nhều ſự nầy buản thì phải giảng cho người ta , khi chưa có chịu phép rửa tội, cho danh đức Chúa ꞗlời cả ſáng hơn .

FINIS.

Errata

# Errata corrige.

In principio ma, corrige mà. pag. 5. lin. 2. ſưc, cor. ſức: lin. 12. kiềm, kiém: ſoũ, ſóũ. l. 13. viẹ, viẹc. p. 6. 27. uó, nó. 10. 27. kỗn, khỗn: 28. khói, khới. 11. 29. bựt, bụt: 31. rang, ràng. 13. 19. từ, tự: 14. 18. lay, lạy: 21. éi, ẽy. 15. 4. cách, các. 25. 10. phat, phạt: 15. thành, thánh. 26. 15. chiu, chiụ. 27. 20. thit, thịt. 28. 12. ngót, ngọt. 29. 1. bơi, bới. 32. 20. blả, blá. 33. 14. cức, cực: 16. cức, cực. 34. 21. dẽam, dẽám. 35. 31. nhêu, nhều. 37. 5. bỏi, bởi: 17. lêy, lễy: 26. chứng, chưng. 38. 3. đẫu, đâu. 39. 11. mính, mình: 24. la, là. 40. 6. còn, còn: 20. chảnh, chảng: 23. đếu, đều: 26. ꞗêy, ꞗệy. 41. 20. vá, và. 42. 8. viec, viẹc. 43. 7. thính, tính: 24. rựt, rứt. 44. 6. nhữug, những. 45. 18. ꞗuẫn, bửân. 46. 6. ſinh, tính: 18. côn, còn: 19. ỉ, í. 47. 32. khôn, khỗn. 48. 33. ſư, ſự. 49. 5. nhêu, nhều. 50. 7. thừang, thứâng: 19. nhều, nhêu: 28. mênh, mệnh. 51. 3. thĩnh, tính: 7. lêy, lễy: 19. nời, nơi. 52. 30. đẫn, đầu. 55. 31. dẽom, dẽọn. 57. 8. ké, kễ. 10. lõi, lỗi. 60. 14. thín, tính: 33. thành, thánh. 61. 6. ké, kễ. 62. 16. idem 64. 2. ſực, ſức: 3. chiu, chiụ. 67. 20. gọì, gọi. 68. 2. bới, bởi. 71. 13. rau, rau. 72. 6. mlới, mlời. 73. 23. thành, thánh: 31. phếp, phép: 32. từ, tư. 74. 3. oủ, oũ: 27. blài, blái: 30. phu, phú. 75. 3. cháug, cháng: 7. thât, thạt: 8. phàm, phạm: 23. cũ, cữ. 24. idem. 76. 19. ban, bạn. 80. 25. ſự, ſư: 27. từ, tự. 82. 30. ngich, nghịch. 83. 26. đến, đên. 84. 32. đưc, đức. 85. 2. ơ, ở: 15. gường, gương. 86. 23. blà, blá. 88. 8. muân, muẫn. 89. 17. cây vá, ficus. 90. 9. ẫn, ẫn: 21. ngịch, nghịch. 92. 3. idem: 6. idem: 29. truyẹn, truyèn: 31. đẽ, dể. 95. 4. ngịch, nghịch: 9. đẫn, đàn. 98. 11. thẫng, thàng. 99. 8. thoi, thoi. 100. 31. đời, đợi. 101. 24. hôn, hỗn. 103. 1. còn, con. 104. 25. đẫng, đàng: 32. Như, Nhu. 105. 20. lệy, lễy. 106. 32. mếnh, mễnh. 111. 1. dạ, dại. 112. 13. ngôễn, nguôn. 113. 2. ninh, nhin. 114. 18. lam, làm. 116. 9. từ, tự. 119. 21. naó, naò. 122. 14. me, mẹ. 125. 23. dỗi, dới. 126. 11. tlai, tlái. 128. 12. hợn, hơn. 129. 1. hỗn, hỗn.

Sſ

hồn 130. 1. còn, con: 133. 7. rữa, rửa: 10. tlaố, tlạo. 134. 3. lai, lại. 138. 20. gưêng, gương: 29 anh, ảnh. 139. 24. đuc, đức: 32. nguền, nguôn. 140. 17. thội, tội. 141. 14. lŏện, lüân: 18. thẩnh, thần. 142. 20. lŏên, lüân. 143. 26. tôi, tội. 152. 10. dưt, đứt: 30. hŏa, hŏá. 153. 4. thân, thần: 25. dể, để. 155. 9. che, chể. 158. 10. hớ, hở: 25. thành, thánh. 159. 21. tlếy, tlẽy. 162. 7. đầu, đẫn. 193. 2. nhưâng, nhườ ng 171. 27. idem. 173. 1. khien, khién: 30. Simeao, Simeon. 175. 21. che, chê: 29. idem. 176. 4. hên, hèn: 7. hồn, hồn: 16. dết, đứt: 19. từ, ẽy, corrige từ ẽy. 177. 4. kip, kịp: 28. cữ, cũ. 178. 11. ẫn, ấn: mít, mịt. 179. 5. đên, dến. 182. 3. kể, kễ: 17. dờ, dĕỗ: 22. đem, đêm. 184. 16. hait hóű, hai thóű. 185 17. chửa, chữa. 186. 7. ơ, hở: 20 idem. 187. 7. idem: 8. khi, chi: 11. ơ, hớ: 17. lám, làm. 189. 26. idem. 190. 20. dĕờ, dĕỗ. 193. 6. blạt, blet. 195. 23. rỗi, tôi. 196. 7. đá, đã. 198. 13. là, lạ. 201. 30. ſư, ſự. 203. 7. bón, bỗn: 10. chửa, chữa. 208. 17. ꞗó, bó: 19. giüa, giửa. 211. 8. dĕam, dĕám: 32. bòű, bóű. 212 21. xế, xó. 216. 22. chữa, chữa. 221. 2. trở, trỡ. 222. 3. đánh, đanh: 18. chui, chüi. 223. 24. làm, lăm. 224 13. chang, chẳng: 17. thầy, thấy. 227. 3. chìa, chia. 228. 31. che, chê; 32. idem. 229. 18. là, lạ. 230. 21. lọ, lo: 23. che, chê ớ. 25. đưòi, đưới. 231. 9. đên, đến: 24. blải, blái. 232. 1. càm, cầm. 233. 10. đánh, đanh. 235. 15. che, chê: 24. côi, coi. 236. 8. lậ, lạ: 8. xòt, xót. 238. 12. chẳnh, chẳng. 239. 17. chứa, chửa: 29. lam, lằm. 240. 7. chết, chết. 241. 21. lía, lià. 242. 1. thi, thì: 5. chưa, chửa: 8. ngững, những: 12. blả, blá. 243. 3. ꞗói, ꞗôi: 29. thoi, thôi. 245. 2. nôi, nói: 23: 24. đoặn, đŏạn. 246. 22. đánh, ấn, đánh ấn: ꞗua, ꞗừa. 249. 1. đền, đên: 14. đen, đến. 251. 23 lợp, lớp. 255. 17. laố, làố: 28. ngoái, ngŏài. 256. 4. khì, khi: 11. va, vạ. 257. 31. quể, quẻ. 259. 1. truyền, truyẹn: 11. ngầy, ngày: 14. ꞗĕào, ꞗĕao: 28. giác, giạc. 260. 26. che, chể: 261. 22. rao, cao. 263. 13. thể, thể. 265. 7. hét, hết. 266. 12. phan, phán: 25. phàn, phán. 269. 5. nhìt, nhít. 271. 23. ngồi, ngồi. 274. 26. dia, địa. 292. 18. ta như, như ta. 297. 32. khác ſóű, các ſóű. 304. 10. là ố, làố. 316. 29. đáo, đáố. 317. 31. đem, đêm.

VA1 1314994

XXIIII
B
14

X